

điệp mỹ linh



trăng lạnh

3 VAN MO

Tập Truyện
Trăng Lạnh

Điệp Mỹ Linh



Mục Lục

tạ ơn mảnh đất này
With Love and Appreciation for America
Thăm mộ
Xuôi dòng tưởng nhớ
tạ lỗi với người thơ
chiều tưởng nhớ
Thầy Lân
quà cho cha
mảnh đời di dân
trăng lạnh
chút tình để lại
chiều trên sông Nile

America, the Beautiful

tạ ơn mảnh đất này

Vừa rời chiếc xe buýt của công ty du lịch Trafalgar, tôi chú ý ngay đến một nhóm đàn ông lớn tuổi, người Nga, ngồi bên trái lối đi, cạnh con kính đào. Mỗi ông mang một nhạc cụ nhà binh như *saxophone*, *trumpet*, *clarinet*, v. v. Không hiểu có phải vì nghe những tiếng thầm thì bằng Anh ngữ của du khách hay không mà bỗng nhiên ban nhạc đều đứng lên, cử hành Quốc Ca Hoa-Kỳ.

Nhóm du khách và tôi đều dừng bước, ngạc nhiên, vì đây là lãnh thổ của Nga. Du khách Mỹ để tay phải lên lồng ngực bên trái. Nhìn các nhạc công, tôi nghĩ, có lẽ họ là những người lính trẻ nhất của trận thế chiến thứ II. Tôi cảm thấy nao nao buồn. Những người lính già nua, yếu đuối đang cố kéo chút hơi tàn để tìm sự sống qua bản Quốc Ca của kẻ thù xưa, vì lương hưu của cựu chiến binh Nga rất thấp!

Bản nhạc dứt. Du khách vui vẻ lấy tiền cho vào cái xác nhỏ được đặt trước mặt các nhạc công. Các nhạc công ngồi xuống, đồng tấu tiếp bản *America, the Beautiful*. Tôi đứng lặng, lòng đầy xúc động.

Niềm xúc động trong tôi lần này cũng dạt dào như năm 1977, khi đưa con gái lớn của tôi, Xuân-Nguyệt, lúc đó là học sinh lớp 8, được trao tặng giải nhất toàn tiểu bang Arizona về bài luận văn "*What Makes America Beautiful?*"

Gia đình tôi được giúp phương tiện để đưa Xuân-Nguyệt từ Yuma đến Phoenix nhận phần thưởng trong một buổi lễ vô cùng long trọng. Đó là lần đầu tiên tôi nghe bản *America, the Beautiful* được cả hội trường đồng ca. Tự dưng tôi khóc. Nhưng

rồi âm điệu và lời ca của bản nhạc khiến lòng tôi lắng xuống. Tôi trầm tĩnh lại để nhận những vòng tay thân ái và những lời chúc mừng của những người Mỹ quanh tôi. Theo những lời chúc mừng của những người chưa quen này, tôi hiểu những người này nghĩ rằng tôi xúc động vì thành quả của con gái tôi. Điều đó chỉ đúng một phần; vì, ngoài sự hãnh diện của một người Mẹ, những giọt nước mắt của tôi còn mang nặng niềm âu lo và sự lạc lõng trước một tương lai đầy thử thách mà tôi không hiểu tôi có thể vượt qua được hay không!

Hơn 26 năm qua, với tất cả hy sinh và nỗ lực, gia đình tôi đã vượt được nhiều trở ngại. Những người con, dâu và rể của tôi hiện đang đem tất cả khả năng và kiến thức đã học hỏi, đã hấp thụ tại đất nước này để góp công xây dựng một nơi mà ai cũng hơn một lần ước mơ được nhìn tận mắt sự văn minh và phồn thịnh.

Riêng tôi, ngoài sự văn minh và phồn thịnh, nước Mỹ còn có những công dân với trái tim rất vĩ đại.

Chỉ có những trái tim vĩ đại mới có thể thực hiện những chuyến máy bay đầy thực phẩm, thuốc men cùng những phái đoàn y tế tình nguyện sang Phi-Châu cứu đói. Chỉ có những trái tim vĩ đại mới sáng tác và hát say sưa nhạc bản *We Are The World* để quyên góp hiện kim gửi sang Phi-Châu cứu đói. Chỉ có những trái tim vĩ đại mới đưa nhiều phái đoàn y dược sỹ, dụng cụ y tế sang Nga cứu giúp khi lò nguyên tử của Nga, tại Chernobyl, bùng nổ. Chỉ có những trái tim vĩ đại mới có thể thực hiện những chuyến bay khẩn cấp để di chuyển hàng mấy trăm em bé mồ côi ra khỏi Việt-Nam vào cuối tháng Tư năm 1975. Chỉ có những trái tim vĩ đại mới cứu giúp hết đợt di dân này đến đợt di dân khác. Trong số triệu triệu di dân đó có gia đình tôi. Gia đình xin tôi biết ơn:

*-Cựu Thiếu Tá Thủy Quân Lục Chiến và bà Michael Z. Smith, người đã bảo trợ chúng tôi từ Camp Pendleton. Ông bà Smith có ba người con: Michael, hiện là Đại-Úy Không Quân

Hoa-Kỳ và cô con gái nuôi, người Nhật, Kristin cùng với bé Heather. Hiện nay ông Smith là một mục sư ở California.

*- Ông bà Collins. Ông Collins từng tham chiến tại Việt-Nam. Ông được một gia đình Việt-Nam che chở trong khi Việt-Cộng ruồng bắt. Ông Collins bảo vì Ông mang ơn người Việt cho nên Ông thương và muốn giúp đỡ người Việt với tất cả nhiệt tình. May mắn cho chúng tôi, vì chúng tôi là gia đình Việt-Nam duy nhất tại thành phố Yuma.

*- Ông bà Collard, người đã thật lòng thương yêu gia đình tôi như ruột thịt. Ông bà thường vui vẻ và hãnh diện giới thiệu với mọi người rằng chúng tôi là con và cháu của ông bà.

Tôi không hề biết ông Collard là một cựu chiến binh thế chiến thứ II; vì không bao giờ Ông nhắc nhở hoặc đề cập đến cuộc chiến khốc liệt đó. Đến khi Ông Collard qua đời, người bạn đồng ngũ của Ông đọc điều văn, tôi mới biết ông Collard có mặt trong trận Trân-Châu-Cảng. Chính ông Collard đã cứu giúp nhiều người, kể cả người đang đọc điều văn, rời khỏi chiến hạm... và Ông là người sau cùng.

Sự hiểu biết của tôi về quân nhân Hoa-Kỳ trong trận Trân-Châu-Cảng hoặc Normandy chỉ căn cứ theo sách vở và phim ảnh cho nên rất mơ hồ, rất hạn hẹp. Nhưng sự hiểu biết của tôi về sự hy sinh và lòng quả cảm của người lính Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt-Nam thì khá tường tận - tường tận hơn cả những cuốn sách viết về chiến tranh Việt-Nam mà tác giả chưa bao giờ có mặt tại chiến trường Việt-Nam. Do đó, tôi nhận thấy, dù cuộc chiến kết thúc một cách tức tưởi, thiếu công bằng, nhưng cũng phải chấm dứt; vì máu của người Việt - cả hai miền Nam Bắc - và máu của người Mỹ đã chan hòa trong từng thước đất nơi quê hương nghèo khó của tôi.

Sau khi miền Nam bị bức tử, hạm đội Hải-Quân Việt-Nam Cộng-Hòa đã di tản cả trăm ngàn người Việt thoát khỏi hiểm họa Cộng-sản. Nhưng nếu không có sự hiện diện của Đệ-Thất Hạm-Đội Hoa-Kỳ tại Thái-Bình-Dương cũng như không có sự

giúp đỡ vô điều kiện của nhân dân Hoa-Kỳ thì số người tỵ nạn không lồ của chúng tôi sẽ về đâu?

Nương vào lòng nhân ái của người Mỹ, chúng tôi vào Mỹ với thái độ biết ơn và lòng tự tin để vươn lên.

Người Việt, qua bao thử thách cam go, đã vươn lên, đã góp công xây đắp và bảo vệ đất nước này.

Khi cuộc chiến Trung-Đông bùng nổ, năm 1992, tôi đã đau buồn và lo sợ khi đưa tiễn một độc giả trẻ và thân thiết nhất của tôi, Hải-Quân Đại-Úy Hoàng-Quốc-Tuấn, tòng sự trên hàng không mẫu hạm USS Independence, ra khơi, tiến về vùng lửa đạn của Persian Gulf. Trong lá thư gửi về từ vùng Vịnh, Tuấn viết: “... *Người lính Hoa-Kỳ được huấn luyện để bảo vệ Hòa-Bình chứ không phải để gây chiến ...*” Theo tinh thần cao cả đó, biết bao thanh niên nam nữ Vietnamese-American đã tốt nghiệp hoặc đang thụ huấn tại các quân trường lừng danh của Hoa-Kỳ như West Point Academy, Naval Academy, Air Force Academy, v. v...

Ngoài những tham gia đáng kể về quân sự, giới trẻ Việt-Nam cũng đã và đang xây đắp đất nước này trong tất cả mọi lãnh vực như truyền thông, giáo dục, y tế, khoa học, khoa học không gian, v. v.

Giới trẻ Việt-Nam có những đóng góp lớn lao như vậy thì những nỗ lực của thế hệ di dân Việt-Nam đầu tiên cũng không nhỏ. Thử nhìn bản đồ của các thành phố lớn như Los Angeles, San José, Houston, v. v... thì sẽ thấy: Từ những vùng đất hoang tàn cách nay 20 năm, bây giờ đã trở thành những vùng thương mại sầm uất do người Việt khai thác. Và trong các hăng, xưởng, văn phòng, biết bao nhiêu người mang họ Nguyễn, Lê, Trần ...

Khi những đóng góp của người Việt vào đất nước này mỗi ngày mỗi thăng tiến thì bỗng dưng sự phá hoại từ đâu ùa đến, phủ chụp xuống ngay lòng đất nước mà gia đình tôi đã âm thầm nhận là quê hương thứ hai.

Tin Nữ-Uớc và Hoa-Thịnh-Đồn bị máy bay tấn công đến với tôi trong lúc tôi cùng nhóm du khách dùng cơm trưa sau những giờ thăm viếng thành phố Minks. Tôi ngồi bất động, lòng đầy phần uất. Nếu bảo rằng tôi không lo sợ thì không hẳn đúng; nhưng niềm lo sợ trong tôi bây giờ khác hẳn với sự hãi sợ của đứa bé gái, giữa thập niên 40, theo Cha Mẹ tản cư và thấy những chiếc máy bay mang cờ tam tài (cờ Pháp) bắn phá những làng mạc xác xơ. Những chiếc máy bay đó bắn vào tất cả những vật thể nào di động; vì vậy nông dân không giám ra đồng, súc vật bị giết hại, sinh sản không kịp và con người thì đói và thiếu thốn mọi bề.

Hơn hai mươi năm sống yên lành tại miền Nam nước Việt và hơn hai mươi năm sống thanh bình trên đất Mỹ, tôi cứ ngỡ rằng bom đạn đã xa tôi, không còn cơ hội làm tôi sợ hãi nữa. Nhưng không! Trên màn ảnh TV, một tòa nhà của The World Trade Center bốc khói và một chiếc máy bay lao thẳng vào tòa nhà thứ hai. Cả hai tòa nhà lần lượt sụp xuống trong khi niềm phần uất trong tôi dâng cao như những cuộn khói đen ngòm thoát ra từ The Twin Towers. Tình cảm trong tôi chẳng khác gì nỗi đau xót của tôi cách nay hơn một phần tư thế kỷ, khi Việt-Cộng pháo kích ồ ạt vào Saigon.

Là một phụ nữ được giáo dục chỉ để nuôi con và phục tòng chồng, ngày đó, trước thảm trạng của quê hương Việt-Nam, tôi chỉ biết viết những dòng ca ngợi tinh thần chiến đấu can cường của Người Lính Việt-Nam Cộng-Hòa và tôn vinh lòng hy sinh vô bờ của những người Mẹ, người vợ và người con.

Bây giờ, trước sự đổ nát và thiệt hại nhân mạng một cách phi lý và tàn bạo tại Nữ-Uớc và Hoa-Thịnh-Đồn, tâm hồn tôi bị chấn động mạnh và tôi muốn viết ra những ý nghĩ thầm kín của tôi về một nơi chốn mà gia đình tôi âm thầm thọ ơn. Ý nghĩ này làm cho cuộc du lịch giảm thiểu nhiều phần thích thú. Cuộc du lịch này chỉ vì sự tò mò của tôi, muốn tìm hiểu về một nước Nga rộng lớn.

Nước Nga rộng lớn nhưng mỗi người Nga không đàn hồi cho nên người Nga không biết cười. Thức ăn của người Nga thường là những miếng thịt dai dừ, mà không ai đoán được và cũng không ghi trong thực đơn là thịt gì, được tẩm trứng hoặc bột rồi chiên, không mùi vị, ăn đệm với khoai tây. Lâu lắm, may ra mới có một bữa thịt gà. Thức ăn của Mỹ như các loại kẹo, *ice cream* và sản phẩm của hãng Coca Cola được bày bán khắp nơi. Tôi cũng thấy vài nhà hàng McDonald's và Pizza Hut. Sản phẩm tiểu công nghệ của Nga như thủy tinh và đồ gỗ thì tuyệt đẹp, vì được làm bằng tay. Hệ thống Metro của Nga tại Moscow rất tối tân, dù đã được hoàn tất cách nay nửa thế kỷ. Cứ 30 giây, (vâng, 30 giây) thì một chuyến tốc hành đến và một chuyến đi ngược lộ trình với chiếc kia. Trong sinh hoạt hằng ngày, người Nga không ăn mặc giản dị, xềnh xoàng như người Mỹ. Những buổi trình diễn *ballet*, *skate on ice* làm tôi say mê bao nhiêu thì những màn vũ dân tộc và những bản dân ca cũng khiến hồn tôi giao động bấy nhiêu. Âm hưởng dân ca của Nga mang nặng niềm thống thiết của dân du mục.

Dân Nga rất kiêu hãnh về Red Square, vì đó là biểu tượng của thủ đô. Khi thấy trong hình và phim ảnh, tôi cũng nghĩ Red Square rất vĩ đại. Nhưng sau khi thấy tận mắt, tôi nghĩ, không phải vì định kiến chính trị, Red Square không là gì cả, vì thiếu sự hài hòa giữa thiên nhiên và nhân tạo. Khu vực Red Square được lát bằng gạch, trên triền đồi thoải thoải, diện tích khoảng một phần ba của công trường Thiên-An-Môn. Phần cao nhất của Red Square là tòa nhà của chính phủ và mộ của Lenin. Chân đồi bên này là ngôi nhà thờ với những chóp cao hình tròn, chạm trổ và sơn phết rất rực rỡ. Chân đồi bên kia chỉ là một lối đi rộng lớn. Lối đi này, vào những dịp diễn hành để phô trương lực lượng, được Hồng Quân Nga cũng như thiết giáp và các cơ giới nặng dùng làm lối ra. Bây giờ, trên lối ra này, người ta xây một ngôi nhà trên cao, phía dưới để trống vừa đủ cho bộ hành và xe hơi nhỏ ra vào. Lối vào Red Square, phía nhà thờ, cũng

được chặn lại bằng nhiều dây trụ xi-măng, với mục đích không cho thiết giáp và cơ giới nặng vào điện Cẩm-Linh.

Trước điện Cẩm-Linh, ban đêm, trong khi những cặp tình nhân thủ thi bên nhau những lời mặn nồng thì những người Nga lớn tuổi lại chậm bước, lòng hướng về một thủ đô đã đổi tên: St. Petersburg.

St. Petersburg là một thành phố mang nặng di tích lịch sử của Nga-Hoàng. St. Petersburg không chinh phục được cảm tình của tôi nếu không có ngôi nhà thờ cổ còn hằn vết đạn của thời Hitler xâm lược và những bức tranh đầy sinh động của Ivan Aivazovsky, Wassily Kandinsky, Pavel Filonov, v. v... Những dòng sông ở St. Petersburg đã để lại trong hồn tôi rất nhiều lưu luyến. Những dòng sông im lìm, nhẵn nhục, chỉ biết len lỏi trong từng ngõ ngách của thành phố trước sự kiêu căng thách đố âm thầm nhưng lộ bạch của từng dãy lâu đài nguy nga. Lúc xuôi theo giòng Neva, trong khi mọi người lưu ý đến mấy chiếc cầu dựng đứng, vào những giờ nhất định, để tàu thủy có thể đi qua, thì tôi chỉ nghĩ đến những gì tôi đã thấy trên đoạn đường sau khi vào biên giới Nga.

Trên đoạn đường loang lổ đó tôi đã thấy những xóm nhà lụp xụp. Thỉnh thoảng tôi mới thấy một chiếc xe hơi cũ thật cũ đậu dưới tàng cây, không biết xe còn sử dụng được hay không. Nơi khoảng sân hẹp, mỗi nhà thường cất một cái chòi nhỏ, mái và chung quanh được bọc ny-lông, để trồng hoa màu. Tôi cũng thấy người dân quê canh tác bằng tay chứ không bằng máy.

Những hình ảnh nghèo khó này cứ theo tôi mãi. Nhưng khi đến Minsk, mọi hình ảnh đều bị đẩy lùi về quá khứ, chỉ còn trong tôi nỗi xót xa của một người vừa biết nơi mình nương náu hơn hai mươi năm qua đang bị xâm phạm nặng nề! Từ Minsk đến Riga, tôi thấy các thành phố đều treo cờ rũ và mọi người dân địa phương có vẻ sốt ruột, dán mắt vào TV hoặc ngóng tin tức từng giờ. Điều làm cho tôi xúc động nhất là hôm 14-09, lúc 12 giờ trưa, tại khách sạn Scandic thuộc thành phố Helsinki của

nước Finland, ban giám đốc đã yêu cầu mọi người đứng nghiêm, dành năm phút mặc niệm để tưởng nhớ những nạn nhân của khủng bố tại Hoa-Kỳ.

Trong khi đứng nghiêm tôi vẫn bị những lời tường trình của xướng ngôn viên đài truyền hình CNN, từ chiếc TV lớn treo nơi góc phòng khánh tiết, chi phối. Tôi đau đớn, xôn xang trong lòng như ngày xưa, năm 1968, hay tin Việt-Cộng tấn công và cưỡng chiếm thành phố Huế, quê Ngoại của tôi.

Sau khi Huế được quân lực Việt-Mỹ giải tỏa, tôi nôn nóng muốn trở về để nhìn sự tan thương và đổ nát của quê Ngoại. Bây giờ, tại phi trường Helsinki đợi máy bay để sang Frankfurt, tôi cũng nôn nóng muốn trở về một nơi mà tôi gọi là nhà – *Home*. Nhưng bà nhân viên hãng hàng không Lufthansa, sau khi nhìn vé máy bay và thấy rõ ràng tôi không phải là một người da trắng, tóc màu, đã khẳng định:

- Bà có vé. Tôi sẽ ghi tên bà vào danh sách, nhưng sẽ không có chỗ cho bà. Bà phải chờ, vì đây là chuyến phản lực 747 đầu tiên từ Đức vào lục địa Hoa-Kỳ.

- Vé của tôi mua từ lâu, tại sao bây giờ tôi phải chờ? Và chờ đến bao giờ?

- Rất tiếc, tôi không biết bà phải chờ đến bao giờ. Khi nào có chỗ chúng tôi sẽ thông báo cho bà. Hiện tại, chúng tôi có rất nhiều hành khách ứ đọng từ mấy ngày qua. Và chuyến bay này, từ Helsinki đến Frankfurt để về Nữ-Ước, chỉ dành ưu tiên ...

Không đủ kiên nhẫn chờ bà ấy nói hết câu, tôi cắt ngang:

- Tại sao tôi mới rời nhà chỉ có hai tuần mà nay tôi không thể trở về, hả?

Bà ấy ngạc nhiên, nhìn tôi, gằn giọng:

- Nhà?

Tôi đáp với giọng nghèn nghẹn như sắp khóc:

- Vâng. Nhà của tôi.

- Cho tôi xem thẻ thông hành.

Chỉ nhìn thoáng qua Passport, bà ấy thay đổi thái độ ngay:

- Vàng. Bà là công dân Mỹ. Bà ưu tiên đi chuyến bay này.

Tôi cúi xuống xách hành lý, lòng âm thầm tạ ơn nước Mỹ, nơi đã cho tôi hiểu thế nào là giá trị thực tiễn của tự do, dân chủ và công bằng. Và trên tất cả mọi điều, nước Mỹ đã cho tôi cơ hội thể hiện tinh thần tự lập của một phụ nữ./.

**WITH LOVE
AND APPRECIATION
FOR AMERICA**

Translation by Merle L. Pribbenow

(While vacationing in Russia, Diệp-Mỹ-Linh, a member of Ngay Nay's editorial staff, watched the television in horror as the terrorist attack on America unfolded and hijacked commercial aircraft crashed into the World Trade Center towers in New York and the Pentagon in Washington, D.C. This short article was written at the airport in Frankfurt, Germany, while the author was waiting for a connecting flight home to the United States.)

As I stepped out of the Trafalgar Tour Company's bus, I immediately noticed a group of old Russian men sitting on the left side of the entranceway, next to a small canal. Each man was carrying a military musical instrument – saxophone, trumpet, clarinet, etc. I didn't know whether or not they had heard the tourists speaking in English, but suddenly this little band stood up and began playing the American national anthem.

The entire tour group stopped in surprise, because we were in Russia. The American tourists among us placed our right hands over our hearts. Looking at the band as they played, I thought to myself that they might have been very young soldiers who fought in the Second World War. I was touched with sadness as I watched these old, weak soldiers trying to use their failing breath to make a living by playing the national anthem of their former enemy, because a Russian veteran's pension is very small.

The music ended. The tourists smilingly dropped money into a small bag placed in front of the musicians. The musicians sat down and began playing "*America, the Beautiful*." I stood still, extremely moved.

The emotions I was feeling were similar to those that I felt in 1977, when my oldest daughter, Xuan-Nguyet, then in the 8th Grade, won first prize in the entire state of Arizona for her essay, entitled "*What Makes America Beautiful?*" My family was assisted with transportation to take Xuan Nguyet from Yuma to Phoenix to receive the award in a wonderful and solemn ceremony. That was the first time I heard the song "*America, the Beautiful*" as the entire audience joined in singing. I suddenly realized that I was crying. But then the rhythm and the words of the song calmed my emotions. I regained my composure as I accepted hugs and congratulations from the Americans standing near me. From the

congratulations spoken by these people whom I had never met before, I realized that they thought I was crying tears of joy for my daughter's success. That was true only in part, because, in addition to a mother's pride, my tears also reflected my worry and homesickness as I faced future challenges that I did not know if I could overcome.

After more than 26 years and after great sacrifices and efforts, my family has overcome many difficulties. My children and their spouses are now devoting the abilities and the knowledge they have gained in this nation to contribute to building a prosperous, educated, and cultured land. As for myself, in addition to culture and prosperity, I see that the American people had truly enormous hearts. Only such good, great hearts would have sent planeloads of medicine and volunteer medical personnel to save the starving people of Africa. Only such great hearts would have written and sung a song like "*We Are the World*" to raise money to send to Africa to stop starvation. Only great hearts would have sent doctors, pharmacists, and medical supplies to Russia to help when the Russian reactor at Chernobyl exploded. Only great hearts would have sent emergency flights to evacuate orphans from Vietnam in April 1975. Only great hearts would have helped wave after wave of refugees coming to this country. Among those millions of refugees were the members of my family. My family is truly grateful to:

*-Retired Marine Corps Major Michael Z. Smith and his wife, who sponsored us out of the Camp Pendelton refugee camp. Mr. and Mrs. Smith have three children: Michael, currently a captain in the U.S. Air Force; Kristin, whom they adopted from Japan; and the youngest girl, Heather. Mr. Smith is currently a pastor in California.

*-Mr. and Mrs. Collins: Mr. Collins was a Vietnam veteran. A Vietnamese family hid and supported him when the were

hunting for him. Mr. Collins told us he owed a debt to the Vietnamese people, so he loved them and wanted to help them with all his heart. This was fortunate for us, because we were the only Vietnamese family in the city of Yuma.

*-Mr. and Mrs. Collard, who loved my family like their own. They always happily and proudly introduced us to everyone as their own children and grandchildren. I was not aware that Mr. Collard had been a veteran of World War II, because he never once mentioned that terrible war. Only when Mr. Collard died and a shipmate of his gave the eulogy at his funeral did I learn that he had been at Pearl Harbor during the Japanese attack. Mr. Collard had saved many lives, including that of the man who gave the eulogy, and had been the last man to leave his ship.

My knowledge about U.S. servicemen at Pearl Harbor, Normandy, and other such battles is very limited, because it is based only on books and movies. However, my knowledge of the sacrifices and courage of U.S. soldiers during the Vietnam is rather vast – much better than that of authors who never saw the war in Vietnam. I believe that, even though the war ended precipitously and unfairly, it had to come to an end, because so much Vietnamese blood, from both North and South Vietnam, and American blood had been shed that it permeated every inch of the ground of my poverty-stricken country.

After South Vietnam expired, the South Vietnamese Navy evacuated more than 100,000 Vietnamese, rescuing them from the horrors of communism. If, however, it had not been for the presence of the U.S. 7th Fleet in the Pacific, and if we had not received the unconditional support and assistance of the American people, where would this massive flood of refugees have gone? Thanks to the humanity of the American people, we entered the United States with a spirit of gratitude and confidence that we could recover and rebuild our lives. After

untold difficulties and challenges, the Vietnamese have recovered and have contributed to the building and the defense of this nation.

When the Gulf War broke out, I was worried and frightened when I said goodbye to one of my youngest and most beloved readers, Navy Lieutenant Hoang-Quoc-Tuan, who was serving aboard the aircraft carrier *U.S.S. Independence* and sailing off to the battlefield in the Persian Gulf. In a letter he sent me from the Gulf, Tuan wrote, “...*American servicemen are trained to defend the United States, not to start wars.*” Countless Vietnamese-American young men and women who shared that wonderful spirit have graduated or are now studying at famous U.S. military academies, like West Point, the Naval Academy, the Air Force Academy, etc.

In addition to their significant participation in military service, Vietnamese young people have contributed and continue to build this nation in every area and facet of society, including the media, education, medicine, science, space science, etc.

While Vietnamese young people have made such enormous contributions, the efforts of the first generation of refugees are no less significant. If one looks at large cities such as Los Angeles, San Jose, Houston, etc., one will notice that areas that twenty years ago were open land are now bustling business areas owned and operated by Vietnamese, and if one looks at the rosters of employees of companies, factories, and offices throughout the country, one will see countless people with last names of Nguyen, Le, and Tran.

As contributions to this country by Vietnamese continue to grow, suddenly sabotage and terror struck right in the heart of the nation that my family had now taken as our second homeland. The news about the attacks on New York and Washington using hijacked airliners arrived as I was eating

lunch with a group of tourists after hours of sightseeing. I sat motionless; my heart filled with rage. Not that I was not afraid, but the fear and worry I felt was completely different than the terror of a young girl who had to flee home with her parents as they saw strange aircrafts with tricolor markings [French aircrafts] bombing and strafing their poor village. The aircrafts attacked anything that moved, so the people were afraid to go out to work on the fields. The livestock were slaughtered, leaving the people to starve and to lack even the most basic necessities of life.

After living for twenty-five quiet years in South Vietnam and more than twenty years of peace in America, I thought I had nothing to fear from bombs and shells anymore. But no! On the TV screen, one tower of the World Trade Center belched smoke as another airplane flew straight into the second tower. Both towers collapsed, and the anger in me grew apace with the black columns of smoke rising from the wreckage of the Twin Towers. The pain I felt was exactly the same as what I felt a quarter of a century before, when the Việt-Cộng shelled Saigon. As a woman whose education had been aimed solely at raising children and serving my husband, all I could do after I viewed the tragedy that faced my native land of Vietnam was to write – write to praise the courage of the soldiers of the Republic of Vietnam and to honor the indescribable sacrifice of their mothers, their wives, and their children, because whenever a soldier fell the hearts and the lives of those close to him were crushed as well.

Now, as I saw the senseless and brutal carnage and loss of life in New York and Washington D.C., my soul was touched and I wanted to write out my private thoughts about the place that had given us a home and to which my family is still so grateful. Those thoughts took away most of my enjoyment of

the tour, which I had only taken out of curiosity and the desire to understand the vast country of Russia.

Russia is a vast nation, but Russian lips are tight and they do not know how to smile and laugh. Russian food usually consists of tough, tasteless pieces of meat of unknown origin (even the menu does not say what kind of meat it is) that is fried with eggs or flour and eaten with potatoes. Every once in a while they will serve chicken. American foods, such as candy, ice cream, and different soft drinks made by the Coca Cola Company, are sold everywhere. I saw a few McDonald's and Pizza Hut restaurants. Russian handicrafts, such as glassware and wood products, are extremely beautiful, because they are all hand-made. The Russian "Metro" subway system is very modern, even though it was built a half century ago. Every 30 seconds (and I emphasize that this is seconds, not minutes), a high-speed train arrives and another passes going the other direction. In their daily activities and work Russians, unlike Americans, do not dress in casual attire. While I was enthralled with the ballet and the ice skating performance, the Russian folk dances and folksongs touched my soul. The music of Russian folk songs reflects the sad, mournful fate of the nomadic peoples of the steppes.

Russians are very proud of Red Square, because it is the symbol of the capital. When I saw the square in photographs and in movies, I thought it must be magnificent, but after seeing it with my own eyes, I decided, and not because of any political prejudice, that Red Square was not as grand, because it failed to blend the natural and the man-made together. Red Square is paved in red bricks and is located on a gently sloping hill. The entire square covers an area only about one third the size of Tienanmen Square in Beijing. The highest points in this area are the government house and Lenin's tomb. A cathedral with gaudily painted onion-shaped towers lies at one side of the base

of the hill. The other side is just a large roadway. During parades to display its military might, Russia's Red Army troops, tanks, and vehicles used this roadway as an exit. Now a high building has been erected there with an open roadway through the ground level to allow pedestrians and small cars to pass through. At the entrance to the other end of Red Square, the cathedral side, many cement barriers have been erected to prevent tanks and heavy vehicles from entering the Kremlin. At night in front of the Kremlin, while young lovers whisper sweet nothings in each other's ears, older Russians walk with halting steps, their thoughts turned toward a capital whose name has been changed to St Petersburg.

St. Petersburg is a city steeped in the history of the Russian Czars. St. Petersburg did not win my heart with its old cathedral, still bearing the scars of the bombs and shells of the Hitler era, or with its colorful paintings by Ivan Aivazovsky, Wassily Kandinsky, and Pavel Filonov, but I formed a deep affection for the rivers of St. Petersburg. The quiet, peaceful waters that stretch through every part of the city are challenged at every turn by proud, quiet, and strangely magnificent palaces. Sailing down the Neva River, while everyone else was watching the drawbridges being raised to let ships pass through, I could only think about the things I had seen along the road after crossing the Russian border.

Along a stretch of rough road I had seen small clusters made up of rundown huts and shacks. Once in a while an ancient automobile could be seen parked under a tree, but I could not tell if the car was still usable or just a piece of junk. In the narrow yards, each house had put up a small shed, with a roof and walls covered with plastic sheets, to grow vegetables. I saw that the rural people farmed by hand rather than using machinery.

These scenes of poverty stayed in my mind constantly, but when we got to Minsk, all these images were thrust into the past, and all I felt was the inner pain of someone who had just learned that the place where she had lived for more than twenty years had just suffered a serious attack! From Minsk to Riga, I noticed that all the flags in the cities were flying at half-mast, and all the local people appeared to be worried, constantly watching their televisions or anxiously waiting for the hourly news.

The event that moved me the most deeply happened at noon on September 14 at the Scandic Hotel in Helsinki, Finland, when the hotel management asked everyone to stand still for five minutes of silence to commemorate the tragedy. While I stood there in silence, the reports by the CNN commentator from the television on the wall of the conference hall filled my thoughts. I felt the same pain in my heart that I felt in 1968, when I learned that the Việt-Cộng had attacked and captured the city of Hue, the home of my maternal grandparents.

After American and South Vietnamese forces regained control of Hue, I was anxious to return to see the destruction that had touched the home of my relatives. Now, at the Helsinki airport as I waited for a flight to Frankfurt, I was also anxious to return to a place I now called home.

After looking at my ticket and seeing that I was not a Caucasian, the Lufthansa employee told me,

“You have a ticket. I will put your name on the list, but you will not get a seat. You will have to wait, because this is the first 747 flight from Germany to the United States.”

“I bought my ticket a long time ago. Why do I have to wait? And how long will I have to wait?”

“I am very sorry, but I do not know how long you will have to wait. Whenever we have a seat, we will notify you. Right now we have a huge backup of passengers because there have been

no flights for several days. And this flight, from Helsinki to Frankfurt and on to New York, is reserved only for..."

Too impatient to let her finish the sentence, I interrupted,
"I left home just two weeks ago. Can you tell me why I can't return now?"

The woman looked at me in surprise.

"*Home?*" she asked.

I replied, my voice shaking as if I was about to cry,

"Yes, it's my home."

"*Let me see your passport.*"

After glancing at my passport, her entire demeanor changed.

"*Yes, you are an American citizen. You will receive priority boarding on this flight.*"

I bent down to pick up my luggage, silently saying a prayer of gratitude to the United States, the place that had taught me the true value of freedom, democracy, and justice, and where, in every respect, America had given me the opportunity to demonstrate my independence as a woman./.

thăm mộ

Chuyến xe lửa chạy đến đâu ông Dư cũng không biết, vì toa xe bị che bí bùng và tù nhân bị nén vào nhau như một hộp *Sardine*. Những người tù trẻ đứng bên ngoài cố dán mắt vào những khe hở để phỏng đoán xem xe đang chạy qua tỉnh nào rồi reo lên cho bạn tù trong toa cùng nghe.

Ông Dư ngồi trong góc toa xe. Bất chợt những người tù đứng vòng ngoài reo lên: "*Nhatrang. Nhatrang. Minh đang đi ngang Nhatrang.*" Ông Dư vội ghì chặt bao ny-lông đựng quần áo vào người, lính quynh muốn đứng lên để nhìn lại quê hương; nhưng sự dồn nén của nhiều người khiến Ông không đứng lên được. Lòng Ông quặn đau theo tiếng bánh sắt nghiền trên đường rầy. Ông Dư biết thế nào xe cũng sẽ chạy ngang nghĩa trang Phật-Giáo. Phần mộ Ba Mẹ của Ông được chôn tại đó từ bao đời. Sau năm 1975, tất cả mộ trong nghĩa trang phải bị đào lên, dời đi, nếu không, sẽ bị san bằng, để "nhà nước" nói rộng quốc lộ. Bỗng dưng ông Dư nghĩ "cách mạng" kết tội Ông đúng

quá. Quả thật Ông có tội! Ông Dur có tội vì không gìn giữ được quê Cha và không bảo vệ được vợ con của Ông! Ý nghĩ mỉa mai cay đắng này cứ bám víu, ray rức lòng Ông suốt mười năm tù ngoài Bắc-Việt.

Sau khi ra tù, trên chuyến xe lửa trở về Nam, ông Dur được thong dong ngắm nhìn cảnh vật dọc hai bên đường. Khi xe vừa qua khỏi hầm Đèo Cả ông Dur cảm thấy lòng rộn ràng, xao xuyến rất lạ lùng.

Xe qua khỏi đèo Rù-Rì khi mặt trời vừa ửng ửng hồng cuối vùng biển xa. Gió lành lạnh, thơm thơm mùi rong, mặn mặn mùi biển. Ông Dur chồm người lên thành cửa sổ. Trong tầm mắt Ông, hòn Miếu vẫn im lìm soi mình trong vùng biển lặng. Khoảng không gian từ Xóm-Bóng đến Cầu-Đá trông êm đềm và tươi thắm biết bao nhiêu, nhưng sao ông Dur lại cảm thấy héo hon và tê tái trong lòng!

Vì muốn xua đuổi nỗi buồn, ông Dur quay người lại, tính ngồi xuống để khỏi bị ngoại cảnh chi phối. Nhưng vừa khi đó ông Dur chợt nghe văng vẳng một tổng hợp âm thanh ba bè; rõ và nổi nhất là giọng nữ chính: *“Ra đi, biết mặt trùng dương, biết trời mênh mông, biết đời viễn vong, biết ta hải hùng...”* Ông Dur ngạc nhiên, nhìn quanh toa tàu. Không ai hát. Không ai có radio. Ông Dur lại chồm người lên thành cửa sổ. Tiếng hát lại rõ hơn: *“Hãy ghé bến bờ có những xóm dừa, chiều nhuộm vàng làn tóc ngậy thơ. Có những núi mờ đứng mãi ngóng chờ, chờ người về đầu non trắng xóa. Ánh sáng chói lòa, hương say kinh kỳ, ai quay cuồng nhịp đời dương thế...”* Theo tiếng hát, ông Dur tưởng như Ông thấy được hình ảnh một đứa bé gái, tóc kẹp, mặc đồng phục trắng của trường Võ-Tánh, lung linh trong ánh nắng chan hòa trên vùng quê Mẹ thân yêu. Đứa bé gái vẫn tiếp tục hát một trong những bản khó hát nhất của Phạm-Duy *“...Viễn xứ ước thề. Phá hết lối về để đẹp lòng người bước ra đi...”* Ông Dur chợt nhớ ra, đó là bản Viễn-Du, do Huyền, con

gái lớn của Ông, trình bày, với vài phân đoạn có người hát bè phụ, tại rạp Tân-Tân Nhatrang, vào dịp Ban Ca Nhạc Bình-Minh gây quỹ để cứu trợ nạn nhân bão lụt miền Trung. Và hình ảnh đứa bé gái chờn vờn trong nắng trông giống Huyền quá!

Ông Dư chăm chăm nhìn hình ảnh đứa bé gái, nhưng trong tâm Ông lại hiện ra quang cảnh hải hùng trên bờ biển Nhatrang vào những ngày cuối tháng Ba, năm 1975. Huyền bị thất lạc tại bãi biển Nhatrang khi gia đình Ông chen chúc, tranh nhau để lên tàu Hải-Quân, nhưng bị thiên hạ phía sau kéo xuống.

Sau khi chính quyền Quốc-Gia rút khỏi Nhatrang, đích thân ông Dư đi dọc theo bờ biển Nhatrang, lật xác từng người để nhận diện, nhưng cũng vẫn không thấy Huyền. Không ai biết Huyền thất lạc hay đã chết. Bao nhiêu năm qua Ông cứ cố nghĩ rằng Huyền còn sống và đang thất lạc nơi phương trời nào đó. Những lúc mơ thấy con là những lúc vô tình nghe hoặc nhớ một đoạn nhạc mà ngày xưa Huyền thường đàn hoặc hát. Nhưng hình ảnh hôm nay và tiếng hát này khiến Ông nghĩ rằng Huyền không còn nữa! Lòng buồn quá, ông Dư cố tập trung tư tưởng để hình ảnh của đứa bé gái không biến đi và tiếng hát của nó cũng sẽ vang mãi trong lòng Ông.

Nghe đứa bé gái cứ hát tới hát lui đoạn điệp khúc ông Dư cảm thấy như có một mãnh lực cực mạnh thôi thúc khiến Ông muốn nhảy khỏi xe lửa ngay tức thì để được lăn tròn trên đất như ngày nào Ông cùng các bạn và đám Tây con tranh nhau trái banh, té lăn nhào tại sân vận động; để được bước những bước chân trần, như những bước chân trần của Mẹ, ngày xưa, nhẹ nhàng đi quanh khuôn viên Cấp-Cô-Độc; để được chạy mãi chạy hoài dọc theo bờ cát mịn rồi vòng qua Xóm-Mới, chạy tuốt lên Núi Một, nơi có di tích cuối cùng của người Cha; để được đạp xe đạp, vai đeo bao vải đựng đàn, ghi-đông treo tòn teng đôi giày đá banh; để tìm lại Huyền và tiếng hát xưa...

Nếu ở đoạn điệp khúc, tiếng hát xưa khơi dậy trong lòng ông Dư những nao nức bồi hồi, những ước mơ không tưởng thì ở phần đoạn cuối, dòng nhạc và tiếng hát – có bè phụ – trở nên dịu dàng, thiết tha, khiến ông Dư bình tâm trở lại. Và Ông chua xót nhận thức được rằng trên vùng đất thân yêu này Ông không còn ai, Ông không còn gì! Có còn chăng là những kỷ niệm vụn vỡ nhưng vô cùng sắc bén, lúc nào chỗi dậy cũng khiến lòng Ông đau!

Suốt khoảng thời gian xe ngừng tại ga Nhatrang, thấy mấy cô nữ sinh mặc đồng phục trắng đi xa xa phía ngoài sân ga, ông Dư lại nhớ Huyền và những đêm nàng thức khuya học bài.

Ngày xưa đó, mỗi đêm, sau khi học bài xong, Huyền thích đàn một bản nhạc ngắn rồi mới đi ngủ. Đề tôn trọng sự yên tĩnh của đêm trường, Huyền thường đàn cao hẳn một bát trình và không đệm *bass*, cho nên tiếng đàn rất dịu dặt, thánh thót. Huyền thường đàn những bản rất hợp ý Ông, nhưng vì ở tù lâu quá, Ông quên tựa, nay chỉ còn nhớ bản Emperor.

Ông Dư không nhớ trong họ-hàng-nhà-sư-tổ-âm-nhạc Strauss ai sáng tác bản Blue Danube và ai là tác giả bản Emperor; nhưng ông Dư tự nghĩ, nếu Blue Danube diễn tả được tất cả sự hùng vĩ, bao la cùng sự thướt tha, tươi mát của một dòng sông thì Emperor dường như lại gói ghém và chắt chứa tất cả nỗi đốn đau, quặn quại của chính tác giả. Ông Dư còn nhớ, ngày đó, sau khi Huyền tập đàn bản Emperor vài lần, Huyền cũng có cùng nhận xét với Ông. Và Huyền kết luận: “*Con không hiểu tại sao ông Strauss lại chấm dứt bản nhạc một cách đột ngột như vậy? Con nghĩ ông Strauss sáng tác bản này trong lúc Ông ấy đau khổ ghê gớm lắm. Và note Do cuối cùng là note Do...tuyệt vọng!*” Ông Dư tức cười, thâm nghĩ, con nhỏ dùng chữ lạ thiệt, lại còn nhè nhạc của sư tổ mà đặt là “note Do tuyệt vọng”.

Thời gian bị tù đày, nửa đêm thức giấc vì nhớ vợ, thương con, ông Dư lại nhớ những đêm khuya nghe Huyền đàn bản Emperor. Ôi, “note Do tuyệt vọng!”. Ông Dư không biết được Strauss tuyệt vọng đến mức nào khi chấm dứt bản Emperor; nhưng ông Dư tự hiểu được rằng, thời gian tuyệt vọng trong chôn lao tù, ông Dư chỉ muốn được nghe lại Emperor một lần nữa rồi thôi, rồi...có chết cũng đành!...

Phiêu ngưng kể, rút bao thuốc, châm một điếu.

Trong khi Phiêu trầm ngâm nhìn khói thuốc cuộn tròn, bay cao trong một buổi chiều im vắng thì Huyền nghĩ ngợi rất nhiều về hình ảnh đứa bé gái đã hiện về trong tâm tư ông Dư lúc xe lửa chạy ngang Nhatrang. Huyền không ngờ ông Dư cũng “thấy” được đứa bé gái. Từ mấy mươi năm qua Huyền cứ tưởng chỉ một mình nàng mới “thấy” được nó. Huyền không biết đứa bé gái ấy hiện về bao nhiêu lần trong tâm tưởng của ông Dư; nhưng Huyền biết đứa bé gái đó hiện về nhiều và rất nhiều lần trong tâm thức của nàng. Khi nào cũng vậy, mỗi khi “thấy” đứa bé gái Huyền cũng nghe nó hát những bản xưa thật xưa khiến lòng nàng dâng lên nhiều nỗi luyến thương và tiếc nhớ. Huyền thương nó còn hơn thương chính nàng nữa, chỉ mong nó sẽ ở lại lâu; nhưng nó chỉ chờ vờn, khi ẩn khi hiện, rồi tan biến! Đôi khi soi gương, Huyền thấy nó lấp ló phía sau khuôn mặt của nàng. Huyền nhìn nó chăm chăm rồi mỉm cười với nó. Nó hát. Huyền hát theo. Giọng của nó trong và cao quá, “lên” đến “sol” một cách dễ dàng. Nếu hát theo nó mà không phát ra âm thanh thì Huyền vẫn “lên” được “sol”; nhưng khi hát thành tiếng thì, than ôi, chỉ mới đến “mi” là giọng Huyền khàn lại! Như không muốn thấy sự thất vọng trên gương mặt của Huyền, đứa bé gái biến nhanh, để lại nơi chiếc gương lớn một khuôn mặt cần cỗi!

Huyền vừa nghĩ đến đây, giọng trầm trầm của Phiêu đưa nàng trở về thực tại:

- Tội nghiệp Ông Già, em chưa thấy một người nào có sức chịu đựng phi thường như Ông Già.

Huyền cảm thấy thật ấm lòng khi nghe Phiêu dùng danh từ “Ông Già”. Ngày xưa chị em nàng thường dùng danh từ “Ông Già” để nói về ông Dư những khi không có sự hiện diện của Ông.

- Ba chịu đựng chứ Ba không khuất phục.

- Đúng, Ông Già không khuất phục. Lúc cùng ở tù với Ba tại Đồng-Găng, chính mắt em thấy được điều đó.

- Phiêu biết không, chị còn nhớ, thời tản cư, chỉ vì sự say mê đối với âm nhạc và văn chương Pháp, Ông Già bị kiểm thảo tư tưởng - Ông Già bảo là khủng bố tư tưởng và đầy đọa tinh thần - liên miên, vậy mà Ông Già cũng vẫn không sợ, cứ sáng tác nhạc và dạy chị học Pháp-văn. Chỉ tiếc là Ông Già nghe lời mấy ông Tàu, bảo “hữu xạ tự nhiên hương” cho nên không phổ biến những bản nhạc đó một cách rộng rãi, quy mô.

- Chị quên Má là “con kỳ đà” của Ba sao!

Huyền chợt nghĩ đến “con kỳ đà” của nàng rồi cười như mèo.

Huyền nhìn ra xa. Những tia nắng cuối ngày đã khuất sau những áng mây đậm màu. Người đón cây cuối cùng cũng đã rời xa bia rừng, trả lại không gian cô tịch sự đìu hiu muôn thuở.

Quang cảnh này, nếu có vài vũng nước đọng, thì sẽ chẳng khác gì buổi chiều xưa khi ông Dư chợt giật mình vì tiếng của chú tài xế xe lam: “*Tới rồi đó, bác.*” Vừa nói người tài xế xe lam vừa quay lui nhìn ông Dư, người khách cuối cùng của chuyến xe chót. Ông Dư ngập ngừng như chưa muốn rời xe. Ông Dư đảo mắt nhìn quanh vùng không gian xa lạ của một buổi chiều sau cơn mưa. “*Tới là tới đâu vậy, chú em?*” Chú tài xế nhìn mặt: “*Trời! Bác biểu tui chở bác về kinh tế Xuân-Hung thì đây là Xuân-Hung nè.*” Chợt nhớ ra người khách già trông có vẻ như vừa từ trại cải tạo về, chú tài xế tiếp: “*Chắc bác đi*

cải tạo lâu quá, gia đình bị đuổi đi kinh tế mới nên bác không biết nhà, phải không?” Ông Dư chỉ cười, kẹp cái bao ny-lông nhỏ vào nách, vừa khom người rời chỗ vừa đưa tay sờ túi áo, tính lấy tiền trả cho chú tài xế. Chú tài xế bước vội ra phía sau, đưa tay đỡ ông Dư: “Thôi, khỏi. Bác đi cải tạo về, ai nữ lấy tiền của bác, tổn thọ chết.” Ông Dư rói rít cảm ơn. Chú tài trở về phía trước, rồ máy xe, “phóng” đi, không kịp nghĩ rằng xe chú đang đậu ngay trên vũng bùn. Ông Dư chậm chạp, tránh không kịp những vệt bùn văng tung tóe từ hai bánh xe sau. Đã quen sông dơ bẩn trong tù, ông Dư chẳng cần nhìn gì cả, chỉ đưa tay phủi những vệt bùn trên mặt.

Nhìn những ngọn đèn dầu leo lét trong mấy túp lều tranh dọc hai bên đường, ông Dư do dự, không biết nên vào nhà nào hỏi thăm. Vừa khi đó ông Dư nghe tiếng “bịch, bịch” rồi tiếng xe đạp thảng gập. Ông Dư quay nhìn và thấy một đứa bé trai, trạc tuổi đứa cháu nội của ông, đang lui cui lượm mấy khúc củi rồi cột lại sau yên xe. Ông Dư lên tiếng: “*Cháu ơi! Cháu cho ông hỏi thăm chút, cháu.*” Cậu bé lễ phép: “*Dạ, cụ cần chi?*” Ông Dư nhìn cậu bé, cười, gặng thiện cảm: “*Cháu biết gia đình bà Dư từ Nhatrang dời vào đây sống chỗ nào không?*” Cậu bé dặt xe đến gần ông Dư hơn: “*Có phải bà Dư có người con tên Phiêu, vừa cải tạo về không, cụ?*” Từ sau khi bị chuyển ra Bắc, gia đình ông Dư không đi thăm nuôi, vì nghèo, ông Dư không biết được nhiều tin tức về gia đình. Phiêu được thả về từ lúc nào ông Dư cũng chẳng hay, nhưng nghe nhắc đến Phiêu, ông Dư biết cậu bé nói đúng nên đáp: “*Ồ, đúng đó, cháu. Cháu chỉ giúp ông, nhen.*” Đứa bé nhìn ông, ái ngại: “*Từ đây vô trong ấy xa lắm, ông đi bộ không nổi đâu. Để cháu chở ông đi.*” Ông Dư vui mừng: “*Cháu giúp giúp ông, làm phước.*” Sau một thoáng suy nghĩ, cậu bé đáp: “*Ý, mà không được. Cháu phải chở củi về trước rồi cháu quay lại đón ông. Nếu cháu để củi lại đây, chở ông về nhà ông thì người ta sẽ lấy củi của cháu; còn chở cả ông và củi thì cháu đạp không nổi.*” Ông Dư ngại, nếu vì

bất cứ lý do gì mà cậu bé không trở lại, làm thế nào ông có thể tìm ra gia đình trong đêm tối như thế này, nên đề nghị: “Để ông chở, cháu ôm cái, chịu không?” Cậu bé nhanh nhẩu: “Dạ, được.” Ông Dư chợt nhớ lâu quá không đi xe đạp, nay sức khỏe yếu, chân đau vì hậu quả bị cùm lâu ngày, không biết ông có thể giữ thăng bằng được hay không nên đề nghị: “Cháu để ông đạp thử một vòng quanh đây xem ông còn nhớ cách đi xe đạp hay không, rồi ông chở cháu, nhen?” Cậu bé vùng vằng, lắc đầu: “Ý, không được đâu. Rủi ông đạp đi luôn rồi cháu làm sao?” Ông Dư nhìn cậu bé. Ông không cảm thấy tự ái bị tổn thương mà ông chỉ thấy tội nghiệp cho đứa bé không có tuổi thơ. Xã hội đã hun đúc trong lòng đứa bé những gian manh, dối trá, quỷ quyệt và nghi ngờ. Ông thở dài.

* *

*

Cả nhà đang ngồi trên manh chiếu, chia nhau nôi bo bo và củ mì, chợt ngưng lại vì nghe tiếng nói chuyện rầm rì ngoài sân. Phiêu nhíu mày, không hiểu ai lại vào khu vực này khi trời tối như thế này. Phiêu nhìn ra sân, thấy chú bé đạp xe đi và một người đàn ông gầy gò tần ngần trước sân.

Trong khi ông Dư còn đang ngỡ ngàng thì Phiêu “phóng” nhanh ra sân, reo lên: “Ba! Ba! Trời, Má ơi, Ba về.” Mọi người - và chú chó Tô-tô mà trước khi đi tù, ông Dư “lượm” về nuôi từ ngày chú còn bé tí teo, bị vất bên đường - vây quanh ông Dư trong khi bà Dư chậm chạp bước ra, nheo nheo mắt nhìn, như không tin người đàn ông này là ông Dư. Ông Dư bước đến bên bà: “Sao? Mắt bà cũng còn cận nặng vậy sao?” Bà Dư không đáp lời ông. Bà quay tìm cu Út: “Cu Út đâu? Sao không tới mừng Ba?” Cu Út cũng không nhìn ra ông Dư nên ngại ngần núp phía sau Phiêu. Phiêu đẩy cu Út và các con của chàng về

phía ông Dur. Ông Dur ôm, hôn cu Út và mấy đứa cháu nội trong khi bà Dur lấy ống tay áo quẹt nước mắt.

Bất chợt ông Dur cảm biết như thiếu thiếu một cái gì nên dừng lại, ngẩng lên, nhìn quanh. Mọi người im lặng. Giây phút vui mừng đột ngột dừng lại. Ông Dur nghiêm giọng: “*Trúc-Uyên với Mai-Trâm đâu?*” Không ai dám trả lời. Ông Dur nhíu mày, nhìn quanh một vòng nữa rồi Ông im lặng rẽ đám đông, đi vào nhà.

Mọi người theo Ông, nhưng không ai dám gây tiếng động. Ông Dur nhìn quanh nhà, chỉ thấy vài manh chiếu, mền và manh chiếu giữa nhà còn lờ đờ bữa ăn chiều. Mắt ông Dur dừng lại nơi tấm vải dài, che từ nóc nhà đến gần mặt đất. Sau một thoáng do dự, ông Dur đi thẳng đến, vén tấm màn lên.

Ông Dur nhìn thẳng vào hai bức ảnh của Mai-Trâm và Trúc-Uyên trên bàn thờ một chốc rồi ông lặng lẽ thấp nhang cắm vào lon sữa bò đựng cát, thề cho lu hương.

Như không thể chịu đựng thêm được nữa, bà Dur quy xuống. Phiêu đỡ bà Dur và ra dấu cho Bà cố nén tiếng nấc. Không ai biết ông Dur nghĩ gì. Không ai có đồng hồ để lượng định được thời gian ông Dur ngồi yên lặng trước bàn thờ của hai đứa con mà khi ông đi tù thì hai đứa chỉ mới bước vào tuổi dậy thì!

Khi quay lại, thấy mọi người ủ rũ nhìn Ông, Ông nhìn bữa ăn chiều vẫn còn trên manh chiếu, bảo: “*Bà với mấy đứa ăn đi rồi tắt đèn đi ngủ cho đỡ hao dầu.*” Bà Dur nhìn Ông: “*Ông cũng ăn vài hột dần bụng rồi đi nghỉ.*” Ông Dur lắc đầu: “*Bà ăn để cho con cháu chúng nó ăn. Tôi no rồi.*” Quay sang Phiêu, ông hỏi: “*Con có thuốc, cho Ba một điếu.*”

Nhận điếu thuốc mời sẵn và mớ thuốc rê với vài tờ giấy quynh từ tay Phiêu, ông Dur bước ra sân. Bà Dur lại sụt sùi. Phiêu im lặng, thờ dài. Cá tính của ông Dur vẫn vậy, khi nào có điều chi đau đớn trong lòng, ông Dur muốn được lặng lẽ một

mình với điều thuốc. Thường thường không ai dám đến phá rầy Ông, nhưng tối đó, chú chó Tô-tô lặng lẽ bước theo Ông.

Ông Dư ngồi thu hai chân trên đồng củi. Tô-tô cũng leo lên, nằm cạnh, gác đầu lên chân của Ông. Ông Dư cứ nhíu mày nhìn đăm đăm vào bóng đêm nhưng Ông không tự biết Ông nghĩ gì, vì khối óc linh hoạt của Ông gần như tê dại.

Khuya lắm, sương xuống nhiều. Ông Dư ngồi xếp bằng. Tô-tô cảm thấy lạnh nên cuộn chân sát hơn nữa vào chân ông Dư. Lúc này ông Dư mới nhận ra sự có mặt của Tô-tô. Ông vuốt ve sóng lưng gầy gò của Tô-tô. Bộ lông thưa thớt trên làn da nham nhám của Tô-tô tạo nguồn hơi ấm nơi lòng bàn tay ông Dư, đồng thời cũng đem đến cho ông Dư cảm giác nhòn nhợn, khó chịu, vì một sự việc không thể nào Ông quên được.

Sự việc đó xảy ra vào một đêm khuya tại phòng biệt giam.

Ông Dư không nhớ Ông bị biệt giam vì tội gì mà Ông chỉ nhớ sự đau nhức râm rang của vết thương nơi chân phải, chỗ bị cọ xát với còng sắt, và mùi tanh tanh do máu và mủ tươm ra.

Chính mùi tanh của máu và mủ đã quuyền rũ mấy chú chuột. Nhiều đêm ông Dư giật mình thức giấc vì bị chuột khới nơi vết thương. Ông chỉ cần lay nhẹ bàn chân là mấy chú chuột sợ, chạy mất. Nhưng đôi khi, gặp chú chuột lớn, chú chỉ ngưng hành động trong giây lát, dương mắt nhìn ông Dư, chứ chú không sợ, ông Dư phải ngồi dậy, đuổi đi.

Đêm đó trăng sáng, rọi qua ô cửa sổ nhỏ, tít trên cao. Ông Dư nghi mấy chú chuột chui vào “phòng” của Ông bằng lối này, lối duy nhất để người tù có chút dưỡng khí, khỏi chết ngột. Ông Dư chợt thức giấc vì bị đau thốn nơi vết thương. Ông thấy một chú chuột thật lớn đang “say sưa” khới vết thương của Ông. Trong trí Ông chợt thoáng lên ý nghĩ táo bạo. Ông cố giữ đôi chân thật yên để chú chuột khỏi đề phòng. Ông nhẹ nhàng và từ từ từ ngồi dậy, đưa hai bàn tay mở rộng rồi đột ngột chụp xuống ngay chú chuột. Chú chuột vùng vẫy trong tay Ông. Ông vặn cổ chú chuột. Bụng Ông còn cào như cơn đói vừa bị đánh thức.

Ông loay hoay tìm cách để ăn thịt chú chuột nhưng không biết làm thế nào để lột lớp lông dày đặc. Sau một lúc suy nghĩ, ông Dur đành gói chú chuột vào mớ quần áo của Ông.

Hôm sau, ông Dur dỡ lớp quần áo ra thăm chừng xem thân chú chuột sinh lên chưa để Ông nhổ lông hoặc lột da. Nhưng thân chú chuột vẫn chưa sinh.

Hôm sau nữa, Ông Dur vui mừng khi mũi của Ông nhận biết được mùi hôi hôi bốc lên. Ông Dur lấy xác chú chuột ra, xé lớp da nơi bụng của chú chuột, gạt đùm ruột sang một bên, rồi Ông nhanh nhẹn lột hết da nơi phần lưng. Ông khời từng tý từng tý để nước nhờn khỏi nhều lên người Ông. Ông biết, thịt của chú chuột không những chỉ ngon mà còn thối nữa, nhưng Ông vẫn ăn, vì đói. Ông ăn hết thịt, chừa lại bộ lông, ruột, cái đầu, xương và bốn chân. Trong khi Ông Dur chưa biết phải chôn dấu những vật phế thải này vào đâu để khỏi bị ban quản giáo kết tội thì Ông bị nôn mửa và đại tiện liên miên ngay chỗ nằm...

...Phiêu ngưng kể, vất tàn thuốc xuống đất rồi dí chiếc dép lên.

Huyền thờ dài, nhìn mông ra khu rừng vắng. Huyền tưởng như nàng có thể thấy được những sợi tóc bạc lất phất trên vàng trán rộng, đầy nếp nhăn, của ông Dur. Hình ảnh này gợi nơi lòng nàng khối tình cảm vừa thiết tha vừa tiếc nhớ mỗi khi nàng lái xe trên đường Bellaire.

Từ trạm xe buýt, trên đường Bellaire, không biết bao nhiêu lần ông Dur đã đón chuyến xe buýt số 2 để xuống phố. Khi chiếc buýt ngừng lại trên đường Fannin, ông Dur thông thả rời xe buýt, đi vào sở làm. Dù đã ngoài 70 tuổi, nhưng vì tinh thần tự lập cao, và cũng vì không muốn Huyền phải bận tâm, ông Dur vẫn xin việc làm bán thời gian tại cơ quan ICC cho đến khi hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp của chính phủ.

Nhớ đến đây Huyền lại thờ dài, xoay sang Phiêu:

- Cuối cùng Ba có biết nguyên nhân cái chết của Trúc-Uyên và Mai-Trâm không?

- Không.

Huyền lập lại một cách ngạc nhiên: “*Không?*” Phiêu đáp:

- Dạ, vì không bao giờ Ba hỏi và không ai trong gia đình muốn nhắc lại chuyện đau lòng ấy nữa.

Huyền im lặng. Nhưng trong tâm nàng lại văng vẳng tiếng của ông Dur, rõ ràng và mạch lạc như ngày nào Ông và bà Dur còn sống trên đường Bellaire, mỗi khi Huyền hỏi Ông về những chuyện buồn xưa: “*Thôi, con, những chuyện đó đã qua rồi, con biết để làm gì. Con đọc kinh Bác Nhã, con hiểu. Cuộc đời này đâu có gì là thật và cũng không có gì là vĩnh cửu. Vì vậy, nếu con lỡ biết được phần nào những thảm cảnh trong gia đình thì con hãy cố quên đi để mà sống.*” Nửa đùa nửa thật Huyền hỏi: “*Mà Ba có quên được không?*” Ông Dur cười: “*Quên chứ. Ba quên tuốt luốt hết rồi.*”

Ông Dur nói như vậy để Huyền yên lòng chứ làm thế nào Ông có thể quên được những tháng năm dài khổ nạn.

Trong đoạn đường khổ nạn đó, thỉnh thoảng ông Dur cũng tìm được những niềm vui nho nhỏ. Đó là những lúc mấy chú cán bộ lén cấp trên, ra sau nhà tiêu, nơi ông Dur cùng đội rau cải canh tác, nhờ Ông dạy nhạc, vào những hôm mấy chú ấy được nghỉ. Ông Dur không thể hiểu, ngày xưa, tại Weimar, su-tô-âm-nhạc-và-piano, Franz Liszt, cảm thấy như thế nào mỗi khi Liszt dạy nhạc không nhận học phí; nhưng ông Dur tự biết rằng Ông rất vui và cảm thấy ấm lòng khi truyền lại cho những cán bộ trẻ thiếu may mắn này chút tinh hoa mà Ông hấp thụ được từ xã hội văn minh.

Những lúc Ông Dur dạy nhạc lén lút như vậy, có chú cán bộ giấu trong người khi thì củ khoai, khi trái bắp, khi thì miếng com cháy, đem biếu để ông Dur “bồi dưỡng”. Dù đói và rất thèm ăn, nhưng lúc nào ông Dur cũng cố nhịn, để dạy cho mấy chú xong rồi mới ăn.

Khi nào ăn được những món quà của mấy chú cán bộ ông Dư cũng bùi ngùi nghĩ đến Phiêu, nghĩ đến thời gian Ông và Phiêu cùng bị tù chung, nhưng khác đội, tại trại tù Đồng-Găng.

Thời gian đó Phiêu thường nhịn bớt phần ăn của Phiêu để sáng sáng, khi cùng các bạn tù đi lao động, ngang đội rau cải, Phiêu lén cán bộ, gọi khẽ “Ba”. Ông Dư ngẩng lên. Phiêu vội vắt ngay phần ăn về phía ông Dư. Mấy lần đầu, vì mắt kém, ông Dư không thấy được cho nên mấy người tù già cùng đội với Ông tranh nhau lượm, thổi sạch đất rồi ăn. Sau vài lần như vậy, ông Dư hiểu, cho nên, gần đến giờ đoàn tù trẻ sắp đi ngang, ông Dư thường tìm mọi cách và mọi lý do để đến gần hàng rào. Nhờ vậy Ông nhận quà của Phiêu đều đặn hơn.

Trong những món quà của Phiêu, ông Dư nhớ mãi vắt com cháy khô cứng, Ông phải ngâm một lúc cho dịch vị thấm vào com, làm mềm com rồi Ông mới khởi từ từ, vì hai hàm răng của Ông đã lung lay. Khi Ông khởi đến lần thứ ba thì lạ chưa! Ở giữa vắt com có vật gì thơm thơm, beo beo. Ông run run bẻ vắt com ra và thấy một phần tư của một khúc lạp xưởng ngắn bằng lòng tay. Ý nghĩ thoáng qua rất nhanh, bao nhiêu lạp xưởng mà chỉ ăn với một vắt com thì uổng quá. Ông cắn một tý lạp xưởng, nhai với com cháy rồi cẩn thận đưa lưỡi đẩy miếng lạp xưởng tí tẹo ấy sang một bên, ngoài hai hàm răng, để khi Ông nuốt com thì chỉ có com trôi vào dạ dày, còn rẻo lạp xưởng “ở lại” cho miếng com sau và miếng com sau nữa. Ăn hết phần com cháy, ông Dư hái lá rau lang, gói phần lạp xưởng còn lại, cho vào túi, để trưa và chiều cũng sẽ “áp dụng” cách ăn “nghiêm túc” như vậy.

Trải qua giai đoạn dài đói khát kinh khủng như vậy, nhưng khi đến Mỹ theo diện O.D.P. ông Dư lại không tha thiết mấy với thức ăn mà Ông lại trân quý những tờ giấy quảng cáo dày, láng, in một mặt. Ông nhặt tất cả những tờ ấy, cất vào một thùng giấy. Bất ngờ Huyện “khám phá” ra thùng giấy quảng cáo, Huyện vừa thương vừa buồn, khuôn thùng giấy bỏ vào

thùng rác trong chung cư. Ông Dư nhìn theo, lòng tiếc hùi hụi nhưng chỉ giám trách nhẹ: “Giấy tốt quá, để Ba viết nháp, con liệng làm chi uống vậy, con!” Sau khi Huyền đem đến cho Ông mấy bao giấy trắng mua từ Office Depot, Ông Dư ve vuốt những hàng chữ *Papier de qualité supérieure à usages multiples*, lòng cảm thấy vừa thân thiết vừa gần gũi. Huyền xé bao giấy, lấy một xấp để lên bàn: “Giấy đây, Ba tha hồ viết; viết nháp, viết thật gì cũng được.” Ông Dư lại tần ngần, ai nữ viết nháp trên những tờ giấy trắng phau như vậy chứ!

Nhìn những tờ giấy trắng, Bà Dư chíp miệng: “Xứ này sao mà giàu sang quá mức; còn xứ mình sao nghèo ‘mạc rệp’, cơm không có mà ăn!” Ông Dư nhìn bà Dư: “Trước 75 bên mình đâu có tệ như vậy, bà. Bởi vậy, khi đợi máy bay tại Tân-Sơn-Nhất tôi đã dặn lòng là sẽ không bao giờ trở lại nơi đã đầy đọa con người ngang với thú vật.” Giọng bà Dư buồn buồn: “Ông thì vậy, còn tôi, sống thì không về chứ chết tôi phải về.” Huyền không hiểu: “Má nói như vậy nghĩa là sao?” Bà Dư cười cười: “Nghĩa là sau khi chết Má muốn được chôn tại Việt-Nam chứ Má không muốn chôn ở đây.” Ông Dư xen vào: “Bà... sao! Không dung lại đem chuyện chết chóc ra nói, làm con nó lo. Bà cứ an tâm sống cái đã, khi nào đến đó rồi tính.” Bà Dư nguýt ông Dư: “Ông nói hay dữ! Tới đó mình nằm ‘ngay đơ’ rồi, làm sao mà tính?” Huyền nhìn bà Dư: “Như vậy nghĩa là Má không nói đùa?” Bà Dư nghiêm giọng: “Đùa sao được mà đùa, con. Tiện đây, Má yêu cầu con như vậy, con nghĩ sao?” Huyền lúng túng: “Con nghĩ Má nên nghe lời Ba. Trờì cho ngày nào, Ba Má cứ an vui ngày đó. Còn chuyện kia tính sau.” Bà Dư cương quyết: “Má muốn tính ngay bây giờ cho Má yên lòng.” Ông Dư nhìn Huyền với vẻ lo ngại, vì Ông hiểu, chuyên chở quan tài từ Hoa-Kỳ về Việt-Nam không phải là điều dễ giải quyết. Huyền cúi xuống, tránh ánh mắt của ông Dư. Một lúc sau Huyền hỏi: “Má xác định lại cho con một lần nữa là: sau khi Má mãn phần, Má muốn được chôn cất tại Mỹ hay Việt-Nam?” Giọng

bà Dur rất bình thản: “Má muốn được chôn cất tại Việt-Nam.”
Huyền lại hỏi: “Má muốn như vậy thì con và các cháu sẽ lo cho Má.” Bà Dur vui, nắm tay Huyền lắc mạnh: “Con hứa với Má, nghen, con.” Huyền gật đầu, đáp, giọng buồn buồn: “Dạ, con hứa.” Nói xong tự dưng Huyền cảm thấy buồn quá, vì nàng chợt ý thức được rằng ông bà Dur quả thật không còn trẻ nữa. Sau khi nén tiếng thở dài, Huyền tiếp: “Mà Má muốn quan tài của Má đưa về tỉnh nào?” Bà Dur ngạc nhiên: “Thì về kinh tế mới Xuân-Hung chứ về đâu, con?” Huyền kinh ngạc: “Kinh tế mới Xuân-Hung? Tại sao Huế, quê Ngoại và cũng là nơi Má được sinh ra, Má không về? Dalat, nơi Má lớn lên, Má không về? Nhatrang, quê Nội, Má không về mà lại đòi về Xuân-Hung, nơi nghèo khổ cùng cực, nơi Má và các em phải sống những tháng ngày khôn khó, nơi chôn dấu nhiều kỷ niệm buồn thảm nhất của gia đình mình?” Bà Dur cười xuề xòa: “Má biết, xã Xuân-Hung nghèo, những ngày cơ cực và buồn khổ tại Xuân-Hung không bao giờ Má quên. Nhưng người dân ở Xuân-Hung có tình lắm, con. Những người đầu tiên đến Xuân-Hung là những người cùng giai tầng xã hội với mình ngày xưa, rồi cũng bị đày ải như mình cho nên họ cảm thương và giúp đỡ, đùm bọc nhau. Con thử tưởng tượng, vào một buổi chiều chạng vạng của năm 1976, Má và mấy em gái rời chiếc xe đò cuối cùng, từ Nhatrang vào, đang đứng tân ngần trước khung cảnh u tịch, lạ lờ lợ hoắc, chưa biết phải ngủ nhờ nơi đâu thì nhiều người xuất hiện, đơn đả ‘Mời hả? Vô đây, vô đây. Vô kiếm chút gì ăn tạm rồi tìm chỗ ngủ, mai tính.’ Sau đó, họ thấy nhà không có con trai, không có đàn ông nên họ phụ nhau giúp Má che được cái...chòi. Đó, con thấy, ở đời, quý nhau là quý cái tình, quý tấm lòng. Má chỉ có hai điều ước nguyện. Thứ nhất, nếu Má có tiền, Má sẽ giúp tất cả những người ở Xuân-Hung; thứ hai, khi Má chết, Má được chôn cạnh những người cùng cảnh ngộ, cùng có những tấm lòng mà tiền của mua không được.”

Ước nguyện của bà Dur là như vậy. Nhưng khi quan tài của Bà đưa về đến Xuân-Hung thì sự việc xảy ra ngoài dự tưởng của cả ông Dur và Phiêu.

Ngoài những người ngày xưa quen biết đến viếng linh cữu của bà Dur, Phiêu còn thấy vô số người đứng quanh nhà, hết nhóm này đến nhóm khác, ai cũng trầm trồ về chiếc quan tài đẹp đẽ mà họ chưa bao giờ thấy. Vài người thân với Phiêu, đưa Phiêu ra ngoài, khuyên Phiêu phải cẩn thận vì rất nhiều đám tang Việt-Kiêu, sau khi chôn, mộ bị đào lên, xác vạt cạnh mộ còn quan tài và quần áo tẩm liệm...biến mất.

Sau khi hội ý với gia đình, đến ngày an táng bà Dur, Phiêu quyết định thuê người đổ một lớp xi-măng thật dày ngay trên nắp và chung quanh quan tài của bà Dur!

Tuy đã đồng ý với giải pháp này lúc gia đình bàn tính, nhưng khi thấy quan tài của bà Dur bị khuất dần dưới lớp xi-măng, ông Dur chịu không được, bật khóc, nói với Phiêu: *“Má con là một con cá Hôi khôn khéo!”* Ngưng một chốc, Ông tiếp: *“Con đừng nên cho chị con biết gì về sự việc này, chị con buồn, tội nghiệp”*.

Trong khi ông Dur và Phiêu còn bị xúc động mạnh về phần việc an táng cho bà Dur thì một người đàn ông gầy gò từ đâu bước nhanh đến, quỳ ngay trước mặt ông Dur rồi sụp xuống...lạy! Phiêu giật mình khi nhận ra người đàn ông đó là Sơn, một cựu chiến binh của sư đoàn Sao Vàng.

Lúc mới cùng thằng cu Toàn từ Bắc vào Xuân-Hung tìm kế sinh nhai, Sơn nhận ra ngay sự thiếu hiện cảm của mọi người, nhất là những gia đình có chồng, cha, hoặc con bị tù đày. Có thể nói, không ai muốn kết bạn với Sơn, nhưng những chi tiết về đời tư của Sơn lại được nhiều người truyền miệng. Do đó Phiêu biết Sơn chứ không quen.

Phiêu ngăn, không cho Sơn lạy, rồi nhẹ nhàng kéo Sơn đi: *“Đi ra đây.”* Sơn không hề kháng cự. Vừa bước theo Phiêu Sơn vừa xoay lại phía ông Dur, lập đi lập lại: *“Ông ơi! Xin Ông*

thứ lỗi cho con. Xin Ông giúp con...” Phiêu kéo Sơn ra khỏi những người dự đám tang và xa nhóm người tò mò: *“Tại sao anh làm như vậy? Anh có biết hôm nay là ngày trọng đại nhất trong gia đình tôi hay không?”* Sơn chấp tay như muốn lạy: *“Bẩm quan, con biết. Xin quan tha tội cho con.”* Phiêu đưa tay ngăn Sơn: *“Khổ quá! Giờ này mà quan với quyền! Thôi, anh đi về đi.”* Sơn lại sụp lạy: *“Xin quan giúp cho thằng con của con, quan ơi!”* Phiêu ngạc nhiên: *“Con của anh cần gì?”* Sơn gục xuống đất, gào lên: *“Con của con nó chết rồi, quan ơi!”* Phiêu giật mình: *“Tại sao vậy? Hồi nào?”* Sơn kêu khóc thảm thiết: *“Nó chết mấy hôm nay rồi, quan ơi! Lúc nó ốm, con tìm quan để xin thuốc, vì nhiều người bảo quan có thân nhân ở nước ngoài gửi quà về thương xuyên. Nhưng không may cho con, mấy hôm đó quan phải vào Saigon đón quan tài của cụ Bà. Mấy hôm nay nhà quan lại có đám tang nên con không dám đến. Nhưng hôm nay, con đánh liều, vì con không có tiền chôn cất nó mà cũng không có tiền cho Mẹ và các em nó từ Bắc vào nhìn mặt nó lần cuối...”* Phiêu đỡ Sơn đứng lên: *“Anh bình tĩnh. Mình là đàn ông. Anh ở đây chờ tôi. Tôi sẽ trở lại”.*

Sau khi nghe Phiêu trình bày ngắn gọn sự việc, ông Dur kín đáo trao cho Phiêu một số tiền kha khá để biếu Sơn.

Phiêu kể đến đây, Huyền lại thở dài và thoáng thấy hình dáng gầy guộc của ông Dur hiện về trên con đường mòn giữa hai rẫy bắp:

- Ông Già tạo được nghiệp tốt.

Phiêu mỉm nụ cười đầy cay đắng:

- Ông Già tạo nghiệp tốt mà Ông Già nhận được quả ung không hà.

- Phiêu nói gì vậy?

- Chị nhớ, sau đám tang Má, sức khỏe của Ba sa sút, Ba không thể ngồi lâu trên máy bay cho nên Ba không trở qua Mỹ được. Đúng không?

Huyền gật đầu. Phiêu tiếp:

- Vậy là Ông Già bị công an “xúc” về tội cư trú bất hợp pháp. Ông Già phải “xi” ra mấy “ông Jackson” thì mới yên.

Huyền tròn mắt nhìn Phiêu. Phiêu cười khẩy, tiếp:

- Nhưng đến khi Ông Già mất, cũng chính bọn công an đó đến thấp nhang, khăn lay để được một chầu ăn nhậu.

Huyền giật mình:

- Tôi đã điện thoại về, dặn cậu là chỉ cúng chay thôi mà.

Phiêu cười ngất:

- Bên ngoài ai biết được điều đó. Cứ thấy đám tang Việt-Kiều là nghĩ có thức ăn sang cho nên “cha con nó” mới tới. Đến khi thấy thức ăn chỉ toàn cơm chay và trái cây thì “cha con nó” chửi thề, bỏ đi.

Huyền chán nản lắc đầu, tay vân vê phiến đá mài trên thành mộ của ông Dur, mắt nhìn về phía quê Nội xa xăm.

Trong bóng hoàng hôn u tịch Huyền lại thấy hình ảnh đứa bé gái chờ vờn. Cùng lúc ấy, từ tâm thức của Huyền, tiếng hát xưa vọng về:

“... Chiều đến đìu hiu mang cả niềm thương nhớ,

Sương mờ thoáng rơi trên đôi Thu trầm mơ.

Ly hương, kiếp tha phương nhuộm vết tang bồng.

Chiều nay tôi thấy thoáng bóng mờ mờ trắng, đi ngoài xa xa,

Lòng băng khuâng tôi nhớ đến người Mẹ già miền Nam, ôi xót xa!

Tủi thân người lữ thứ ôm mối sầu ly hương.

Đến đây một chiều Thu sương Thu buồn ôm khói trắng.

Mòn mỏi dờn chân sau những ngày mưa gió.

Phong trần xóa tan chuỗi ngày xanh đời tôi

Nghe chãng, tiếng thiết tha buồn nhớ quê nhà!...”

Một lúc lâu lắm Huyền mới nhận ra, đó là bản Bến-Thu mà ông Dur, biệt hiệu Điệp-Linh, đã sáng tác trong thời gian tản cư!

Thời đó, Ông Dur bị Việt-Minh tẩy não từng đêm vì tinh thần ủy mị và tư tưởng lãng mạn; vậy mà ông Dur cũng không sợ, vẫn gửi về Mẹ và quê hương tất cả tình thương yêu nồng nàn và tha thiết nhất của Ông.

Còn Huyền, chỉ vì chút định kiến nhỏ nhoi về chính trị mà Huyền đã đành đoạn không tiễn đưa di hài của Mẹ về và cũng không về quê nhìn mặt Cha lần cuối! Ý nghĩ này khiến Huyền ân hận ngập lòng, rồi nước mắt lặng lẽ rơi. Huyền cúi mặt, từng giọt nước mắt ần ần thấm xuống mộ phần người Cha khổ hạnh!

xuôi dòng hồi tưởng

Không hiểu vì nhận biết được niềm lo âu hiện rõ trên nét mặt và trong mắt Huyền hay là vì thói quen nghề nghiệp, cô chuyên viên điện tuyến trấn an Huyền trong khi sửa lại thế nằm của nàng:

- Đùng lo. Bà cố nằm yên, đừng cử động. Bà chỉ nghe những âm thanh lạ, vậy thôi. Đây, hai vật dụng ngăn tiếng động, bà cho vào tai đi.

Dù nỗi lo sợ đang đè nặng trong lòng, Huyền cũng cố mỉm cười. Nhưng có lẽ nụ cười méo xệch của Huyền khiến cô nhận biết, cho nên, trước khi nhấn nút để đẩy nàng vào trong MRI Scanner (Magnetic Resonance Imaging), cô chuyên viên lại hỏi:

- Bà bình an chứ?

Huyền lại cố mỉm cười, gật đầu.

Khi nghe tiếng “kịch” và ánh sáng bị chắn lại phía dưới chân, Huyền biết cửa đã đóng và chỉ một mình nàng trong

khoảng không gian nhỏ nhắn, mờ mờ ánh đèn vàng và vang vang tiếng động nhẹ. Thình thoảng những tiếng “kịch” và “cắt” vang lên nhưng không đến độ phải làm cho Huyền khó chịu. Nhưng Huyền cảm thấy lo sợ. Huyền không biết nàng sợ kết quả do máy này tìm ra hay là nàng sợ cho sự nhỏ nòi, đơn độc và bất lực của nàng trước những biến chuyển hiển nhiên của đời người. Ngày nào đứng trước Grand Canyon Huyền thấy nàng nhỏ nòi, không bằng hạt cát long lanh trong những tầng địa chất đang chuyển màu theo chiều quay của ánh sáng mặt trời; giờ đây, trong lòng Hollow Magnet Cylinder, Huyền lại thấy nàng yếu đuối và nàng chỉ còn là một sinh vật đáng thương. Huyền tủi thân. Huyền muốn khóc.

Khi nào rơi vào trạng thái bất an Huyền cũng cố tập trung tư tưởng, cầu nguyện Phật Bà Quan-Thế-Âm, rồi cầu xin bà Dư, Mẹ của nàng, che chở cho nàng. Từ từ, theo sự tưởng tượng của Huyền, hình dáng Phật Bà hiện rõ trong tâm nàng. Rồi Huyền “thấy” bà Dư quanh quần dưới chân Phật Bà.

“Thấy” lại Mẹ, Huyền khóc. Huyền khóc không những vì nàng thương tiếc Mẹ mà nàng còn khóc vì một niềm ân hận dẫu kín trong nàng bấy lâu nay vừa chỗi dậy. Huyền ân hận không phải vì nàng không chu toàn, không lo lắng cho Mẹ lúc Bà còn tại thế mà Huyền ân hận vì những tháng năm cuối đời của bà Dư, Huyền đã không cận kề, trò chuyện, gặp gỡ Mẹ thường xuyên như ý nàng muốn. Lý do Huyền tạo ra khoảng cách đó không phải vì không gian hoặc thời gian mà chỉ vì Huyền hãi sợ và không chấp nhận được sự thay đổi quá phủ phàng của luật vô thường!

Trong lòng Huyền, hình dáng của bà Dư lúc nào cũng tươi đẹp, mượt mà. Huyền vẫn nhớ, ngoài những chiếc áo dài trắng có may huy hiệu Trường Trung-Học Võ-Tánh, bà Dư thường đưa Huyền đến hiệu may để cô thợ may đo, cắt và may cho nàng và Mẹ những chiếc áo dài giống nhau. Đến những đôi dày cao gót để “diện” đi chơi bà Dư cũng mua cho Huyền y như của

Bà. Mấy mươi năm trước, khi cho Huyền về làm con của bà Dư, “Mụ Bà” cũng “nấn” cho nàng khuôn mặt y hệt khuôn mặt của Mẹ – trừ đôi mắt. Mắt của Huyền buồn bao nhiêu thì mắt của bà Dư long lanh, rực sáng bấy nhiêu. Tuy có chút khác biệt ở đôi mắt nhưng nhiều người vẫn nhầm bà Dư và Huyền là hai chị em, vì bà Dư sinh Huyền khi Bà còn rất trẻ. Từ nhỏ, nghe bảo được giống Mẹ, Huyền rất vui thích và hãnh diện; vì Huyền thường nghe nhiều người trầm trồ là bà Dư đẹp, dù lúc đó Huyền chẳng hiểu rõ tính từ này.

Bà Dư đẹp, tính tình nhu mì, hiền thực và là dâu út nên Bà Nội của Huyền cưng bà Dư lắm; nhưng Huyền không hiểu tại sao các cô và mấy bà bác dâu đều không ưa bà Dư. Bà Nội của Huyền tu tại gia. Người cô thứ Hai của Huyền cai quản ngôi nhà từ đường, dãy nhà trước Nhà Đền, cạnh rạp xi-nê Tân-Quang, và khu phố lâu bên trái chợ Đầm.

Những hôm Bà Nội vào chùa, cô Hai cho mấy người giúp việc về quê nghỉ vài ngày rồi cô sai bảo bà Dư làm tất cả công việc mà mỗi ngày ba người giúp việc thường làm, rồi cô lại bắt bà Dư phải lau chùi bàn thờ. Lư hương bằng đồng, nặng lắm, bà Dư bung xuống không được, vậy là cô Hai có cơ hội chửi rủa Bà. Đợi cho cô Hai chửi “đã đời” rồi bà Dư lén nhờ chú tài xế của cô Hai bung lư hương xuống giùm. Sau khi bà Dư dùng tro lau chùi lư hương sạch bóng, chú tài lại bung để lên bàn thờ. Bà Dư làm gì Huyền cũng đi theo “như cái đuôi”, cụm từ này cô Hai dùng cho Huyền.

Huyền không biết và không nhớ bà Dư nấu nướng như thế nào; Huyền chỉ nhớ những lời dạy nghiêm của cô Hai: “Đàn bà gì chiêm miếng cá thu mà cũng không nên thân, để bẻ ra như vậy ai thèm ăn? Thứ dân trên núi không biết ăn cá hèn gì không biết chiêm.” Bà Dư lặng lẽ khóc. Huyền tựa người vào bà Dư. Bà Dư, một tay ôm Huyền, một tay làm việc. Huyền ngược nhìn cô Hai, người thường cưng chiều nàng, và thầm nghĩ: Ở nhà Ngoại có bao giờ Mẹ nấu nướng gì đâu. Ngay như chăm sóc

cho Huyền mà Ngoại cũng muốn riêng một bà vú thì làm sao Mẹ biết chiên cá. Như đọc được ý tưởng của Huyền qua ánh mắt, cô Hai nạt: *"Huyền, đi lên nhà trên chơi, để tao dạy má mày làm dâu."* Bà Dur sụt sùi, nói lỏng vòng tay: *"Con lên nhà trên chơi đi. Mai Má đón xe lửa, Mẹ con mình về Ngoại."* Cô Hai, một tay chống vào mạn sườn, một tay xia xói bà Dur: *"Mày đi đâu mày đi, không được dẫn con Huyền theo. Nó là cháu nội nhà này, mang họ nhà này. Mày mà dẫn nó ra khỏi nhà này là có mật thám theo liền, mày biết không?"* Như vạn vạn lần trước, bà Dur chỉ im lặng, khóc. Lúc đó Huyền không hiểu được mật thám là gì, nhưng Huyền lại liên tưởng đến phong thái quan liêu, nghiêm nghị của dưỡng Hai trong những bộ vét-tông rất đẹp, mũ "phớt" đội hơi nghiêng. Huyền chỉ thấy được dưỡng Hai bốn lần một ngày. Đó là buổi sáng từ nhà dưỡng đi ra xe hơi, chú tài xế đợi sẵn; trưa, chú tài đưa dưỡng về ăn cơm rồi dưỡng nghỉ trưa; xế, chú tài lại đưa dưỡng đi; chiều, rước dưỡng về. Ngoài những lần đó dưỡng chỉ ở trong phòng, đọc sách. Không ai, kể cả Huyền, được phép đến gần dưỡng, nếu dưỡng không gọi. Chỉ có ông Dur - Ba của Huyền - cô Hai và đôi khi các bác trai ghé nhà, mới được ăn cơm cùng bàn với dưỡng Hai.

Vì sống quá cách biệt cho nên, Huyền nghĩ, dưỡng Hai không hề biết cô Hai hà khắc với bà Dur như thế nào.

Huyền không nhớ bà Dur bị cô Hai hiếp đáp bao nhiêu lần nhưng Huyền lại nhớ những món ăn ở nhà hàng mà ông Dur thường chờ cô Hai đi chơi tứ sắc mới dám đưa mẹ con nàng đi ăn. Huyền đủ khôn để hiểu rằng ông Dur cũng sợ cô Hai cho nên Huyền hiểu tại sao bà Dur không dám mách lại ông Dur những điều bất công mà cô Hai đã dành cho Bà. Riêng Huyền, Trời ban cho tính thẳng thắn cho nên nàng thủ thi với ông Dur những gì nàng thấy, những gì nàng nghe. Những lúc đó ông Dur chỉ vuốt tóc Huyền và xoa nhẹ bờ vai của bà Dur: *"Kê, em. Chị Hai già rồi. Hơn nữa anh chị Hai nuôi anh ăn học, anh biết làm*

sao!” Bà Dư lại rung rung nước mắt: “*Răng anh không trở về Dalat?*” Ông Dư thở dài: “*Thú thật với em, một mình anh sống trong đồn điền trà của Ba em anh cô đơn lắm, anh chịu không nổi.*” Bà Dư lại sụt sùi: “*Anh về lại trên nó đi. Em sẽ xin Ba Mẹ cho em theo anh ra đồn điền.*” Ông Dư lắc đầu: “*Trước kia mình đã xin mấy lần mà Ba Mẹ cứ ngại người giúp việc sẽ không chăm sóc em và bé Huyền theo như ý của Ba Mẹ. Em nhớ không?*” Bà Dư lau nước mắt: “*Rứa thôi anh để em đem con về trên nó chứ ở đây, em không biết nấu nướng, không làm được việc nhà, bị chị Hai mắng nhiết hoài em chịu không được.*” Ông Dư vỗ về bà Dư: “*Anh biết. Thôi, em ăn đi, mình sẽ tính lại sau.*” Sau những lần đi ăn lén lút như vậy, bà Dư và Huyền phải vào nhà bằng ngõ sau - ngõ dành riêng cho người giúp việc đi chợ, đi gánh nước, đi kêu người hầu bài tứ sắc cho cô Hai, nếu cô Hai muốn xây sòng ở nhà.

Đôi khi sự lén lút trôi qua suôn sẻ. Nhưng cũng nhiều lần bị mấy người làm của mấy bác và mấy cô của Huyền bắt gặp rồi về mách lại để lập công. Những lần đó mấy bác trai sang rầy la ông Dư.

Thường thường các Bác và ông Dư dùng tiếng Việt để nói chuyện. Nhưng mỗi khi “cự nự” ông Dư các Bác đều “cự” bằng tiếng Tây và ông Dư cũng phân bua bằng tiếng Tây nên Huyền không hiểu. Các bác sùng sộ, đập bàn và nạt nộ ông Dư. Bà Dư, ngay từ khi thấy các Bác sang, đã sợ quá, vào trốn trong phòng. Huyền cũng sợ, nhưng thương Cha một mình bị ăn hiếp nên Huyền cứ cầm tay ông Dư và nép sát vào người Ông.

Những lúc đó Huyền nhớ Ngoại đến chảy nước mắt. Ở nhà Ngoại không ai dám nạt nộ ông Dư, không ai dám la mắng bà Dư, không ai làm cho bà Dư và Huyền phải sợ. Ở nhà Ngoại Huyền còn được đi xe hơi; còn ở đây xe hơi chỉ để cho cô dưỡng Hai, mấy bác trai và ông Dư. Mấy bác gái và các cô phải đi xe kéo. Riêng bà Dư và Huyền, chỉ khi nào Ngoại gửi mandat (danh từ này ngày đó Huyền nghe bà Dư nói hoài mà Huyền

không hiểu) cho hoặc là ông Dur lên cô Hai cho bà Dur tiền thì bà Dur và Huyền mới được đi xe kéo. Nhiều khi bà Dur bảo đừng đi xe kéo, tội nghiệp ông phu kéo xe. Huyền không hiểu thật sự bà Dur thương hại mấy ông phu kéo xe hay là Bà muốn hà tiện, để giành tiền lên cô Hai mua mía ghim, mua bông cỏ xi-rô đá bào hoặc mua bánh căn cho Huyền ăn.

Khi nào lên cho Huyền ăn quà vặt bà Dur cũng thút thít: “*Ở trên Ngoại Mẹ con mình mô có cực như ri. Mạ nhớ Ngoại dễ sợ. Con nhớ Ngoại không?*” Đang ăn ngon lành, nghe nhắc đến Ngoại, tự dưng Huyền thấy buồn quá nên gật gật đầu, rơm rớm nước mắt, hết muốn ăn. Thường thường bà Dur dễ dành cho Huyền ăn hết phần quà; nhưng một hôm, đang thủ thỉ với Huyền, bà Dur chợt bùm miệng, xoay sang hướng khác để...ói, nhưng không ỏi được. Rồi bà Dur khóc, nói một mình: “*Ói chao! Điệu ni chắc chết!*” Huyền không hiểu được thái độ và lời than của bà Dur cũng như Huyền không thể nào hiểu được những lời đay nghiến của cô Hai dành cho bà Dur mỗi khi cô thấy bà Dur ỏi: “*Mặt thì con nít mà cái...đít bà già, để sòng sọc như heo. Thứ đó ở trong nhà tao chi cho xui xẻo.*” Huyền hiểu chữ “xui xẻo”. Nhưng Huyền không biết ai bị xui xẻo chứ riêng bà Dur và Huyền thì may mắn vô cùng, vì được ông Dur đưa về Ngoại.

Sau một thời gian, bà Dur sinh em trai, đặt tên Phiêu. Huyền bắt đầu đi học trường tiểu học Domaine De Marie. Mỗi cuối tuần Ngoại bảo tài xế đưa bà Dur, hai con và bà vú vào đồn điền trà thăm ông Dur.

Những lần ở đồn điền trà Huyền thích, mỗi sáng, đứng trên thềm nhà cao, nhìn về hướng mặt trời để thấy ánh nắng mai lóng lánh trên những đồi trà còn đọng hơi sương. Sau khi sương tan, Huyền chỉ thấy quanh nàng một màu xanh ngút ngàn, kéo dài mãi đến cuối tầm mắt thơ dại của Huyền. Mỗi chiều Huyền thường lên ông bà Dur, ra nhà chứa trà tươi rồi leo lên tầng ba để nhìn ánh mặt trời đỏ rực khuất dần cuối trời xa. Những lúc đó

dường như màu xanh của những đôi trà trở nên sậm lại. Và những lúc đó Huyền thấy từng nhóm “cu-ly” (danh từ ngày đó thường dùng) phần đông là người thượng, sau lưng mang gùi, lũ lượt kéo nhau về nhà chứa trà tươi để cân trà, để ông cai chăm công.

Khi nào thấy Huyền trốn trên tầng ba để được nhìn mặt trời lặn, ông cai cũng hù dọa: “*Xuống. Xuống. Con gái chi mà hoang dã sợ. Nhà ni làm bằng cây, mái tôn, có chắc chắn chi mô mà cứ leo lên trên nớu hoài rứa? Xuống không thôi tui mách ông Đốc, bị đòn chết chừ.*” Mấy lần đầu Huyền không biết “mách ông Đốc” là mách ai. Sau, Huyền thấy ai gặp ông Dư họ cũng đều ngã nón hoặc mũ rồi cúi đầu “*Dạ, chào ông Đốc*” thì Huyền hiểu, mà Huyền không hiểu, vì Đốc không phải là tên của ông Dư.

Niềm vui êm đềm của Huyền và niềm hạnh phúc của gia đình Huyền kéo dài được một thời gian rất dài. Rồi một cuối tuần nọ, Huyền thấy ông Dư có một người bạn mà Ông gọi bằng Alain và bắt Huyền gọi bằng ông Duboir. Huyền nghe ông Dư nói với bà Dư, ông Duboir là con ông bà chủ đồn điền trà gần đây mà ông Dư tình cờ quen được trong một lần ông Dư đem một chú chó berger đi bác sĩ thú y tại Blao. (Sau này Blao được đổi tên thành Bảo-Lộc.) Ông Duboir đang theo học về ngành nhân chủng học, tại đại học Sorbone. Mỗi mùa Hè ông Duboir sang đây thăm gia đình và cũng để nghiên cứu về các sắc dân Á-châu.

Liên tiếp mấy mùa Hè, Huyền thấy ông Duboir và ông Dư thường hòa đàn với nhau. Ông Dư chỉ có Mandoline và Violon. Ông Duboir có Tây-Ban-Cầm, Clarinette và Hạ-Uy-Cầm. Huyền thấy ông Duboir dạy ông Dư đàn Tây-Ban-Cầm, Hạ-Uy-Cầm và Clarinette. Trong khi Huyền chỉ biết được những bài hát nhi đồng, do học lóm từ con của các bác các cô, như: “*Ông Tây đen nằm trong cái bồ, đánh cái trống thành bánh ga-tô. Ông Tây đen nằm trong cái bồ, đánh cái trống thành ra bánh*

dày.” hoặc: “*Kìa đàn vịt ngoi dưới ao hồ. Thằng bòm xòm vác que đuổi đánh. A, a, a, nó kêu quác quác, quác quác, chạy xơ xác, tan hàng*” thì ông Dur và ông Duboir hòa những bản nhạc lạ lẫm, Huyền chưa hề được nghe. Khi hai ông hòa đàn Huyền thường ngồi xếp bằng trên nền gạch hoa, lắng nghe một cách thích thú, dù Phiêu lúc nào cũng phá rầy Huyền.

Thỉnh thoảng ông Dur chờ Huyền sang đồn điền của gia đình ông Duboir. Huyền không hiểu tại sao ông Dur cũng bắt Huyền gọi Cha Mẹ của ông Duboir bằng ông bà Duboir. Nhà ông Duboir có một *piano* lớn lắm; sau này Huyền mới biết đó là *piano à queu*. Đôi khi Mẹ của ông Duboir cũng hòa đàn với ông Duboir và ông Dur, trong khi Ba của ông Duboir ngậm xì-gà, nằm nơi ghé bánh, lắng nghe. Nhiều khi Huyền thấy Mẹ của ông Duboir dạy ông Dur đàn piano.

Khi ông Dur cho Cha Mẹ ông Duboir hay rằng Huyền học trường Sơ, Ông Bà hỏi Huyền biết hát bản *Alouette* không? Ông Dur dịch cho Huyền nghe. Huyền trả lời “*Da, biết.*” Ông Bà Duboir bảo Huyền hát cho Ông Bà nghe. Huyền hát. Bà đệm *piano*. Ba của ông Dubour thích chí, hát theo. Khi hát chung với các bạn đồng lứa ở trường Huyền không nhận ra giọng của Huyền. Nhưng khi Ba của ông Duboir hát theo, Huyền nghe giọng Ông ồ ồ, giọng Huyền nhão nhệch nên mọi người được dịp cười... bể bụng.

Huyền thích gia đình ông Duboir từ đó nên xin Ngoại cho Mẹ và chị em của Huyền ở chơi lâu hơn vào mỗi mùa Hè.

Huyền không nhớ vào thời điểm nào thì bà Dur và Huyền mới biết, ngoài ông Duboir, ông Dur còn có thêm mấy người bạn Việt Nam. Chỉ lạ một điều là mấy ông bạn người Việt này chỉ đến thăm ông Dur vào lúc khuya, ở nhà sau - nơi để bàn “ping-pong” cho ông Dur, ông Duboir và nhân viên văn phòng chơi - sau khi bà Dur, Phiêu, Huyền, mấy người giúp việc và tài xế đi ngủ.

Sở dĩ Huyền biết được điều này là vì Huyền không thích ngủ một mình, cho nên, thỉnh thoảng Huyền ôm gối chạy sang phòng ông bà Dư. Nhiều lần không thấy ông Dư mà Huyền lại thấy ánh đèn từ nhà sau. Huyền hỏi. Bà Dư bảo ông Dư đang tiếp khách, im, ngủ đi. Huyền ngủ. Rồi một hôm Huyền giật mình thức giấc vì tiếng của ông Dư nói rất nhỏ: *“Người ta kết nạp mình không tham gia thì thôi, chuyện gì mà sợ?”* Bà Dư bảo: *“Răng anh không dứt khoát, biểu họ đừng lui tới với anh nữa để mình khỏi phiền hà về sau?”* Ông Dư thở dài: *“Không dễ như em nghĩ đâu. Mình phải khéo léo, từ từ, nếu không họ cho mình vào bẫy là chết!”* Không thể nào Huyền hiểu được câu chuyện. Nhưng Huyền hiểu phần nào câu cuối của ông Dư và Huyền không hiểu được tại sao Huyền lại liên tưởng đến những người “bạn khuya” của ông Dư. Huyền cảm thấy không thích họ.

Huyền nhớ, đêm đó mưa lớn và gió nhiều, Huyền không dám ngủ một mình, lại chạy qua phòng ông bà Dư. Phiêu ngủ nơi phòng khác với bà vú. Dường như ông bà Dư đang bàn về một vấn đề rất hệ trọng cho nên ông Dư bảo: *“Con về phòng con mà ngủ. Ba Má đang nói chuyện.”* Huyền tui nghi, đứng sượng nơi cửa phòng. Bà Dư can thiệp: *“Vô đây, con. Anh ni kỳ. Trời mưa, sấm sét, con hấn sợ mà anh không cho con ngủ với mình.”* Ông Dư xoa tóc Huyền: *“Thì anh ngại con nó nghe, rui nó đại miệng thì phiền.”* Bà Dư kéo Huyền vào lòng: *“Con hấn còn con nít, biết chi mô. Anh nói chi nói nhỏ nhỏ, để con hấn ngủ.”* Huyền không ngủ được, không hiểu vì mưa gió sấm sét hay là vì tính tò mò. Trong câu chuyện giữa ông bà Dư, Huyền chỉ nghe tiếng được tiếng mất. Khuya lắm, mưa dứt. Huyền nghe được giọng ông Dư: *“Nó chỉ là một thằng Tây con, còn đi học chứ nó có hại ai đâu mà kết tội nó là thực dân.”* Lại tiếng rầm rì. Ông Dư lại bảo: *“Anh trả lời với họ là anh không thể dàn cảnh như vậy được. Nó đến và đi khi nào thuận tiện cho nó chứ anh đâu có phương tiện liên lạc với nó.”* Ngưng một chốc,

ông Dư tiếp: *“Dù có phương tiện đi nữa anh cũng không thể làm chuyện ác đức, tà trời như vậy được!”* Lại tiếng râm rì. ông Dư thờ dài: *“Họ cho anh một tuần, buộc anh phải thực hiện thành công đúng theo kế hoạch họ đã đề ra.”* Bà Dư hỏi: *“Nếu không?”* Ông Dư bảo: *“Anh không tiên liệu được điều gì sẽ xảy ra.”* Ông Dư im lặng, thờ dài.

Sáng sớm hôm sau, ông Dư mặc áo mưa của chú tài xế xe nhà, đi thẳng đến nhà chứa trà tươi, ngồi chung với những bao trà tươi, để đi Blao.

Huyền rất ngạc nhiên. Đây là chuyến xe vận tải (chị em Huyền đặt tên xe này là xe mập) thường ngày chở trà tươi ra Blao giao cho nhà máy sấy trà, rồi nhận trà khô của những chuyến trước, chở về. Thường thường, nếu ông Dư chỉ đi kiểm soát quanh những đồi trà, hoặc nhà chứa trà tươi, trà khô, hoặc khu chung cư của nhân viên, ông Dư tự lái chiếc Land Rover, đi cùng với ba chú bergers. Nếu phải đi ra khỏi đồn điền, lúc nào ông Dư cũng bảo tài xế xe nhà đưa đi. Tại sao sáng đó ông Dư không bảo chú tài xế xe nhà đưa đi? Tại sao ông Dư không mặc áo mưa của Ông mà lại mặc áo mưa của chú tài? Tại sao ông Dư không ngồi cạnh chú tài “xe mập” mà lại ngồi lẫn vào những bao trà phía sau thùng xe? Không thể nào Huyền tìm ra giải đáp cho những thắc mắc này; cũng như không thể nào Huyền hiểu được tại sao, kể từ hôm đó, ông Duboir không đến chơi với ông Dư nữa và ông Dư cũng không đưa Huyền sang chơi với gia đình ông Duboir nữa.

Huyền thấy bà Dư có vẻ lo lắng, bồn chồn trong khi ông Dư vẫn cứ đàn một mình, chơi bóng rổ hoặc chơi bóng bàn với nhân viên văn phòng. Thấy thái độ vô tư của ông Dư, bà Dư cần nhắc. Ông Dư bảo: *“Sống là để đối phó hoặc trực diện với hiện tại chứ sống không phải để lo âu cho những gì chưa đến.”* Lúc đó Huyền không hiểu ông Dư nói gì. Sau này ông Dư thường lặp lại câu ấy để dạy Huyền cho nên Huyền mới nhớ. Khi nào bị bà Dư cần nhắc nhiều quá, ông Dư lại bảo bà Dư đưa hai con về

Dalat. Bà Dư không chịu: *“Em không bỏ anh một mình ở đây được. Hay là anh cùng về Dalat rồi Ba Mạ em thuê người khác thay anh một thời gian?”* Ông Dư khước từ: *“Anh là người có trách nhiệm. Hơn nữa, anh ở đâu họ cũng tìm ra, nếu họ muốn.”*

Chỉ sau vài ngày, chuyện “bí mật” giữa ông bà Dư và “họ” bị Huyền quên mất. Sự vắng mặt của ông Duboir cũng chẳng làm Huyền bận tâm; vì Huyền có niềm vui mới. Huyền được ông Dư cho đi theo trong tất cả những lần Ông lái Land Rover đi vòng vòng mấy đồi trà. Đôi khi ông Dư còn lái luôn vào một “buôn” người Thượng và giải thích cho Huyền đời sống của người Thượng. Nhờ những lần vào “buôn” Thượng Huyền mới thấy được vài loài thú như bò, trâu, heo và voi. Huyền không mấy thích thú khi nhìn những đứa bé đen đúa, hom hem, trạc tuổi Huyền mà phải đi chân đất, không có - hay là không mặc - áo quần như người Việt. Huyền chỉ thích nhìn màu xanh của những vườn trà và của cây rừng đồi màu theo độ sâu hoặc chiều cao của những ngọn đồi. Huyền cũng thích tiếng róc rách của con suối nhỏ chia cách đồn điền trà của Ngoại và đồn điền của gia đình ông Duboir.

Trong những lần đi theo ông Dư, Huyền luôn luôn hỏi Ông những câu chẳng đâu vào đâu. Ông Dư chỉ cười, xoa đầu con: *“Cha mày! Lớn lên con sẽ biết.”* Khi ăn cơm ông Dư thường kể lại cho bà Dư nghe những câu hỏi của Huyền rồi kết luận: *“Con nhỏ tò mò và giàu óc tưởng tượng lắm đó, em.”*

Trong tất cả những điều mà khối óc non nớt của Huyền thường tưởng tượng Huyền nghĩ không bao giờ có hình ảnh những khuôn mặt hung tợn của mấy ông Tây mang súng, xông vào nhà trong khi ông Dư uống chưa xong ly cà-phê sữa buổi sáng.

Ông Dư vừa đứng lên, chưa kịp chào hỏi thì một ông Việt-Nam từ đâu chạy vào, bảo: *“Anh không được trực tiếp nói chuyện với mấy ông Tây này. Anh phải nói qua tôi, tôi dịch*

lại.” Lúc này nhân viên bên văn phòng chạy sang, đứng xa xa dưới mấy bậc cấp, nhìn vào. Huyền bước đến cạnh ông Dur nhưng bị ông Việt-Nam hét, đuổi đi. Bà Dur và Phiêu khóc lớn nên Huyền không nghe được những gì ông Dur và ông Việt-Nam nói qua hỏi lại. Một lúc sau, ông Dur ngồi nơi ghé với một ông Tây ôm súng canh chừng; còn tất cả kéo nhau lục tung mọi thứ trong nhà trên, các phòng ngủ, nhà sau, nhà bếp và nhà xe. Huyền không khóc nhưng sao nước mắt cứ ứa ra, đưa tay quẹt hoài không hết. Huyền đi theo họ xem họ tìm cái gì.

Họ sang văn phòng của ông Dur, cũng lục tung mọi thứ. Họ trở lại nhà, dẫn ông Dur sang kho trà khô. Trà này đã vào bao từ ngoài Blao, sẵn sàng chuyển đến các đại lý. Họ dùng lưới lê đâm thủng, gần như đâm nát từng bao trà. Không tìm ra được những gì họ muốn, họ dẫn ông Dur đến nhà chứa trà tươi. Nơi đây, trà tươi được rải mỏng trên mỗi tầng nhà để phơi cho heo héo một tý rồi mới cho vào bao, đem ra nhà sấy trà ngoài Blao. Họ cũng đào xới đủ mọi ngõ ngách. Huyền lại muốn đến cạnh ông Dur nhưng mấy ông Tây ôm súng không cho. Huyền ngẩng nhìn những đôi giày đinh bước rầm rập trên chiếc thang gỗ mong manh mà Huyền thường leo lên tầng ba để bị ông cai hù dọa, đòi “mách ông Đốc”. Một lúc sau, họ leo xuống với thái độ và giọng nói đầy hằn học. Huyền nghe tiếng xầm xì của mấy bác mấy chú nhân viên văn phòng: “*Tụi nó tìm ra rồi.*” Huyền không hiểu “tụi nó” tìm ra cái gì nhưng Huyền linh cảm được điều bất an.

Trong khi mọi người chộn rộn, Huyền khom người, luôn lách qua mấy ông Tây cầm súng để đến cạnh ông Dur. Ông Dur giật mình khi thấy Huyền. Ông Dur ôm Huyền. Huyền ngẩng nhìn ông Dur và thấy những bắp thịt trên mặt ông Dur giật liên hồi. Ông Dur nói nhỏ và nhanh: “*Con nói Má qua gặp ông Duboir...*” Ông Dur nói chưa hết câu và Huyền chưa kịp “dạ” thì một bàn tay xôm xòm kéo Huyền ra khỏi tay ông Dur và đôi

tay xồm xoàm khác kéo hai tay ông Dư ra phía sau, móc cái còng vào, bấm chặt.

Họ dẫn ông Dư đến chiếc xe bít bùng, đẩy Ông vào. Bà Dư và Huyền chạy theo. Họ đẩy bà Dư và Huyền ra. Bà Dư vật vã, lăn lộn trên nền đất đỏ. Huyền đứng trơ, nhìn chiếc xe chạy đi, theo sau là chiếc xe nhà binh chở mấy ông Tây và ông Việt-Nam hách dịch.

Hai chiếc xe đã khuất nơi cuối con dốc nhỏ nhưng nhóm nhân viên văn phòng, tài xế và người giúp việc cùng tất cả “cu-ly” đều sợ liên lụy, không ai dám đến gần bà Dư và Huyền. Bà Dư, đầu tóc rũ rượi, ngồi khóc tỳ tê dưới góc vông già và Huyền đứng trơ nhìn theo con đường đất đỏ dẫn đến con dốc nhỏ.

Huyền biết, cuối con dốc nhỏ xe sẽ qua chiếc cầu gỗ, rồi xe sẽ lên dốc, chạy dọc theo vườn trà trên ngọn đồi đối diện với ngọn đồi mà gia đình Huyền đang rơi vào thảm trạng ngoài sức chịu đựng của bà Dư và ngoài sự hiểu biết của Huyền. Khoảng cách giữa hai ngọn đồi Huyền có thể thấy bằng mắt từ nơi mây bặc cấp trước nhà, cho nên Huyền chạy vội về nhà, bỏ mặc bà Dư ngồi khóc một mình.

Huyền đứng lặng trong ánh nắng chan hòa. Thường ngày, đối với Huyền, con đường đất đỏ nơi ngọn đồi đối diện như giải lụa rực rỡ vắt ngang vùng không gian xanh ngát. Giờ phút này tất cả không còn nữa, chỉ có hai chiếc xe màu dưa cải đang “bò” chầm chậm, từ xa trông như hai con bọ hung mà Huyền rất sợ và ghê tởm mỗi khi thấy nó bò quanh gốc cây trà.

Huyền không nhớ bao lâu sau đó, bà Dư đến, ôm Huyền: “*Vô lấy đồ đi về Ngoại, con.*” Huyền gỡ tay Mẹ ra: “*Không. Con không về Ngoại. Con qua ông Duboir.*” Bà Dư ngạc nhiên, nhìn sững Huyền. Sau khi nghe Huyền lập lại câu chuyện, bà Dư quỳnh lên, không thèm thay đồ hoặc trang điểm, Bà bảo chú tài xe nhà đưa ba Mẹ con sang đồn điền của gia đình ông Duboir.

Trên con đường đất đỏ quen thuộc mà trước đó vài tiếng đồng hồ ông Dur bị áp giải như một tên tù, Huyền nhìn lại và ghi nhận tất cả hình ảnh Huyền yêu thích; vì Huyền linh cảm rằng sẽ không bao giờ Huyền được trở lại đây - nơi đã giấu kín một khoảng đời thơ dại của Huyền cũng như đã giấu kín sự “bí mật” mà mấy ông Tây đã tìm ra để kết tội ông Dur.

Vài hôm sau đích thân ông Duboir chở ông Dur về nhà Ngoại. Mọi người trong gia đình đều túa ra, mừng rỡ, kể cả mấy chú bergers. Tiếng sủa vang rân của mấy chú bergers không át được tiếng ho khan của ông Dur. Ông Dur đi không nổi. Ông Duboir và cậu của Huyền phải kè hai bên, dìu ông Dur vào nhà.

Vừa ngồi vào xa-lông, ông Dur ho mạnh một cái và một búng máu phun ra. Bà Dur nhào đến bên ông Dur trong khi ông Ngoại hét to, bảo chú tài lái xe đi mời bác sĩ. Ông Dur thều thào: *“Anh bị tui nó đánh như xương. Nếu Alain vào trễ một ngày nữa thì chắc anh chết rồi!”*

Ngay đêm đó Ngoại đem mấy va-ly ra xe, bảo chú tài chở đi đâu Huyền không biết. Ông bà Dur bị “nhốt” trên lầu, ăn uống và mọi điều cần thiết đều do chính bà Ngoại đem lên. Huyền và Phiêu được gửi sang nhà Di Mười, trên đường Phan-Đình-Phùng, để đi học, dưới danh nghĩa con nuôi. Huyền và Phiêu cũng được nghiêm dặn rằng hai chị em đều mò côi, không biết Cha Mẹ là ai và hiện sống ở đâu.

Thời gian này Phiêu và Huyền gia nhập Gia-Đình Phật-Tử; nhưng Huyền lại thân với nhỏ Áng-Vân, gia đình theo đạo Thiên Chúa. Gia đình Áng-Vân thuê một căn trong dãy nhà của dì Mười. Mỗi đêm gia đình Áng-Vân đọc kinh, âm vang trầm bổng, nghe lạ và hay lắm. Huyền để ý, trong những lần cầu kinh, gia đình Áng-Vân thường đọc: *“Xin Chúa cho con hằng ngày dùng đủ.”* Huyền lấy làm lạ nhưng không dám hỏi người lớn, đành hỏi Áng-Vân: *“Nè, sao nhà mày kỳ vậy? Xin Chúa thì xin nhiều nhiều chứ chỉ xin dùng đủ thì xin làm chi cho mất*

công.” Áng-Vân đáp: “*Tao biết đâu.*” Nhờ Áng-Vân mà Huyền vui, ít đòi lên về thăm Ngoại, ông bà Dư và các cậu, dì.

Đến một lúc nào đó, Huyền nghĩ, ông Dư chịu không được cảnh tù quần trên lầu cho nên lên đưa vợ con về lại Nhatrang.

Lúc này Huyền vừa lớn và đủ khôn để hiểu, theo những lời thuật lại của gia đình bên Nội, tất cả tài sản của Bà Nội và của các cô bác đều bị Pháp tịch biên, chỉ có ngôi tháp trên Núi Một, do dân quanh vùng này đúc, dựng lên và khắc tên Ông Nội của Huyền, sau khi Ông mãn phần, thì còn. Khi hay tin này, lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất trong đời, Huyền thấy ông Dư khóc! Huyền cũng nghe bà con xầm xì dựng Hai và bác Bảy của Huyền thoát ly ra chiến khu. Huyền không hiểu vì Dượng và Bác của Huyền đi chiến khu nên tài sản bên Nội của Huyền bị tịch thu hay là ngược lại.

Sau đó không lâu, bất ngờ gia đình Ngoại ghé nhà, cho ông bà Dư hay tất cả tài sản của Ngoại, kể cả đồn điền trà và lò bánh mì cạnh chợ Dalat, đều bị Pháp tịch thu vì họ kết tội Ngoại có liên hệ và đã che chở cũng như giúp phương tiện để một người hoạt động cho Việt-Minh đào thoát! Đêm đó mọi người trong nhà đều buồn, khóc; chỉ có ông Dư ngồi một mình dưới gốc dừa, lặng lẽ châm hút điếu thuốc này đến điếu thuốc khác.

Đêm đó nhìn dáng vẻ cô đơn, khắc khổ của ông Dư, Huyền thương Cha quá nhưng không biết cách nào để biểu lộ, vì Huyền đang ở vào thời kỳ “trở mã”, hay mắc cỡ.

Vài hôm sau, khi từ già gia đình ông bà Dư về Huế, Ngoại ôm Huyền, khóc, làm Huyền cũng khóc theo. Ngoại nói lớn cho ông bà Dư cùng nghe: “*Khi mô con có chồng, Ngoại vô, hỉ. Nì, nhớ tìm nhà mô không bắt hấn làm dâu thì mới gả, để tránh máy ông chú mụ o nhờn môm, nghe.*”

Mấy năm sau, khi người đại diện gia đình “chàng” đến xin phép ông bà Dư cho gia đình “chàng” đến “xem mắt” Huyền, bà Dư đưa điều kiện tiên quyết như Ngoại đã dặn. Gia đình “chàng” chấp thuận.

Huyền nhớ, sáng hôm đó, sau khi mọi người chào hỏi nhau và ngồi vào xa-lông, bà Dur - đã sắp đặt từ trước - gọi Huyền đem nước ra mời khách. Vì đã biết trước những người khách này là ai và cũng vì thấy “chàng” lấp ló nơi cửa sổ, Huyền run quá, không dám bước ra. Bà Dur tưởng có trở ngại gì nên vào thúc. Huyền run run, cúi mặt, bung khay nước đi sau lưng Mẹ. Bà Dur cố tình tránh sang một bên để “khách” dễ thấy Huyền. Vừa thoáng thấy Huyền, giọng một người đàn bà làm cho khay nước trên tay Huyền trông tránh thêm: *“Ui chao! Người ni coi bộ hiền quá, không... trị được thằng con của tôi mô!”* Huyền hoàn toàn mất bình tĩnh, không kịp chào ai cả, chỉ vội vàng đặt mấy tách trà xuống bàn rồi bước vội vào nhà sau, đi thẳng xuống bếp. Bà Dur bước theo. Huyền nhìn bà Dur như một kẻ phạm tội đang xin ân huệ. Bà Dur nghiêm giọng: *“Con nghe Mẹ câu ấy nói gì không?”* Huyền im lặng. Không phải đến giờ phút này nghe người Mẹ chơn chất, thiết tha của “chàng” nói Huyền mới hiểu “chàng”. Huyền đã biết và đã nghe rất nhiều, nhưng trái tim, vì bị nhốt kín trong lồng ngực, nên không chịu nghe, không chịu thấy, không chịu biết sự thật mà chỉ nghe, tin và nhớ những lời “chàng” thề ước. Bà Dur tiếp: *“Mẹ nghĩ cậu ta phải...ghê lắm, phải...đỡ sợ lắm nên chính mẹ ruột của cậu ta mà còn nói như rứa hướng chi ai.”* Huyền sụt sùi: *“Dạ, con biết.”* Bà Dur lại hỏi: *“Con biết như rứa, tại rằng con bằng lòng lấy cậu ta làm chồng?”* Huyền không trả lời được. Huyền chỉ khóc. Bà Dur ngại Huyền sẽ khóc nhiều hơn nên Bà dịu giọng: *“Chừ cũng chưa muộn để con thay đổi ý định. Con nghĩ lại đi.”* Huyền tựa vào tường để khỏi quy ngã. Vừa khi đó, ông Dur xuất hiện, vì thấy bà Dur và Huyền vắng mặt hơi lâu nên sốt ruột. Nghe bà Dur nêu ra vấn đề, ông Dur cúi đầu, chíp miệng: *“Anh cũng nghĩ như em.”* Bà Dur than: *“Thiếu chi nơi, thiếu chi người, tại rằng con phải lấy một người mà con biết trước rằng người nó sẽ đem đau khổ và phiền não đến cho đời con?”* Huyền vẫn không trả lời câu hỏi của bà Dur được. Ông Dur

ng nghiêm nghị nhìn Huyền: *“Huyền! Con lớn rồi. Ba cho con quyền chọn lựa. Con còn đủ thời gian và cơ hội để từ chối cuộc hôn nhân này.”* Huyền cảm thấy quận thắt trong lòng, tuồng như tim nàng đang hăm dọa, nếu nàng không nhận lời cầu hôn của “chàng” thì tim nàng sẽ ngưng đập! Ông bà Dur nhìn Huyền, chờ đợi. Một lúc lâu lắm, Huyền thu hết can đảm: *“Dạ, thôi, Ba Mẹ cứ ... cho con đi.”* Ông Dur lại chíp miệng, lắc đầu. Bà Dur quyết liệt: *“Nếu con vẫn quyết định lấy cậu ấy thì sau này đừng bao giờ con than thở hay khóc với Ba Mẹ.”* Huyền im lặng.

Tối hôm đó là lần thứ hai và cũng là lần sau cùng trong đời, Huyền thấy ông Dur ngồi một mình dưới gốc dừa, lặng lẽ chiêm hết điều thuốc này đến điều thuốc khác. Huyền thương Cha quá nhưng Huyền không biết phải hành động như thế nào để cả hai người đàn ông nàng cùng thương đều được vui lòng.

Huyền đành mang trong lòng dáng vẻ cô đơn, khắc khổ của ông Dur và lời đe dọa của bà Dur suốt đoạn đường tình đầy giông bão của nàng! Nhờ thừa hưởng sự nhẫn nhục vô bờ và sự chịu đựng bền bỉ của bà Dur, và cũng vì lời hăm dọa của bà Dur, Huyền gánh chịu tất cả phũ phàng, gian trá mà đời đã dành cho nàng chứ nàng không than van với bất cứ một người nào cả.

Vậy mà có một người hiểu được Huyền; người đó là Mẹ của “chàng” mà Huyền gọi bằng Mẹ.

Mẹ thường bảo Huyền: *“Kệ nó. Con cứ cơm mình, mình ăn, nhà mình, mình ở, con mình, mình nuôi. Một lúc hấn chán, hấn về.”* Huyền biết, như bao nhiêu lần trước, “hấn” sẽ về, nhưng về với những món nợ khổng lồ, về với sự thất bại ê chề! Khi nào cơn hoạn nạn qua đi “hấn” lại “dông” theo những người đàn bà khác! Đôi khi thấy Huyền mất tinh thần và xuống sắc quá Mẹ lại rầy: *“Con để xuống sắc quá, đàn ông hấn nản. Con nghe lời Mẹ, ăn uống, tâm bố, giữ gìn tâm thân. Con cứ chăm sóc dạy dỗ các cháu, chăm sóc nhan sắc của con và sống vui, xem như không có hấn là hấn sợ.”* Huyền không biết “hấn” có sợ hay không chứ Huyền thì Huyền sợ quá; vì lúc nào “hấn” cũng bịa

chuyện đổ lỗi cho Huyền để bào chữa tội lỗi của “hắn”. Huyền bị mặc cảm nặng nề. Huyền không muốn liên hệ hoặc tiếp xúc với ai cả. Huyền bị bệnh trầm cảm. Đến khi biết sức chịu đựng của Huyền đã cạn kiệt và tình trạng gia đình của nàng không thể nào hàn gắn được, Mạ đã dạy nàng: *“Con hành xử với hắn như thế nào Mạ cũng không trách con. Mạ vẫn thương con. Mạ chỉ có hai điều dặn con. Thứ nhất, trong mọi tình huống của cuộc đời, con phải phấn đấu để sống, đừng bao giờ đầu hàng nghịch cảnh. Thứ hai, đừng bao giờ bỏ con của con. Về sau, về già, con sẽ thấy, ai rồi cũng xa mình, chỉ có con nó mới hôm sớm với mình thôi.”* Suốt cuộc đời đầy cay đắng, khổ lụy của Huyền, nàng mang theo trong lòng lời dạy của Mạ.

Nhìn các con của nàng trở thành những người hữu ích cho xã hội và cho gia đình, Huyền thâm tạ ơn Mạ. Nếu Mạ không khuyên như Huyền, có thể, trong một lúc nông nổi nào đó, hoặc là Huyền đã chối bỏ cuộc đời cho xong một kiếp trầm luân; hoặc là Huyền đã bỏ các con để tìm hạnh phúc riêng cho nàng thì liệu các con của nàng có được như ngày hôm nay hay không? Huyền nghĩ rằng không; bởi vì người mình có câu: “Mồ côi cha ăn cơm với cá. Mồ côi mẹ lột lá mà nằm!”

Nghe tin Mạ bệnh, Huyền trở về quê thăm Mạ. Mạ già quắt queo. Mạ nằm trên chiếc giường cũ, manh chiếu te tua, trong một căn nhà rất âm thấp, chật chội. Tài sản của Mạ, Mạ đã “hiến” cho nhà nước để “hắn” và anh em của “hắn” được ra tù. Nhưng Mạ chờ đợi hoài vẫn không thấy nhà nước khoan hồng cho “hắn” và các con của Mạ trở về.

Lúc hay tin tài sản của Mạ bị nhà nước tước đoạt, các con của Huyền gửi tiền về giúp Mạ mua sắm các vật dụng cần thiết cho căn nhà nhỏ bé này. Vì vậy, Huyền hỏi Mạ chứ nệm đâu mà Mạ nằm như vậy, đau lưng chịu sao nổi? Mạ bảo: *“Mấy đứa hắn lấy rồi.”* Huyền hiểu, “mấy đứa” là con gái và con dâu của Mạ. Huyền nhìn quanh căn phòng trống trơn, hỏi Mạ chứ TV và tủ lạnh đâu? Mạ cũng thần nhiên, cười, đáp: *“Mấy đứa hắn cần,*

hắn lấy rồi. Mẹ già, cần chi mấy thứ nó. Con nói mấy cháu đừng mua nữa, tốn tiền.” Mẹ vỗ vỗ lên manh chiếu: “*Ngồi đây. Ngồi đây, Mẹ nói cái gì cho mà nghe.*” Huyền ngồi cạnh Mẹ. Huyền không dám nhìn thân hình gầy guộc của Mẹ cũng như Huyền không bao giờ dám nhìn thân hình tàn tạ của ông bà Dư. Huyền muốn cầm tay Mẹ, nhưng cũng như đối với ông bà Dư, Huyền không dám cầm. Trong ý nghĩ của Huyền, ông bà Dư và Mẹ là những quý vật dễ vỡ. Nếu Huyền chạm vào, biết đâu quý vật ấy sẽ vỡ; và nếu vỡ thì không thể nào thay thế được. Vì vậy Huyền nhìn lơ chỗ khác. Mẹ tiếp: “*Khi trước, lúc Mẹ còn khỏe, Mẹ đi thăm hắn hoài; chừ Mẹ yếu, Mẹ ít đi. Khi mô gặp Mẹ hắn cũng hỏi thăm con với mấy đứa nhỏ. Nghe mấy đứa nhỏ học hành đỗ đạt hắn mừng lắm. Hắn nói hắn biết ngày trước hắn quá tệ bạc đối với mẹ con của con. Hắn ân hận nhiều lắm. Hắn chỉ mong được dịp để chuộc lại tội lỗi với con. Nghe tin con vẫn chưa... bước thêm bước nữa, hắn cảm động...*” Huyền thoáng giật mình. Huyền không lập lại cuộc đời vì lý do riêng của nàng chứ không phải nàng “ở vậy” để chờ “hắn” ra tù! Sự thật là như vậy, nhưng Huyền không nở và không dám nói cho Mẹ hay. Huyền vội hướng câu chuyện sang vấn đề sức khỏe của Mẹ rồi lấy từ trong xách mấy chai thuốc bổ: “*Loại thuốc này rất tốt cho người lớn tuổi. Con biếu Mẹ vài chai, Mẹ dùng thử. Nếu Mẹ thấy công hiệu thì cho con biết, con sẽ gửi về thường xuyên*”. Mẹ cười. Miệng Mẹ móm. Nụ cười móm của Mẹ trông dễ thương không khác chi nụ cười móm của Ngoại, ngày trước.

Mấy hôm sau trở lại thăm Mẹ, vô tình Huyền cầm lọ thuốc bổ đã khai, lắc nhẹ và cảm biết số lượng thuốc trong lọ tiêu hao nhiều hơn lời dặn. Tưởng Mẹ lạm dụng thuốc, Huyền vội hỏi. Mẹ bảo: “*Không. Không. Mỗi ngày Mẹ uống một viên và cho con chó một viên.*” Huyền tròn mắt nhìn chú chó ốm nhom, đang nằm khoanh dưới giường của Mẹ. Biết Huyền nghĩ gì, Mẹ bảo: “*Kệ nó, con. Hắn cũng là sinh vật như mình. Hắn ốm tong ốm teo, cho hắn uống kéo tội. Mẹ sống như ri là đầy đủ lắm rồi.*”

Mạ thấy nhiều người ngày xưa cũng giàu sang, quyền bính lắm, chừ không có cơm ăn, thành ra Trời Phật cho Mạ như ri là Mạ vui, Mạ cảm ơn Trời Phật. Mạ không xin điều chi nữa mô.” Người giúp việc cho Mạ lại kể, với số tiền ít oi từ Mỹ gửi về hằng tháng, mỗi tuần Mạ đổi ra tiền lẻ để phân phát cho những người ăn xin ngồi dọc theo hai bên bậc cấp trước chùa Vĩnh-Nghiêm.

Ôi, mấy mươi năm qua Huyền chỉ biết Mạ như một người đàn bà khuê các, đẹp dịu dàng, xuất thân từ một gia đình khiêm cung; một người Mẹ hiền thực, lúc nào cũng hy sinh và tận tụy với chồng con; một người đã thay bà Dư để vỗ về, an ủi, giúp Huyền vượt qua được đoạn đường đời đầy phong ba bão tố chứ Huyền không biết Mạ còn có trái tim Bò-Tát.

Nhìn Mạ già nua, Huyền liên tưởng đến hình dáng hom hem của bà Dư. Thấy rõ sự tàn tạ kinh khiếp của hai người đàn bà thân thiết trong đời, Huyền sợ; vì đó chính là tương lai gần của nàng!i

Ôn lại đoạn đường đời đã qua của ông bà Dư, Mạ và của Huyền, Huyền thấy cuộc đời này chẳng là gì cả. Những người hiền lành, đạo đức thường là nạn nhân của dòng đời chứ không hẳn là những người được ân sủng của Đất, Trời! Và Huyền cảm thấy không còn thiết tha với bất cứ điều gì trên cõi đời này nữa, kể cả sự sống. Vậy mà khi bác sĩ cho Huyền biết sự nghi ngờ của Ông về lần thí nghiệm vừa qua của nàng thì Huyền lại sợ bệnh và sợ chết!

Trong thời gian chờ đợi nhiều cuộc thí nghiệm liên tiếp, Huyền thường nghĩ đến lời khuyên của Mạ và Huyền cũng nhớ lại câu ông Dư thường dạy nàng: *“Sống là để đối phó với hiện thực chứ sống không phải để lo âu cho những gì chưa đến.”* Rồi Huyền lại nhớ lời nói của tài tử Suzanne Somers khi cô biết cô bị chứng bệnh nan y: *“Tiền tài và danh vọng đều là ngu xuẩn. Tôi chỉ muốn được sống thôi.”* Huyền không có tiền, tài và danh

vọng, nhưng Huyền cũng chỉ muốn được sống thôi, dù sống cũng chỉ để chịu đựng sự hủy diệt của thời gian.

Dòng ý tưởng của Huyền vừa đến đây, nàng chợt nghe tiếng “kịch” khô khan. Rồi ánh sáng lùa vào từ dưới chân nàng.

Sau khi Huyền thay chiếc áo của phòng điện tuyến xong, cô nhân viên điện tuyến hỏi:

- Có ai đưa bà đến đây hay không?

- Có. Con gái tôi.

Cô chuyên viên điện tuyến vừa trao áo lạnh cho Huyền vừa lầm bầm:

- Vậy thì tốt. Thời tiết bên ngoài tệ lắm. Tôi ghét mùa Đông ở xứ này.

Huyền chợt nhớ đến lời cầu xin của gia đình nhỏ Áng-Vân ngày xưa rồi thầm nghĩ: *“Xin Trời Phật cho con từng ngày. Con sẽ không ghét bất cứ một ngày nào của Trời Đất. Con chỉ xin mỗi sáng thức giậy, lái xe đến sở làm, chiều lái về bình an...”*

Vừa khi đó cô con gái của Huyền lập ló bên ngoài khung cửa kính, đưa mấy ngón tay vẫy Huyền rồi cười. Huyền cũng cười và tiếp nối ý nghĩ vừa bị cắt ngang: *“...và cuối tuần cho con được thấy những khuôn mặt thân yêu, như khuôn mặt bên kia khung cửa kính, là con vui và con biết ơn Trời Phật, biết ơn đời.”*

Sau khi chọn cho mình thái độ sống, Huyền mỉm cười một mình và lòng cảm thấy thanh thản lạ thường. Sự thanh thản và bình an trong hồn dường như toát ra trên gương mặt cho nên cô ý tá nhìn Huyền, vừa mở cửa phòng cho con gái của nàng bước vào vừa nói:

- Bà trông an bình, tự tại, hoàn toàn khác hẳn với thái độ ủ rũ, âu lo lúc bà mới đến đây. Thật là tuyệt diệu.

Huyền cười, nửa đùa nửa thật, hỏi:

- Cô biết tôi nghĩ gì khi trời lạnh và mưa xối xả như thế này không?

Cả cô y tá và con gái của Huyền đều lắc đầu, cười, chờ đợi.
Huyền bảo:

- Tôi nghĩ đến bài Have You Ever Seen The Rain? và giọng ca khàn khàn của Rod Stuart.

Cả ba người lại cười. Giọng cô y tá có vẻ cảm động:

- Tôi ước gì tất cả bệnh nhân đến đây đều có thái độ và ý tưởng lạc quan như bà.

Huyền và cô con gái cười, chào tạm biệt cô y tá.

Trong khi cô con gái của Huyền mở dù ra, Huyền cố nghĩ xem bản Have You Ever Seen The Rain bắt đầu như thế nào.

Che chung một cái dù với cô con gái, Huyền vừa chạy lúp xúp trong mưa để ra bãi đậu xe vừa nghe ngao: “...*I want to know, have you ever seen the rain comin' down on a sunny day? Yesterday, and days before, sun is cold and rain is hard...*” Nghe tiếng hát và thấy thái độ của Huyền hoàn toàn khác hẳn với dáng vẻ ủ rũ, lo sợ lúc đưa Huyền đến đây, cô con gái tròn mắt nhìn Huyền. Huyền nhìn con, cười, đầu vẫn gật nhẹ theo tiếng hát. Vừa tiếp tục hát nghe ngao Huyền vừa quay lui nhìn lại phòng điện tuyến. Chính lúc đó Huyền mới nhận biết được rằng, quả thật, nàng đã bỏ quên mỗi lo âu trong lòng MRI scanner.

tạ lỗi với người thơ

*Để tưởng niệm nhà văn Phụng-Hồng
tức
nhà thơ Hoàng-Việt-Son, Hoàng-Vũ-Bảo
và
Cố Chuẩn Tướng Nguyễn-Bá-Liên*

Tình cờ gặp lại Thúy-Minh, người bạn ngày xưa cùng học trường Võ-Tánh và cũng cùng sinh hoạt trong ban ca nhạc Bình-Minh, đài phát thanh Nhatrang, Thanh-Điệp mừng quá, hỏi hết chuyện này sang chuyện khác. Vừa trả lời được vài câu, Thúy-Minh đột ngột bảo:

- Anh Hoàng-Việt-Son chết rồi, Thanh-Điệp biết chưa?

Sau giây phút kinh ngạc đến sững sờ, Thanh-Điệp rơi vào trạng thái ngơ vực và chối bỏ.

- Anh Hoàng-Việt-Sơn làm sao mà chết được?

Thúy-Minh lập lại, "*Chết rồi!*"

Sau đó, để kiểm chứng, Thanh-Điệp điện thoại cho người bạn của Hoàng-Việt-Sơn - bác sĩ Thuận. Bác sĩ Thuận, không những xác nhận tin dữ, mà còn cho nàng biết rõ Hoàng-Việt-Sơn mất vào ngày thứ Năm, vì bệnh tim. Nửa tin nửa ngờ, Thanh-Điệp điện thoại sang Ngọc-Hoài-Phương, người bạn thân của Hoàng-Việt-Sơn, và cũng là chủ nhiệm nguyệt san Hồn-Việt mà Hoàng-Việt-Sơn cộng tác thường xuyên, dưới bút hiệu Phụng-Hồng. Ngọc-Hoài-Phương không có ở tòa soạn. Thanh-Điệp gọi Phương-Dung, vợ của Ngọc-Hoài-Phương, những mong Phương-Dung sẽ cho nàng nguồn tin trái ngược với những gì nàng đã nhận được. Nhưng không, Phương-Dung xác nhận đúng, Hoàng-Việt-Sơn đã vĩnh viễn ra đi. Thanh-Điệp thảng thốt kêu lên: "*Ô! Trời ơi!*" Rồi nàng không nghe được gì nữa. Thanh-Điệp cảm thấy mắt thẳng băng và tưởng như đang bênh bồng trong vùng không gian câm nín.

Thanh-Điệp không nhớ trạng thái giao động tình cảm của nàng kéo dài trong bao lâu; nhưng nàng nhớ, năm 1999, sự thích thú nhẹ nhàng cứ lan dần, lan dần trong lòng nàng khi bắt gặp nàng đọc được bài điếm sách, ký bút hiệu Phụng-Hồng, viết về một tác phẩm của nàng, đăng trên báo Ngày Nay, do Trọng-Kim làm chủ bút kiêm chủ nhiệm.

Sự xuất hiện của bài điếm sách cũng như bút hiệu Phụng-Hồng khiến Thanh-Điệp thắc mắc. Với dụng ý truy tìm chi tiết để dò ra manh mối tác giả bài điếm sách, Thanh-Điệp đọc lại bài ấy thật kỹ. Nàng khám phá ra Phụng-Hồng là một bút hiệu khác của Hoàng-Việt-Sơn - vị bác sĩ Quân-Y, lúc còn là sinh viên, đã nhờ Trung-Úy Thủy-Quân Lục-Chiến Nguyễn-Bá-Liên, anh họ của Thúy-Minh, trao tặng Thanh-Điệp bài thơ

Tiếng Đàn Đêm Trung Thu, cách nay hơn 40 năm. Thanh-Điệp cảm thấy rất thú vị, nhưng nàng chưa biết phương cách nào để liên lạc với Phụng-Hồng.

Vài hôm sau Thanh-Điệp nhận được thư Hoàng-Việt-Son gửi về P.O. BOX, (địa chỉ này được in phía sau tác phẩm của nàng) tự nhận chàng là “thủ phạm” của bài Tiếng Đàn Đêm Trung Thu năm xưa và cũng là “thủ phạm” bài điểm sách mới đây. Hoàng-Việt-Son yêu cầu Thanh-Điệp xác định có phải nàng là “cô bé” đàn phong cầm và hát bản Dạ-Khúc của Nguyễn-Mỹ-Ca trong buổi văn nghệ ủy lạo binh sĩ Thủy-Quân Lục-Chiến do tiểu đoàn phó Nguyễn-Bá-Liên - bạn thân của Hoàng-Việt-Son - mời, vào đêm Trung-Thu năm 1956, tại căn cứ Sóng-Thần, Nhatrang hay không?

Là một người ngoại giao không được khéo, ít bạn, nay tìm lại được một người biết nàng từ ngày còn bé, Thanh-Điệp vui thích lắm. Còn bài thơ ngày xưa Hoàng-Việt-Son tặng mà nàng ngây thơ khờ dại không chịu hồi âm thì, nàng nghĩ, đó chỉ là những rung động nhất thời của chàng, một người có tâm hồn đa cảm. Giờ đây giữ cho nhau chút tình bạn cũng quý rồi. Nhưng chàng không nghĩ như vậy! Sau khi nhận được sự xác nhận của nàng, Hoàng-Việt-Son gửi ngay cho nàng những dòng thơ rất tha thiết, ngọt ngào:

*Anh thấy hôm nào chiếc ảnh em,
In trong bìa cuốn sách êm đềm.
Nhớ ai em thoáng buồn xa vắng?
Mắt ướt như từng đầm lệ hoen.*

*Người ấy ngày xưa nét mặt buồn,
Tuổi đời trong trắng tựa sao trăng,
Yêu đương nào biết, thơ ngây quá!
Nửa thế kỷ rồi chẳng nói năng.*

*Người ấy ngày xưa quá hững hờ,
Vô tình nào hiểu được bài thơ,
Để chàng thiếu úy Quân-Y ấy,
Năm tháng phơi pha cũng vẫn chờ... (1)*

Thanh-Điệp hơi hoảng, chưa biết phản ứng bằng cách nào thì Hoàng-Việt-Son gửi tiếp bài Em Là Ai với những câu thật dễ thương:

*... Anh nhìn Em mà tưởng chừng sẩy bước,
Mái tóc dài buông lơ là bờ vai.
Ai hai mươi đi hái vụn hoa cười?
Anh lẻo đẻo mang tâm tư sâu đắng.
Em mắt nâu, nhìn xa xăm im lặng,
Anh sững sờ nghe động đáy con tim...*

Thanh-Điệp viết thư và không hề úp mở gì cả, cho Hoàng-Việt-Son biết rằng nàng không còn được một tý gì của hình ảnh mà chàng vẫn giữ trong lòng suốt gần nửa thế kỷ qua. Xin hãy quên hết đi và xem nàng như một người em hay một cô học trò thôi. Hoàng-Việt-Son phúc đáp bằng bài Mối Tình Đầu:

*...Cho Anh sống lại mối tình đầu,
Nửa thế kỷ qua vẫn gói sâu.
Tình hận tưởng chôn vào dĩ vãng,
Bỗng về sống lại tựa chiêm bao.*

*Cho Anh sống lại mối tình đầu,
Em đã vô tình đốt cháy sâu.
Nao nức mộng mơ ngày tái ngộ.
Dòng thơ thủ thi nén thương đau.*

*Cho Anh sống lại mối tình đầu,
Ai có ngờ đâu, có biết đâu,
Thanh-Điệp ngày xưa như bướm lạ,
Hững hờ... thơ đọc, chẳng tìm nhau.*

*Cho Anh sống lại mối tình đầu,
Lưu luyến ngàn đời, mặc bẻ đầu.
Ai đã lạnh lòng khuya đối bóng?
Trời ơi! Em có biết Anh câu...!*

Đọc xong bài này Thanh-Điệp biết vấn đề sẽ vượt ra ngoài những gì nàng dự tưởng. Theo nàng hiểu, viết văn xuôi, người giàu óc sáng tạo có thể gán ép cho nhân vật của mình bất cứ điều gì mình chọn lựa; ngược lại, thơ thường xuất phát từ nội tâm. Và chính J. Cocteau cũng xác nhận: *“Thi sĩ là thứ lão xược luôn nói sự thật.”* Như vậy có nghĩa rằng Hoàng-Việt-Son vẫn còn nặng lòng với nàng? Riêng Thanh-Điệp, nàng không đủ can đảm cự tuyệt - vì chàng chỉ tặng nàng những bài thơ dễ thương chứ chàng không hề vô lễ hoặc sàm sỡ, lộ bịch - mà nàng cũng không tìm được chút rung động nào trong lòng nàng. Thanh-Điệp tự biết, nàng không phải là nữ tu; nàng cũng không bị ràng buộc vì mớ đạo đức nghịch lý của ông Khổng, ông Mạnh, ông Trang, ông Lão nào cả; và, quan trọng hơn hết, nàng không bao giờ dám có ý nghĩ Hoàng-Việt-Son là một “vỏ dứa”⁽²⁾ đáng sợ. Vậy thì tại sao trái tim của nàng cứ chai lỳ đến nỗi Hoàng-Việt-Son phải trách:

*... Em hững hờ xa lạ,
Mặc ai da diết buồn.
Em lạnh lòng sắt đá,
Anh ép dòng lệ tuôn...⁽³⁾*

Những hờn trách và chút tủi thân của Hoàng-Việt-Son khiến Thanh-Điệp nghĩ ngợi rất nhiều. Nhưng nỗi buồn cô đọng trong bốn câu sau đây mới làm ray rức hờn nàng:

*...Chiều xuống, sầu dâng đến não lòng,
Mặt mờ Texas vắng thu không.
Vời trông lá rụng sâu đôi ngã,
Dần vật tâm tư lệ nhỏ dòng...⁽⁴⁾*

Sau những giây phút buồn, tủi thân và hờn trách, Hoàng-Việt-Son trở về với bản tính lạc quan, yêu đời:

*... Ôi, trái tim em đẹp bội phần.
Người tên Thanh-Điệp bươm vườn xuân.
Đêm nay gió lạnh giao mùa chuyển,
Anh nhớ em mà nước mắt dâng.*

*Em đã cho anh ý nghĩa đời,
Cung đàn năm ấy còn chơi vui.
Thế tình đã mấy ai tri kỷ?
Anh quyết theo em trọn kiếp người..⁽⁵⁾*

Khi những câu thơ đậm tình như thế mà cũng vẫn không chinh phục được trái tim của nàng thì Thanh-Điệp hiểu. Tim của nàng, sau nhiều thương tổn nặng nề, nay đã cần cỗi, tật nguyên, chỉ còn đủ khả năng cho nàng sự sống chứ không còn biết rung động trước bất cứ một biến động tình cảm nào nữa cả!

Khi đăng thơ trên báo, Hoàng-Việt-Son, lúc này chàng có thêm bút hiệu Hoàng-Vũ-Bảo, thường đề: Trọn vẹn trao về Cô Bé Tóc Dài T. Đ. hoặc viết tắt bút hiệu của nàng. Khi điện thoại, đôi khi Hoàng-Việt-Son gọi nàng bằng tên thật hoặc Nàng hoặc Phu Nhân Một Thời Oanh Liệt. Biệt danh sau cùng chàng đặt cho nàng sau khi chàng đọc loạt bài nàng viết về Lĩnh và về Hải Quân.

Thanh-Điệp gửi thư cảm ơn chàng về những bài thơ và hỏi đùa rằng tại sao chàng lại đeo đuổi mãi một “mối tình đui”? Thanh-Điệp là người rất lười viết thư và viết thư rất dở, vậy mà chàng cũng rung động vì cái dở của nàng:

*... Em viết sao mà lẳng nổi niêm
Tâm tình giao động giữa trời im
Đọc rồi đau xót, lòng da diết
Chia cách, Trời ơi! Lạnh ước nguyện.*

*Ôi mộng vô cùng, Điệp thiết tha
Yêu Em biết mấy nẻo quê nhà
Giá mà đời chẳng chia sông núi*

Có phải tình ta đã mặn mà?...

*...Anh dẫn Em về lối mộng xưa
Mà Em hờ hững vô tình chưa?
Khói hương đằm ám nào đâu thấy,
Chỉ thấy phai tàn bóng tuổi thơ!*

*Anh dắt Em về quá khứ qua,
Trường xưa Võ-Tánh mộng hiền hòa.
Cho Em đôi cánh hôn nâng bổng
Đến một phương trời Anh tặng hoa...*

*...Nhắc đến làm chi tương nhớ thêm,
Ngày xưa tưởng nhớ mộng êm đêm.
Hỡi ơi! Cô Bé Tóc Dài ấy,
Sao quá vô tư đến độ hiền?*

*Cả một trời thơ đọng bóng Em
Làm sao thối lộ được nỗi niềm?
Anh mong có lại ngày Thu ấy
Để hát Trung-Thu bóng nguyệt chìm.*

*Hy vọng ngày mai có mãi nhau.
Chiếc cầu ô-thước sẽ bền lâu.
Cùng nhau đi mãi trên cầu ấy.
Anh sẽ yêu Em đến cuối đời.⁽⁶⁾*

Biết không thể nào thuyết phục được Hoàng-Việt-Son, Thanh-Điệp viết một truyện ngắn, trong đó nàng trích thơ của chàng và cũng để cho chàng thấy rõ ước muốn của nàng là chỉ mong làm một người em hoặc một người học trò của chàng thôi; mà thật sự Thanh-Điệp quý Hoàng-Việt-Son như một bậc thầy, vì chàng cầm bút từ khi nàng còn là Cô Bé Tóc Dài.

Trong ý nghĩ này, nhân lúc Hoàng-Việt-Son điện thoại thăm, Thanh-Điệp đề nghị, từ nay chàng đọc hộ và góp ý về bài của nàng trước khi nàng gửi đăng báo. Dù Thanh-Điệp không tiết lộ nội dung bài viết, Hoàng-Việt-Son cũng thẳng thắn từ chối. Chàng bảo chàng có cái thú riêng khi nghiền ngẫm từng chữ trong bài của nàng, trên báo, chứ không phải trên bản thảo.

Vì Hoàng-Việt-Son không chịu đọc bản thảo cho nên khi chàng đọc một truyện ngắn của nàng trên báo, chàng rất buồn về đoạn kết. Chàng than: *“Sao Điệp nghiệt với anh quá vậy?”* Nàng im lặng. Chàng tiếp: *“Phục nàng quá. Nàng cứ ‘lộng giả thành chân’, viết như thật. Anh mà được cùng em ngoạn cảnh bằng thuyền trên hồ Tuyền-Lâm và đi bên nhau trên thành phố Dalat trong cảnh tình tứ như nhân vật Phong đi với Bảo-Trân trong truyện của em thì rồi có chết anh cũng mãn nguyện.”* Nàng cười buồn: *“Anh nói quá đáng.”* Chàng thở dài: *“Em đã nghĩ chứ thật lòng anh chỉ mơ ước được đường đường chính chính đi cạnh em thôi.”* Thanh-Điệp đáp: *“Điệp đã thua với anh nhiều lần rồi. Đừng đề cập đến chuyện ấy nữa. Anh thử xử sự với Điệp như với một cô học trò, rồi anh sẽ quen và anh sẽ thấy dễ chịu.”* Chàng bảo: *“Anh không muốn làm thầy; anh chỉ muốn làm người yêu của em thôi.”* Nàng cười buồn: *“Điệp đâu còn gì cho anh. Thôi, quên hết đi, anh.”* Chàng lại bảo: *“Anh yêu Điệp là vì Điệp mà thôi chứ anh không yêu Điệp vì những gì Điệp có hoặc những gì Điệp mất”.* Nàng nghiêm giọng: *“Nếu anh cứ tiếp tục nói những câu như vậy, Điệp e rằng...”* Như ngại nàng sẽ nói lời cự tuyệt, chàng chặn lời: *“Ừ, thì thôi. Rửa cho anh gập mặt một lần, được không?”* Nàng vẫn không thay đổi ý định: *“Dạ, không.”* Chàng buông tiếng thở dài náo nuột: *“Chao ôi! Không ngờ từng này tuổi rồi mà anh cũng còn khổ vì tình! Đừng nghiệt với anh quá, Điệp ơi!”* Nàng hỏi: *“Anh nhớ ý tưởng của Bảo-Trân trong câu chuyện em viết chứ?”* Chàng đáp: *“Ít có chi tiết nào trong những tác phẩm của em mà anh quên lắm.”* Giọng nàng thật buồn: *“Vậy thì anh nên*

hiếu cho Điệp. Điệp đã đón đau, ê chề trong suốt cuộc đời của Điệp; vì vậy Điệp thương thân phận đàn bà. Điệp không đan tâm gây phiền lụy cho bất cứ người đàn bà nào cả.” Chàng xác định: “Chuyện gia đình của anh, để anh giải quyết. Anh chỉ cầu mong được sống với em những ngày còn lại của đời anh thôi.” Nàng nói rất thật lòng: “Điệp không thể làm như vậy được. Điệp sợ tạo ra ác nghiệp. Ác nghiệp sinh ác báo. Không biết quan niệm đó có phù hợp với giáo lý nhà Phật hay không; nhưng quan niệm đó, trong quá khứ, đã nhiều lần giúp Điệp gương lại được bên nay bờ tội lỗi.” Chàng biện luận thật khéo: “Hai đứa mình có làm gì tội lỗi đâu. Em là người đến trong đời anh trước nhất. Em đã thiệt thòi hơn bốn mươi năm rồi. Bây giờ là lúc anh phải đền bù cho em những gì em đã mất. Không ai trách anh được, vì bổn phận và trách nhiệm của anh đã xong.” Nàng phân giải: “Không được đâu, anh. Anh chọn Điệp, anh sẽ mất các con; Điệp chọn anh, Điệp cũng sẽ mất các con. Chúng ta còn lại gì khi mà chúng ta mất từng ấy người thân?” Im lặng. Một lúc sau, chàng bảo: “Chính ý tưởng của em làm anh quý trọng và thương yêu em nhiều hơn. Từ ngày liên lạc lại được với em, qua những lần nói chuyện hoặc những lá thư, anh biết tâm hồn em rất cao thượng, vì vậy, những bài thơ anh sáng tác về em có sai đâu!” Nói vòng vo một lúc, chợt Hoàng-Việt-Son nhớ đến chi tiết nhỏ của nhân vật Bảo-Trân, vội hỏi.

Thanh-Điệp có một cố tật, nếu không ai hỏi, nàng không nói; nhưng nếu ai hỏi, nàng nói và khi nói thì nói thật. Do đó nàng đành phải cho Hoàng-Việt-Son biết là nàng đang trong thời kỳ chờ đợi kết quả thí nghiệm y tế, sau dấu hiệu nghi ngờ ở lần thí nghiệm trước. Giọng chàng thảng thốt: “Trời ơi! Tại sao những chuyện như vậy mà em không cho anh hay?” Nàng nói cho qua chuyện: “Đã có gì đâu.” Lại im lặng. Rồi giọng chàng tha thiết: “Chưa bao giờ anh muốn được gặp em như lúc này. Anh xốn xang vô cùng, Điệp biết không? Mấy mươi năm qua anh đã không lo lắng được cho cuộc đời của em; bây giờ em

trong tình trạng như vậy mà anh cũng không được cận kề săn sóc em. Em không thương yêu anh, đó là quyền của em; còn anh thương yêu em, tại sao em cứ tránh né?” Thanh-Điệp bùi ngùi: “Thôi anh ạ. Điệp cảm ơn anh nhưng tất cả đều quá muộn màng.” Chàng dứt khoát: “Anh sẽ qua thăm em.” Nàng chối từ: “Đừng, anh.” Giọng chàng vẫn không lay chuyển: “Em không cho anh gặp em thì anh sẽ... thấy em.” Nàng thắc mắc: “Bằng cách nào?” Chàng cười có vẻ tự tin: “Bằng cách nào thì bằng, anh cũng phải... thấy em.” Nửa đùa nửa thật, nàng hỏi: “Anh sẽ thấy Điệp trong nhà thương, có phải không? Nếu đúng như vậy thì tội cho Điệp quá! Thôi, anh đừng nuôi ý định gặp Điệp nữa.” Chàng trở lại trạng thái bồn chồn: “Anh không hiểu được em. Và anh cũng không hiểu tại sao em dành cho anh hình phạt vô lý như thế này?” Nàng trấn an chàng mà cũng như để trấn an cho chính nàng: “Cho đến giờ phút này chưa bác sĩ nào xác định được bệnh trạng của Điệp mà anh lo làm chi.” Chàng phát âm với giọng chắc nịch: “Người ta bảo rằng ‘những điều mình biết sẽ không giết mình mà chính là những điều mình không biết, bởi vì mình tưởng tượng’ (7) đó, em biết không” Nàng cố tình chuyển đề tài nên chọc quê: “Sao anh đọc Reader’s Digest mà anh nhớ hay vậy?” Chàng cười: “Nói cái chi ra là nàng biết xuất xứ liền. Reader’s Digest vẫn gửi báo cho em đều chứ?” Thanh-Điệp vui: “Dạ. Cảm ơn anh.” Chàng dặn: “Anh đã gia hạn cho năm tới rồi. Em không cần điền phiếu cảm ơn gửi lại cho anh nữa, để thì giờ mà sáng tác.” Nàng rất biết ơn chàng, vì lúc nào chàng cũng khuyến khích, nhắc nhở nàng viết. Hoàng-Việt-Son khuyên nàng, đã lỡ bỏ đàn bỏ hát lâu rồi thì thôi; còn viết thì, dù hoàn cảnh khắc nghiệt đến đâu nàng cũng phải vượt qua, đừng bao giờ bỏ. Chàng buộc nàng hứa.

Nói quanh co một lúc, Hoàng-Việt-Son chuyển lời thăm hỏi các con của Thanh-Điệp. Đang vui thích nói về những bài thơ bằng Anh ngữ do con của nàng sáng tác mà chàng đã dịch ra

Việt ngữ chột chàng dừng lại, hỏi: “*Điệp! Các con của em có biết chuyện của...hai đứa mình không?*” Nàng la hoảng lên: “*Chết! Anh nói như vậy là chết Diệp rồi. Có chuyện gì giữa anh và Diệp ngoài chuyện văn chương, anh em, thầy trò đâu mà anh gọi là chuyện hai đứa mình?*” Giọng của chàng không được vui: “*Thôi thì chuyện của anh. Chao ôi! Tưởng lâu lâu, lựa những lúc nàng sơ ý, mình tấn công, rứa mà nàng cũng phản công nhanh quá. Mà Diệp ơi! Anh nghĩ, em nên cho con em biết về anh.*” Nếu chàng không bảo, nàng cũng sẽ nói với các con, vì nàng thường chia xẻ niềm vui, nỗi buồn với các con. Vả lại, nàng nghĩ, nàng đâu có làm điều chi sai trái mà nàng phải giấu các con. Thế nhưng nàng muốn tìm hiểu xem chàng đề nghị như vậy với mục đích gì: “*Tại sao và để làm gì, thưa anh?*” Chàng giải thích: “*Để các con em hiểu anh và chấp nhận anh. Em cho các cháu biết rằng không bao giờ anh lùi bước. Anh sẽ vượt qua tất cả mọi thử thách để đạt cho được ước muốn cuối cùng. Bất cứ hậu quả như thế nào anh cũng sẵn sàng chấp nhận.*” Thanh-Điệp thối thoát: “*Các cháu chấp nhận anh để làm gì? Khổ quá! Mới cách đây vài phút Diệp đã thừa với anh là anh đừng nên đề cập đến những điều như vậy nữa mà.*” Hoàng-Việt-Son cười: “*Không cho nói về chuyện đó nữa thì anh nói về một tin vui. Cách nay mấy hôm anh đã gửi bản thảo tập thơ sang nhờ Ngọc-Hoài-Phương ấn hành để tặng em.*” Nàng ngạc nhiên: “*Sao anh không cho Diệp biết trước?*” Chàng đáp tinh bơ: “*Thơ của anh, anh ấn hành để tặng em, em chỉ có việc nhận thôi chứ em biết trước để làm gì?*” Nói xong chàng cười khà khà, có vẻ thích chí lắm. Nàng đáp: “*Dạ, đúng là như vậy. Nhưng nếu anh cho Diệp xem trước thì Diệp sẽ vui hơn. Bây giờ muộn rồi thì thôi.*” Chàng đáp vội vàng: “*Không, không trễ đâu. Anh sẽ gửi bản copy sang em cùng với mấy bài thơ vừa mới sáng tác, chưa kịp gửi đăng báo.*” Thanh-Điệp lo lắng: “*Ừa, như vậy là mấy bài thơ mới này sẽ không có trong tập thơ hay sao, thưa*

anh?” Chàng lại cười vang: “Anh sẽ gọi Ngọc-Hoài-Phương xem chàng ta có thể cho vào trước khi in hay không?”

Nhận được copy bản thảo, Thanh-Điệp thấy, ngoài những bài thơ mới, Hoàng-Việt-Son còn kèm theo cuốn kinh Bạch-Y Thần-Chú, với dòng chữ: “Thân mến tặng Thanh-Điệp chút linh thiêng để phòng thân lúc nguy biến”. Chàng cũng viết trong thư dặn mỗi ngày nàng nên trì chú niệm kinh thì mọi hoạn nạn đều qua. Nàng đọc mấy bài thơ mới. Bài Về Muộn có nhiều câu chàng trách nàng:

*... Em vẫn vô tình như vạn thuở.
Có bao giờ thông cảm với anh đâu!
Em thắc mắc, hững hờ, xa lạ quá!
Anh ngậy thơ mơ mãi mới tình đầu....*

Thơ của Hoàng-Việt-Son không cầu kỳ, không trau chuốt, nhưng thơ của chàng gói ghém một tấm lòng. Trong bài Phong Cầm Năm Ấy tâm tư của chàng cũng vẫn còn vương mắc vào mối tình đơn phương.

*... Tơ đồng thuở ấy rồi im bật,
Để một người xa lạnh nẻo về.
Hiu hắt phương trời hoa úa nhạt:
Tương tư Thanh-Điệp buồn trong mê...
Rồi chàng lại trách nàng:
... Dòng thơ cũ, cung đàn xưa réo rắc,
Làm tim Anh máu vỡ trào quặn thắt.
Nửa đời người sao duyên nợ còn đeo?
Em vô tư ngoảnh mặt chẳng buồn theo.
Tình da diết như ngại ngừng Đưa Tiên⁽⁸⁾
Em vô tình, tàn nhẫn cười không tiếng...⁽⁹⁾*

Đến một lúc nào đó, Hoàng-Việt-Son cũng cảm thấy trong lòng gợn lên chút dỗi hờn. Nhưng chỉ một thoáng sau, tình cảm của chàng lại lắng xuống, để quay về một tình yêu đậm thắm nhưng muộn màng.

... Ai Đưa Tiên để lòng ai thốn thức?⁽⁸⁾

*Thôi, bến ơi! Bến nghỉ ghé, thuyền đi.
Dòng Cuồng Lưu không xóa được câu thơ.⁽¹⁰⁾
Ngày trở lại ước mong về bến cũ...⁽¹¹⁾*

Mở copy của bản thảo tập thơ, Thanh-Điệp đọc Thay Lời Tựa. Nàng xúc động dạt dào rồi buồn đến tái tê khi đọc đoạn: “...Tôi đã bàng hoàng đến ngẩn ngơ và tìm tôi đập những nhịp không đều trước khuôn mặt xinh đẹp, thùy mị và nghiêm trang cùng tiếng đàn phong cầm dịu dặt và giọng hát ngọt ngào của một thiếu nữ có mái tóc dài và đôi mắt màu hạt dẻ, rất buồn. Tôi chưa tìm được cơ hội làm quen với Nàng thì Nàng lẳng lẳng theo thân phụ ra về. {...}Đêm đó tôi không thể nào ngủ được vì hình ảnh Cô Bé Tóc Dài đàn phong cầm cứ chòn vờn trong tâm tưởng tôi. Tôi thao thức, trằn trọc thâu đêm và bài thơ Tiếng Đàn Đêm Trung Thu ra đời...” Hoàng-Việt-Son gọi lại trong hồn nàng một thời thơ ngây, một thời tươi đẹp mà nàng muốn quên đi để thấy đời bớt đắng cay, bớt bẽ bàng! Lật sang bìa sau, Thanh-Điệp thật sự hoảng sợ khi thấy, ngoài tựa đề những tác phẩm của chàng đã ẩn hành ở quê nhà như Danh Từ Điện Tuyền, Người Em Miền Hòa Tuyền, Đi Tìm Một Tâm Hồn Việt-Nam, v. v... Chàng còn liệt kê rõ ràng tên thật, tiểu sử, chức vụ và đơn vị sau cùng của chàng.

Khi Hoàng-Việt-Son điện thoại, Thanh-Điệp đề nghị chàng chỉ nên để bút hiệu Hoàng-Vũ-Bảo, không nên đăng tên thật và phần tiểu sử. Chàng không đồng ý: “*Tại sao em sợ? Tình cảm anh dành cho em là tình cảm tinh khiết, vượt lên trên mọi thứ tình yêu đời thường; do đó anh không sợ và anh chấp nhận bất cứ điều gì đến với anh.*” Nàng không che giấu được lo âu: “*Không phải Điệp sợ cho Điệp mà Điệp ngại cho anh. Điều gì tránh được, mình nên tránh. Anh đừng tự ái.*” Chàng vẫn cương quyết: “*Anh không tự ái. Bản tính anh không thích lén lút. Anh không biết sợ. Nếu đã sợ thì đừng làm.*” Khi nào thấy chàng “gàn” quá nàng chỉ biết lập lại một câu: “*Anh đừng là Thủy-Quân Lục-Chiến!*” Mỗi khi nghe nàng trách đùa bằng cách nhắc

đến binh chủng mà chàng rất hãnh diện đã một thời phục vụ, sau khi tốt nghiệp bác-sĩ Y-Khoa, chàng cười có vẻ tự đắc: *“Khi Thủy-Quân Lục-Chiến tấn công là phải chiếm cho được mục tiêu, bất kể thiệt hại.”* Biết chàng bóng gió xa xôi, nàng đáp: *“Điệp biết tinh thần Thủy-Quân Lục-Chiến là như vậy; nhưng nếu đưa Thủy-Quân Lục-Chiến ra tuyển đầu thì Thủy-Quân Lục-Chiến đành phải ở bên này bờ Thạch-Hãn.”* Chàng cười: *“Đúng là Phu Nhân Một Thời Oanh Liệt. Chuyện nhà binh của người ta mà cũng rành. Chịu thua em”* rồi chàng hỏi ý kiến nàng về cái bia.

Nhìn cái bia với tựa đề Nửa Đồi Thương Đau mà chữ “Th và Đ” được viết khác màu Thanh-Điệp cảm động. Hoàng-Việt-Son hỏi: *“Đó em biết ý nghĩa của mấy phụ âm Th và Đ mà anh cố viết khác đi?”* Nàng làm như nàng giỏi lắm: *“Có vậy mà anh cũng đố.”* Chàng thách thức: *“Giỏi thì nói rõ đi.”* Nàng đáp ngay: *“Tên của Diệp chứ gì.”* Chàng chột thờ dài: *“Trời! Sao em vô tình quá vậy, Diệp?”* Nàng không hiểu chàng muốn nói gì: *“Diệp chịu thua. Anh nói đi.”* Chàng lại thờ dài, giọng rất buồn, nói rõ từng chữ: *“Nửa Đồi Thương Diệp đó, em biết không?”* Tự dung nàng muốn khóc, nhưng khóc không được! Một lúc sau nàng trở lại vấn đề không nên in tên thật và tiểu sử của chàng. Hoàng-Việt-Son giận và gay gắt: *“Anh tặng em tập thơ vì anh thương yêu, quý trọng em, muốn đem niềm vui đến cho em chứ anh không muốn đem sự lo âu, phiền phức đến cho em. Nếu em sợ đến như vậy thì thôi, anh không xuất bản tập thơ nữa. Anh gọi Ngọc-Hoài-Phương ngay.”*

Những lần điện thoại sau đó Hoàng-Việt-Son tỏ ra rất quan ngại về vấn đề sức khỏe của Thanh-Điệp chứ chàng không đề cập đến tập thơ nữa. Nàng nghĩ có lẽ chàng còn giận nàng và cũng có thể chàng đã đình chỉ việc ấn hành tập thơ, như chàng đã nói. Nàng hơi buồn nhưng nàng không hỏi chàng mà nàng lại hỏi Ngọc-Hoài-Phương. Sau khi nghe Thanh-Điệp phân trần về vấn đề tên thật và tiểu sử của Hoàng-Việt-Son, Ngọc-Hoài-

Phương cười: *“Xong rồi. Tôi có cùng cảm nghĩ với chị cho nên tôi giải thích và ông ấy đã đồng ý chỉ để bút hiệu thôi.”*

Khi Ngọc-Hoài-Phương in xong tập thơ “Nửa Đời Thương Điệp” cũng là lúc nàng nhận được kết quả tốt đẹp về y tế của nàng.

Nhân lúc gia đình vui mừng về kết quả y tế của nàng, Thanh-Điệp trao tập thơ, kể lại diễn tiến sự việc cho con và rể của nàng nghe. Hôm sau, đọc xong tập thơ, “anh chàng” rể của nàng bảo: *“Chu cha, bác này nặng tình với mạng lắm đó chứ không phải như mấy đợc giả trước kia đâu.”* Con gái của nàng cười cười nhìn nàng: *“Nặng tình và hâm mộ là chuyện của đợc giả. Mạng làm sao đừng ‘get in trouble’ thì thôi.”* Thanh-Điệp nghĩ câu nói của cô con gái hàm ý một sự tin tưởng và cũng ẩn chứa một chút cảnh cáo. Thanh-Điệp không hiểu Hoàng-Việt-Son nghĩ như thế nào, nhưng chàng có vẻ vui khi nàng thuật lại cho chàng câu chuyện giữa mẹ con nàng.

Biết tình trạng sức khỏe của Thanh-Điệp bình thường, Hoàng-Việt-Son càng vui hơn và chàng thúc đẩy nàng xuất bản tác phẩm kế tiếp. Trong tác phẩm này, chàng thích đoạn kết vì nàng nhắc đến bản Chiêu của Hồ-Dzênh mà chàng đã nghe vào một buổi chiều, tại phòng trực của quân-y-viện, sau khi anh Nguyễn-Bá-Liên báo cho chàng hay Thanh-Điệp đã lập gia đình.

Sau khi tác phẩm của Thanh-Điệp ra đời, Hoàng-Việt-Son viết một bài điểm sách gửi cho nàng, bảo nàng tùy nghi xử dụng.

Thanh-Điệp cho chàng biết nàng đang viết một tác phẩm khác. Chàng hỏi nàng viết về ai, viết về cái gì? Nàng đáp: *“Dạ, viết về những vụng dại của tuổi thơ.”* Nửa đùa nửa thật, chàng hỏi: *“Những vụng dại tuổi thơ đó có giống cái vụng dại của Cô Bé Tóc Dài làm điều đứng anh chàng Quân-Y này không?”* Thanh-Điệp im lặng, trầm nghĩ, những vụng dại tuổi thơ của nàng chỉ làm điều đứng anh chàng Quân-Y này và Dũng - một

chàng Quân-Y khác - nhưng lại đưa nàng vào kiếp sống âm
thầm của loài ốc bên bến sông!

* *

*

Ngày còn bé, Thanh-Điệp thường được thân phụ dạy rằng:
*“Trong địa hạc Văn Học Nghệ Thuật, nếu con thực hiện điều gì
mà con cảm thấy điều đó không bằng hoặc không khá hơn điều
mà con đã làm ngày hôm trước thì con đừng nên làm”*. Vì vậy,
từ sau khi bỏ đàn và bỏ hát để được yên thân, nàng không
muốn xuất hiện trên sân khấu nữa.

Vậy mà, buổi họp mặt sơ ngộ mùa Hè năm 2003, Thanh-
Điệp không nhớ tại sao nàng bị “lôi” lên sân khấu để làm phiên
thính giác của quan khách mà nàng chỉ nhớ ánh nhìn dịu dàng,
thiết tha, trìu mến của một người đàn ông ngồi bên góc phải, khi
nàng hát bản Chiêu Biên Khu.

Trở về chỗ ngồi, Thanh-Điệp quên mất ánh mắt đã nhìn
nàng ban nãy. Một lúc sau, trực giác bén nhạy cho nàng biết ánh
mắt ấy vẫn không rời nàng. Thanh-Điệp quay nhanh về hướng
ấy. Người đàn ông ấy không tỏ vẻ gì muốn né tránh ánh nhìn
của nàng khi bất ngờ bị nàng bắt quả tang đang... nhìn trộm.
Người đàn ông ấy rất điềm đạm, hơi mỉm cười, khẽ nghiêng đầu
chào nàng. Nàng chào lại. Vừa khi đó bác sĩ Thuận bước về
phía ông ấy, bắt tay ông ấy, ra vẻ rất mừng rỡ.

Vì chưa bao giờ thấy ảnh của Hoàng-Việt-Son, Thanh-Điệp
không thể nhận diện được. Nhưng ánh mắt của người đàn ông
ấy khiến nàng nhớ đến lời “hăm dọa” của chàng rồi nàng trở
nên lúng túng, vụng về. Thanh-Điệp ra về.

Buổi họp mặt hôm sau, vừa bước vào hội trường, Thanh-
Điệp nhận ra ngay người đã nhìn nàng tối hôm trước. Và người
ấy cũng nhìn nàng bằng ánh nhìn đắm thắm, chan chứa cảm
tình. Thanh-Điệp tìm bác sĩ Thuận và hỏi xem có phải người ấy
là Hoàng-Việt-Son hay không? Sau khi bác sĩ Thuận xác nhận,
nàng hoàn toàn mất bình tĩnh.

Là một người mang dòng máu nghệ sĩ nhưng Thanh-Điệp lại có cá tính của một người cứng rắn và đầy tự chủ. Bất cứ vấn đề gì, khi nàng đã quyết định rồi thì không ai có thể lay chuyển nàng được. Và nàng đã quyết định không gặp Hoàng-Việt-Son thì nàng cũng nhất định sẽ không bao giờ gặp chàng. Thanh-Điệp vội vàng rời hội trường trước khi Hoàng-Việt-Son có cơ hội đến gặp nàng.

Trong đời, Thanh-Điệp đã có nhiều quyết định sai lầm. Nàng chịu đựng, âm thầm gậm nhấm những sai lầm của mình và nàng tự tha thứ cho nàng. Nhưng không có một quyết định thiếu khôn ngoan nào của nàng lại đeo đẳng, dẫn vật nàng như quyết định lánh mặt Hoàng-Việt-Son vào kỳ họp mặt đó. Thanh-Điệp nghĩ nàng sẽ không bao giờ tha thứ cho nàng!

Vài hôm sau, Hoàng-Việt-Son không điện thoại mà lại gửi tặng Thanh-Điệp phân đoạn đầu của bài thơ chàng mới sáng tác. Trong thư gửi kèm, chàng bảo chàng còn đang sáng tác tiếp, dài lắm, xong đoạn nào chàng sẽ tặng nàng đoạn đó. Hoàng-Việt-Son không hề đề cập đến bất cứ chi tiết nào về việc chàng đã đến Houston tham dự ngày họp mặt.

Vừa thấy tựa đề bài thơ Thanh-Điệp chợt se lòng vì hiểu rằng Hoàng-Việt-Son rất buồn về thái độ của nàng:

Thanh-Điệp Trường Hận

*Lá gục đầu,
Sông sâu.
Những con thuyền không hướng.
Em mà chi. Thương nhớ mà chi.
Thanh-Điệp!
Anh thường có những ngày dài xa cách,
Những đêm buồn da diết nhớ tên em!
Em có nhớ thương?
Vòng hoa trắng mộ
Mộng chưa thắm,*

*Anh còn cay đắng,
Bởi mối tình tan vỡ một đêm nao!
Mà em hỡi! Giữa biển sâu thiên cổ,
Sao đứng đưng như gổ đá vô tình?
Sao lạnh lùng và mãi mãi lặng thinh?
Em về đâu cho kịp chuyến tàu đêm?
Ôi chuyến tàu xưa, anh đứng đợi im lìm.
Tìm em mãi ga Nhatrang heo hút.
Thanh-Điệp!
Sông chảy về đâu?
Suối chảy về đâu?
Đôi bờ giạt ao bèo.
N hư tình anh vẫn lạc loài câm lặng,
Giữa cuộc đời tro trọi một mình anh.
Nước mắt buồn cứ đọng mãi đôi vành.
Nước mắt buồn cứ chảy mãi năm canh.
Mà năm tháng cứ phai dần kỷ niệm.
Thanh-Điệp!
Em đi về đâu? Em ở tận đâu?
Đêm nay em có sầu thương nhớ?
Anh thấy cô đơn lạnh buốt đời!....*

Hoàng-Việt-Son thường bảo chàng tha thứ cho Thanh-Điệp, vì ngày đó nàng còn bé, ngây thơ vô tội; nhưng chàng không hiểu tại sao mỗi lần chàng hỏi Nguyễn-Bá-Liên về Thanh-Điệp thì Nguyễn-Bá-Liên cứ tìm cách nói sang chuyện khác. Vì vậy, chàng đành ôm “mối tình vô vọng”⁽¹²⁾ để rồi “*Ôi chuyến tàu xưa, anh đứng đợi im lìm. Tìm em mãi ga Nhatrang heo hút.*”

Đây không phải là bài thơ đầu tiên Hoàng-Việt-Son hờn trách Thanh-Điệp. Nhưng đây là bài thơ đầu tiên chàng đề cập đến chữ “mộ” – Vòng hoa trắng mộ. Nhưng nàng vẫn vô tình, chỉ cảm thấy buồn vì ý thơ tự thán của chàng chứ nàng không linh cảm được điều gì cả. Thanh-Điệp chưa viết thư cảm ơn chàng về phân đoạn này vì nàng có ý chờ những phân đoạn kế

tiếp; khi nào chàng hoàn tất trọn bài rồi nàng sẽ viết thư cảm ơn và xin lỗi chàng về hành động... thiếu xã giao của nàng hôm đó.

Hoàng-Việt-Son thường bảo, viết thư hay nói điện thoại mình có thể cảm nhận được sự gần gũi với người mình giao tiếp hơn là e-mail; cho nên chàng không có địa chỉ e-mail. Vì vậy, Thanh-Điệp dự tính, khi nào Hoàng-Việt-Son điện thoại nàng sẽ xin lỗi chàng. Nhưng không bao giờ chàng gọi và chàng cũng chẳng gửi gì cho nàng nữa, kể cả những đoạn kết tiếp của bài Thanh-Điệp Trường Hận mà chàng đã hứa.

Thanh-Điệp buồn vì nghĩ rằng Hoàng-Việt-Son đã hoàn toàn thất vọng khi thấy lại nàng sau hơn 40 năm không gặp! Nhưng nghĩ lại, nàng thấy luận cứ này không vững; bởi vì, nếu Hoàng-Việt-Son thật sự thất vọng vì nhân dáng hiện tại của nàng thì chàng đã không nhìn nàng bằng ánh nhìn triu mến, thiết tha, dịu vợi; và chàng cũng đã không dệt được những vần thơ làm xót lòng người đọc như trong bài Thanh-Điệp Trường Hận. Càng suy nghĩ nàng càng thấy chỉ có một lý do là Hoàng-Việt-Son giận nàng và muốn quên nàng. Đó cũng là điều dễ hiểu, bởi vì, sau ngần ấy thời gian giữ kín trong lòng hình bóng nàng và khoảng hơn bốn năm kiên nhẫn đeo đuổi nàng, nay chàng nhận ra sự phủ phàng từ trái tim gỗ đá của nàng thì chàng còn lưu luyến nàng để làm gì! Nhiều khi Thanh-Điệp hối hận, muốn điện thoại sang chàng; nhưng nàng ngại, vì chưa bao giờ nàng gọi chàng. Thanh-Điệp cũng muốn viết thư, nhưng rồi nàng nghĩ, thôi, nàng đã không yêu thương chàng thì hãy để “mối tình câm ử dột”⁽¹³⁾ này yên nghỉ. Đôi khi nàng bình thản chấp nhận ý nghĩ này; nhiều khi nàng lại mong chàng gọi để nàng được gỡ lời xin lỗi.

Trong sự bồn chồn mong đợi của Thanh-Điệp, điện thoại của Hoàng-Việt-Son không đến mà một tin không bao giờ nàng ngờ thì lại đến từ Thúy-Minh. Thanh-Điệp xót xa đoài đoạn vì nghĩ rằng Hoàng-Việt-Son ra đi mang theo niềm giận hờn do

nàng tạo nên! Nàng than thầm: “*Chỉ có chút linh thiêng mà anh cũng tặng Diệp rồi thì còn gì để anh hộ thân lúc nguy biến!*”

Hơn một năm qua, kể từ khi hay tin Hoàng-Việt-Son mất, Thanh-Điệp không viết được. Nàng cũng không muốn gửi bài điểm sách do chàng viết về tập truyện của nàng đến báo nào cả. Nàng muốn giữ cho riêng nàng. Ngày xưa, khi Hoàng-Việt-Son đi hành quân thì: “*Chiều hành quân cạnh ven rừng, Trong một thoáng anh mơ về Thanh-Điệp*”⁽¹⁴⁾; ngày nay, trong chuyến đi cuối cùng này, Hoàng-Việt-Son mang theo tất cả nguồn cảm hứng, óc sáng tạo và niềm đam mê văn chương của nàng; chỉ để lại cho nàng những dấn vật, ray rức và đau buồn. Rồi một hôm, nhớ đến lời đã hứa với Hoàng-Việt-Son, Thanh-Điệp quyết định viết trở lại. Bài đầu tiên khi trở lại với văn chương, chữ nghĩa, nàng xin được một lần viết về những kỷ niệm với Hoàng-Việt-Son - như một lời tạ lỗi.

Khi còn sinh thời Hoàng-Việt-Son tha thiết muốn được gặp nàng bao nhiêu thì giờ đây Thanh-Điệp cũng ước mong được viếng mộ phần của chàng bấy nhiêu.

* *
*

Quanh nàng không một bóng người, không một tiếng động. Thanh-Điệp ngồi bệt trên khóm cỏ non, tay vuốt nhẹ theo từng nét chữ khắc tên thật của Hoàng-Việt-Son trên mộ bia. Tâm hồn nàng tê dại. Khối óc nàng trống rỗng. Bao nhiêu nước mắt mặn nồng nàng đã hoang phí suốt đoạn đường đời đã qua của nàng; bây giờ nàng chỉ cảm thấy cay cay ở mắt chứ nàng không còn giọt lệ nào nhỏ xuống cho “*Một mối tình cam cứ lặng cam!*”⁽¹⁵⁾ Thanh-Điệp đến đây không một nén nhang, không một đóa hoa; vì nàng nghĩ, lúc Hoàng-Việt-Son còn sống nàng đã quá tệ với chàng thì nay chàng chết, những hình thức kia đâu thể nào làm cho chàng hiểu được những ray rức, ngậm ngùi, tiếc thương đang xâu xé tâm hồn nàng!

Trong thinh lặng bỗng dưng Thanh-Điệp tưởng như nàng có thể nghe được tiếng thì thầm:

...Bình minh dậy, ánh nắng hồng đỏ chói;

Chân trời xa, biển lặng, buồm nhấp nhô.

Thôi, chia tay, thuyền duỗi, bến dạn dò:

Ngày gặp gỡ? - Đành tìm nhau kiếp khác!⁽¹⁶⁾

Thanh-Điệp thảng thốt nhìn quanh. Sự yên lặng lại bủa vây. Và, bất chợt, Thanh-Điệp nhớ đến câu nói của một người mù mà nàng đã đọc trong một tác phẩm nào đó. “*Tôi nghe trong im lặng, một im lặng hoàn toàn!*” (*J’entends dans le silence, un silence parfait*).⁽¹⁷⁾

2.-Thành ngữ Việt-Nam: Đạp vô dưa, thấy vô dưa sợ.

7.-Theo Reader’s Digest.

4-5-8.-Những tác phẩm của ĐML.

1-3-4-5-6-9-10-11-12-13-14-15-16.-Trích từ Nửa Đồi Thương Đau của Hoang Vũ-Bảo.

17.-Không nhớ tên tác phẩm và tác giả.

chiều tưởng nhớ

Đề tưởng niệm nhà thơ Mây-Ngàn

Tiếng chuông chùa đòng vọng, vang xa trong không gian buốt lạnh của một chiều cuối Đông khiến quang cảnh quanh chùa trông thật tịch liêu. Mặt trời nghiêng về phía quê xưa. Những tia nắng mong manh nhẹ nhàng ve vuốt từng phiến đá gầy trước sân chùa. Khung cảnh này gợi nơi hồn tôi những câu thơ rất gợi cảm của Mây-Ngàn:

*Nắng có màu không? Tím lẫn hồng?
Hay nắng không màu, nắng rất trong!
Nắng về tươi thắm ngàn hoa thắm
Sưởi ấm lòng ai chiều cuối Đông.*

Lúc này, đối với tôi, bút hiệu Mây-Ngàn cũng như bút hiệu của nhiều nhà văn, nhà thơ tôi quý mến chứ không có gì khác biệt. Nhưng khi vào trong chánh điện, thấy ảnh và bài vị đặt giữa chánh điện tôi mới bàng hoàng xúc động để nhận thức được sự thật mà suốt mấy tuần qua tôi cứ cố tình chối bỏ: Mây-Ngàn Nguyễn-Phúc Bửu-Châu không còn nữa!

Bằng hữu thường gọi Anh một cách thân mật là Anh Châu hoặc là Anh Bửu-Châu chứ ít ai gọi Anh là Mây-Ngàn hay là bác-sĩ Bửu-Châu.

Từ ngày quen biết Anh, tôi hầu như quên bẵng Anh là một y-sĩ mà tôi chỉ nghĩ anh là một nghệ sĩ; một nghệ sĩ tài tử rất nặng lòng với bạn bè và văn học nghệ thuật. Khi ngồi lặng lẽ trong chánh điện, nghe bạn hữu nói về Anh tôi mới tỉnh trí để “nhìn lại Anh” ở một góc độ mà tôi đã vô tình quên bẵng:

Bác-sĩ Bửu-Châu tốt nghiệp Y-Khoa bác-sĩ năm 1968. Anh không bị trưng dụng vào Quân-Y vì lý do sức khỏe. Năm 1974 bác-sĩ Bửu-Châu thi đậu văn bằng Master of Public Health tại

Singapore và Anh về dạy tại trường Đại-Học Y-Khoa Huế. Năm 1975, di tản sang Mỹ, Anh định cư tại Mississippi. Tại đây, Anh nhận chức Medical Health Director. Sau một thời gian Anh trở thành Assistant District Health Officer for the Mississippi Department of Health. Năm 1979 anh dời về Houston, làm giáo sư phụ giảng tại Baylor College of Medicine. Một thời gian sau Anh về làm việc cho tòa thị chính Houston với chức vụ Chief of Health Department for the City of Houston. Anh đầu “Board” về Y-Khoa phòng ngừa. Chính bác-sĩ Bửu-Châu thành lập chương trình y-tế chuyên lo về bệnh viêm gan (Hepatitis) cho người Á-Đông. Mấy năm sau cùng Anh chuyển sang quận hạt Harris, giữ chức vụ Harris County Acting Deputy Director. Sau đó Anh trở thành Director of Health Department cho đến khi Anh nghỉ hưu. Anh nhận được rất nhiều bằng khen thưởng của chính quyền và các trường đại học.⁽¹⁾

Là một người rất năng động và nặng tình thân xã hội và giáo dục, bác-sĩ Bửu-Châu dùng thời gian hưu trí của Anh vào việc tham gia vào tổ chức Khuyến-Khích Tự Lập để nâng cao giáo dục tại Huế. Tổ chức này đang xúc tiến việc xây cất nhiều trường học tại Thừa-Thiên. Trong thời gian này bác-sĩ Bửu-Châu được đại học Y-Khoa Saigon mời làm giáo sư thỉnh giảng và Anh đã nhận lời.

Sau vài tháng trở lại Mỹ để theo dõi tình trạng sức khỏe, Bác-Sĩ Bửu-Châu lâm bệnh, phải ra, vào bệnh viện nhiều lần. Đến tháng 11-06 bác-Sĩ Bửu-Châu cảm thấy khỏe hẳn nên quyết định về lại Việt-Nam để tiếp tục thúc đẩy công việc của tổ chức Khuyến-Học Tự Lập – mặc dù các bạn đồng môn với Anh đều khuyên ngăn Anh nên đình hoãn chuyến đi này.

Vào ngày 23 tháng 01 năm 2006, trong một cuộc họp, cô Quỳnh-Trang, một thành viên trong nhóm Khuyến-Khích Tự Lập, đã tường trình rất nhiều chi tiết về những hoạt động của

nhóm với bác-sĩ Bửu-Châu. Sau đó Quỳnh-Trang đưa bác-sĩ Bửu-Châu viếng thăm hai trường mẫu giáo đã hoàn tất.

Bốn giờ 20 chiều, Quỳnh-Trang đưa bác-sĩ Bửu-Châu về nhà Anh, tự dưng Quỳnh-Trang cảm thấy không an tâm. Quỳnh-Trang hỏi thăm tình trạng sức khỏe của Anh. Anh bảo vẫn khỏe. Về đến nhà cô, 04 giờ 45, Quỳnh-Trang cũng vẫn không an tâm nên cô điện thoại đến tư thất bác-sĩ Bửu-Châu để vấn an. Không ai trả lời điện thoại. Hôm sau, ngày 24-01-06, lúc 02 giờ chiều, Quỳnh-Trang nhận được tin bác-sĩ Bửu-Châu qua đời.

Bác-sĩ Bửu-Châu qua đời ngay trong ngôi nhà mà Anh đã được sinh ra và lớn lên.

Trong khi bạn hữu tiếc thương và nhắc lại những hoạt động không ngừng nghỉ của bác-Sĩ Bửu-Châu trong địa hạt y tế, xã hội và giáo dục thì - như phân dẫn nhập tôi đã thưa - tôi lại nghĩ đến nếp sống nội tâm mà Anh vô tình hé lộ:

Đường đời đó, vinh quang hay tui nhục

Còn lại gì? Danh vọng cũng tàn phai.

Khi xuôi tay, cát bụi mảnh hình hài

Không hay có cũng chỉ là ảo tưởng!

Tôi không hiểu làm thế nào một người rất tích cực trong cuộc sống - như Anh - lại mang một tư tưởng nặng triết lý Phật-Giáo đến như vậy! Tôi không nghĩ Anh yếm thế; bởi vì một người yếm thế không thể nuôi dưỡng được trái tim chan chứa tình yêu:

Nói yêu em, lời nào cho hết ý?

Tình mênh mông như sóng biển trào dâng.

Hồn tương tư nên gây đại bàng khuâng

Cho nhưng nhớ ghen ngào đêm cô tịch...

Trong Anh, tình yêu đôi lứa nhiều khi dạt dào, mênh mông, tha thiết; nhưng trên hết vẫn là tình yêu cao cả Anh dành trọn vẹn cho quê hương:

Người ơi, hãy nói giúp giùm ta

Biết tả làm sao nỗi nhớ nhà!

Không hương, không vị mà da diết

Nỗi nhớ rung từng thớ thịt da!

Tôi đến Huế chỉ vài lần, sống ở Huế chỉ vài ngày và mang trong người chỉ “một nửa Huế” thôi. “Rứa mà” bốn câu thơ sau đây Anh vẽ ra một hình ảnh tuyệt vời cho đến nỗi tôi chỉ mong tôi là người Huế chính gốc để được yêu thương, được đắm nhập trọn vẹn trong hương cau thơm ngát của vùng không gian huyền diệu này.

Quê tôi ửng nắng mấy hàng cau

Thoáng gió đong đưa mấy dặm bầu

Con đò ngược bến Văn-Lâu đó

Có còn in bóng nước sông sâu?

Trong tất cả những bài thơ tình cảm Anh dành cho Huế, tôi thích nhất bài Nhớ Huế:

Ta nhớ vô cùng em biết không?

Nhớ đôi Vọng-Cảnh, gió ru thông.

Nhớ hồ nước Tịnh, sen soi bóng

Nhớ bến Văn-Lâu, chạnh tắt lòng!

Ta nhớ vô vùng em biết không?

Nhớ mái trường xưa phượng thắm hồng

Nhớ mái tóc thề chiều tan học,

Nhớ nẻo em về một cuối đông!

Ta nhớ vô cùng em biết không?

Nhớ trắng thôn Vỹ, nắng Kim-Long.

Nhớ sông Bến-Ngự, con đò nhỏ.

Nhớ má ai kia ửng nắng hồng.

Ta nhớ vô cùng em biết không?

Nhớ chiều buông nhẹ tiếng chuông ngân

Nhớ dòng Hương dịu ôm thành Huế,

Nhớ quá làm sao nhớ lạ lòng!

Bài thơ này dường như ra đời vào khoảng giữa thập niên 80, được Song-Ngọc phổ nhạc và ca sĩ Khánh-Hà trình bày rất nhiều lần. Bản nhạc này, ngay sau khi Song-Ngọc vừa hoàn tất, chính anh Bửu-Châu đã đàn và hát tại nhà Anh vào một buổi họp mặt bằng hữu. Tôi nhận thấy Anh Châu hát rất “có hồn”. Nhưng phải đợi đến khi nghe Khánh-Hà hát tôi mới nhận biết mỗi tình cảm sâu kín của một người “Huế lai” trong tôi bừng dậy, để rồi trở nên dịu dàng, tha thiết theo mỗi giai điệu, mỗi tiếng láy ở cuối phân đoạn và cách phát âm những địa danh thương mến.

Giữa thập niên 80 không khí văn nghệ tại Houston rất sôi nổi. Và nhà Anh Bửu-Châu là tụ điểm của những buổi họp mặt vui và lành mạnh. Anh Châu và anh Hải chơi Keyboard. Thường thường anh Châu, anh Hải và tôi hát chung, vì chúng tôi biết nhiều nhạc bản của thập niên 60. Một lần, tôi không hiểu do đâu Anh biết tôi từng chơi Accordéon. Anh hỏi. Tôi xác nhận, nhưng thưa với Anh rằng tôi bỏ lâu quá nên chẳng còn nhớ được bài nào. Anh hỏi tôi thường chơi nhạc gì? Tôi đáp nhạc Pháp. Anh mở Cassette những bản bán cổ điển và những bản thịnh hành của thập niên 60-70. Tôi nhận ra được gần hết, nhưng vì bản nào cũng dài quá cho nên tôi không nhớ trọn. Đến bản Etoile De Neige tôi vui mừng reo lên, vì bài này tương đối ngắn. Anh Châu cũng vui mừng, bảo sẽ đến nhà tôi lấy đàn đem lại để Anh, anh Hải và tôi cùng hòa đàn. Tôi cho Anh biết rằng tôi không có đàn. Bác Sĩ Hồ-Vương-Minh bảo người con của anh ấy có một Accordéon và anh ấy sốt sắn đến nhà người con mượn, đem đến cho tôi.

Sau vài phút “rà” lại, tôi chơi bản Etoile De Neige và anh Châu, anh Hải đệm theo. Anh Châu cho biết, lúc còn đi học Anh rất thích Accordéon nhưng vì cây đàn nặng, tình trạng sức khỏe của Anh không cho phép. Nửa đùa nửa thật Anh Châu đề nghị Anh, anh Hải và tôi thành lập ban tam ca “Ba Con Mèo...Mun”.

Đề nghị của Anh Châu, dù đùa hay thật, cũng không thể thực hiện được; vì Anh Châu lâm trọng bệnh, phải qua ba cuộc giải phẫu tim trong một thời gian rất ngắn.

Thời gian Anh trải qua ba cuộc giải phẫu, bệnh viện cần máu. Hầu hết bằng hữu của Anh đều đến bệnh viện hiến máu. Đây là lúc mọi người thấy được sự quý mến của bạn hữu dành cho Anh Châu. Không ai bảo ai, nhưng trong lòng mọi người đều thầm lo, không biết Anh có “qua” được hay không!

Anh đã “qua” được, hồi phục nhanh và yêu đời hơn bao giờ hết. Anh quay cuồng trong điệu luân vũ. Anh lịch lãm trong từng bước Tango. Anh cười sảng khoái khi “ù” được một ván mà chược. Ngoài tài năng và kiến thức chuyên môn, không ai có thể hiểu được Anh lấy năng lực từ đâu để sống trọn vẹn với đời, để thực hiện những điều mà nhiều người mơ ước.

Anh để lại thi tập Chỉ Là Mơ Thôi. Trong thi tập này có những bức họa do Anh vẽ, màu sắc rất dịu dàng, tươi đẹp, khơi dậy một sức sống. Trong thi tập này cũng có những bản nhạc do chính Anh sáng tác và cũng có những bản nhạc do vài nhạc sĩ phổ nhạc từ thơ của Anh.

Tôi vừa nghĩ đến đây thì tiếng niệm kinh cũng vừa dứt.

Nhìn vạc nắng cuối ngày trải đều trên thềm cỏ úa, tôi ngâm ngùi nhớ đến mấy câu thơ rất thích rất hợp với tâm trạng của tôi lúc này.

Có những chiều buồn mây tím bay,

Tím cả hồn tôi em có hay?

Nẻo về tôi thấy ngàn sao rụng

Chân bước thân thờ, đôi mắt cay!

Không nén được nỗi buồn, tôi thở dài, chậm bước. Bất ngờ trạng thái chối bỏ lại trở về trong tôi. Tôi khẽ lắc đầu, thầm nhủ: “Chỉ Là Mơ Thôi”.⁽²⁾

- 1.- Những chi tiết này do bác sĩ Nguyễn Văn Thuận cung cấp.
- 2.-Tất cả những phân đoạn trên đây được trích từ tập thơ Chi Là Mơ Thôi của Mây-Ngàn.

Thầy Lân

Với tay, muốn lấy cuốn sách đọc dở dang tối hôm qua để đọc tiếp, nhưng Phượng-Quỳnh vội dừng tay; vì, qua khung cửa sổ, Phượng-Quỳnh vô tình thấy giàn hoa giấy nhà bên cạnh nở rộ, màu tím tím...

Phượng-Quỳnh không nhớ người láng giềng trồng giàn hoa giấy từ bao giờ; nhưng Phượng-Quỳnh lại nhớ chỉ ở Nhatrang hoa giấy mới được tung tiu, được kết thành giàn che mát hoặc kết theo hình vòng cung bên trên cổng để tạo vẻ thơ mộng cho ngôi nhà.

Đang nghĩ vẩn vơ chợt nghe điện thoại reng, Phượng-Quỳnh vội chụp ống nghe, bước nhanh sang chiếc xa-lông nhỏ, vì ngại tiếng nói chuyện sẽ làm mất giấc ngủ của đứa cháu cưng.

- Allo.

- Cho tôi được tiếp chuyện với bà Phượng-Quỳnh.

- Dạ, tôi là Phượng-Quỳnh. Xin ông cho biết quý danh?

Phượng-Quỳnh không nghe tiếng trả lời mà chỉ nghe một dòng âm thanh piano rộn rã. Phượng-Quỳnh nhận ra đây là nhạc sống chứ không phải nhạc băng cho nên cứ lắng nghe.

Từ đầu giây bên kia, tiếng nhạc vẫn vui tươi, rộn ràng, từ phân đoạn của bản nhạc này chuyển sang phân đoạn của bản nhạc khác thật tài tình và chỉ đàn toàn nhạc ngoại quốc. Phượng-Quỳnh không thể đoán được trong số bạn hữu ai là người có ngón đàn piano đầy ma lực như vậy.

Càng lắng nghe tiếng đàn Phượng-Quỳnh càng cảm thấy nàng lạc hậu và quê mùa như một người chưa hề biết gì về âm nhạc; vì nhiều đoạn Phượng-Quỳnh không nhận ra được tên cũng như âm giai của bản nhạc. Trong khi Phượng-Quỳnh tủi thân cho sự “tuột dốc” thảm hại của nàng thì từ đầu giây bên kia, theo tiếng đàn, một giọng nam cất lên. Mấy câu đầu Phượng-Quỳnh nghe không rõ vì giọng người hát hơi nhỏ. Sau cùng Phượng-Quỳnh nghe được “... Stronger than any mountain cathedral, Truer than any tree ever grew, Deeper than any forest primeval, I am in love with you...”(1) Láy làm lạ, Phượng-Quỳnh lại lên tiếng “Allo” nhưng vẫn không ai trả lời.

Phượng-Quỳnh đắn đo, không biết nên tiếp tục lắng nghe hay là gác ông nghe để đọc sách. Bất ngờ tiếng hát chuyển sang: “Ngày nào một giấc mơ. Đâu những đêm trăng mờ ai ngóng chờ...”(2) Phượng-Quỳnh ngẩn ngơ, không biết người bạn nào nghịch mà lại đàn và hát những bài dễ thương đến như vậy! Phượng-Quỳnh lắng nghe cho đến câu cuối: “...hay đón đau vì câu chờ kiếp sau. Trăng úa màu, lệ dâng ướt ngàn sao.” (2) Không dung Phượng-Quỳnh cảm thấy buồn và nhớ những ngày Danh và nàng yêu nhau. Thời gian đó, mỗi khi giận hờn hoặc hôm nào Danh không đến điếm hẹn là Phượng-Quỳnh tưởng như trái đất sắp ngừng quay, ngày tận thế sắp cận kề và tối đó

thế nào Phượng-Quỳnh cũng thơ thần nhìn Trời rồi rơm rớm nước mắt, hát đi hát lại hai câu này để nghĩ đến Danh.

Tiếng hát ngưng và Phượng-Quỳnh nghe:

- Phượng-Quỳnh.

- Dạ, xin lỗi, ai đầu giây ạ?

- Lâu quá cho nên không nhận ra giọng, phải không? Lân đây. Lân ngày xưa dạy Lý-Hóa ở Võ-Tánh, nhớ không?

Phượng-Quỳnh vô cùng ngạc nhiên và bối rối, không biết nên xưng bằng “con” như ngày xưa hay là xưng bằng “em”. Nghĩ lại, Lân cũng không lớn hơn nàng nhiều nên đáp:

- Dạ, thưa Thầy, vì bất ngờ quá cho nên em không nhận ra. Em xin lỗi Thầy. Làm thế nào Thầy biết được điện thoại của em?

- Cách nay mấy tuần, nhân buổi họp mặt Võ-Tánh và Nữ Trung-Học, tôi gặp lại Nghi. Nghi hỏi đó cùng học B4 với Phượng-Quỳnh, nhớ không? Tôi hỏi thăm Phượng-Quỳnh và Nghi cho tôi số điện thoại.

Vì tính hay quên, Phượng-Quỳnh không thể nhớ được nhiều chi tiết về Lân. Nhưng kể từ ngày Nghi, người bạn gái duy nhất cùng lớp “B” với Phượng-Quỳnh ngày xưa, nói cho Phượng-Quỳnh biết ngày đó Lân để ý và có cảm tình với nàng thì Phượng-Quỳnh mới từ từ ôn lại khuôn mặt, vóc dáng, giọng nói và cử chỉ của Lân.

- Thưa Thầy, khi nói chuyện, em nhận ra giọng của Thầy; nhưng khi Thầy hát, nhất là khi Thầy hát tiếng Anh em cứ ngỡ là ông Mỹ nào đó đang hát.

Lân cười. Phượng-Quỳnh tiếp:

- Thầy cho em hỏi một câu, được không, thưa Thầy?

- Vâng, cứ nói chuyện tự nhiên. Nếu Phượng-Quỳnh tiếp tục gọi tôi bằng Thầy, tôi sẽ gọi Phượng-Quỳnh bằng... bà đó.

- Thưa Thầy, em quen rồi, đôi không được. Thưa Thầy, Thầy học piano từ lúc nào? Em nhớ, ngày đó, Thầy không chơi đàn mà.

Lân im lặng. Ngày đó, mỗi khi trường Võ-Tánh tổ chức văn nghệ tại rạp Tân-Quang, Việt-Quang, Tân-Tân hoặc trên sân khấu lộ thiên nơi bãi cát phía sau trường, Lân cứ thăm nôn nóng mong chóng đến phần văn nghệ do Phượng-Quỳnh phụ trách. Khi nghe xướng ngôn viên giới thiệu Phượng-Quỳnh, Lân hồi hộp, sửa lại dáng ngồi. Phượng-Quỳnh ôm đàn bước ra sân khấu, tươi cười, cúi chào khán giả. Nhìn Phượng-Quỳnh đọc tấu những bản nhạc ngoại quốc, Lân cảm thấy Phượng-Quỳnh trên sân khấu và Phượng-Quỳnh, cô học trò duyên dáng, đẹp tự nhiên và rất ít nói “của chàng” không phải là một. Lân tự hỏi không biết Phượng-Quỳnh có biết chàng đang chú tâm theo dõi từng cử chỉ của nàng - một hành động mà Lân cố tình giấu kín mỗi khi bước vào lớp B4 - hay không. Khi Phượng-Quỳnh đàn cũng như khi Phượng-Quỳnh hát, Lân cảm nhận được những xao xuyến, những rung động, những ước mơ trong lòng. Lân thăm mong sẽ tạo cơ hội để Phượng-Quỳnh nhận biết được tình cảm của chàng dành cho nàng. Nhưng, suốt mấy năm dạy Phượng-Quỳnh ở các lớp đệ nhị cấp, Lân chỉ thấy nàng vô tư như trẻ thơ và ngây thơ cho đến độ chưa biết làm dáng và chưa biết chung diện như các bạn cùng lứa, cho nên chàng vẫn dè dặt.

Sau khi Phượng-Quỳnh và Nghi rời Võ-Tánh, vào Saigon học Luật, nhiều lần Lân tự trách tại sao chàng quá kín đáo, đần độn và rụt rè. Nhưng không kín đáo, đần độn sao được khi mà nền đạo lý Á-Đông còn quá khắc khe đối với những người chọn ngành mô phạm!

Gặp lại Phượng-Quỳnh khi nàng trở lại thăm trường cũ, Lân thấy Phượng-Quỳnh có vẻ bạo dạn hơn trước, Lân vui thầm. Chàng hy vọng sẽ tạo cơ hội gặp lại Phượng-Quỳnh. Nhưng khi Lân vào lớp - lớp cũ của Phượng-Quỳnh và Nghi - trên lầu, nhìn xuống công chính, thấy Phượng-Quỳnh thướt tha đến bên chiếc Vespa, ngồi vào yên sau, người lái Vespa mặc quân phục thì niềm hy vọng của Lân tan đi! Lân ghen ngào quay mặt nhìn lơ

chỗ khác. Về sau Lân mới biết người lái Vespa hôm đó là Danh, một người bạn lớn lên cùng thành phố với Lân.

Từ hôm đó, ý nghĩ “đi lính” cứ lảng vảng trong lòng Lân. Vì Lân nhận thấy, đa số nữ sinh xinh đẹp của Võ-Tánh đều bị mấy chàng nhà binh “bắt cóc” hết. Nhưng rồi Lân tìm được một giải pháp khác hay hơn để xoa dịu niềm thất vọng. Chàng học piano để được đàn những bản nhạc mà Phượng-Quỳnh đã đàn và đã hát; và cũng để có cơ hội được trút xuống phím piano nỗi buồn thầm kín trong lòng. Vì vậy Lân đáp:

- Tôi học piano lâu rồi. Nhưng piano dễ, không phải mang vào người như accordéon của Phượng-Quỳnh.

- Dạ, em không nhớ tại sao ngày đó em lại chỉ thích đàn accordéon thôi.

- Phượng-Quỳnh và Danh vẫn khỏe chứ?

- Dạ, cảm ơn Thầy. Thầy muốn nói chuyện với anh Danh, phải không ạ?

- Tôi mới gặp Danh tại phi trường Los Angeles cách nay khoảng hơn một tháng, đã thăm hỏi nhau rồi. Tớ nữa sẽ nói chuyện thêm với Danh, bây giờ nói chuyện với Phượng-Quỳnh, có chi trở ngại không?

- Dạ, thưa Thầy, không.

- Phượng-Quỳnh dạo này chắc đàn tuyệt lắm, phải không?

Phượng-Quỳnh cảm thấy khó thở như ai vừa “đắm” vào ngực nàng. Phải vài tích tắc Phượng-Quỳnh mới đáp được:

- Thưa Thầy, em bỏ đàn từ mấy mươi năm nay rồi!

Lân thẳng thốt, tưởng như chàng nghe nhầm:

- Hả? Phượng-Quỳnh nói gì?

Phượng-Quỳnh lập lại câu nói. Cả hai cùng im lặng. Nén tiếng thở dài, Lân hỏi:

- Tại sao vậy, Phượng-Quỳnh?

- Dạ, vì “ông bạn” của Thầy không thích.

Im lặng. Tiếng piano đệm nhẹ nhàng, rồi rạc, vắng vắng. Một lúc lâu Lân hỏi:

- Danh nói thẳng với Phượng-Quỳnh là Danh không thích Phượng-Quỳnh đàn hay sao? Tôi nghĩ ngày đó Danh biết Phượng-Quỳnh chơi đàn mà, phải không?

- Dạ, ngày đó anh ấy biết em chơi đàn nhưng về sau anh ấy thay đổi, làm sao em biết được. Anh ấy không nói thẳng với em; anh ấy chỉ nói những câu khó chịu, em không thích nghe cho nên em bỏ đàn luôn để anh ấy không có cơ hội dùng những câu đó với em nữa. Còn Thầy, cô có thích Thầy đàn và viết hay không?

- Nhà tôi và tôi không còn sống với nhau từ lâu rồi.

Phượng-Quỳnh thoáng giật mình. Lần Phượng-Quỳnh về Việt-Nam cách nay hai năm, vào hôm họp mặt bạn hữu, các bạn cho Phượng-Quỳnh biết tin thầy Lân trở về đời sống độc thân, nhưng vì tính hay quên, Phượng-Quỳnh không nhớ. Phượng-Quỳnh chỉ nhớ các bạn nhao nhao hỏi nàng là tại sao ngày đó không “chịu” thầy Lân? Phượng-Quỳnh đáp rất thật lòng: “Có biết Thầy để ý mình đâu mà chịu với không chịu?” Anh bạn cao lêu nghêu, ngày xưa ngồi bàn cuối, bảo: “Chính tôi nghe thầy Lân nói với thầy Hảo là Phượng-Quỳnh có nụ cười rất đậm và cái cằm chẻ đôi.” Phản ứng tự nhiên, Phượng-Quỳnh đưa tay sờ cằm. Cái lũng sâu nho nhỏ nhưng vô cùng duyên dáng ngay giữa cằm, ngày xưa đã làm mê mệt nhiều chàng trai, nay không còn nữa. Một cô bạn Huế, ngày xưa cùng trong ban văn nghệ với Phượng-Quỳnh, cười dòn: “Vô lý. Trong khi toàn trường ai cũng biết Thầy để ý nhà người mà tại rằng nhà người lại không biết?” Phượng-Quỳnh ngẩn người, không biết nên buồn hay nên vui. Bây giờ nghe Lân hé lộ chuyện gia đình của Lân, Phượng-Quỳnh mới chợt nhớ:

- Dạ, em xin lỗi đã vô tình khơi lại chuyện buồn của Thầy.

- Có chi mà buồn. Đời là vô thường. Trở lại nguyên nhân Phượng-Quỳnh bỏ đàn. Danh nói như thế nào, Phượng-Quỳnh thử lập lại đại ý xem?

- Dạ, mỗi khi em đàn, anh Danh thường bảo: “Đờn gì mấy bài lạ hươ lạ hoắt, không ai biết mà cũng đờn; còn mấy bài như Lính Dù Lên Đỉnh, Anh Là Lính Đa Tình, v. v... hay thâu Trời sao không chịu đờn? Đờn mà không ai hiểu, không ai biết thì đờn địch làm chi cho mất công? Đẹp đi cho rồi.”

Trong khi Lân ghen lời trước một câu nói phủ phàng như vậy thì Phượng-Quỳnh lại liên tưởng đến những câu nói khác, cũng của Danh. Vào những dịp họp mặt bằng hữu, thấy Phượng-Quỳnh được bạn bè tỏ ra thương mến hoặc khen ngợi bao nhiêu thì trên đường về nhà Danh cũng nói những lời độc hại, làm tổn thương Phượng-Quỳnh bấy nhiêu! Mỗi khi biết Phượng-Quỳnh nghe nhạc ngoại quốc, Danh “xi” một tiếng rồi bảo, nghe chi ba thứ nhạc đó, bộ mất gốc rồi hả? Nếu nhạc bán cổ điển hoặc nhạc hòa tấu hay độc tấu, Danh bảo, nghe thứ nhạc gì mà toàn đờn không, buồn ngủ thấy bà. Phượng-Quỳnh nghe Smooth Jazz, Danh bảo, thứ đồ nhạc của tụi đen mà cũng nghe. Khi thấy Phượng-Quỳnh trang điểm, Danh bảo, “bôi quẹt” để làm gì? Trẻ trung gì nữa mà bày đặt. Phượng-Quỳnh còn nhớ, ngày nàng mới sinh xong đưa con đầu lòng, Danh dẫn mặt, gằn “băm” (ba mươi) rồi, không còn trẻ nữa đâu nghe, cô; Phượng-Quỳnh trên ba mươi, Danh bảo, gằn nửa đời người rồi, còn gì nữa mà “bôi quẹt”; Phượng-Quỳnh trên bốn mươi là tuổi...về vườn! Phượng-Quỳnh mặc áo màu tươi, Danh quạu, chồng con đây đàn mà còn bày đặt chưng diện? Phượng-Quỳnh mặc áo màu đậm, Danh lại bảo: Mặc mấy màu gì quê mùa quá vậy? Khi bắt gặp Phượng-Quỳnh gửi check mua báo dài hạn, Danh bảo, tiền cô không biết xài vào đâu hay sao mà mua báo dài hạn? Sang quá mà! Báo người ta chất cả đống ngoài chợ, đi chợ sao không lượm về đọc mà lại mua? Giàu rồi đó! Phượng-Quỳnh nghiệm ra rằng, chưa bao giờ Danh hài lòng và cũng chưa bao giờ Danh dừng tìm cách chê bai hoặc dè bìm về những điều nàng làm!

Trong khi Danh cố tìm những khuyết điểm của Phụng-Quỳnh để chỉ trích và Danh bịa những chuyện không thật về nàng để làm đề tài cho bạn bè cười trong những lần họp mặt thì, đối với mọi người - nhất là những người có tiền hoặc có chút địa vị xã hội - Danh tìm đủ mọi cách làm quen, để rồi không tiếc lời ca tụng, tặng bốc cho nên nhiều người thích Danh, nghĩ rằng Danh là người bất thiệp.

Mỗi khi nghe những câu Danh nịnh bợ người khác một cách sòng sạo rồi nghĩ đến những câu Danh cố tình “hạ” nàng, Phụng-Quỳnh chỉ nhìn Danh một cách ngán ngẩm rồi đi lơ chồ khác, cảm thấy đau trong lòng. Bất cứ điều gì hay ho, đẹp đẽ hoặc thành công của bạn hữu hay của gia đình, Danh cũng đều bảo với mọi người là do công trạng của chàng cá; còn những gì không tốt hay thất bại thì Danh đổ lỗi cho Phụng-Quỳnh.

Cũng với luận điệu tương tự, ngày xưa, thấy Danh đam mê tử sắc, bỏ bê vợ con, nhiều người khuyên ngăn Danh, Danh đáp tinh bơ: “Tôi hư là tại bà.” Các bạn ngạc nhiên: “Bà làm gì mà tại bà? Tội tao thấy bà hiền quá mà.” Danh gạc phăng: “Hiền! Bà mà hiền! Hiền, cắn cơm không bẻ, cắn tiền bẻ hai! Thôi, tội bay đừng có nịnh. Bà đâu có mặt ở đây đâu mà tội bay nịnh. Nhậu tiếp đi. Tao còn phải đưa em Ánh-Mộng của tao về để tao...làm thật!” Sau khi nghe bạn bè lặp lại những câu như vậy, Phụng-Quỳnh cất vấn Danh, Danh chối dài, thề độc và bảo chàng không phải là một người đàn ông hèn hoặc ngu mà đi “hạ” vợ trước mặt bạn bè. Phụng-Quỳnh phân vân, không biết tin ai! Nhiều khi Phụng-Quỳnh tự hỏi, tại sao nàng không thể quên được những câu cay độc, những điều xót xa do Danh đem đến mà nàng lại quên những điều tốt đẹp trong cuộc đời! Bây giờ chỉ lặp lại cho Lân nghe một câu thôi mà Phụng-Quỳnh cũng vẫn còn cảm thấy tê tái trong lòng.

Lân hỏi:

- Rồi Phụng- Quỳnh trả lời như thế nào?
- Dạ, anh ấy không thích em đàn thì em bỏ, cho yên chuyện.

Đó cũng là một câu né tránh của Phượng-Quỳnh; vì thật ra nàng có phản ứng một cách ôn hòa. Nhưng Danh là một người đàn ông vũ phu. Khi nào bị Phượng-Quỳnh nói đúng tâm lý mà Danh không thể biện luận được, Danh sẽ đánh Phượng-Quỳnh không nương tay và nói những câu thô lỗ, nặng nề hơn nữa để nàng nguơng, không trả lời được, phải im. Đôi khi Danh còn “cúp”, không đưa tiền đóng tiền học cho các con: “Trường công của chính phủ, khỏi tốn tiền, sao không cho tụi nó học mà bày đặt học trường Tây? Muốn làm sang, cho tụi nó học trường Tây thì cho bà giúp việc nghỉ đi, lấy tiền đó mà đóng tiền học cho tụi nó.” Phượng-Quỳnh muốn đi làm để khỏi lệ thuộc vào Danh. Danh phản đối dữ dội: “Tôi đâu có bỏ cô chết đói mà cô đòi đi làm để bĩ mặt tôi!” Phượng-Quỳnh đành im lặng, ôm trong lòng niềm thất vọng, nỗi chán chường về người đàn ông mà ngày xưa đã thề thốt và nói với nàng những điều không thật để du nàng vào con đường tình không lối ra!

Không những Danh luôn nói những điều không thật mà Danh còn có tài chối bừa, không sượng mặt. Phượng-Quỳnh vẫn nhớ, ngày đó, khi nào Phượng-Quỳnh “trúng” một “áp-phe” là Danh về nhà ngọt ngào, năn nỉ nàng trả giùm những món nợ do Danh “lầm lỡ” gây ra, và Danh thề độc là sẽ không bao giờ tái phạm nữa. Phượng-Quỳnh muốn đích thân nàng đem tiền đi trả để có dịp nói riêng với người bạn đó đừng cho Danh mượn tiền nữa. Dường như Danh hiểu dụng ý của Phượng-Quỳnh cho nên Danh không đồng ý. Danh bảo chàng mượn thì để chàng đem trả chứ Phượng-Quỳnh đem đến trả sẽ làm mất thể diện của chàng. Phượng-Quỳnh nhẹ dạ và vẫn còn tin tưởng Danh cho nên giao tiền cho Danh đi trả.

Lần nào cũng vậy, Danh không đem tiền đi trả mà Danh dùng số tiền đó “rải” đều cho các em vũ nữ tại vũ trường, đưa các em ca sĩ vào những nhà hàng sang trọng và đem bỏ đến sòng bài để chứng tỏ sự “chịu chơi” của Danh. Vài tuần sau, hết tiền, Danh lại nhắc Phượng-Quỳnh tại sao chưa trả những số nợ

đó. Phượng-Quỳnh bảo: “Em đưa cho anh đem đi trả rồi mà.” Danh nhìn thẳng vào mắt Phượng-Quỳnh rồi chối tình bơ: “Đưa hồi nào? Em cứ đòi chính em đem tiền đi trả chứ em đâu chịu đưa cho anh. Tính em hay quên rồi em đổ thừa.”

Phượng-Quỳnh tự biết tính nàng hay quên nên nửa nghi nửa ngờ, đành im. Lâu dần, sự lừa dối trắng trợn và sự đổ thừa đầy dã tâm của Danh cứ được Danh lập đi lập lại hoài khiến Phượng-Quỳnh đâm ra lo sợ, hoài nghi và không tin bất cứ một người nào và cũng không còn tin tưởng vào chính nàng nữa. Mãi đến khi sang Mỹ, Phượng-Quỳnh mới biết vì Danh mà nàng bị Obsessive Compulsive Disorder!

Riêng Lân, chàng biết Phượng-Quỳnh là một cô gái hiền lành cho nên Lân không ngạc nhiên vì câu nói của nàng mà chỉ cảm thấy xót xa, cay đắng trong lòng. Lân biết chàng không nên nói gì trong lúc này nên im lặng.

Phượng-Quỳnh nghe tiếng thở dài của Lân rồi từng tràng hợp âm trầm vang xa. Chỉ một thoáng thôi, tràng hợp âm đó trở nên cuồng loạn. Phượng-Quỳnh có cảm tưởng như Lân đang trút tất cả tức giận của chàng lên phím đàn. Một lúc sau, có lẽ đã bình tâm trở lại, Lân chuyển sang một bản nhạc êm dịu, thiết tha. Trong lúc Phượng-Quỳnh còn nhú mày, cố nhận ra dòng nhạc thì giọng Lân khe khẽ: “Hay quá! Đoạn này chuyển sang Mineur, tuyệt quá!” Câu nói của Lân khiến Phượng-Quỳnh đau đớn, tủi buồn nhận ra sự “đốt nát” của nàng sau mấy mươi năm xa lìa thế giới âm nhạc! Câu nói của Lân cũng khiến Phượng-Quỳnh nhớ đến ông Ngữ, thân phụ của nàng.

Ngày đó, nhiều khi đang đàn, Phượng-Quỳnh nghe tiếng dép lẹc xọc rồi giọng ông Ngữ: “Con! Con đàn lại đoạn đó cho Ba nghe.” Phượng-Quỳnh ngạc nhiên: “Ừa, con đàn sai, phải không, Ba?” Ông Ngữ khoác tay: “Không. Không phải. Ba muốn nghe lại vì đoạn đó chuyển sang Mi Mineur tuyệt quá. Sự chuyển âm đột ngột này tụi Tây gọi là...” Ông Ngữ tuôn một tràn tiếng Pháp mà đến nay không thể nào Phượng-Quỳnh nhớ

được! Bây giờ nghe Lân nói một câu tương tự, Phượng-Quỳnh nhớ Cha và thương cho công khó của người Cha đã dạy nàng đàn. Tủi thân, Phượng-Quỳnh gục mặt vào lòng bàn tay, muốn khóc nhưng khóc không được.

Trước sự hủy diệt của thời gian và luật vô thường, Phượng-Quỳnh bất lực, đã đành; còn trước sự hủy diệt có chủ tâm của một người đàn ông dành cho nàng tại sao Phượng-Quỳnh cũng cúi đầu câm lặng suốt mấy mươi năm qua? Nhiều khi Phượng-Quỳnh nghĩ rằng nàng hèn. Nhưng không hèn sao được khi mà Phượng-Quỳnh, vì danh dự gia đình, vì tự ái cá nhân, không muốn ai biết được sự nhảm lẫn của nàng. Phượng-Quỳnh không muốn các con không có cha và cũng vì Phượng-Quỳnh được nuôi dạy theo “nền đạo lý thánh hiền(!) Con gái mười hai bên nước; trong nhờ, đục chịu!”

Không muốn nhớ lại những chuyện buồn xưa, Phượng-Quỳnh nghĩ cách chuyển đề tài. Chợt nhớ đến tác phẩm Lân viết cách nay gần nửa thế kỷ, Phượng-Quỳnh hỏi:

- Dạ, thưa Thầy, Thầy còn giữ tác phẩm Nỗi Buồn Ngày Tháng Cũ không, thưa Thầy?

- Tuyệt bản rồi. Phượng-Quỳnh thích cuốn đó à?

- Dạ.

Im lặng. Lân thở dài, nhớ lại buổi sáng chủ nhật năm xưa, Lân buồn buồn đi dọc bờ biển thì gặp Phượng-Quỳnh và Danh đẩy chiếc xe có em bé gái nằm ngủ bên trong. Lân và Danh vồn vã bắt tay, chuyện trò nhưng trong lòng Lân lại vang lên nhiều câu tự trách. Như không chịu đựng được lâu hơn nữa trước một thực thể không thể cứu vãng, Lân lấy từ cặp-táp cuốn sách vừa mới xuất bản, viết “Tặng Danh và Phượng-Quỳnh với những kỷ niệm ấu thơ còn đó” rồi vội vã bỏ đi.

Lúc đó, đọc nét chữ quen thuộc của Lân, Phượng-Quỳnh không nghĩ gì xa xôi. Nhưng sau khi nghe Nghi rồi các bạn bên Việt-Nam kháo nhau Phượng-Quỳnh mới ngẫm nghĩ lại và nàng nhớ một câu trong tác phẩm đó. Phượng-Quỳnh muốn nhân cơ

hội thân mật này hỏi Lân xem đó là sự trùng hợp hay có điều gì khác.

- Thừa Thầy, có một câu trong cuốn Nỗi Buồn Ngày Tháng Cũ mà em cứ thắc mắc, vì không hiểu được dụng ý của tác giả. Thầy cho phép em hỏi Thầy câu đó hay không?

- Hỏi đi.

- Thừa Thầy, em không nhớ trang mấy, nhưng trong câu chuyện đầu tiên, có đoạn: "...Phượng là con ông Ngử ở Nhatrang. Phượng có nụ cười rất đầm và cái cằm chẻ đôi..." (3) Ông Ngử là tên của Ba em còn Phượng là ai, thưa Thầy?

Lân giật mình, không ngờ một chi tiết nhỏ như vậy mà Phượng-Quỳnh còn nhớ. Như vậy có thể Phượng-Quỳnh đã biết được tình yêu đơn phương của chàng? Suốt mấy mươi năm qua, kể cả thời gian Lân sống hạnh phúc với vợ con, chưa bao giờ hình dáng của Phượng-Quỳnh phai nhòa trong tâm trí chàng. Gần đây, hình dáng của Phượng-Quỳnh càng rõ nét hơn vì Lân nghe học trò cũ, cũng như Nghi, cho biết Phượng-Quỳnh trải qua rất nhiều đau khổ và luôn luôn sống trong sự chịu đựng dai dẳng và nặng nề. Nghe như vậy, Lân động lòng, muốn tìm cách an ủi Phượng-Quỳnh. Nhưng khi biết dường như Phượng-Quỳnh đã lờ mờ nhận ra được tình cảm của Lân đối với nàng thì Lân lại ngại. Sự mâu thuẫn này cũng như sự nhút nhát khiến Lân đáp không kịp suy nghĩ:

- Thôi. Thôi. Cấm, không cho hỏi nữa; để tôi đàn tiếp cho mà nghe.

Phượng-Quỳnh cười. Lân tiếp:

- Ngày đó Phượng-Quỳnh đàn, nhiều người chết vì Phượng-Quỳnh. Bây giờ tôi đàn, không biết có chinh phục được một người hay không!

Phượng-Quỳnh lại cười, rất bằng lòng khi biết được sự nghi ngờ của nàng cũng như những lời "nhao nhao" của nhóm bạn xưa đã được Lân xác định một cách gián tiếp.

Lân cũng rất vui khi hiểu được rằng, một phần nào đó, Phượng-Quỳnh đã biết được tình yêu thầm kín Lân đã dành cho nàng. Lân lướt nhẹ và rất nhanh mấy ngón tay của bàn tay phải lên phím đàn rồi tay trái hòa vào, tạo nên dòng Tango rộn rã. Vừa đàn Lân vừa hỏi:

- Phượng-Quỳnh nhớ bản này không?

Giọng của Phượng-Quỳnh có vẻ ngờ nghệch:

- Dạ, không.

Lân ngạc nhiên:

- Hồi đó Phượng-Quỳnh thường đàn bản này lắm mà.

Phượng-Quỳnh lại muốn khóc vì nàng vẫn không nhớ được. Phượng-Quỳnh nhìn hai bàn tay đã nhăn nhúm của nàng rồi nhìn đứa cháu nội đang nằm ngủ nơi ghế xa-lông. Mỗi cuối tuần mới giữ cháu được một lần vậy mà Phượng-Quỳnh cũng nhận ra con bé lớn nhanh quá. Càng lớn con bé càng mũm mĩm và càng giống Phượng-Quỳnh vì sống mũi cao, thẳng và cái lúm sâu giữa cằm. Nhiều người bạn vô tình khen; “Con bé xinh quá, trông giống Bà Nội ghê.” Không thể nào chịu được khi phải nghe một lời khen như vậy, Danh “phản pháo” liền: “Con nhỏ này mà xinh gì, đừng có nịnh.” Các bạn nhìn Phượng-Quỳnh, chờ đợi sự phản ứng của nàng. Phượng-Quỳnh chỉ cười lạc, nói lơ chuyện khác.

Vì bị phân tâm, Phượng-Quỳnh không thể biết được Lân đã chuyển sang bản nhạc khác. Lân hỏi:

- Bản này, nhận ra không?

- Em nhận ra nhưng em không nhớ tựa và tác giả.

Lân ngạc nhiên tốt độ. Ngày đó, nam giáo sư độc thân cùng thuê chung một ngôi biệt thự ở Xóm-Mới. Sân trước, hoa giấy được kết thành giàn rồi uốn vòng hình cánh cung trên hai trụ gạch nơi cổng. Vào những dịp lễ, Lân cùng các bạn thường tổ chức tiệc, mời các bạn đồng môn và những học sinh có năng khiếu văn nghệ để bữa tiệc thêm phần khởi sắc. Trong những dịp như vậy không thể nào thiếu Phượng-Quỳnh.

Trước khi nhập tiệc, nhạc thời trang hoặc nhạc bán cổ điển được mở lên, đem đến không khí ấm cúng cho ngôi nhà. Phượng-Quỳnh thường lặng lẽ ngồi một mình trong góc, lắng nghe. Thỉnh thoảng Lân giả vờ lấy cái này, đổi cái nọ để đến cạnh Phượng-Quỳnh, hỏi nàng về những đĩa nhạc đang nghe xem nàng có thích hay không. Rất nhiều lần Lân hỏi Phượng-Quỳnh về những bản nhạc thời trang cũng như bán cổ điển Tây phương; lần nào Phượng-Quỳnh cũng nhận ra và nói đúng tên người hát và tên tác giả. Một lần Lân hỏi Phượng-Quỳnh thích nhạc của ai nhất và ai nhì. Phượng-Quỳnh đáp: “Dạ, thưa Thầy, con thích Franz Liszt và Strauss.” Vậy mà bây giờ....Lân than:

- Trời! Liszt! Franz Liszt. Ngày đó Franz Liszt là “ruột” của Phượng-Quỳnh mà sao nay vô tình quá vậy?

Sau một thoáng bàng hoàng, Phượng-Quỳnh reo lên:

- Em nhớ rồi. Liebestraum.

Phượng-Quỳnh xúc động quá, ngồi bệt trên thảm, để tâm hồn quyện theo dòng âm thanh dịu dàng, thiết tha, trầm thống và đầy u uất của bản nhạc được viết theo âm giai Do Majuer, thể điệu Tempo di Valse. Theo dòng âm thanh phù thủy của Lân, Phượng-Quỳnh tưởng như nàng có thể thấy lại dáng vóc cao, gầy và nét mặt nghiêm nghị của Lân mỗi khi Lân chạy Vespa vào cổng chính của trường trong khi Phượng-Quỳnh cùng các bạn đi vào bằng cổng nhỏ bên cạnh.

Lân khen:

- Giỏi. Vậy Phượng-Quỳnh còn nhớ mối tình vương giả của Liszt không?

Một lần nữa Phượng-Quỳnh lại cảm thấy hụt hẫng, như một bà nhà quê đi thi vào quốc tịch Mỹ, bị hỏi, hãy nói tên vị tổng thống Hoa-Kỳ có liên hệ trong cuộc đổ bộ vào vịnh Con Heo (Bay of Pigs) tại Cuba :

- Dạ, em không nhớ. Em chỉ nhớ, ngày xưa Ba em có kể cho em nghe về mối tình không trọn của Franz Liszt nhưng em không nhớ là với ai.

- Với công nương Carlyne Sayn Wittgenstein.

Lân vừa đáp vừa tiếp tục đàn. Phượng-Quỳnh im lặng, chăm chú nghe. Một lúc sau Lân ngưng đàn, bảo:

- Bây giờ Phượng-Quỳnh cho tôi nói chuyện với ông bạn già của tôi một chút, nhé.

Phượng-Quỳnh lúng túng:

- Thưa Thầy, anh Danh không có ở đây.

- Bao giờ Danh về để tôi gọi lại?

Phượng-Quỳnh không biết phải đáp như thế nào. Nói dối thì khó, vì không biết phần nào nên dối, phần nào nên thật, mà nói thật thì ...nói những gì? Nhận ra được điều không ổn, Lân dục:

- Phượng-Quỳnh.

- Dạ.

- Có gì trở ngại, phải không?

Phượng-Quỳnh lúng túng, ngại Lân hiểu lầm:

- Dạ không. Thưa Thầy, lúc này Thầy bảo rằng Thầy đã gặp anh Danh cách nay hơn một tháng, tại phi trường Los Angeles, đúng không?

- Vâng.

- Thưa Thầy, hôm đó anh Danh có nói gì nhiều với Thầy không?

- Không. Danh chỉ bảo là Danh được một công ty lớn của Mỹ chỉ định qua Việt-Nam điều nghiên về việc đầu tư cả mấy tỷ Mỹ kim.

Phượng-Quỳnh vội đưa tay che miệng để khỏi thốt ra tiếng than “Trời!”

Từ ngày Danh, Phượng-Quỳnh cùng các con vượt biên sang đây, chỉ sống nhờ vào ngành bán tạp hóa. Lúc đầu vợ chồng làm cho công ty 7-11; sau, hai vợ chồng để dành được ít tiền rồi vay thêm ở ngân hàng, sang được một tiệm, tự làm chủ. Gần đây Danh năn nỉ Phượng-Quỳnh nên bán tiệm tạp hóa, về hưu non cho khỏe, có thì giờ đi chơi và lo cho cháu. Hơn nữa dạo này tiệm của mấy người bạn bị cướp hoại, Danh ngại rủi thặng

khùng nào vào cướp rồi “thầy cái bùm” thì uổng cuộc đời. Phượng-Quỳnh đồng ý vì thấy đề nghị của Danh rất hợp lý. Với luận điệu ra giá cao khó bán, lại phải trả tiền thuê chỗ, Danh ra giá rất hạ để bán cho nhanh. Phượng-Quỳnh cứ nghĩ rằng Danh đã có tuổi, có lẽ Danh đã hồi tâm, thật lòng muốn vợ chồng cùng sống già bên nhau cho nên Phượng-Quỳnh không cản trở gì cả.

Bán tiệm xong, Danh năn nặc đòi về Việt-Nam thăm Mẹ. Phượng-Quỳnh muốn cùng về với Danh. Nhưng Danh nêu nhiều lý do, nhất là lý do Phượng-Quỳnh đã về cách nay hai năm rồi, về làm chi nữa, tốn tiền, rồi bỏ cháu không ai lo. Danh hứa chỉ về hai tuần rồi trở qua.

Sau khi Danh về Việt-Nam Phượng-Quỳnh mới vô tình khám phá mối-tình-i-meo (e-mail) giữa Danh và một cô gái bên Việt-Nam, trẻ bằng tuổi cô con gái út của Danh. Hai người thề ước nặng lời. Không thể nào Phượng-Quỳnh quên được một câu Danh “gõ” cho cô đó: “Em đừng lo. Theo luật của tiểu bang này, hễ vợ chồng không còn chung sống với nhau hơn sáu tháng là kể như...xù. Bằng mọi cách anh sẽ về bên em để em giúp anh tìm lại tuổi thanh xuân mà người vợ miệt vườn của anh đã không tạo được cho anh lúc anh còn trẻ.” Phượng-Quỳnh không cảm thấy đau khổ nữa, vì tâm hồn đã chai lỳ; nhưng Phượng-Quỳnh lo cho số tiền lớn vừa mới bán cái tiệm tạp hóa.

Phượng-Quỳnh tức tốc ra ngân hàng. Nữ trang và tiền mặt để trong Safe Deposit Box biến mất. Checking Account chỉ còn hơn năm trăm đô-la; đó là tiền hưu của Phượng-Quỳnh mà chính phủ chuyển trực tiếp hằng tháng vào trương mục. Còn tiền hưu của Danh được Danh yêu cầu chuyển về địa chỉ nào đó, ngân hàng không thể tiết lộ. Các trương mục hưu bổng IRAs và 401K của Danh đều bị đóng từ lâu.

Cổ kèm nước mắt, Phượng-Quỳnh vội vàng đi ra cửa, chưa biết phải hành động như thế nào thì gặp Thúy, người bạn làm tại phòng cấp cứu của bệnh viện Rose Garden, từ ngoài đi vào.

“Chị Danh. Chị làm gì mà mặt mày xanh lè, bộ tịch hót hơ hót hãì vậy?” Phượng-Quỳnh gượng cười, nói dối: “Ô, thưa chị. Anh chị khỏe chứ? Riêng tôi, trong người không được khỏe.” Thúy cười, ra vẻ bí mật: “Tụi tôi mới ở Việt-Nam về được mấy hôm. Tụi tôi gặp anh Danh bên đó.” Phượng-Quỳnh hơi mất bình tĩnh vì nàng cảm thấy xấu hổ nếu ai biết được việc làm thất đức của Danh: “Dạ, anh ấy về thăm bà cụ, anh ấy sắp trở qua rồi.” Thúy háy nhẹ Phượng-Quỳnh: “Ồ đó mà ảnh qua. Hôm gặp anh Danh, ảnh năn nỉ tụi tôi đi ăn với ảnh để ảnh có thì giờ tâm sự. Anh Danh bảo chị lúc nào cũng cấm cản, canh giữ ảnh như canh tù. Suốt mấy mươi năm qua ảnh gắng chịu đựng để con cái yên tâm học hành. Bây giờ con cái lớn hết rồi mà chị cũng còn hành hạ ảnh như ngày xưa cho nên ảnh chịu không nổi. Ảnh bứt!...” Dường như Thúy còn muốn nói tiếp nhưng Phượng-Quỳnh hốt hoảng như muốn chạy trốn: “Dạ, nếu anh Danh chỉ nói bấy nhiêu đó thôi thì tội của tôi cũng còn nhẹ. Xin lỗi chị, tôi phải đi có tý việc.” Bước vài bước, Phượng-Quỳnh quay lui, thấy Thúy nhìn theo nàng. Trong ánh nhìn đó Phượng-Quỳnh có thể đọc được rằng: Người gì thiếu lịch sự. Người ta đang “đem tin tức” cho mà không thèm nghe. Người như vậy chồng bỏ cũng đáng!

Sự việc xảy ra như vậy nhưng Phượng-Quỳnh không biết phải nói với Lân như thế nào, đành đáp:

- Thưa Thầy, chuyện của anh Danh như chuyện-dài-nhân-dân-tự-vệ ngày xưa, nói hoài không hết. Thôi, Thầy đàn tiếp cho em nghe, được không, thưa Thầy?

Lân linh cảm được điều gì đó, rất mơ hồ, giữa Phượng-Quỳnh và Danh, nhưng Lân không thể đoán được. Nghe Phượng-Quỳnh yêu cầu, Lân sửa lại dáng ngồi:

- Phượng-Quỳnh thích nghe nhạc gì?
- Thầy biết rồi. Em chỉ thích nhạc tình cảm thôi.

Lân cười, dạo một đoạn ngắn rồi vừa đàn vừa hát: “Wise men say, only fools rush in. But I can’t help falling in love with you.” (4)

Nhận ra đây là bản nhạc mà ngày xưa, mỗi khi đến nhà quý Thầy dự tiệc, Lân thường mở đĩa cho khách nghe, Phượng-Quỳnh xúc động dạt dào.

Tiếng đàn và giọng hát của Lân đưa tâm hồn Phượng-Quỳnh liả khỏi thực tại đảo điên để trở về khung trời cũ; nơi có ngôi trường Võ-Tánh thân yêu; và cũng là nơi Phượng-Quỳnh đã lớn lên trong ngôi nhà có giàn hoa giấy nở rộ, màu đỏ thắm.

Dưới giàn hoa giấy đỏ, vào những đêm có phần ca nhạc của ban Tiếng Tơ Đồng, ông Ngữ thường nằm trên võng, ôm radio, nghe một mình. Cũng dưới giàn hoa giấy đỏ, không biết bao nhiêu lần Phượng-Quỳnh thấy Ngoại nằm trên võng, em của Phượng-Quỳnh được nằm nghiêng mặt trên ngực của Ngoại để nghe Ngoại hát ru “...Àu ơ...Chim quyên ăn trái ỏ qua...hò ơi... nuốt vô, nuốt vô... (thì) sợ đấng...hò...hò ơi...(mà) nhả ra...(thì) bạn cười!...Hò.. ơi...Gió đưa, gió đưa cây cải về trời... Hò ơi, Rau răm ở lại...hò ơi...(rau răm ở lại)... chịu lời đấng cay!...”

Nhớ đến những câu ca dao này Phượng-Quỳnh mới cay đắng nhận ra rằng nàng như con chim quyên khờ dại! Và Danh đã thành công khi “hóa kiếp” cho Phượng-Quỳnh thành loại rau răm, chỉ cam phận lủi mình vào bùn đất chứ không thể nào đơm những nụ hoa tươi thắm như ngò, cải, tần ô!

Phượng-Quỳnh thở dài, bâng quơ nhìn giàn hoa giấy của nhà bên cạnh. Trong giây phút xúc động, Phượng-Quỳnh tưởng như nàng có thể thấy được khuôn mặt của một thanh niên chôn vùi trên những cành hoa giấy đầy gai.

Trong khi Phượng-Quỳnh không hiểu nàng bị lẫn lộn giữa hiện thực và quá khứ hay là nàng bị lẫn lộn giữa hình dáng của Lân ngày xưa và chân dung của Franz Liszt, trong hình vẽ của Istvan Oroszm, thì Lân đắm hồn vào dòng nhạc và lời ca.

Lân hát tới hát lui đoạn cuối như muốn mượn lời ca gửi đến ai đó lời tự tình mà Lân đã âm thầm ấp ủ suốt mấy mươi năm dài: "...Take my hand, take my whole life too. For I can't help falling in love with you..."

* *

*

Trong căn phòng âm cúng của khách sạn Hilton, nhân ngày kỷ niệm 30 năm thành hôn của Thiết và Ngọc-Cầm, Phượng-Quỳnh không để ý đến ai cả mà nàng lại chú ý đến một thanh niên ngoại quốc đang đàn piano, nơi góc trái của căn phòng. Anh ấy say sưa dạo những bản bán cổ điển. Thỉnh thoảng anh chàng cũng chen vào một bản Tango hoặc Smooth Jazz.

Đang chú tâm theo dõi dòng nhạc, Phượng-Quỳnh chợt nhận ra có người đến, sắp kéo chiếc ghế bên trái của nàng. Phượng-Quỳnh xoay sang, vừa tính nhẩm người lên để chào xã giao thì vội khựng lại. Sau một thoáng trấn tĩnh trước nụ cười thật vui của Lân, Phượng-Quỳnh đứng lên:

- Dạ, thưa Thầy. Thầy đến đây hôm nào, sao Thầy không cho em biết?

Lân không vội trả lời. Lân nhìn Phượng-Quỳnh, cười, trong lòng rất vui vì thấy trên khuôn mặt của cô học trò cũ không có một tỳ vết nào chứng tỏ nàng đã "thăm" bác sĩ thẩm mỹ. Vừa kéo ghế, ngồi xuống, Lân vừa đáp:

- Muốn dành ngạc nhiên mà cho biết sao được.

Lần đầu tiên Lân điện thoại, Phượng-Quỳnh đã ngạc nhiên tốt độ vì ngón đàn piano điêu luyện của chàng; sau đó Phượng-Quỳnh càng ngạc nhiên hơn khi nghe Lân chơi Saxophone và Clarinette không kém gì Kenny G.; bây giờ Lân lại đột ngột xuất hiện tại đây. Phượng-Quỳnh cười:

- Tại sao lúc nào Thầy cũng muốn làm cho em ngạc nhiên hết vậy?

- Có như vậy đời mới nhiều ý vị.

- Thưa, Thầy sang đây, Thầy nghỉ lại ở đâu?

- Nhà vợ chồng Thiết và Ngọc-Cầm. Thiết và Ngọc-Cầm hồi đó cũng học với tôi. Hai người thường bị bạn bè chọc phá là đôi song ca Ngọc-Cầm Nguyễn-Hữu-Thiết, vậy mà nên duyên vợ chồng.

- Dạ, em biết chuyện đó. Anh Thiết học cùng lớp với em thì dĩ nhiên anh Thiết cũng là học trò của Thầy. Nhưng tại sao hai ông bà đó không cho em hay là có Thầy sang đây?

- Đã bảo là dành ngạc nhiên mà cho biết làm chi.

- Dạ thưa, khi nào Thầy về lại bên đó?

- Tôi bây giờ không vướng bận chi hết, muốn đi chơi đâu, cứ lái xe đi; vui, ở lâu, buồn, về sớm.

- Em sẽ gọi những người học trò cũ của Thầy trong thành phố này và chúng em sẽ mời Thầy một bữa tại nhà em.

- Chuyện đó sẽ tính sau. Sao, Phượng-Quỳnh khỏe không?

- Dạ, cảm ơn Thầy, em vẫn vậy, chỉ già thêm thôi. Lúc này Thầy nhận ra em hay không, thưa Thầy?

- Nhận ra chứ. Nhận ra ngay từ lúc vừa bước vào cửa và Thiết chỉ cho tôi biết tôi sẽ ngồi bàn nào. Còn Phượng-Quỳnh, nhìn ra tôi không?

- Dạ, Thầy trông không khác mấy, chỉ có mái tóc đổi màu, trông giống mái tóc của Kenny Rogers.

- A, cô này thích Kenny Rogers. Được rồi.

- Dạ, được rồi là sao, thưa Thầy?

- Tôi nói được rồi là được rồi, đừng có hỏi.

- Rồi, Thầy muốn tạo điều ngạc nhiên gì cho em nữa đây?

- Rồi sẽ biết. Sao, Phượng-Quỳnh có dự tính gì cho tương lai chưa?

Phượng-Quỳnh nghĩ, qua Thiết và Ngọc-Cầm, có thể Lân đã biết rõ sự tan vỡ giữa nàng và Danh. Nhưng câu hỏi của Lân hơi tối nghĩa khiến nàng không hiểu nên trả lời như thế nào, đành đáp:

- Dạ, đến đâu hay đó. Thái độ sống của em bây giờ là vậy.

- Không ước mơ gì sao?

- Dạ, thôi. Tuổi này, em chỉ mong được bình yên.

- Tuổi của Phượng-Quỳnh đã là già đâu mà nói như bà cụ 70 vậy? Sống, phải có ước mơ thì đời mới vui.

- Nếu đúng như Thầy nói thì, Thầy cho em hỏi, Thầy ước mơ gì trong tương lai gần?

- A, cô này! Cô là nhà báo, phải không? Người ta hỏi thì “né” đi, rồi hỏi ngược lại người ta.

- Dạ, thôi, để em trả lời câu hỏi của Thầy. Điều em mơ ước - không phải mới đây mà kể từ lúc em vừa lớn - là được sống một cuộc đời đạm bạc, phẳng lặng, không bị khuấy động về tinh thần cũng như vật chất.

- Đạt được bao nhiêu phần trăm rồi?

- Em nghĩ Thầy biết rõ câu trả lời của em, vì ông Danh là bạn của Thầy. Còn Thầy, Thầy ước mơ gì?

- Trong đời, tôi có hai điều mơ ước. Điều thứ nhất không thành rồi; còn điều thứ hai chưa biết sẽ ra sao!

- Thầy nói cho em nghe hai điều đó được không, thưa Thầy?

Ngập ngừng một chốc, Lân nhìn Phượng-Quỳnh:

- Điều mơ ước thứ nhất của tôi là được nghe con gái của Cụ Ngữ đàn sau những giờ dạy học căn thẳng. Điều này không thành rồi. Niềm mơ ước thứ hai là tôi sẽ được đàn cho con gái của Cụ Ngữ nghe trong những tháng ngày còn lại của tuổi già!

Nghe Lân nhắc tên thân phụ của nàng và tỏ tình một cách kín đáo, Phượng-Quỳnh nhìn Lân, không biết phải đáp ứng như thế nào, đành cúi mặt, lòng tràn xúc động.

Kể từ khi liên lạc lại được với Phượng-Quỳnh, thỉnh thoảng Lân điện thoại thăm hỏi rồi đàn, hát hoặc chơi nhạc cho nàng nghe. Những lúc đó Lân và Phượng-Quỳnh mới nhận biết được rằng cả hai có cùng sở thích. Thích sông ỉn dật; không thích đám đông. Thích nghe nhạc - độc tấu hoặc hòa tấu - hơn nghe hát. Khi nói chuyện với Lân về âm nhạc, Phượng-Quỳnh có cảm tưởng như đang nói chuyện với thân phụ; vì trình độ nhạc lý của Lân rất cao. Và Lân - cũng như ông Ngữ - thường dùng

danh từ âm nhạc bằng Pháp ngữ để giải thích cho Phượng-Quỳnh nghe. Những lúc đó Phượng-Quỳnh buồn, nhớ Cha vô cùng. Rồi nàng buồn buồn cho Lân biết rằng: “*Sau mấy mươi năm phụ bạc âm nhạc, giờ đây khối óc của em đã...mụn rồi!*” Nghe Phượng-Quỳnh bắt chước giọng Bắc, Lân cười, nhưng trong lòng cảm thấy cay đắng và tiếc cho nàng.

Sự giao tiếp giữ Lân và Phượng-Quỳnh trong suốt thời gian qua chỉ thuần túy trong địa hạc âm nhạc và văn chương. Bây giờ, ngồi cạnh nhau, sau khi thu hết can đảm hé lộ tình cảm của chàng, Lân nhận rõ sự bối rối của Phượng-Quỳnh nên im lặng, rót nước suối vào ly cho nàng. Phượng-Quỳnh cảm ơn Lân mà lòng vẫn còn phân vân, không biết tiếp nói câu chuyện như thế nào. Vừa khi đó, Ngọc-Cầm đến, ngồi ghé phía bên phải của Phượng-Quỳnh. Ngọc-Cầm hỏi Lân, với dụng ý ghép đôi Lân và Phượng-Quỳnh:

- Thưa Thầy, Phượng-Quỳnh lúc nào cũng tươi vui và trẻ trung, phải không, thưa Thầy?

- Vâng. Mấy mươi năm rồi mà tôi thấy Phượng-Quỳnh vẫn giống như nhân vật Phượng trong Nỗi Buồn Ngày Tháng Cũ ⁽¹⁾

Nghe nhắc đến tác phẩm của Lân, Phượng-Quỳnh chợt nhớ:

- Thưa Thầy, bây giờ em mới nhớ. Em có niềm mơ ước rất nhỏ nhen.

- Ước mơ điều gì?

- Em mong muốn được đọc lại cuốn Nỗi Buồn Ngày Tháng Cũ của Thầy.

Tác phẩm ấy đã tuyệt bản hay là người vợ - đã ly dị - của Lân giữ, chàng không nhớ, đành đáp:

- Có lẽ Mẹ các cháu còn giữ. Tôi sẽ liên lạc, nhờ bà ấy gửi sang.

- Em xin cảm ơn Thầy. Lúc này Thầy nói hơi quá đáng. Em già đi chứ làm thế nào vẫn giống nhân vật “Phượng của Thầy” được.

- Ô, già thì ai cũng già. Tôi cũng già. Nhưng mình sống như thế nào cho tâm hồn và khối óc của mình khỏi...mụn đi.

Biết Lân cố ý nhại nàng, Phượng-Quỳnh cười:

- Thưa Thầy, như vậy em phải sống như thế nào để tâm hồn và khối óc khỏi...mụn đi?

- Tập đàn trở lại.

- Mỗi khi nghe tiếng Accordéon em buồn lắm Thầy ạ. Em trách người thì ít mà tự trách em thì nhiều. Không hiểu tại sao em có thể khờ dại và nhu nhược đến như vậy! Em không muốn tự mình khơi lại nỗi đau của chính mình.

Hơi ngần ngừ một chốc, Lân hỏi:

- Có phải Phượng-Quỳnh muốn hy sinh mọi điều, kể cả niềm đam mê duy nhất của Phượng-Quỳnh, để làm vui lòng Danh, để được Danh thương yêu hay không?

Phượng-Quỳnh áp úng. Quả thật, từ ngày yêu nhau cho đến khi xa nhau, lúc nào Phượng-Quỳnh cũng cố nén tự ái, từ bỏ tất cả những gì Danh không thích, để mong được Danh thương yêu. Nhưng Danh lại nghĩ, vợ con ở trong tay chàng, dù chàng có là gì đi nữa thì vợ con cũng phải thương yêu, chiều chuộng chàng; còn những người đàn bà khác và những người giàu sang, có địa vị chàng phải cầu cạnh để làm quen, làm thân thì mọi người quanh chàng mới nghĩ rằng chàng...bảnh! Vì quan niệm như vậy cho nên Danh cứ sống theo bản tính bội bạc và tư cách thấp kém của chàng.

Dù hiểu rõ cá tính của Danh và bây giờ nghe Lân nói đúng tâm lý của nàng, Phượng-Quỳnh cũng phân vân, không hiểu nên đáp lời Lân như thế nào. Vừa khi đó, một người bạn đến bắt tay Lân rồi kéo ghế, ngồi xuống, trò chuyện. Phượng-Quỳnh thầm cảm ơn ông bạn của Lân đã vô tình giúp nàng tránh được câu trả lời. Nhân cơ hội Lân bận tiếp bạn, Ngọc-Cầm nghiêng sang, hỏi nhỏ Phượng-Quỳnh:

- Chị với anh Danh dạo này ra sao rồi?

- Ủa, chị đã biết chuyện của ông Danh rồi, sao còn hỏi?

- Tôi tưởng chị xí xóa cho ảnh, để ảnh về, như bao nhiêu lần trước, khi còn ở bên nhà.

Ngày trước, mỗi lần Danh trở về với vợ con là mỗi lần Phượng-Quỳnh bị Danh truyền cho căn bệnh tệ hại nhất của xã hội; vì vậy Phượng-Quỳnh rất sợ vi trùng và bệnh tật. Danh biết, nhưng Danh vẫn bê tha trong vấn đề chẵn gối. Phượng-Quỳnh cứ im lặng và âm thầm chịu đựng. Bây giờ Phượng-Quỳnh chỉ thổ lộ niềm lo sợ của nàng về “căn bệnh thời đại” đã được báo chí đề cập:

- Như chị biết, bệnh AIDS đâu phải dễ đề phòng, dễ phát hiện và dễ điều trị. Theo thống kê về y tế thì Việt-Nam chỉ đứng sau Thái-Lan về sự truyền nhiễm của căn bệnh này. Ông Danh lại về Việt-Nam sống cả mấy tháng, làm thế nào tôi có thể tin ông ấy được nữa?

- Tôi biết. Nhưng anh Danh cũng khôn chứ đâu đến nỗi tệ như vậy. Anh ấy tâm sự với chúng tôi rằng anh ấy chỉ muốn vui chơi một thời gian ngắn trước khi bước vào tuổi già; không ngờ lần này chị làm thẳng thừng, ảnh khổ tâm lắm, chắc sống không nổi!

- Bây giờ ông Danh mới sống không nổi; còn tôi, suốt mấy mươi năm qua, ngụp lặn trong vũng lầy do ông ấy tạo nên, làm thế nào tôi sống được? Tôi đã nói với ông Danh cách nay vài hôm, khi ông ấy điện thoại đến nhà tôi, rằng, mình nên sống ngay thẳng. Nếu mình đã làm, hãy can đảm chấp nhận hậu quả, đừng bao giờ chối quanh, đổ tội cho người khác. Sau đó tôi đổi số điện thoại.

Ngọc-Cầm im lặng, không ngờ vợ chồng nàng chỉ vì thân tình với Phượng-Quỳnh mà lâm vào thế kẹt; vì Danh cứ điện thoại, năn nỉ Thiết và Ngọc-Cầm khuyên Phượng-Quỳnh chấp nhận Danh trở về. Ngọc-Cầm và Thiết khó xử vô cùng. Theo như những gì Danh thường nói với bạn bè thì Phượng-Quỳnh là một người đàn bà quá cay nghiệt với chồng; vậy thì tại sao Danh cứ ra đi rồi lại quay về? Và lần này, với cô bồ trẻ bằng

tuổi con gái của Danh, tại sao Danh không ...đi luôn? Ngọc-Cầm nêu những câu hỏi này với Danh. Danh nói dối, vì các con, và cũng vì thấy Phượng-Quỳnh lớn tuổi mà thui thủi một mình, tội nghiệp!

Danh nói như vậy để che dấu nỗi đau trong lòng mà Danh không thể thổ lộ cùng ai.

Nỗi đau của Danh là do Hạnh, người yêu trẻ mà - chỉ sau một thời gian ngắn liên lạc với nhau bằng e-mail - Danh đành đoạn từ bỏ gia đình để về Việt-Nam sống với nàng, tạo nên. Danh đã được giải phẫu ngưng sinh (Vasectomy) gần ba mươi năm rồi; vậy mà, sau khi sống với Hạnh chỉ hai tuần, Hạnh than khó chịu trong người, yêu cầu Danh đưa đi bác sĩ. Bác sĩ cho Danh và Hạnh biết Hạnh đã cần thai.

Giữa lúc Hạnh và gia đình nàng vui mừng, hớn hờ, buộc Danh mua bảo hiểm nhân thọ để nhờ Danh...có gì, con của Danh và Hạnh vẫn đủ phương tiện ăn học thì Danh điện thoại về Mỹ, hỏi Thiết, vì Thiết là bác sĩ. Thiết rất thận trọng, khuyên Danh nên chờ đưa bé ra đời rồi thí nghiệm để xác nhận.

Trong khi Danh chưa có giải pháp nào cho thai nhi thì vô tình Danh khám phá ra Hạnh đã có người yêu làm cùng hãng dệt với nàng! Vì vậy Danh muốn quay về với Phượng-Quỳnh; nhưng không ngờ Phượng-Quỳnh đã nhờ luật sư lập thủ tục ly dị chàng.

Sự thật là như vậy nhưng không bao giờ Danh tiết lộ cho ai cả. Vì vậy Ngọc-Cầm cũng không biết gì nhiều, ngoài những điều tốt đẹp về Danh do chính chàng nói ra. Ngọc-Cầm khuyên Phượng-Quỳnh:

- Thôi, ai cũng lầm lỡ, chị bỏ qua cho ảnh để ảnh về chứ bây giờ ảnh phải ở tạm nhà cậu con lớn, ảnh không thích; vì cô dâu Mỹ không muốn ai sống chung với vợ chồng con cái của cô ấy.

- Tôi không hiểu tại sao ông Danh không thuê chung cư mà lại ở nhờ nhà của con, rồi than?

- Anh Danh bảo ảnh chỉ còn đủ tiền mua vé máy bay trở về Mỹ thôi cho nên không có tiền để deposit. Và lại, credit của ảnh cũng tệ lắm cho nên họ không cho thuê.

Lúc này Phượng-Quỳnh mới nghĩ tới những lá thư hoặc statements của các hãng cung cấp thẻ tín dụng gửi cho Danh, bị nàng gửi trả lại.

- Úa, ông ấy tiêu pha đến mức nào mà không còn tiền, kể cả savings và 401k rồi thậm chí luôn credit cards, tôi không hiểu?

- Anh Danh bảo khi ảnh đi, chị “thí” cho ảnh có vài ngàn đô. Về bên đó ảnh giúp bà Cù mua sắm áo quần và khoanh đất mà bà Cù thích để khi bà Cù quy tiên thì khỏi phải lo.

Không lạ gì luận điệu gian manh của Danh, Phượng-Quỳnh không muốn dính chính mà cũng không muốn ai biết rõ thêm chuyện gia đình, đành đáp:

- Thôi, chuyện ông Danh dài dòng lắm, tôi không muốn nói nữa.

Câu nói của Phượng-Quỳnh khiến Ngọc-Cẩm hiểu lầm, nghĩ rằng Phượng-Quỳnh muốn tránh né khi bị đề cập đến sự cư xử hẹp hòi và vấn đề tiền bạc thất ngật của nàng đối với Danh.

- Chị là chỗ thân tình với anh Thiết, còn tôi là đàn em. Tôi xin phép hỏi chị một câu có tính cách tò mò, được không?

Phượng-Quỳnh cười “Dạ được”. Ngọc-Cẩm tiếp:

- Có phải vì sự xuất hiện của thầy Lân mà chị cương quyết không chấp nhận anh Danh trở về hay không?

Phượng-Quỳnh thoáng giật mình, vì đôi khi, chính nàng cũng tự đặt một câu hỏi tương tự như vậy. Và câu giải đáp là:

- Thứ nhất, chuyện ông Danh về Việt-Nam lấy vợ xảy ra trước khi thầy Lân liên lạc với tôi. Thứ hai, khi lớn lên, tôi bị tiêm nhiễm tinh thần hy sinh một chiều do sự giáo dục theo mô “đạo lý tào lao” của mấy ông Tàu. Sang đây tôi mới nhận thức được rằng cuộc đời của người đàn bà cũng có một giá trị nào đó. Tại sao chỉ vì một người đàn ông thiếu đạo đức mà người đàn bà phải khổ lụy suốt đời? Và tôi cố gắng nhìn sự việc ở

nhiều góc độ khác nhau. Thứ ba, chuyện thầy Lân và tôi chỉ là tin đồn trong nhóm học trò cũ của Thầy thôi chứ đã có gì đâu.

- Chị nói tôi mới hiểu. Chuyện thầy Lân, chị sẽ nhận biết một ngày rất gần. Còn chuyện chị ly dị anh Danh, bao giờ thì final?

- Tuần tới.

Vừa khi đó Phượng-Quỳnh nghe mọi người vỗ tay thật lớn, thật lâu. Có người còn huýt gió và khua muống vào ly, tạo nên âm thanh leng keng nghe rất vui. Phượng-Quỳnh nhìn sang bên cạnh và nhận ra sự vắng mặt của Lân. Chưa nhận thức được điều gì đang xảy ra nhưng Phượng-Quỳnh nghe, theo tiếng piano thánh thót, giọng hát ngọt ngào của ai đó vừa bắt đầu một bản nhạc rất quen. Nàng hỏi:

- Ủa, thầy Lân đi đâu rồi? Bậy quá, chị em mình lo nói chuyện “tào lao”, không lo tiếp thầy.

Ngọc-Cầm chỉ lên góc trái:

- Thầy đang đàn và hát đó.

Vừa khi đó Phượng-Quỳnh nghe: “...*Two hearts, two hearts that beat as one. Our lives have just begun. Forever...*”⁽²⁾ Nhận ra Lân đang hát ca khúc Endless Love, Phượng-Quỳnh nghiêng sang Ngọc-Cầm:

- Tôi nghĩ thầy hát bản này để tặng anh chị đó.

Phượng-Quỳnh nghĩ như vậy vì căn cứ theo tựa của bản nhạc. Nhưng thật lòng, nhân cơ hội hát tặng Thiết và Ngọc-Cầm, Lân cũng muốn kín đáo tỏ bày tâm trạng của chàng cho Phượng-Quỳnh nghe.

Vì không biết nhiều về nhạc ngoại quốc, Ngọc-Cầm không tin lời của Phượng-Quỳnh, nhưng không đáp. Sau khi bản nhạc dứt, giữa tiếng vỗ tay và khua muống vào ly, Thiết lên bục gỗ:

- Dạ thưa Thầy, Ngọc-Cầm và em xin cảm ơn Thầy đã đàn và hát tặng vợ chồng em bản nhạc tuyệt vời và đầy ý nghĩa. Nhưng Thầy đàn và hát hay đến như vậy mà chỉ cho chúng em nghe có một bài thì tội nghiệp chúng em quá. Xin thầy cho nghe

thêm một bản nữa. Các bạn Võ-Tánh Nữ Trung-Học, vỗ tay lớn lên.

Lân cầm micro, nhìn về phía Phượng-Quỳnh:

- Cảm ơn quý vị và những người học trò cũ của tôi. Sau đây tôi xin trình bày một tình ca của Kenny Rogers, tựa đề Lady, để riêng tặng một người.

Lân vừa dứt lời, tiếng vỗ tay và khua muống lại vang lên. Lân để micro lên phía trên piano rồi sửa lại thế ngồi. Lân dang đôi tay, những ngón tay thon dài lướt nhẹ trên phím đàn. Rồi Lân bắt đầu hát: “Lady...” Vừa để hết tâm tư của mình vào giọng ca Lân vừa nghĩ rằng chàng sẽ tìm mọi cơ hội và hoàn cảnh để chinh phục Phượng-Quỳnh trong chuyến viếng thăm này.

Riêng Phượng-Quỳnh, lúc này nàng mới hiểu ý nghĩa hai tiếng “được rồi” mà Lân đã nói lúc nãy. Trong khi lắng nghe Lân đàn và hát, Phượng-Quỳnh cảm thấy lâng lâng, bồi hồi. Giữa lúc Phượng-Quỳnh đang cố lắng nghe từng lời ca, từng note nhạc thì Ngọc-Cầm khoè tay Phượng-Quỳnh, nói nhỏ:

- Chị Phượng-Quỳnh, tôi nghĩ thầy Lân muốn “đóng đô” ở thành phố này.

- Tại sao chị lại nghĩ như vậy?

Ngọc-Cầm muốn tiết lộ những điều Lân đã tâm sự với Thiết cho Phượng-Quỳnh nghe; nhưng nghĩ lại, Ngọc-Cầm ngại bị Thiết trách nên chỉ đáp:

- Để rồi chị xem.

- Thầy Lân là một người rất kín đáo, rất khó nhận biết.

- Thấy nói chuyện với anh Thiết rất nhiều. Thật ra, cũng vì Thầy sang mà chúng tôi mới tổ chức rình rang để Thầy vui.

- Để Thầy vui và cũng để Thầy trở tài.

- Thầy trở tài để chinh phục ...

Ngọc-Cầm chưa nói hết câu đã nghe tiếng của Thiết:

- Em đi với anh ra đón anh chị Giao. Anh chị ấy đến trễ.

Vì bận đùa với Ngọc-Cầm, Phượng-Quỳnh không nghe được Lân hát đoạn đầu. Sau khi Thiết và Ngọc-Cầm rời bàn, Phượng-Quỳnh lắng nghe. Giọng của Lân không khàn khàn một cách đặc biệt như của Kenny Rogers và cũng không trong và cao vút như giọng Tenor của Luciano Pavarotti, nhưng ấm và truyền cảm vô cùng. Nhìn đôi tay của Lân lướt trên phím piano Phượng-Quỳnh tưởng như cánh phượng hoàng đang chao lượn trong không gian tràn ngập âm thanh huyền diệu. Phượng-Quỳnh nghe rất rõ, ở phân đoạn thứ ba:

“ . . . Lady, for so many years I thought I'd never find you.

*You have come into my life and made me whole.
Forever let me wake to see you each and every morning.*

Let me hear you whisper softly in my ear.

In my eyes I see no one else but you.

There's no other love like our love.

And yes, oh yes, I'll always want you near me.

I've waited for you so long...

Lady, your love's the only love I need.

Anh beside me is where I want you to be... ”

Phượng-Quỳnh xúc động đến nghẹn ngào. Thiết trở lại bàn, yêu cầu:

- Chị Phượng-Quỳnh, chị lên “làm” một bài đáp lễ thầy Lân, nha.

Phượng-Quỳnh giả vờ không hiểu:

-Thầy Lân tặng người nào thì bảo người đó đáp lễ chứ tại sao bắt tui?

Thiết cười khi nghe Phượng-Quỳnh dùng chữ “tui”, một đại danh từ rất dễ thương của “dân” Nhatrang. Thiết cũng nói giọng thân mật như những này cùng học với Phượng-Quỳnh:

- Thôi, đừng vờ nữa... “bà”! Ngày xưa cả trường ai lại không biết Thầy ngầm để ý “bà”. Bây giờ Thầy sang đây cũng vì “bà” đó. Chính Thầy nói với tôi. “Lên” đi.

Phượng-Quỳnh chưa kịp đáp, chợt nghe một đoạn nhạc vui từ điện thoại cầm tay của nàng phát ra. Phượng-Quỳnh ra dấu xin lỗi Thiết rồi bước vội ra xa: “Allo.” Đầu giây bên kia là người con trai của Phượng-Quỳnh. Cậu con thông báo cho Phượng-Quỳnh biết Danh bị tai nạn lưu thông, hiện đang trong tình trạng hôn mê.

* *
*

Vừa lái xe Lân vừa hỏi Phượng-Quỳnh:

- Các cháu khác đến ngay chứ?
- Dạ. Nhưng các cháu ở xa, cách đây cả 40 đến 45 phút.
- Hãy bình tĩnh và cầu nguyện.

Phượng-Quỳnh “dạ” nho nhỏ.

Từ bãi đậu xe đi bộ vào phòng cấp cứu, thấy chiếc xe hồng thập tự chớp đèn từ xa, chạy về hướng bệnh viện, Phượng-Quỳnh chợt nhớ những lần Danh bị thương. Khi nào bị thương nặng Danh được trực thăng đưa thẳng vào quân-y-viện, Phượng-Quỳnh vào thăm nuôi; nhiều khi bị thương nhẹ, Danh được đưa về hậu cứ rồi xe cứu thương mới hú còi, đưa chàng vào bệnh viện. Những lần đó, dù xe đã chạy, Danh vẫn cố gọi lớn “Quỳnh ơi! Quỳnh” và nàng vừa chạy bộ theo xe hồng thập tự vừa khóc. Chú tài xế thấy tội nghiệp nên dừng lại, cho nàng lên xe luôn. Đến quân-y-viện, thấy vết thương của Danh do chiến trận gây nên Phượng-Quỳnh thương chồng quá và dặn lòng là sẽ tha thứ và quên hết mọi tội lỗi của Danh. Nhưng sau đó, mấy ngày phép dưỡng thương, thay vì Danh ở nhà với Phượng-Quỳnh và các con thì Danh lại nói dối với nàng, bảo đơn vị cần chàng, chàng phải đi trình diện sớm. Về sau Phượng-Quỳnh mới biết Danh dùng những ngày phép dưỡng thương để vui thú với những người đàn bà khác.

Ngày đó cũng như bây giờ, không biết bao nhiêu lần Phượng-Quỳnh tự hỏi nàng có khuyết điểm gì tệ hại đến độ lúc nào Danh cũng manh tâm lừa dối nàng để san sẻ tình yêu cho người khác? Suy nghĩ mãi, Phượng-Quỳnh tự hiểu, nàng không phải là người đàn bà hoàn toàn; nhưng nàng cũng không tìm ra khuyết điểm tệ hại nào của nàng cả. Và Phượng-Quỳnh cũng không hiểu tại sao Danh rộng lượng và rất tốt bụng với tất cả mọi người - nhất là những người giàu, sang, có chức phận - nhưng đối với Phượng-Quỳnh, Danh lại tàn nhẫn, ti mỹ, ganh tỵ, lừa dối, gian manh, thâm độc còn hơn một bà mẹ ghê?

Suy nghĩ cạn nguồn, Phượng-Quỳnh mới nghiệm ra rằng Danh chỉ là một người đàn ông hoàn toàn thiếu tự tin, nhưng lại rất tự cao một cách láo xược, lúc nào cũng muốn mọi người phải chú ý đến chàng; vì vậy, Danh phải thực hiện những điều quái dị mà người khác ít dám làm, để thu hút sự chú ý của mọi người. Suy nghĩ xa hơn tí nữa, Phượng-Quỳnh nhận ra Danh cưới nàng về làm vợ chỉ để thỏa mãn bản tính thích chinh phục - vì ngày đó Danh biết Phượng-Quỳnh được nhiều thanh niên trí thức, có địa vị theo đuổi - chứ Danh không hề yêu nàng như nàng tưởng. Điều này khiến Phượng-Quỳnh đau khổ nhiều hơn là bị Danh ruồng rẫy, phụ phàng!

Nhiều khi Phượng-Quỳnh tự hỏi nàng yêu Danh ở những điểm nào? Suy nghĩ mãi Phượng-Quỳnh cũng vẫn không tìm ra, nàng đành cười buồn, thầm nghĩ, nếu yêu mà phân tích được tại sao mình yêu thì đó không phải là tình yêu mà là sự chọn lựa. Và nếu đã chọn lựa thì không bao giờ nàng chọn Danh. Danh hiểu như vậy cho nên lúc nào Danh cũng cố tình phô trương những điều không thật để Phượng-Quỳnh và mọi người nhầm, tưởng rằng Danh hơn người! Phượng-Quỳnh nghĩ, dường như Danh chỉ ân cần và tỏ ra âu yếm nàng vào những lúc Danh cần tiền; Danh cần nàng giúp chàng thoát khỏi sự điều tra của an ninh quân đội, về tội nhận hối lộ; và sau hết là những khi Danh cần giải tỏa sinh lý, khi các cô bồ đã lia xa Danh, vì chàng

không còn khả năng cung phụng tài chánh cho họ nữa! Đôi khi Phượng-Quỳnh cũng tự hỏi tại sao Danh không đi luôn mà lại trở về với mẹ con nàng? Phải chăng Danh đã hiểu được rằng chỉ có Phượng-Quỳnh mới là người đàn bà yêu và lấy chàng không phải vì tiền, tài và danh vọng – những điều này quả thật Danh không hề có khi Danh đến với nàng!

Đôi khi Phượng-Quỳnh thậm oán hận Danh, không phải vì Danh tệ bạc với nàng, mà vì Danh đã giết chết mối tình đầu thánh thiện của nàng dành cho chàng.

Riêng Danh, ngày đó, thấy Phượng-Quỳnh hiền lành, nét na, lại được nuôi dạy trong một gia đình lễ giáo, nghiêm minh, Danh nghĩ rằng chàng cần một người vợ như nàng để trông coi gia đình, dạy dỗ con cái cho chàng được rảnh rang thực hiện những thú vui riêng. Sau khi thành hôn, Danh đã áp dụng mọi phương cách để giữ Phượng-Quỳnh ở cương vị một người đàn bà nội trợ - mà thôi! Phượng-Quỳnh không chấp nhận, nhưng không biết phải phản đối bằng cách nào trước thái độ vũ phu và những lời thâm độc, hạ cấp của Danh!

* *
*

Không biết bao nhiêu ngày qua, mỗi khi ghé đón Phượng-Quỳnh vào thăm Danh, trong phòng hồi sinh, Lân rất e dè, không dám hé lộ cử chỉ hay lời nói có tính cách chinh phục. Vào phòng, Lân thường cầm tay Danh, nghĩ về những kỷ niệm thời thơ ấu giữa chàng và Danh. Những lúc đó, thật tình Lân thương “thằng” bạn xưa quá đỗi, chỉ thầm cầu nguyện cho Danh qua được cơn tai biến. Lân khuyên Phượng-Quỳnh nên thân mật “chuyện trò” với Danh, hy vọng Danh hồi tỉnh nhanh hơn. Phượng-Quỳnh chỉ “ạ”, rồi thôi.

Lý do Phượng-Quỳnh có vẻ thờ ơ vì nàng nghĩ, nếu kể lại những kỷ niệm thời Danh và nàng yêu nhau, nàng không thể làm được; vì những gì ngày đó Danh nói với nàng, thể ước với nàng đều trở thành không thật. Nếu kể về thời gian Danh, nàng

và các con chung sống với nhau nàng cũng không có gì tốt đẹp để kể. Nhìn Danh bất động, Phượng-Quỳnh không còn chút oán hận, cay đắng nào trong lòng. Nàng thầm mong Danh qua được cơn hiểm nghèo. Nhưng nếu bảo Phượng-Quỳnh thân mật cầm tay Danh, nàng không thể làm được, vì mặc cảm bị Danh đánh đập và lường gạt lúc nào cũng ám ảnh nàng.

Sau khi Danh thoát khỏi tình trạng hiểm nghèo và được chuyển ra phòng điều trị bình thường, mối tình cảm phức tạp trong lòng Phượng-Quỳnh cũng không hề thay đổi. Những khi vào thăm Danh, nếu không có các con, Phượng-Quỳnh chỉ ngồi ủ rũ, mắt lơ đãng nhìn ra khung cửa sổ hoặc nàng sắp xếp những bình hoa do bạn bè đem đến tặng Danh.

Riêng Danh, sau một giấc ngủ quá dài, tưởng không thể nào có thể thức giấc được, Danh từ từ hồi tỉnh. Vừa hé hé mắt, thấy quanh chàng đầy hoa tươi, Danh tưởng chàng đã chết, sợ quá, cố thét lên, nhưng tiếng nói chỉ thều thào: "*Quỳnh! Quỳnh ơi, Quỳnh!*" Nghe tiếng Danh, Lân mừng rỡ:

- Phượng-Quỳnh, Danh tỉnh rồi. Danh tỉnh rồi, Quỳnh ơi!

Phượng-Quỳnh bước vội đến bên giường. Danh lại lịm vào giấc ngủ, vì thuốc an thần. Lân đưa tay Danh về phía Phượng-Quỳnh:

- Tay Danh mềm, ấm và cử động được rồi, sờ xem.

Phượng-Quỳnh hơi né người tránh xa, lắc đầu. Lân nghiêm nét mặt, nhìn nàng như ngày xưa chàng nhìn cô học trò không thuộc bài:

- Phượng-Quỳnh! Lại đây.

Phượng-Quỳnh rón rén bước đến gần:

- Dạ, thưa Thầy.

- Phượng-Quỳnh có thể xem Danh như một người bạn không?

Phượng-Quỳnh im lặng, không thể trả lời.

Lân chỉ nghe Thiết kể rằng Phượng-Quỳnh ly dị Danh vì Danh về Việt-Nam lãng nhãng. Vậy thôi. Do đó, không thể nào

Lân hiểu được sự tồi tệ mà Danh đã dành cho Phượng-Quỳnh trong suốt mấy mươi năm qua. Vì không hiểu, cho nên Lân tự hỏi, tại sao tâm hồn Phượng-Quỳnh khô rỗng đến như vậy? Tại sao một người có tâm hồn nghệ sĩ như Phượng-Quỳnh lại là người cố chấp, hẹp hòi và tàn nhẫn đến như vậy? Lân tiếp:

- Hãy quên hết đi, Phượng-Quỳnh. Hiện tại Danh chỉ là một người bệnh đáng thương. Đến đây, cầm tay Danh, đi.

Phượng-Quỳnh bật khóc. Dưới mắt mọi người, vì những lời thêu dệt và bịa đặt của Danh, Phượng-Quỳnh là người đàn bà đáng trách. Và giờ đây, trước mặt Lân, Phượng-Quỳnh cũng chỉ là người đàn bà cố chấp, hẹp hòi, không có lòng nhân. Nhưng không ai hiểu được rằng chính Danh là người đã vắt cạn kiệt nguồn yêu thương cũng như sự chịu đựng trong lòng nàng!

Không thể nào hiểu được tâm trạng của Phượng-Quỳnh, Lân im lặng, để yên cho nàng khóc.

Khi các con của Phượng-Quỳnh bước vào, thấy nàng khóc, các con tưởng bệnh tình của Danh trở nặng, vội đến bên Danh với nét mặt lo âu. Lân trấn an:

- Ba của các cháu thức giấc được một tý rồi ngủ lại.

Người con lớn hỏi:

- Dạ. Nhưng tại sao bác biết Ba của cháu thức giấc?

- Ba cháu gọi tên Mẹ cháu.

Lúc này Phượng-Quỳnh mới biết Danh đã gọi tên nàng. Phượng-Quỳnh than thầm, tại sao Danh cứ gọi tên nàng vào những lúc khốn cùng, những lúc nàng không thể đành đoạn quay lưng, bỏ mặc chàng? Rồi Phượng-Quỳnh chợt nhớ, ngày xưa, không biết bao nhiêu lần nàng đã gọi tên Danh trong nước mắt, níu kéo, năn nỉ Danh hãy ở nhà một đêm, vì con bệnh; nhưng Danh gạt phăng Phượng-Quỳnh ra: “Con bệnh thì con bệnh chớ, đề ra thì lo lây, tui đâu phải đây tở của cô mà ở nhà lo cho con. Tránh ra cho tui đi không thôi tui động cho thì đừng có than!” Bây giờ, trong hoàn cảnh này, Phượng-Quỳnh có gạt phăng Danh ra như ngày xưa Danh đã gạt phăng nàng ra hay

không? Nàng lại khóc. Nàng không biết phải ứng xử như thế nào, vì nàng rất sợ phạm tội.

Lân nhìn khuôn mặt đầm đìa nước mắt của Phượng-Quỳnh với ánh nhìn khó hiểu. Làm thế nào Lân có thể hiểu được rằng, những giọt nước mắt của Phượng-Quỳnh hôm nay không giống như những dòng nước mắt yêu thương mà ngày trước nàng vừa khóc vừa chạy bộ theo xe cứu thương, trong khi Danh nằm trong xe! Và sự xót thương của nàng dành cho Danh trong thời gian này chỉ là sự xót thương giữa con người đối với con người chứ không phải tình thương yêu trọn vẹn của người vợ dành cho người chồng như những lần nàng thăm nuôi Danh trong quân y viện. Vì Lân không hiểu được bề trái của người bạn xưa, cho nên Lân hiểu lầm, nghĩ rằng Phượng-Quỳnh là một người quá sắt đá.

Dường như Phượng-Quỳnh “đọc” được ý nghĩ của Lân cho nên nàng tủi thân, nhưng không biết phải tự biện như thế nào, đành khóc thôi!

Tâm trạng của Phượng-Quỳnh là như vậy. Nhưng thấy nàng khóc hoài, Lân và các con lại nghĩ nàng còn yêu thương Danh nhiều lắm. Các con ái ngại, đến ôm vai, an ủi Phượng-Quỳnh trong khi Lân ngồi bất động, thờ dãi!

Người con lớn của Phượng-Quỳnh nhìn Lân như thăm hiểu tâm trạng của chàng. Lân tránh ánh nhìn đó. Thật lòng Lân ước mong được đi nốt đoạn cuối cuộc đời với Phượng-Quỳnh; nhưng đồng thời Lân lại ngại, không muốn du Phượng-Quỳnh vào hoàn cảnh không lối thoát.

Suốt thời gian Danh nằm bệnh viện, các con của Phượng-Quỳnh nhận rõ được sự ân cần, sự khẩn khít mà Lân đã dành cho Phượng-Quỳnh. Các con thậm vui, vì nghĩ rằng thời gian còn lại của cuộc đời, Phượng-Quỳnh sẽ hạnh phúc bên Lân. Nhưng hôm nay thấy thái độ của Phượng-Quỳnh, các con đều không thể hiểu được, chỉ biết nhìn nhau.

Trong khi mọi người im lặng, Danh lại thều thào: “*Quỳnh ơi! Quỳnh.*” Mọi người vui mừng bao quanh giường bệnh. Các con nhao nhao:

- Ba. Ba tỉnh rồi.

Danh từ từ mở mắt. Danh nhận ra Phượng-Quỳnh và các con nhưng chàng không nói được.

Lân cảm thấy chàng là một nhân vật thừa thãi trong hoàn cảnh này nên Lân cũng không nói được.

Riêng Phượng-Quỳnh, nàng mừng vì Danh thoát chết, nhưng đồng thời nàng cũng lo âu, không hiểu rồi đây các con có dùng tình cảm buộc nàng chấp nhận Danh trở lại hay không? Suốt mấy mươi năm qua Phượng-Quỳnh chịu đựng sự hành hạ của Danh, cả tinh thần lẫn thể chất, chỉ vì các con; nay, với chặng cuối của cuộc đời, Phượng-Quỳnh có dám chọn Lân để các con xa lánh nàng hay không?

Với tâm trạng rối bời, như bức tranh của Jackson Pollock, Phượng-Quỳnh lặng lẽ đến bên cửa sổ, nhìn mong ra khung trời rực nắng của một buổi trưa mùa Hạ. Phượng-Quỳnh thầm trách sự im lặng “cay nghiệt” của Lân. Nàng nghĩ, ngày xưa, Lân giấu kín mọi tình cảm, nàng có thể hiểu được. Nhưng, kể từ khi liên lạc lại được với nàng, tại sao Lân chỉ biểu lộ tình cảm một cách tế nhị, kín đáo chứ chàng vẫn không một lời nói yêu thương? Tại sao nàng lại “rơi” từ một người đàn ông luôn luôn tán tỉnh vợ người không biết ngượng miệng đến một người đàn ông yêu ngập lòng mà không dám nói ra! Nhưng nếu Lân nói với nàng rằng Lân yêu nàng thì nàng có thể mạnh dạn dứt khoát tình cảm với Danh, trong tình cảnh này, để vui sống hạnh phúc với Lân hay không? Phượng-Quỳnh tự hỏi lòng và không thể tự trả lời.

Trong khi Phượng-Quỳnh chưa thể phân tích tình cảm của nàng được thì nàng nhận ra sự im lặng rất khác lạ. Quay người nhìn lại giường bệnh, Phượng-Quỳnh thấy Danh đã lịm vào giấc

ngủ và các con ngồi yên, nhìn nàng với ánh nhìn ái ngại. Nhận ra sự vắng mặt của Lân, nàng hỏi:

- Bác Lân đâu rồi, con?

- Dạ, bác gửi lời chào Má, bác đi về.

Phượng-Quỳnh ngạc nhiên:

- Bác về nhà bác Thiết hay là về Canada?

- Dạ, bác về Canada.

Phượng-Quỳnh hoảng hốt, nhìn ra cửa:

- Bác đi bao lâu rồi, con?

- Dạ, chỉ khoảng năm phút thôi.

Phượng-Quỳnh vội bước ra cửa, muốn đi tìm Lân, nhưng rồi nàng dừng lại, bước nhanh đến bên cửa sổ.

Trong bãi đậu xe thênh thang, Phượng-Quỳnh nhận ra dáng Lân đơn độc khi ẩn khi hiện giữa hai hàng cây sồi. Phượng-Quỳnh lại dợm người quay ra cửa, muốn đuổi theo Lân; nhưng, khi thấy ánh mắt của các con, nàng khựng lại, quay nhanh ra cửa sổ như muốn tránh ánh mắt của các con.

Nhìn Lân lầm lũi bước đi, Phượng-Quỳnh bậm môi để nước mắt khỏi tuôn tràn; nhưng nước mắt vẫn lặng lẽ rơi. Phượng-Quỳnh úp mặt vào lòng bàn tay, cong người xuống như nỗi đau quá to lớn, nàng không kham nổi. Nhưng rồi, vì sợ sẽ không thấy nhân dáng Lân được nữa, Phượng-Quỳnh lại ngẩng lên, nhìn theo chàng.

Lân vẫn cúi đầu, bước nhanh.

Nhìn dáng Lân xa dần, Phượng-Quỳnh tưởng như Lân đang đi vào thế giới của riêng chàng; nơi đó chỉ dành cho những mối tình cao cả hơn, thanh khiết hơn và chân thật hơn những cuộc tình si trong thế giới đầy lừa đảo này!

1.-Longer của Dan Fogelberg.

2.-Ngày Nào Một Giấc Mơ của Ngọc-Bích

3..- Nguyên bản trong Nỗi Buồn Ngày Tháng Cũ của Trần-Nhất-Hoan: “*Diệp, con ông Ngừ, ở Nhatrang. Diệp có nụ cười rất đậm và cái cằm chẻ đôi*”.

4 và 5.-Can't help falling in love của Elvis Presley.

1.- Nguyên tác trong Nỗi Buồn Ngày Tháng Cũ của Trần-Nhật-Hoan: "...Điệp, con ông Ngử ở Nhatrang. Điệp có nụ cười rất đậm và cái cằm chẻ đôi".

2.-Endless Love của Lionel Richie.

quà cho cha

Nhờ “di tản” sớm, không bị kẹt xe, Hồng cứ từ từ lái với vận tốc trung bình và lắng nghe tin tức từ radio. Sau mỗi phần tin tức cho biết cường độ của trận bão và quảng cáo, Hồng lại nghe tiếng kèn, tiếng piano, tiếng guitar của những nghệ sĩ Hồng yêu thích. Ô, nhưng tại sao suốt mấy tiếng đồng hồ qua Hồng không nghe được tiếng Saxophone của cố nhạc sĩ John Coltrane? Chưa bao giờ được thấy John Coltrane nhưng mỗi khi nghe tiếng Saxo. của John Coltrane ngân dài ở note La, Hồng cứ tưởng như những biến động quanh nòng đều ngưng đọng để những rung động trong hồn nòng dâng lên, dâng lên mãi cho đến khi Coltrane chuyển sang note khác, thấp hơn.

Trong khi Hồng cảm thấy buồn buồn vì chương trình radio sáng nay như thiếu mất phần đặc biệt thì tiếng Guitar của Marc Antone bập bùng, chập chùng, văng vẳng rồi rõ dần và vang xa. Theo tiếng đàn, Hồng lắc nhẹ đôi vai, lòng vui tươi như màu xanh mượt mà của cỏ cây dọc hai bên xa lộ.

Đang vui, tự dưng Hồng cảm thấy buồn và xốn xang trong lòng khi tiếng Clarinette nghẹn ngào, đầy u-ân của Kenny G. vang lên cùng với tiếng Piano văng vẳng, rời rạc, xa xa. Trong khi lắng nghe dòng nhạc, Hồng ngạc nhiên, không thể hiểu được tại sao nàng lại khóc; và khóc từ lúc nào! Niềm xúc động trong Hồng mãnh liệt cho đến độ nàng phải giảm tốc độ, cho xe vào lề bên phải và dừng lại. Một lúc sau Hồng mới nhận ra Kenny G. đang trình bày nhạc phẩm Summertime - nhạc khúc mà nàng đã vô tình nghe một nhạc công tài hoa người Việt độc tấu Saxophone Tenor tại vũ trường Maxim's Saigon, vào buổi tối trời mưa, nàng đi tìm Luyến - chồng của nàng.

Buổi tối năm xưa Luyến không hề biết Hồng đang đứng tựa vào tường (Hồng tựa vào tường để khỏi quy ngã!) với toàn thân run rẩy và nước mắt ràn rụa. Luyến và tình nhân cứ mê đắm, ôm sát nhau. Tình nhân tựa đầu lên vai Luyến và Luyến nghiêng mặt để một bên má tựa lên tóc của người tình. Cả hai thân người chỉ lắc nhẹ theo điệu nhạc, hai đôi chân đan vào nhau, không rời.

Trong khi cảnh tượng trước mắt khiến Hồng đứt từng đoạn ruột thì tiếng Saxo. Tenor cứ xoáy sâu vào từng tế bào khiến Hồng khó thở và người cứ bênh bồng như trong mơ! Một người bạn của Luyến vô tình nhận ra Hồng, vội đến an ủi và đưa nàng ra cửa. Khi đến cầu thang, Hồng tưởng như nàng sắp ngã vào vòng tay người bạn của Luyến - đề khóc cho vơi sầu - thì tiếng Saxo. Tenor chuyển sang bản Hạ Trắng của Trịnh-Công-Son, cũng một dòng Blue ray rúc!

Bây giờ, lúc tiếng Clarinette của Kenny G. ngân dài để chấm dứt dòng Blue da diết của bản Summertime cũng là lúc

Hồng nhận biết được sự “vô duyên” của mình, cho nên Hồng lau nhanh nước mắt, nhập vào xa lộ, lái xe đến thành phố mà Quốc, người con trai duy nhất của nàng và Luyến, cư ngụ.

Vì được báo trước, Quốc vui hẳn lên khi đón Mẹ ngay tại driveway. Vừa phụ đem va-ly của Mẹ vào, Quốc vừa hỏi:

- Má okay chứ? Má ăn trưa chưa?

Thấy con, Hồng quên bằng nỗi buồn lúc nãy, vội vói tay, vì Quốc cao hơn Mẹ, vồ vồ vào vai Quốc:

- Má ăn rồi. Con ăn chưa?

- Dạ chưa. Tý nữa con ăn.

Vào đến nhà, Hồng xuýt xoa:

- Chu cha, nhà mới của con lớn và đẹp quá.

Nhìn quanh, không thấy Lan, vợ của Quốc, đâu cả Hồng tiếp:

- Ủa, Lan đâu, con?

- Dạ, Lan sang chăm sóc bà Mẹ.

Hồng biết, gia đình Lan gồm bảy anh chị em và một bà Mẹ. Bà Mẹ bị bệnh trầm uất, vì lúc trẻ Bà thường bị chồng và gia đình chồng đày đọa tinh thần và thể chất. Sau khi Cha chết, các con tưởng những u uất trong lòng bà Mẹ cũng sẽ được người Cha mang theo; không ngờ, lúc đó mới là thời gian cho những uất ức mà bà Mẹ chôn trong lòng suốt mấy mươi năm được bộc phát. Khi nào lên cơn, các con nấu gì Bà cũng chê, không thêm ăn; đến khi đói lã bà Mẹ lại chửi mắng các con, bảo đồ con bất hiếu, bỏ Bà đói cho Bà chết, giống như ngày xưa Mẹ chồng và anh em nhà chồng thường bịa chuyện để đổ tội cho Bà. Chị em của Lan nhiều lần quyết định đưa Mẹ vào viện dưỡng lão, nhưng chột nhớ lời hứa của mấy chị em trước khi Cha qua đời nên thôi. Vì vậy, bà Mẹ sống với người con lớn; những người con khác, mỗi tuần một ngày, phải đến chăm sóc Mẹ. Lan làm việc toàn thời gian nên chọn ngày thứ bảy.

Nghĩ rằng Lan là một người con hiếu thảo, Hồng hỏi:

- Sao con không đi với Lan cho vui? Vợ chồng, cả tuần làm việc, cuối tuần nên đi với nhau cho có bạn.

- Thôi, qua đó gặp lúc bà ấy lên con, nản lắm. Hơn nữa con có nhiều chuyện phải làm.

Nhìn ra vườn sau, thấy đường đi quanh co theo các luống hoa được rải sỏi trông rất xinh xắn, Hồng ngạc nhiên:

- Ô, sân sau của con đẹp quá, dễ thương quá. Con thuê Mễ hay ai làm mà đẹp vậy?

Quốc chỉ vào ngực mình, pha trò:

- Thằng Mễ của Má nè chứ ai.

Hồng hơi sùng sốt. Quốc là con một nên được cưng chiều từ nhỏ. Quốc rất sợ dơ. Đạo Quốc còn sống với Cha Mẹ, không bao giờ Hồng để cho Quốc phải làm những việc cực nhọc, vậy mà bây giờ... Hồng không dám lộ vẻ bất bình, vội trấn tĩnh, an ủi con:

- Con làm vườn cũng như tập thể dục vậy, tốt đó, con.

Thấy mấy cuốn chả giò cạnh bếp, Hồng bước đến:

- Quốc ơi! Hình như mấy cuốn chả giò này cũ rồi, phải không con? Má vất, nghe?

- Má để đó đi. Má lên lầu tắm, thay đồ cho khỏe.

Khi đem va-ly lên lầu, đi ngang phòng ăn, Hồng thấy nhiều hộp đá mài, bao xi-măng và dụng cụ để lót nền nhà được dọn vào một góc gọn ghẽ. Sau khi tắm, thay đồ xong, Hồng trở xuống bếp, thấy Quốc đang ngồm ngoàm nhai. Hồng tò mò:

- Chả giò con chiên hồi nào mà con ăn vậy?

- Dạ, tối hôm qua tụi con đi ăn, còn thừa, đem về.

- Để Má chiên lại rồi hãy ăn. Mà lúc nãy Má thấy chả giò đâu có được đây, được bọc lại đâu mà bây giờ con ăn?

- Không sao đâu, Má. Con quen rồi.

Hồng nhìn hai bàn tay với những ngón thon, dài của Quốc rồi nhìn Quốc với vẻ bất bình. Nuôi một thằng con ăn học đến nơi đến chốn, có việc làm tốt, lương cao, để rồi lấy vợ, thằng con đó phải làm những việc mà, với đồng lương của nó, nó thừa

điều kiện để thuê người. Hồng chỉ tay về góc chỗ chân cầu thang, hỏi:

- Đá mài với xi-măng để làm gì vậy, con?
- Dạ, để con thay lớp gạch trong nhà tắm.
- Con biết lót gạch hoa à?
- Dễ mà, Má, chỉ đọc cách hướng dẫn là làm được.
- Nhưng nhà mới mà tại sao phải thay?
- Lan không thích màu đó.
- Ủa, sao hỏi đó con không nói họ *up grade*?
- Dạ, chúng con đã nghĩ đến, nhưng họ đòi nhiều tiền quá!

Hồng cảm thấy xót ruột cho đứa con cưng, nhưng không biết phải nói gì, đành mở cửa sau, bước ra. Đang ngắm cây Magnolia cho đỡ buồn, Hồng nghe tiếng cửa nhà xe tự động kéo lên và thấy chiếc BMW hai cửa, màu xám nhạt, chạy vào.

Từ nhà xe bước ra, chiếc ví trên vai, tay mang một bao ny-lông nhỏ, Lan nói, giọng không được vồn vã: “*Hi, Má.*” rồi đi thẳng vào nhà, không kịp thấy nụ cười của Hồng và cũng không kịp nghe Hồng nói: “*Hi, con. Con khỏe không?*”

Đã quen với thái độ kém thân thiện của Lan, Hồng chẳng thấy buồn. Đi quanh quần sân sau một chốc, Hồng trở vào nhà vừa khi Quốc bung tô phở vừa hâm nóng xong, vào phòng ngủ, cho Lan.

Hồng không ngạc nhiên tí nào cả. Những lần Quốc và Lan về thăm Hồng, Hồng đã thấy, mỗi sáng, Quốc đi mua thức ăn đem về. Phần của Hồng, Hồng tự lấy ra, hâm nóng rồi ăn. Phần của Lan, Quốc phải lấy ra, cho vào tô hoặc đĩa, hâm nóng rồi bung lên phòng TV – nếu Lan đang xem TV – hoặc phòng ngủ cho Lan rồi Quốc mới lo đến phần của Quốc. Ăn xong, Lan để tô hoặc đĩa trên thảm; Quốc ăn xong, đem nước đến cho Lan rồi lấy đĩa hoặc tô dơ đem xuống bếp.

Hôm nay, không thấy thức ăn cho Quốc, Hồng không giấu được vẻ bất bình khi Quốc trở ra bếp:

- Ủa, còn con ăn cái gì?

Quốc chưa kịp đáp, Hồng đã nghe tiếng Lan, bằng Anh ngữ, ngay sau lưng Hồng:

- Anh ấy là một người đàn ông trẻ. Anh ấy tự lo cho anh ấy được. Má không cần phải lo cái ăn cái uống cho anh ấy.

Hồng cũng đáp bằng Anh ngữ, vì muốn cho Lan hiểu thật rõ ràng:

- Nếu con nghĩ như vậy thì con cũng là một người đàn bà trẻ, tại sao con không tự lo miếng ăn miếng uống cho con mà Quốc phải bung vào tận giường cho con?

- Đó là chuyện của vợ chồng con. Con nghĩ Má không nên xen vào.

Hồng giật mình. Ngày xưa, mỗi khi trong nhà thiếu hụt mà Luyến lại đưa tiền cho Cha Mẹ và chị em của Luyến tự do cờ bạc, hoang phí, Hồng can ngăn, Luyến sùng sộ: *“Cô nên nhớ, tôi làm ra tiền chứ không phải cô. Và tôi là chồng của cô chứ tôi không phải là con của cô. Chuyện giữa tôi và gia đình tôi cô không được xen vào.”* Bây giờ chuyện xảy ra trong gia đình con của nàng, Hồng cũng bị ngăn, không cho xen vào. Như vậy thì vai trò của Hồng là gì?

Giữa lúc Quốc chưa biết phải hành động như thế nào để ngăn chặn một sự “đụng độ” giữa Mẹ và vợ có thể xảy ra thì tiếng chuông cửa reng. Quốc mừng như vừa thoát khỏi một trường hợp gay cấn, vội đi ra cửa. Quốc quay vào, nói:

- Ba lên tới rồi, Má.

Lan quay vào phòng. Hồng ngồi xuống xô-pha, lòng không vui mà cũng chẳng buồn. Vừa thấy Hồng, Luyến vồn vã:

- Em lên hỏi nào? Anh gọi em mấy lần, tính nhắc em đi chuyển tránh bão mà không ai trả lời.

Không lạ gì tính đái bôi của Luyến, Hồng chỉ cười mỉm, thâm nghĩ, ngày tôi còn là vợ của anh, có bao giờ anh lo lắng, chăm sóc cho tôi. Anh chỉ chuyên bịa những chuyện tốt lành để anh tự đề cao anh và anh bịa những chuyện “tày trời” để đổ vạ cho tôi. Bây giờ anh bảo anh gọi tôi đi tránh bão, anh gọi hỏi

nào, tại sao máy của tôi không ghi nhận số điện thoại của anh? Anh tử tế như vậy tại sao anh không để lại lời nhắn trong máy điện thoại của tôi?

Có lẽ cả Luyên và Quốc cùng hiểu ý nghĩa nụ cười của Hồng cho nên Quốc đưa Luyên thẳng lên lầu.

Tắm và thay đồ xong, Luyên trở xuống. Hồng vẫn ngồi nguyên vị trí, mắt lơ đãng nhìn mấy chú cá bơi lội trong hồ. Luyên ngồi đối diện, nhìn Hồng:

- Sao, dạo này em có gì lạ không?

- Cảm ơn. Cũng thường.

- Sắp đến sinh nhật của em rồi đó. Em tính về hưu “non” không? Anh mới về hưu chỉ mấy tháng mà thấy buồn quá.

- Rồi cũng quen.

- Nhìn em đâu ai biết em ngoài sáu mươi.

Hồng lại cười, nghĩ, ngày còn là vợ chồng, anh xem tôi đâu ra gì. Thời tôi ba mươi tuổi, khi nói chuyện với bạn bè, anh gọi tôi là “vợ già”. Anh tìm những lời nào cay nhất, độc nhất, hạ cấp nhất anh “tặng” tôi; còn những lời ngon ngọt, đẹp đẽ, để anh nịnh vợ người khác. Tôi đại khờ, tin anh năm tôi hơn mười sáu tuổi; nay tôi hơn sáu mươi, không lẽ tôi lại bị anh lừa nữa hay sao? Hồng nói mĩa:

- Nhìn anh cũng đâu ai biết anh gần bảy mươi.

- Đâu mà dữ vậy. Anh mới sáu bảy thôi.

- Sáu bảy hay gần bảy mươi cũng chẳng sao, miễn anh mang nhãn hiệu Việt-Kiều về Việt-Nam thì con gái mười tám tuổi cũng theo anh từng đàn.

Hồng nói thật ý nghĩ của nàng nhưng Luyên lại nghĩ Hồng mĩa mai chàng về việc chàng về Việt-Nam cưới vợ, bị lừa!

Câu chuyện Luyên bị lừa tình khởi đầu từ Liên, em của Luyên. Liên chuyên lo “dịch vụ” giới thiệu phụ nữ cho Việt-Kiều. Giá mỗi “dịch vụ” người phụ nữ phải trả cho Liên và “tổ chức” của Liên rất cao. Liên giới thiệu Bích cho Luyên. Trong e-mail gửi cho Luyên, Liên bịa để nâng giá “món hàng”: Bích

đang học năm thứ ba đại học ngành kế toán ngân hàng, không những không có con mà lại còn “nguyên xi” nữa.

Là một người lúc nào cũng dối trá nhưng Luyến lại tin vào lời của Liên, đưa em gái út mà ngày Luyến cùng vợ và con vượt biên, Liên chỉ là đứa trẻ hơn mười tuổi.

Sau khi liên lạc với Bích và thấy ảnh Bích trên màn ảnh Computer, Luyến si mê ngay. Vậy là Luyến bắt đầu gửi tiền về cho Bích mua xe gắn máy để đi học; mua máy vi tính để Bích làm bài cho nhanh và liên lạc với Luyến cho tiện; mua điện thoại di động đắt tiền, và điều căn bản là mỗi tháng Luyến phải gửi về hai trăm đô-la để Bích chi dụng cho cuộc sống “tiểu thơ” mà Bích đã quen.

Luyến rất vui và hãnh diện khi gửi tiền về cho Bích. Nhưng Luyến lại bực mình vì mấy lần chàng về Việt-Nam tiến hành thủ tục bảo lãnh Bích sang Mỹ, Bích cũng vẫn không cho Luyến “làm gì” cả, cùng lắm là một nụ hôn nhẹ lên gò má. Luyến, nửa đùa nửa thật, than phiền với Liên. Liên hơi ngạc nhiên, nhưng vì sợ mất mối lợi, lại khuyên Luyến gắng chờ.

Sự chờ đợi đôi khi cũng mang chút thú vị. Do đó, trong khi ngồi đợi Bích tại phi trường, Luyến có vẽ hồi hộp, nôn nóng, vì trong trí chàng đang vẽ ra những cảnh yêu đương nóng bỏng mà chàng thấy trong Play Boy. Rồi Luyến nghĩ đến Viagra và tiếc. Phải chi chàng không bị bệnh thì chỉ vài viên Viagra là... đã đời!

Đợi hoài không thấy Bích, Luyến nôn nóng đến quầy vé có nhân viên hãng hàng không Continental, nói rõ số chuyến bay và hỏi nguyên nhân sự chậm trễ. Sau vài phút tìm trên màn ảnh Computer, nhân viên cho Luyến biết chuyến bay chuyển tiếp từ Los Angeles sang đã đến phi trường khoảng gần hai tiếng đồng hồ rồi. Và hiện tại chuyến bay đó đang trên đường bay đến một thành phố khác. Họ hứa sẽ tìm và sẽ thông báo cho chàng trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ.

Hôm sau, nhân viên hãng Continental báo cho Luyên biết rằng: Căn cứ vào hình ảnh được Video thu nhận tại phi trường Los Angeles thì bà Bích Nguyễn đã rời phi cơ của hãng China Airlines tại Los Angeles. Lúc ra đến cửa, thay vì quẹo phải, sang khu vực các chuyến bay nội địa, bà Bích Nguyễn đã dừng lại ngay cửa và được một người đàn ông và một người đàn bà Á-Đông tươi cười đón tiếp.

Vì mặc cảm, Luyên cố giấu câu chuyện nhưng không hiểu tại sao nhiều người lại biết. Bạn bè, ai cũng khuyên Luyên nên đưa vấn đề lên Sở Di Trúu để Sở Di Trúu trục xuất Bích trở về Việt-Nam. Luyên chỉ cười cười, thâm nghĩ, mình đã dại, tốn không biết bao nhiêu tiền để bị lừa, bây giờ không lẽ lại dại thêm một lần nữa, tốn thêm tiền để lo “tổng cổ” nó về Việt-Nam. Thôi, “kệ mẹ” nó! Sự thật là như vậy, nhưng Luyên vẫn nói “ngon”:

- Anh biết điều đó chứ, nhưng “na” một bịch thịt sang đây, không có tình thương yêu thì để làm gì, chỉ tốn đức thôi.

Chưa quên được cá tính dang dối của Luyên, Hồng chỉ cười mỉm, bỏ đi lên lầu.

Luyên đến bên Quốc trong khi Quốc đang trộn xi-măng màu. Chăm chú nhìn một lúc, Luyên hỏi dò:

- Tình trạng giữa con và Lan có khá hơn không?
- Dạ không. Con nghĩ Lan bị tress nhiều vì bà già của Lan.
- Con nghĩ con chịu đựng được đến bao lâu nữa?
- Dạ, con cũng không biết. Thôi, tới đâu hay đó.
- Con nên nhớ, ông bà Nội chỉ có một mình Ba là con trai.

Ba lại chỉ có một mình con. Gia đình cần một đứa cháu đích tôn để nối giòng! Con nghĩ đi, bà Nội già quá rồi và Ba cũng lớn tuổi rồi, bà Nội mong có được đứa cháu đích tôn trước khi bà Nội qua đời.

Quốc thở dài, cảm thấy khó chịu. Đây không biết là lần thứ bao nhiêu Quốc phải nghe Luyên đem cái chết sắp cận kề của

bà Nội ra làm áp lực khiến cho Quốc áy náy. Giọng của Quốc không vui:

- Chuyện con cái là chuyện của tụi con; bà Nội với Ba thúc hối làm chi, Lan không thích đâu.

- Lan không thích nhưng biết bao cô gái khác thích. Ba thấy đàn bà, con gái ở đây sao khó khăn quá, giống như Má con với Lan đó! Bên Việt-Nam thiếu gì con gái trẻ, đẹp, họ chăm sóc, chịu chuông mình từng ly từng tý. Cỡ như con, học cao, đẹp trai, việc làm tốt, về bên đó tha hồ mà lựa. Con nghĩ lại đi. Con cũng lớn rồi.

Quốc im lặng. Không phải Quốc không nghĩ đến những vấn đề do Luyến nêu ra; nhưng Quốc cũng thấy được những khó khăn của Lan. Nếu Quốc muốn làm vui lòng bà Nội và Luyến thì Lan cũng muốn báo hiếu cho Mẹ và giữ lời hứa với Cha. Trong tình cảnh này, nếu sinh con, Lan có gánh vác nổi không? Gần đây, vì Lan vắng nhà thường xuyên, những lúc buồn, cô đơn, Quốc vào web tán gẫu với vài cô bên Việt-Nam. Và Quốc trở nên thân với một cô tên Tuyết.

Theo những gì Tuyết *e-mail* cho Quốc thì Tuyết thuộc gia đình gia giáo, Cha là dược sĩ có tiệm thuốc Tây và Tuyết đang theo học đại học. Nhưng kể từ hôm Luyến lấy vợ Việt-Nam bị lừa đến nay Quốc ngại, trở nên ít liên lạc với Tuyết – dù Tuyết cứ tiếp tục gửi “thông điệp tình yêu” đến cho Quốc. Bây giờ nghe Luyến đề cập đến những cô gái bên Việt-Nam, Quốc lại nghĩ đến Tuyết, nhưng không dám nói. Vừa khi đó Hồng đến cạnh:

- Quốc à, con nghỉ tay, đi tắm, Má đi mua thức ăn về ăn, sắp tối rồi, con.

- Dạ, để Lan nghỉ một tý rồi con rủ Lan đi ăn luôn.

- Lúc này con đem thức ăn vào cho Lan, Lan ăn rồi mà.

- Lúc này Lan ăn là vì trưa Lan không ăn. Bà già bên đó ở dơ lấm, Lan gớm, không dám ăn ở bên đó.

Luyến xen vào:

- Con vẫn còn bụng thức ăn vào phòng cho Lan à?

Quốc im lặng. Vì ngán cảnh ngày trước bị gia đình Luyên bịa chuyện, đâm thọc và thêu dệt những điều không thật để làm Luyên và Hồng gấu ó nhau, Hồng nhìn Luyên, đáp thay cho Quốc:

- Chuyện vợ chồng của nó, để nó lo, ông không nên xen vào.

- Xen gì đâu.

Luyên bước về phía cầu thang. Trước khi đặt chân lên cầu thang, Luyên quay lại:

- Quốc, nhớ nghe, con.

Quốc “ạ”. Vì biết tính Luyên thường thuyết phục đàn ông đi theo con đường sa đọa như chàng để chàng đỡ cảm thấy mình là người đàn ông tội lỗi, Hồng linh cảm điều gì đó không tốt, vội hỏi:

- Ông dặn con những gì vậy?

- Có gì đâu. Anh chỉ dặn con lo làm ăn, lo chăm sóc gia đình.

- Thiệt không đó, ông?

- Thiệt mà. Em đa nghi như Tào-Tháo. Không tin hỏi nó đi.

Quốc cảm thấy khó xử, vội đi xuống bếp.

* *
*

Vừa cùng Quốc và Tuyết rời chiếc xe thuê, Luyên nghe có tiếng gọi tên chàng:

- Anh Luyên. Xin lỗi phải anh Luyên không?

Luyên quay lui, nhận ra khuôn mặt quen quen:

- Ồ, Luyên đây. Còn...

- Trời! Hơn ba mươi năm mới gặp lại! Em là Đoan, hồi đó làm sĩ quan quân lương...

Đoan chưa nói dứt câu Luyên đã nhớ ra, vồn vã bắt tay:

- Bây giờ toa ở đâu? Làm gì?

- Dạ, em ở trong hẻm, sau nhà thuốc tây nè. Con Tuyết biết nhà em mà.

Thấy Luyến và Đoan có vẻ quen biết nhau rồi lại bị Đoan nhắc đến tên, Tuyết hơi mất bình tĩnh, đi vội vào nhà. Quốc đứng lại chờ Luyến. Luyến hỏi Đoan:

- Ủa, sao không đi Mỹ?

- Trời, có biết đâu! Em đi tù, vợ em lo quá, hồi lộ cho cha con nó sao đó nên em được tha về sớm, thành ra không đủ điều kiện đi theo diện H.O. Mà anh về hồi nào? Chị với các cháu ra sao?

- Biết moa ở đâu không mà hỏi về hồi nào?

- Nhìn anh, biết là Việt-Kiều liền; nhưng Việt-Kiều từ nước nào thì em không biết, thiệt.

Luyến ngoắc tay gọi Quốc:

- Đến chào chú đi, con.

Quốc đưa tay bắt tay Đoan, Luyến ngăn:

- Con không được bắt tay chú.

Giữa khi Quốc ngẩn ngơ, không hiểu tại sao chàng không được bắt tay Đoan thì Đoan chỉ Quốc, cười rồi ôm chầm lấy Quốc:

- Trời, thằng cu Quốc đây sao? Hồi đó nó có chút xíu mà bây giờ... chần dần, cao, to như Mỹ vậy.

Được dịp “dựa hơi”, Luyến hỏi một câu gián tiếp tự đề cao chàng:

- Con nhà Tông mà. Nó giống moa, phải không?

Đoan thả Quốc ra rồi nhìn từ đầu xuống chân của Quốc:

- Giỡn hoài. Nó cao, to, đẹp trai hơn anh nhiều. Còn chị với mấy cháu khác đâu, anh?

Ngày xưa Đoan mang cấp bậc thấp hơn Luyến và bây giờ không được Đoan khen, Luyến cảm thấy không muốn tiếp tục nói chuyện nữa:

- Sinh được có mình nó là bả “tịt ngòi” đâu để gì được nữa. Bả không về. Thôi, moa phải đi.

Đoan nắm tay Luyến kéo lại rồi nhìn Quốc:

- Lâu quá mới gặp lại, cho hỏi thăm chút mà, anh. Cháu chắc là học hành, đỗ đạt rồi, mà lập gia đình chưa vậy, cháu?

Quốc chưa kịp đáp Luyến đã nói:

- Nó có bằng tiến sĩ hóa học, đang dạy tại một trường đại học của tiểu bang; vợ con thì chưa. Chuyện này về lo cưới vợ cho nó đó.

Quốc thoáng giật mình. Là một người trẻ có văn hóa và chọn sự chân thật để sống, Quốc không thể hiểu được tại sao Luyến lại bịa ra những điều kỳ quái như vậy. Quốc muốn đính chính rằng Quốc chỉ có bằng kỹ sư Công-Chánh và hiện đang làm việc cho Tòa Tinh; nhưng ngại làm bề mặt Luyến nên im lặng.

Đoan hơi ngạc nhiên. Những người về Việt-Nam cưới vợ thường thuộc vào thành phần ít học, không thành công trong xã hội Hoa-Kỳ hoặc lớn tuổi, gia đình tan rã; cũng có một số ít Việt-Kiều trí thức về Việt-Nam cưới vợ hoặc lấy chồng, nhưng họ cũng chọn những “đối tượng” khá hoặc tương đương với họ chứ ai lại chọn... Đoan tỏ vẻ nghi ngờ:

- Anh bà con quen biết ra sao với con Tuyết vậy?

- Không. Không bà con gì hết. Toa biết Tuyết nhiều không?

- Trời! Quanh đây ai cũng “rành sáu câu” về chuyện con Tuyết. Ô, quên nữa, con Tuyết là con của trung sĩ Bền đó. Anh nhớ trung sĩ Bền không?

- Ủa, toa nhầm không? Máy lần tiếp xúc với Cha Mẹ của Tuyết và Tuyết, moa thấy họ đều là những người tốt, thuộc thành phần trí thức chứ có dính dáng gì tới thằng Bền đâu.

- Trời đất! Con Tuyết không phải là con trung sĩ Bền thì ai là Cha Mẹ của nó vậy, anh?

- Thì vợ chồng được sĩ Chấn chứ ai.

- Thôi. Thôi. Em xin anh, đừng có nghe con Tuyết nó “phịa” mà hại đời cháu Quốc. Anh với Quốc vô nhà em, em kể hết cho mà nghe.

Nếu Đoan là một phụ nữ sang trọng hoặc là một người nào có tiền, có chức phận - dù thuộc chế độ cũ hay chế độ Cộng-Sản - Luyên cũng sẽ hãnh diện theo về nhà, kết thân, chụp ảnh để về Mỹ còn khoe. Đằng này Đoan chỉ là một sĩ quan cấp nhỏ, bây giờ nghèo, sống trong con hẻm lầy lội, Luyên theo vào để làm gì! Bản tính của Luyên là như vậy. Còn những gì Đoan nói về Tuyết, Luyên cho rằng Đoan bịa chuyện, muốn môi giới ai đó cho Quốc để kiếm lợi. Luyên thẳng thắn từ chối:

- Thôi, để kỳ khác. Lần này moa bận lắm. Moa phải lo xong công việc để còn phải trở về Mỹ lo vụ thuế khóa cuối năm cho công ty của moa.

Lại một lần nữa Quốc ngạc nhiên. Luyên chỉ là nhân viên hồi hưu của một hãng điện tử, vậy thì công ty nào là công ty của Luyên? Từ hai tuần qua, nghe Luyên nói chuyện với ông bà Chấn và Tuyết, Quốc đâm ra nghi ngờ về số vốn Việt ngữ của chàng!

Sau khi Đoan buồn bã bắt tay từ giã, Quốc hỏi lại Luyên những điều Luyên vừa nói. Luyên chỉ cười:

- Ba nói gì kệ Ba. Con cứ im lặng là được.

Trong khi Luyên và Quốc bận nói chuyện với Đoan, ngoài ngõ thì, trong căn phòng trên lầu, do Tuyết thuê của ông bà Chấn từ mấy năm qua, Tuyết cố nài nỉ bà Chấn:

- Tui nói thiệt mà má Chấn không chịu tin. Má Chấn cầm tạm hai ngàn đô kỳ này đi, vài hôm nữa có tiền, tui đưa đủ mà.

- Mà nói mà chỉ có hai ngàn đô, vậy tiền ở đâu mà đưa cho Má mà cả mấy ngàn đô? Mà không qua mặt tao được đâu, con quỳ sống.

Tuyết than thầm. Cũng vợ chồng “cái thằng ông nội” Đoan mách lại mẹ Chấn chứ không ai hết! Tại sao “thằng ông nội” Đoan lại quen biết được với cha con “lão” Luyên? Đây rồi không biết chuyện gì sẽ xảy ra! Tuyết có vẻ lo nhưng lại phải trực diện với hiện tại:

- Má nghĩ coi, bẻ gì bả cũng đẻ tui ra, là Mẹ của tui. Lâu lâu bả mới từ Cao-Lãnh lên đây xin tiền; nếu tui không cho bả thì ông Trời vận cổ tui chết sao?

- Ồ, mày nói phải. Nhưng tao kỳ hẹn với mày, trong hai ngày nữa, nếu mày không đưa thêm cho tao ba ngàn đô nữa cho đủ số tiền mày đã hứa thì tao sẽ nói huých toẹt về “cuộc đời và sự nghiệp” của mày cho cha con lão Luyến nghe.

Tuyệt gục đầu vào giữa hai đầu gối, giọng nghèn nghẹn:

- Anh Quốc ảnh nói hiện tại vợ ảnh đang tiến hành thủ tục ly dị ảnh cho nên tiền bạc còn kẹt.

- Trời! Tao mà đi tin cái miệng của mày hả? Người ta đi “miệng dưới” cũng đủ cho đời nguyên rửa; còn mày thì đi cả “miệng dưới” lẫn “miệng trên”. Chẳng nào “đụng” vô mày cũng tiêu đời. Chỉ có thằng Nam sao khôn quá, “tặng” mày cái “bầu” rồi về bên điện thoại qua, hủy bỏ hồ sơ bảo lãnh, làm mày phải vô xưởng đẽ, “nạo” nó ra!

Tuyệt lại than thầm. Nếu không có cha con “lão” Luyến đứng trước nhà thì Tuyệt sẽ không ngại ngần gì mà không chửi lại bà Chấn, như những lần trước. Cứ sau mỗi lần bị Tuyệt chửi lại, bà Chấn lại cấm, không cho Tuyệt gọi vợ chồng bà là Ba Má; vì ông bà Chấn biết dụng tâm của Tuyệt khi gọi ông bà bằng Ba Má là để “dựa hơi”, để người đời nhầm, tưởng Cha của Tuyệt là dược sĩ. Sở dĩ ông bà Chấn âm thầm để Tuyệt “lợi dụng danh nghĩa” là vì Tuyệt rất dễ giải trong vấn đề tăng tiền thuê phòng, vì Tuyệt làm ra tiền rất dễ dàng.

Trong khi bà Chấn nguyên rửa, Tuyệt im lặng, thằm nhủ, thôi, ráng nhịn nhục một thời gian ngắn nữa rồi Quốc sẽ đưa nàng ra khỏi vùng đất mà nàng không còn gì thương mến, ngoài người Mẹ quê mùa và phần mộ của người Cha. Tuyệt xuống giọng năn nỉ:

- Thì Má Chấn ráng tin tui một lần đi.

- Tin mày như hồi mày mới tới thuê phòng, mày nói Ba mày là đại tá, má mày là chủ hãng xe ngoài Nhatrang, mày vô đây học đại học đó phải không?

Tuyết ngẩng lên, lén nguýt bà Chấn rồi lại cúi xuống. Trước năm 1975, lúc Tuyết vừa ra đời, Ba của Tuyết là trung sĩ Bền, trong ban quân lương, cùng đơn vị với Đoan. Không thể nào Tuyết nhớ được Đoan. Nhưng, một lần, lúc Tuyết còn làm cho quán bia ôm Bồn-Phương, Đoan cùng vài người bạn Việt-Kiều đến...nhậu. Sau khi “xin”, không còn biết sợ, các ông trong bàn đã tự khai rõ - và còn thêm thật nhiều chi tiết cho...oai, vì có mấy cô gái trẻ đang ngồi trong lòng các ông - lý lịch của mình. Và họ nhắc tên ông trung sĩ già thường “nhậu đến quất càncâu”, tên Bền, quê ở Cao-Lãnh, là Cha của Tuyết. Nhờ vậy Tuyết mới quen với Đoan. Và vợ chồng Đoan cho Mẹ của Tuyết tá túc mỗi khi Bà từ Cao-Lãnh lên xin tiền đưa con gái mà Bà tưởng rằng nó lên Saigon để làm người mẫu, y như lời Tuyết khoe với bà con xóm nghèo!

* *

*

Vừa bước vào cửa, Quốc nói nhỏ với Luyên:

- Ba vô lấy bàn trước đi. Con vô phòng vệ sinh.

Nhìn quanh không thấy Tuyết, Luyên hỏi:

- Còn Tuyết đâu?

- Dạ Tuyết vào phòng vệ sinh phụ nữ.

Giữa khi Luyên còn chóa mắt vì chưa quen với bóng tối của phòng trà ca nhạc thì hai cô gái trẻ nhanh nhẹn bước đến, ôm chầm lấy Luyên. Một cô kê sát vào mặt Luyên:

- Trời, anh! Sao hôm nay anh mới trở lại? Mấy hôm nay em nhớ anh quá, em ngủ không được.

Cô kia chen vào:

- Anh biết gì hôn? Mấy hôm nay, tối nào em cũng nhìn ra cửa, thấp tha thấp thỏm mong anh trở lại mà không thấy. Em buồn quá, cứ như kẻ mất hồn.

Là một người ăn chơi và dối trá ít ai bằng, vậy mà Luyến lại rất tin lời đàn bà; ngoại trừ Hồng, người đàn bà đã thương yêu Luyến từ khi chàng còn là chuẩn úy, mới ra trường và sống với chàng cho đến khi chịu đựng không nổi những lời cay độc và tư cách thấp kém của Luyến!

Được hai cô gái tặng bốc, Luyến cảm thấy rất hãnh diện. Và Luyến nghĩ, quả thật chàng cũng còn nhiều ưu điểm lắm cho nên mới chinh phục được các cô gái trẻ này.

Khi thấy Quốc đến ngồi cạnh, gọi Luyến bằng Ba, hai cô có vẻ ngưỡng ngưỡng và thâm tiếc, phải chi gặp Quốc trước khi gặp Luyến thì đời sẽ đẹp biết bao nhiêu! Một cô gái khác tiến đến, tay phải bắt tay Quốc, tay trái xoa xoa lên vai Quốc:

- Anh cho phép em hầu anh tối nay, nha.

Quốc chưa kịp đáp, Tuyết đã xuất hiện. Tuyết làm mặt nghiêm, liếc cô gái một cái rồi ghé mặt lên, ngồi cạnh Quốc, choàng tay qua lưng rồi tựa đầu lên vai Quốc. Cô gái nhận ra Tuyết:

- Ê, Tuyết “lãng”! Của mày hả? Tao đâu có biết. Xin lỗi nhen.

Cô gái bỏ đi. Quốc nhìn theo cô gái rồi nhìn Tuyết:

- Bạn của em, phải không?

Tuyết nói dối tài tình, không thua gì Luyến:

- Dạ, nó cùng học với em. Nhà nó nghèo cho nên ban đêm nó phải đi làm.

Quốc im lặng. Tuyết cũng im lặng, thâm lo. Mấy hôm nay Luyến cứ muốn đến đây nhưng Tuyết tìm mọi lý do để ngăn cản. Tuyết ngại mấy cô gái làm ở đây sẽ vô tình có những lời nói hoặc cử chỉ bất lợi cho nàng; vì có vài cô đã từng làm tại quán bia ôm Bón-Phương với Tuyết và sau này Tuyết lại thường đến đây với nhiều chàng Việt-Kiều khác nhau. Vì vậy, hôm đầu tiên Luyến đến đây với mấy ông bạn, Tuyết nài nỉ Quốc đi xem xi-nê, đừng đi theo Luyến. Hôm nay Luyến thuyết

phục được Quốc cùng đến phòng trà này, Tuyết cần không được, đành phải đi theo.

Trong khi Luyến như đùa trẻ thơ vui đùa với hai cô gái giữ em thì Quốc trầm ngâm với nhiều nỗi hoài nghi.

Khuya đó, sau khi trả Tuyết lại nhà, trở về khách sạn, Quốc hỏi:

- Ba, trong tiếng Việt, chữ “lãng” có nghĩa là gì?

Lúc cô gái gọi Tuyết là Tuyết-lãng chính là lúc Luyến đang vui thú với hai cô gái cho nên Luyến không nghe. Bây giờ nghe Quốc hỏi, Luyến vô tình giải thích một cách cụ thể và rõ ràng. Quốc nhú mày:

- Con nghĩ là chuyện Tuyết với con không thành đâu.

- Tại sao? Con Tuyết cao, đẹp gái, con nhà danh giá, có học, con chê cái gì? Dĩ nhiên nó không học bằng con Lan, nhưng nó biết lo cho con. Mấy tuần qua con thấy đó, nó gấp vào đĩa cho con từng miếng ăn, giặt cho con từng cái áo, cái quần, rồi nó cũng đích thân ủi đồ cho con. Con thấy con Lan có bao giờ làm những việc như vậy không? Lấy vợ là lấy một người về chăm sóc cho mình chứ không phải lấy về để nó làm...bà nội mình!

Nhờ có được sự nhạy cảm rất mạnh, giống Hồng, Quốc nhận biết có điều gì không ổn, nhưng Quốc không thể đơn cử được điều cụ thể.

- Ba nghĩ Tuyết là người có học vấn hay không?

Vì trình độ học vấn của Luyến cũng không bao nhiêu, lại không chịu đọc sách, không chịu học hỏi, và cũng vì tính “dại gái” Luyến tin những điều Tuyết nói; thêm nữa, những lời “đẩy đưa” cũng như nụ cười đưa tình và ánh mắt lả lơi của “bà dượng sĩ” Chân cũng khiến Luyến khẳng định:

- Cha nó là dượng sĩ, vô lễ để nó dốt à?

- Con không nói Tuyết dốt. Nhưng con không tin Tuyết có trình độ đại học.

- Chắc con thấy nó không biết ngoại ngữ chứ gì?

- Vấn đề ngoại ngữ con có thể hiểu. Nhưng những nhân vật mà cả thế giới đều biết như Pasteur, Napoléon, Victor Hugo, Hemingway... Tuyết cũng không biết.

- Nhiều khi sinh ngữ nó kém, nó không muốn đọc sách ngoại quốc.

- Tuyết không đọc sách ngoại quốc, con cũng tạm chấp nhận. Nhưng khi con bảo Tuyết đưa con đến một tiệm sách lớn để con mua sách viết về danh nhân Việt-Nam đem về biếu Má, vì Má dặn, thì Tuyết hỏi: *“Anh mua sách danh nhân Việt-Nam là sách gì?”* Con trông Tuyết đùa nên đáp: *“Như sách viết về Nguyễn-Công-Trứ...”* Con chưa nói hết câu, Tuyết đã cười dòn: *“Anh này ngộ ghê, lớn lên ở Mỹ, hèn gì. Nguyễn-Công-Trứ là tên con đường chứ đâu phải tên cuốn sách!”*

Trong tình trường không biết bao nhiêu lần Luyến bị đàn bà lợi dụng, gạc găm để đem nợ nần, bệnh hoạn và sàu khổ về cho Hồng. Nhưng không hiểu tại sao Luyến cũng vẫn không sợ và vẫn tin lời đàn bà, nhất là những người đàn bà đom đàng, chung diện lòe loẹt.

- Ba nghĩ nhiều khi con Tuyết nó muốn làm cho con cười chơi.

- Hôm trước hai đứa con xem TV, thấy Indonesia bị động đất liên tiếp, gây thiệt hại nhân mạng quá cao, con dịch cho Tuyết nghe rồi con bảo tội nghiệp quá, nước đó nghèo mà còn bị thiên tai hoải. Tuyết bảo: *“Nước Indonesia đông dân vào hàng thứ tư trên thế giới, chết bao nhiêu đó mà nhằm nhò gì.”* Con ngạc nhiên: *“Em biết nước Indonesia bao lớn, nằm ở đâu không mà em dám nói nước đó đông dân vào hàng thứ tư trên thế giới?”* Tuyết im. Con nhận thấy Tuyết sống không thật. Tuyết thích phô trương một cách lộ bịch để lòi cái dốt của Tuyết ra.

- Kệ nó, con. Nó thua con, con về con dạy nó mấy hồi. Con thấy, những người có ăn học như Má với Lan...khó trị lắm.

- Con muốn gặp lại chú Đoan. Con nghĩ chú biết nhiều về Tuyết.

- Ôi, cái thằng nhậu vô là “súra” đó mà tin nó làm gì, con.

- Con không lường gạt ai mà con cũng không muốn bị ai lường gạt.

- Có gì đâu mà lường gạt. Con nghe lời Ba. Không lẽ Ba hại con? Con cứ tiến hành mọi điều như đã dự định. Về bên đó Ba sẽ dạy con Tuyết. Đàn bà, nó dốt, nó thua mình, nó mới nể sợ mình; còn nó bằng hoặc hơn mình, nó xem thường mình.

* * *

*

Quốc đi ra bãi đậu xe. Luyến chạy theo, gọi khẽ: “Quốc. Quốc.” Quốc dừng lại, chờ. Luyến đến cạnh:

- Con có tiền lẻ cho ba một trăm, con.

Quốc ngạc nhiên:

- Úa, tiền hưu của Ba, Ba làm gì mà Ba cứ xin tiền con hoài vậy?

- Ba nuôi con lớn, cho con ăn học thành tài, lâu lâu Ba mới xin con một trăm mà con cũng tra hỏi.

Quốc im lặng. Quốc không quên thời còn bé, chàng và Hồng cứ thui thủi trong cảnh nghèo ở trại gia binh. Thịnh thoảng Luyến về thì Luyến say sưa, ới mưa, nặng lời và nhiều khi đánh đập Hồng, vì Hồng vay tiền không được để trả nợ cho Luyến. Sang Mỹ, Luyến thích ra quán cà-phê ngồi tán gẫu suốt hai ngày cuối tuần. Và Luyến vẫn thích chạy theo những người đàn bà ông ẹo. Hồng chịu đựng mãi cho đến khi Quốc ra trường, Hồng trả tự do cho Luyến. Như vậy thì ai là người đã hy sinh, đã nuôi Quốc? Tuy nghĩ như vậy, nhưng Quốc vẫn thương Luyến:

- Ba hỏi tiền con hoài chứ đâu phải lâu lâu. Con chỉ muốn biết, Ba sống chung với tụi con, tiền nhà và mọi thứ khác Ba

không tốn, vậy năm sáu trăm đồng tiền hưu mỗi tháng Ba làm gì?

- Ba trả bảo hiểm xe cũng hết mấy trăm.

- Mấy trăm cho cả ba tháng, sáu tháng hoặc một năm chứ phải cho mỗi tháng đâu.

- Con cho hay không thì nói đi, “cù nhày” Ba mệt quá. Ba để dành được đồng nào thì khi Ba chết Ba cũng để lại cho con chứ Ba để lại cho ai?

Lần nào xin tiền Quốc, Luyến cũng nhắc đến cái chết để làm Quốc áy náy. Như bao nhiêu lần trước, cuối cùng Quốc cũng cười, trao tiền cho Luyến.

Từ ngày đem Tuyết sang, Luyến xin về ở tạm với Quốc và Tuyết; vì Luyến về Việt-Nam tiêu hoang, bao nhiêu credit cards cũng charged, về lại Mỹ không trả được. Gặp lúc hợp đồng thuê chung cư hết hạn, họ sưu tra lại credit history, khám phá ra Luyến thâm nợ nhiều mà không trả, họ không cho thuê nữa. Quốc và Tuyết vui vẻ đón nhận Luyến. Quốc nghĩ, Tuyết không biết Anh ngữ, chưa học lái xe, đi chợ, đi bác sĩ Quốc phải nghỉ làm, về đưa đi, rất bất tiện. Có Luyến, Luyến sẽ giúp Tuyết những vấn đề lặt vặt đó. Và điều quan trọng là Luyến sẽ dạy Tuyết Anh văn và thi lấy bằng lái xe.

Luyến dúm tờ giấy một trăm vào túi, lòng hớn hờ bước vào chung cư. Tuyết, dường như đã chờ sẵn từ lâu, vội mở cửa, giọng ông ọ:

- Làm gì ở ngoài lâu dữ “dị”?

- Ồ, thì hỏi coi chiều Quốc muốn ăn món gì mình mua.

Khi nói chuyện với Tuyết, mà không có sự hiện diện của Quốc, Luyến chỉ nói trống không, hoặc xưng “mình” chứ không xưng “ba”. Và nếu vắng mặt Quốc, Tuyết cũng không xưng “ba, con” mà chỉ nói trống, không có chủ từ.

Một điều cả Quốc và Luyến đều không ngờ là, sau khi sang Mỹ, Tuyết bảo Tuyết đã quen cuộc sống tiểu thư nên không biết nấu ăn! Mỗi ngày Luyến và Tuyết đi mua. Hôm nào hai người

không đi được, Quốc điện thoại đặt thức ăn, chiều, trên đường đi làm về, ghé nhà hàng lấy. Nhiều khi mưa, tuyết hoặc giông gió, thấy Quốc ước loi ngoi mà tay khệ nệ xách thức ăn, Luyên cũng xót ruột nhưng không biết phải làm gì!

Riêng Tuyết, Tuyết rất bất bình về hoàn cảnh của nàng. Tuyết cứ đinh ninh rằng, với chức vụ của Quốc, sang đến Mỹ, Tuyết sẽ được sống trong ngôi biệt thự đồ sộ - hoặc ít ra thì cũng một ngôi nhà hai tầng, và lái chiếc Lexus, như hình ảnh mấy cô gái Việt-Nam lấy Việt-Kiều thường gửi về khoe - chứ ai ngờ lại phải sống trong chung cư! Quốc bảo muốn mua nhà thì cũng từ từ, để luật sư của Lan và luật sư của Quốc tranh chấp nhau xong đã. Tuyết xin Quốc mua cho nàng một chiếc xe mới và một điện thoại di động có máy chụp hình, Quốc bảo không cần thiết và Quốc chỉ mua cho nàng một điện thoại di động loại bình thường. Tuyết muốn đi học làm móng tay, kiếm tiền nhiều và nhanh. Quốc bảo Tuyết chưa biết Anh ngữ, chưa có bằng lái xe, làm sao đi học. Tuyết bảo, có người cho biết mình có thể thuê người đi thi bằng “neo” giùm. Quốc bảo không nên làm điều phạm luật. Tuyết lại bảo, nghe có tiểu bang nào cho thi bằng tiếng Việt, Tuyết muốn Quốc đổi về đó để Tuyết đi học và thi. Quốc bảo có thể có, nhưng việc làm của Quốc ở đây thâm niên, nhiều lợi nhuận, sang tiểu bang khác chưa chắc Quốc xin được việc làm như ý Quốc muốn. Tuyết thích chung điện, mua sắm áo quần, giày dép loại sang, dầu thơm và mỹ phẩm hảo hạng. Quốc chỉ đưa Tuyết vào Walmart và Sears.

Trong khi Quốc rất thực tế trong đời sống thì Luyên, bản tính đại gái và lúc nào cũng rất hãnh diện làm tôi mọi cho vợ người khác, lại chịu Tuyết, lấy tiền hưu hàng tháng và tiền IRAs của Luyên cho Tuyết mua sắm phủ phê; đến khi hết tiền và tiền hưu chưa về kịp, Luyên phải lén Tuyết, xin Quốc. Vì vậy Tuyết thường làm nũng với Luyên:

- Tối ngày cái gì cũng Quốc, Quốc. Bộ thương một mình Quốc thôi hả? “Đị” thì thôi,... “đĩa” lại “Diệt”-Nam ở “dới” Ba Má Chấn sướng hơn.

Luyên cười giả lả:

- Hở cái là đòi về. Khổ quá!

- Ở đây hông ai thương thì ở làm chi!

- Nói bậy nữa rồi. Sao lại không ai thương. Thôi, lo ăn sáng, thay đồ, mình đi mall xem có gì thích thì mua.

Tuyết dậm chân, thụng môi, làm nũng:

- Ai thương đâu, chỉ coi?

Luyên im lặng, nhìn Tuyết, cười. Tuyết tiếp:

- Chỉ hôn? Hông chi...hông thèm ăn sáng đó.

Trước mặt phụ nữ Luyên chỉ như đứa bé con cho nên Luyên cũng chả chột, ngọng nghịu:

- Thoi mà..., ai thương thì biết rồi. Giả bộ woài. Làm hột gà ốp-la ăn, nhen.

Tuyết ngồi bệt xuống thảm:

- Lạnh căng thấy mồ. Đôi dép bỏ quên chỗ bếp, lấy đem lên đây giùm đi.

Từ ngày quen rồi yêu nhau cho đến ngày xa nhau, chưa bao giờ Hồng dám nhờ Luyên những việc như vậy. Và cũng chưa bao giờ Luyên cười hớn hở, cầm đôi dép lên, âu yếm mang vào chân cho Hồng như Luyên đang mang vào chân cho Tuyết.

Tuyết và Luyên đang dùng điểm tâm thì Quốc về. Luyên ngạc nhiên:

- Ủa, sao về sớm vậy, Quốc?

- Dạ, con về lấy quần áo để đi công tác.

Luyên bảo Tuyết vào sắp quần áo vô va-ly cho Quốc. Quốc cản:

- Em ăn đi. Anh tự lo được mà.

- Anh đi bao lâu mới về?

- Xong công việc thì anh về, khoảng hai hay ba ngày.

- Nhớ coi có gì lạ lạ mua cho em, nhen. Tháng này anh chưa tặng em món quà nào hết đó, nhen.

Nửa đùa nửa thật, Quốc hỏi:

- Sao lúc nào em cũng đòi quà hết vậy? Còn quà em cho anh đâu?

- Em cho anh trọn cuộc đời của em nè, còn gì nữa?

Quốc cười, bẹo má Tuyết.

Trên đường trở lại Tòa Tỉnh, Quốc bị kẹt xe trên xa lộ rất lâu. Quốc gọi vào, thông báo cho cấp trên biết rằng Quốc không thể khởi hành chuyến công tác đúng thời điểm đã dự định. Mấy phút sau, văn phòng gọi lại, cho Quốc biết rằng Quốc có thể dời chuyến công tác vào ngày mai. Và như vậy, văn phòng sẽ dàn xếp, lấy vé máy bay cho Quốc.

Đến văn phòng, bận công việc, Quốc quên gọi cho Luyến và Tuyết biết về sự thay đổi này.

Chiều, trên đường về, Quốc nghe từ radio một bản nhạc quen mà ngày xưa Hồng thường nghe. Quốc gật gật nhẹ, lắc lắc đôi vai và lòng cảm thấy nhớ Mẹ. Thời gian đầu, Hồng cực lực phản đối cuộc hôn nhân giữa Quốc và Tuyết. Hồng bảo Tuyết chỉ lợi dụng Quốc. Và hôn nhân không có tình yêu không thể nào bền vững được. Quốc cười, Ba Má yêu thương nhau, Lan và con yêu thương nhau, rồi cũng đâu bền vững. Hồng khuyên Lan và Quốc nên kiên nhẫn, chờ đến sau khi Mẹ của Lan mãn phần rồi Quốc và Lan thẳng thắn nói chuyện và giàn xếp gia đình. Nhưng Lan cương quyết ly dị, vì Lan biết được sự liên hệ tình cảm bằng *e-mail* giữa Quốc và Tuyết.

Đối với Quốc, Tuyết cũng *okay*. Nhưng thỉnh thoảng niềm hoài nghi lại lóe lên trong lòng chàng; nhất là sau khi Quốc gặp lại Nam hôm Quốc tham dự ngày họp bạn toàn trường thẳng năm.

Nam có khuyết tật, thường bị bạn bè chọc phá. Quốc là người thường bênh vực Nam. Nam hiện làm việc tại tiểu bang Nevada. Gặp lại, hỏi thăm nhau, Quốc mới biết, vì khuyết tật,

khó tìm người yêu, Nam về Việt-Nam cưới cô vợ nhà quê. Tính tình và nhân dáng cô vợ rất dễ thương, nhưng Nam không thể tìm được nơi vợ một sự đồng cảm, một sự chia sẻ hoặc một sự hiểu biết nào cả; vì trình độ học vấn giữa hai người quá chênh lệch. Và, gia đình vợ, nay người này bệnh, mai người kia bị tai nạn, vô nhà thương khẩn cấp, một người nợ bị giật hụi, không có tiền trả thì phải ở tù, rồi phải dờn mộ Ông Bà, đám cưới đưa em, v. v. Nam cho một trăm đô-la thì cô vợ buồn thiu, than *“Có chồng là ông kia ông nợ mà cho một trăm, làng xóm cười cho thúì đâu.”* Nam chỉ làm đám cưới với một cô gái quê; nhưng nay Nam có cảm tưởng như Nam đã làm đám cưới với...cả làng!

Quốc cũng kể qua loa về tình cảnh gia đình của Quốc. Nam ngạc nhiên: *“Con Lan hỏi đó nó theo mày lắm mà, cả trường đưa nào cũng biết.”* Quốc cười buồn: *“Lỗi tại tao.”* Khi nghe Quốc bảo đã lấy vợ khác, tên Tuyết, từ Saigon, Nam bắt tay Quốc, cười, chúc lành cho bạn và hỏi về gia cảnh của Tuyết. Nghe qua gia cảnh của Tuyết, Nam ngạc nhiên, hỏi: *“Phải con Tuyết cao cao, có nốt ruồi bên vai trái và nó thuê phòng trên lầu của tiệm thuốc tây Tân-Cảnh không?”* Quốc cũng ngạc nhiên: *“Đâu phải nó thuê. Nó là con của ông bà chủ tiệm thuốc tây Tân-Cảnh mà. Nhưng tại sao mày biết rành vậy?”* Nam áp úng, không biết phải nói sao, chợt thấy một người Mỹ vừa bước vào, Nam bảo: *“Hey, để tao tới hỏi xem thằng khỉ này đi đâu mà mấy lần họp mặt rồi tao không thấy nó. Tao sẽ trở lại.”* Nam nói như vậy nhưng sau đó Quốc không thấy Nam đâu cả. Và từ đó Quốc cũng không bao giờ gặp lại Nam để kiểm chứng.

Mãi nghĩ ngợi miên man, Quốc lại quên điện thoại hỏi xem Luyên và Tuyết đã mua thức ăn chưa để chàng mua thêm phần ăn cho chàng. Rồi Quốc nghĩ, thôi, nếu không thì ba bố con đi ăn ngoài một bữa cũng vui.

Nhẹ nhàng mở khóa, Quốc đẩy cửa và chợt giật mình, đứng sựng lại.

Không phải một mình Quốc kinh ngạc đến sững người mà cả Luyến và Tuyết - đang ngồi trong lòng Luyến, trên xô-pha, và hàng nút áo ở ngực mở toanh ra - cũng đều kinh ngạc, há mồm nhìn Quốc. Phải vài tích tắc sau Quốc mới nói được:

- Trời ơi, Trời! Ba làm cái gì vậy? Nó là vợ của con mà.

Tuyết đứng lên, vừa gài nút áo vừa đi vào trong. Luyến cũng đứng lên, nét mặt tỉnh bơ như Luyến chưa hề thực hiện một hành động tội lỗi nào cả:

- Ba đâu có làm cái gì đâu.

Lúc này Quốc mới nhớ những lần Cha Mẹ cãi nhau, chàng khuyên Mẹ, Hồng chỉ lắc đầu: *“Người nào có sống với Ba con thì người đó mới hiểu được bản tính của Ba con. Không sống với Ba con thì ai cũng nghĩ ông ấy là một người tốt nhất trên hành tinh này; mà Ba con tốt thật, tốt với người ngoài chứ không phải tốt với Mẹ con mình. Ba con có biệt tài làm những việc tay Trời rồi chối phăng mà nét mặt của Ba vẫn tỉnh bơ, không thoáng một chút ngưng ngừng.”* Quốc uất quá nói lớn:

- Áo của vợ con phạch ngực, Ba ôm vợ của con trong lòng, mà Ba nói Ba không làm gì cả?

- Thì... chỉ chơi, “nựng” vậy thôi chứ tuổi tác cỡ này đâu làm được mấy “chuyện đó” mà lo.

Quốc ngẩng nhìn trần nhà, hai tay dang rộng, dơ cao, như muốn phân trần với Trời Đất về ý nghĩ quái dị của Luyến. Quốc bước về phía cửa phòng:

- Cô ra đây.

Tuyết vẫn trốn trong nhà tắm. Quốc nạt:

- Cô muốn ra đây nói chuyện với tôi hay là cô muốn tôi gọi cảnh sát để họ tổng cô về Việt-Nam?

Tuyết sợ lắm nhưng vẫn chưa dám ra. Luyến vội đến bên Quốc:

- Đừng. Đừng, Quốc. Chuyện có gì đâu mà Quốc tổng Tuyết về Việt-Nam. Tuyết mà bị tổng về Việt-Nam thì ông bà

được sĩ và Tuyết sẽ nhọc nhả với xóm làng, làm sao họ sống, Quốc?

- Má nói thật đúng. Lúc nào Ba cũng chỉ muốn làm đẹp lòng người ngoài, còn Má và con, Ba vất đi. Ba chỉ ngại làm người khác buồn lòng, người khác mất mặt, còn cái mặt của con Ba để ở đâu? Thôi, được. Ba bảo con Tuyết lấy hết đồ đạc quần áo của nó rồi nó ra khỏi đây ngay bây giờ.

- Tuyết “cô thân độc mã” ở đây, tiếng Anh không biết, đuổi Tuyết đi rồi Tuyết sống ở đâu?

- Con đã nghi nó từ lâu rồi mà con nói Ba không tin. Bây giờ, một là nó đi, hai là con đi. Cho Ba chọn đó.

Luyện đòi cách xưng hô:

- Vậy là con nhất quyết không lấy Tuyết nữa?

- Con không thể lấy một người như nó làm vợ.

Biết Quốc có tính cương quyết giống như Hồng, Luyện hiểu chàng không thể nào năn nỉ Quốc được, đành im. Quốc nhìn Luyện:

- Sao? Ba chọn đưa nào, Ba nói đi?

- Nghĩa là con nhất định bỏ Tuyết?

- Dạ, con bỏ nó.

Ngần ngừ một lúc, Luyện áp ứng:

- Con bỏ Tuyết thì... cho Ba xin...

Quốc phá lên cười như những lúc Quốc xem phim hài hước mà danh hài diễn hay quá mứt! Thấy Quốc thay đổi thái độ đột ngột, Luyện có vẻ sợ, đứng nép vào tường.

Quốc cười xong, thông thả đi vào phòng, lấy quần áo và những gì cần thiết, cho vào va-ly. Khi ra đến cửa, Quốc quay lại, lấy chìa khóa chung cư để lên bàn rồi nói với Luyện:

- Bây giờ thì con biết, Ba để giành được đồng nào, sau khi Ba chết, đồng đó sẽ thuộc về ai!

mảnh đời di dân

Thấy gương mặt tiu ngưu của Hector, ông Donald tưởng Hector ngại sẽ bị mất việc nên an ủi:

- Chú em đừng có lo. Tôi sẽ trông thứ khác và chú em sẽ có việc làm hoài hoài.

Biết ông Donald hiểu lầm, Hector chỉ cười, không đĩnh chính, nhưng nét buồn vẫn thoáng trong mắt.

Hector buồn không phải vì Hector lo ngại bị mất việc; cũng không phải vì bà Irma, vợ ông Donald, vừa qua đời mà chỉ vì ông Donald quyết định bán tất cả lan trong trại này với một giá thấp đến không ngờ. Ông Donald không thể hiểu được tình cảm của Hector đã gắn bó với những giò lan trong mấy căn nhà uơm cây này như thế nào.

Mỗi khi thay chậu hoặc chia những chậu lớn thành nhiều chậu nhỏ, Hector cũng cẩn thận giống như một bác sĩ giải phẫu. Hector mang bao tay, ngâm kéo, dao trong Alcohol, trước và sau khi dùng. Khi chọn được những nhánh khỏe mạnh, tươi tốt, Hector vừa cắt, tĩa vừa thăm thì với nhánh lan, bằng Anh ngữ (vì lan được cấy, nuôi tại Mỹ): *“Tôi đem bạn đến ngôi nhà mới của bạn, hãy gắng mà sống, tôi mong được thấy bạn trở hoa vào mùa tới. Hoa của bạn thì tôi biết rồi, màu vàng vương giả, giữa đài hoa màu vàng nghệ, có những đường tua tua nho nhỏ và điều đặc biệt là bạn đơm từng chùm từ 10-12 đóa hoa chứ không phải một hoặc hai”*⁽¹⁾. Nói xong, Hector cảm thấy vui vui trong lòng như chính chàng thấy được sự cảm nhận của nhánh

lan. Xoay sang những nhánh già yếu, Hector vừa lượm bỏ vào bao rác vừa thàn thì: *“Thôi, các bạn cũng như số kiếp con người của chúng tôi, khi già và bệnh tật, chúng tôi cũng bị cho vào một chỗ riêng, để rồi từ đó con người ‘đi’ dần vào cõi chết!”*

Mỗi lần tưới lan, Hector thường để ý, thăm chừng những giò lan vừa được thay chậu. Khi nào thấy cuối mỗi rễ lan có một tí xanh xanh, nhòn nhọn, lớn hơn đầu bút chì một tí là Hector cười toe, tung vòi nước lên cao để nghe nước rơi lộp độp trên chiếc nón lưới trai và thấy những vệt nước sậm màu lốm đốm trên chiếc T-shirt trắng dán sát vào vùng ngực nở nang, lực lưỡng của chàng. Lần nào cũng vậy, Hector nói lớn: *“Tôi biết mà, tôi biết mà, thế nào bạn cũng sống, sống mạnh. Tôi thương bạn quá.”* Khi thấy một mầm lan vừa lu lú dưới gốc, như còn thăm dò ngoại cảnh, Hector cười lớn, nói: *“Mọc nhanh đi, đừng sợ, mỗi tháng tôi sẽ xịt thuốc diệt sâu một lần để không có loài côn trùng nào hại bạn được cả.”*

Thuốc diệt sâu chỉ có thể giết loại côn trùng nhỏ. Còn hai loại côn trùng chuyên ăn mầm non và rễ non của lan là mấy chú sên và mấy chú ốc nhỏ hơn hạc bấp. Hector phải dùng *snail bait* diệt sên và dùng *DeadLine* để trị ốc.

Cả mấy nhà lan nối tiếp nhau, không thể nào Hector biết được chàng có bao nhiêu giò lan; nhưng nếu giò lan nào đơm nụ, Hector lại biết ngay. Hector thường theo dõi, khi nụ hoa vừa chớm, chàng lấy cây tre nhỏ xíu, hoặc thỏi kim loại nhỏ cỡ một phần năm của chiếc đĩa và một cái kẹp nhỏ bằng nhựa, hoặc một đoạn giấy ngắn, kẹp cành hoa vào cây tre hoặc thỏi kim loại theo một vị thế thuận tiện để giúp nụ hoa tăng trưởng một cách dễ dàng và khỏe mạnh; nếu không, nụ hoa sẽ bị lá che khuất ánh sáng, khiến nụ hoa èo ụot, tăng trưởng không được, đôi khi nụ hoa phải chết. Khi thực hiện những động tác này, Hector nghĩ, những nụ hoa cũng như trẻ con, mình nên cẩn thận uốn nắn từ lúc còn thơ.

Nhờ nuôi lan đúng tiêu chuẩn và chăm sóc với lòng thương yêu, lan của Hector trở nên những chùm hoa rực rỡ, tươi đẹp nhất thành phố. Hector để ý, dường như sau mỗi lần trở hoa, cây lan trông yếu hẳn, như người Mẹ vừa sinh đứa con. Phải mấy tuần sau cây lan mới xanh tươi trở lại, để đâm chồi, sẵn sàng đơm hoa cho kỳ tới.

Nhìn những giò lan trở hoa, Hector vui và hãnh diện ngầm là chàng đã thành công khi trồng được những giò lan xinh đẹp, hiếm quý. Hector nghĩ niềm vui và hãnh diện của chàng cũng chẳng khác gì niềm vui của người Cha người Mẹ khi nhìn thấy con mình trưởng thành.

Lúc bung từng giò lan đặt vào xe Van để Jannifer đem ra tiệm bán, Hector cảm thấy buồn buồn, vì nghĩ rằng sẽ không bao giờ chàng thấy lại những giò lan mà chàng đã chăm sóc từ khi vừa chiết ra từ *Flash* hoặc *Community pots*. Nhưng rồi Hector nghĩ, lan cũng như đàn con, đến một lúc nào đó, chúng nó cũng phải ra đời, vượt thoát vòng tay bảo bọc của Cha Mẹ. Ý nghĩ này giúp Hector vui trở lại để tiếp tục công việc mà chàng rất ưa thích.

Tình cảm của Hector đối với mấy trại lan này là như vậy, cho nên, khi nghe ông Donald quyết định “bán đồ bán tháo” mấy trại lan, Hector buồn quá đỗi; buồn hơn buổi tối chàng và Maria, chị của chàng, từ già người Mẹ nghèo khổ ở Monterrey, tiểu bang Nuevo Leon, Mê-Tây-Cơ, để đến Laredo tìm đường vượt biên giới sang Hoa-Kỳ.

Nhớ lại chuyện vượt biên giới Hector càng nhớ Mẹ và thương Mẹ. Năm nào đó, lúc Hector còn bé lắm, Mẹ dành giùm chỉ đủ tiền cho Juan, người anh cả của Hector, vượt biên bằng đường hầm. Con mưa giông đến bất ngờ, nước lũ vào đường hầm, Juan và những người vượt biên chuyên đó đều chết. Mẹ đau khổ như một người điên. Thấy Mẹ đau khổ bao nhiêu anh chị em của Hector càng oán giận người Cha sa đọa bấy nhiêu!

Mấy năm sau, Mẹ chắt chiu được khá tiền hơn nên Mẹ lo cho Maria và Hector vượt biên bằng đường bộ. Tối hôm đó không trăng. Hector, Maria và Remundo, cậu của Hector, cùng nhiều người khác rời Laredo, đi theo người dẫn đường (Coyote), vượt qua sông Rio Bravo. May quá, mọi người qua được biên giới một cách yên lành. Nơi đây mọi người gặp một người dẫn đường khác; người kia ở lại bên kia biên giới để lo cho những chuyến sau. Lúc này Hector mới biết tụi Coyotes có đường giây hoạt động rất tinh vi và chu đáo. Người dẫn đường này đưa cả nhóm người về San Antonio, tá túc trong nhà xe của một người trong tổ chức; rồi từ đó mọi người sẽ tìm cách liên lạc với thân nhân hoặc người quen tại Mỹ.

Hector và Maria không quen biết ai, đành tìm đến nhà những người Mễ xin giúp đỡ. Riêng cậu Remundo, vì vợ và con sang trước, hiện ở Dallas, cho nên cậu được đưa về Dallas. Không ngờ, trên đường đi, khi đến trạm kiểm soát, Remundo bị...chó đánh hơi, vậy là Remundo bị bắt!

Đang nghĩ ngợi miên man, Hector chợt choàng tỉnh vì tiếng bánh xe lăn trên con đường sỏi. Hector làm bầm, không biết ông Donald đến hay là mấy người Việt-Nam đến mua lan.

Vừa dợm bước ra khỏi nhà lan Hector chợt nhận ra một chú rắn nhỏ chạy thật nhanh từ cửa vào. Hector chụp vội cái xén nhỏ, vừa rượt theo chú rắn vừa làm bầm, đồ xâm lăng, đồ xâm lược. Giang sơn của chúng mày ở ngoài kia, chưa đủ sao. Bên trong này do công khó của thầy trò tao tạo dựng nên, bây giờ mày “nhảy” vô đây chiếm đoạt hả? Không ai ưa được quân xâm lăng, mày biết không? Lâm bầm đến đây Hector chợt cười vang. Thì ra Hector đến đây cũng là một hình thức xâm lăng - không khí giới - dù phần đất này xưa kia thuộc lãnh thổ của Mễ-Tây-Cơ.

Giết xong chú rắn, Hector dờ nón lưỡi trai, vuốt những dòng mồ hôi trên trán, nghĩ tiếp. Người Mỹ không muốn có nhiều con; người Mễ sinh sôi nảy nở nhanh và nhiều như nấm, lại

được chính phủ Hoa-Kỳ giúp đỡ nuôi con, biết đâu, một ngày nào đó người Mẹ sẽ “chiếm” lại lãnh thổ này mà không cần đến vũ khí. Hector đang cười vì ý nghĩ ngộ nghĩnh – nhưng có thể sẽ xảy ra trong tương lai – thì nghe tiếng ông Donald tăng hẳn. Hector cầm chiếc xén cỏ con rấn chết, đi ra. Ông Donald bảo:

- Kỳ tới đặt mua các thứ thuốc giết sâu bọ, chú mày nhớ ghi thêm thuốc trị rấn. Chú mày chỉ cần rải thuốc ngang cửa là rấn không thể vào, vì chung quanh các nhà lan đều che kín cả.

Ông Donald chỉ hỏi Hector qua loa về mấy nhân công mới xem họ làm việc như thế nào rồi ông đi.

Hector gọi Cindy, cô công nhân mới, bảo cô ấy tưới nhà lan số 5. Cindy hỏi:

- Còn mấy nhà kia?

- Thằng Andy và con nhỏ Margie lo.

Cindy quay lưng, Hector gọi giật lại “Cindy”. Cindy quay lui. Hector tiếp:

- Cô nhớ tưới đúng như tôi đã chỉ cho cô. Vòng đầu tiên, tưới nước trước; vòng thứ nhì mới hòa phân vào nước mà tưới. Nhớ tưới chậm chậm, tưới đều tay, cả vòng đầu lẫn vòng thứ nhì. Đi làm đi kéo trễ. Cô phải nhớ, không được tưới lan sau 12 giờ trưa, nếu là mùa đông; không được tưới sau 4 giờ chiều, nếu là mùa hạ

Cindy nheo mắt cười, khoe chiếc răng bịt vàng hình trái tim. “Yes, boss.” Mỗi khi nghe nhân công gọi chàng bằng “sếp”, Hector cười, nhưng lòng lại buồn buồn vì chợt nhớ những ngày mới đến Mỹ.

Những ngày đầu tiên đó, Hector theo các bạn cùng chủng tộc, ngồi tùm năm, tùm ba tán gẫu trước Home Depot hay một tiệm tạp hóa, hoặc ngã tư đông xe cộ, trong khi chờ người ta đến “tuyển lựa”, đem về nhà làm việc lao động. Khi thấy một chiếc xe trò tới, giảm tốc độ, Hector cùng các bạn ngưng ngang câu chuyện, ủa nhau đến vây quanh chiếc xe. Đứa nào cũng có dán mặt vào cửa kính để người trong xe dễ nhìn thấy; vì chủ xe

không bao giờ giám hạ kính xuống trước một đám đông thanh niên sống không hợp pháp như Hector. Khi chủ xe đưa tay chỉ mặt một đứa nào rồi thì cả đám mới từ từ rời xe, và chủ xe hạ kính xuống, mà cả tiền nong với đứa đó. Thường thường Hector và các bạn chỉ đòi hơn lương tối thiểu tý đỉnh thôi, miễn làm được nhiều giờ. Nhiều ông bà dễ giải, “bóc đại” thằng đó; nhiều ông bà khó tính, chọn thằng khác rẻ hơn.

Chủ đầu tiên của Hector trên phần đất giàu có này là vợ chồng người Việt-Nam. Bà vợ tên Mai. Họ thuê Hector làm sân vườn. Hector vui lắm, vì Hector rất thích cây cỏ. Trong lúc nhỏ cỏ dại, Hector thấy hai thanh niên cao lớn đi ra. Trưa, lúc Mai trao phần ăn trưa cho chàng, Hector hỏi về hai thanh niên đó. Mai cho biết hai người đó là con của nàng. Chiều, trong khi Mai vào nhà lấy tiền trả cho Hector, Hector rửa tay, rửa mặt nơi ống nước bên hông nhà.

Lúc đó bà hàng xóm của Mai, người cùng chủng tộc với Hector, tên Irma, sang nói chuyện với Hector. Hector tò mò, hỏi Irma, gia đình Mai có hai người con trai khỏe mạnh tại sao không bảo hai người đó giúp mà lại thuê người làm chỉ cho tốn tiền. Bà Irma bảo rằng đôi khi nói chuyện với mấy người con của Mai, bà Irma cũng hỏi họ một câu tương tự như vậy. Và họ trả lời: *“Chúng ta, nếu có điều kiện và hoàn cảnh cho phép, hãy chia sẻ công việc cũng như sự thành công của mình cho những người kém may mắn hơn mình. Bà thử nghĩ, năm 1975, gia đình tôi đến Mỹ, nếu tất cả người Mỹ cũng dành làm tất cả mọi công việc của họ thì công việc đâu cho Cha Mẹ của chúng tôi làm để nuôi nấng chúng tôi?”* Hector cười, khen gia đình Mai là người tốt. Bà Irma gật gù, đồng ý.

Mai trả tiền, khen và cảm ơn Hector rồi rít. Bà Irma gật gật đầu ra vẻ đồng ý với Mai. Và bà Irma thuê Hector ngay chiều hôm đó, vì bà để ý, thấy Hector khỏe mạnh, làm việc siêng năng.

Đó là lần đầu tiên Hector có sự liên hệ với người Việt-Nam – mà chàng thật tình không biết được nước Việt-Nam nằm ở

đâu trên quả địa cầu này! Hôm đó Hector nghĩ có lẽ sự liên hệ giữa chàng với người Việt sẽ chấm dứt vào buổi chiều sau khi chàng nhận tiền công; không ngờ, sau này Maria lại yêu và lấy Đại, một thanh niên Việt-Nam, làm chồng.

Khi được Maria giới thiệu với Đại, Hector không mấy thích Đại, vì thấy Đại có vẻ đóm dáng. Về đến chung cư, Hector khuyên Maria nên tìm một người thật thà, chí thú làm ăn mà kết hôn. Maria biện luận nào là Đại cũng chí thú làm ăn, học hành; Đại vượt biển đến đây cho nên Đại cũng là một di dân như Hector và nàng thì tâm trạng cũng giống nhau, dễ cảm thông. Đại cũng như chị em nàng, chất mót từng đồng gửi về quê cũ giúp gia đình. Maria còn kể rằng, lúc đầu nàng cũng không để ý đến Đại, vì vấn đề ngôn ngữ. Anh ngữ của Đại không khá mà Anh ngữ của Maria cũng chỉ đủ để làm trong bếp cho nhà hàng Taco Bell thôi; cho nên khi gặp nhau rất khó diễn đạt tình cảm. Nhưng Đại rất kiên nhẫn theo đuổi Maria. Khi Maria xiu lòng, chịu đi chơi với Đại thì ngay ngày hôm sau, Đại đến đón nàng tại Taco Bell, chỉ cho nàng xem bản số mới của chiếc xe Đại làm chủ: Just 2 of US. Maria không biết rằng Đại bắt chước ý của bản nhạc Just The Two of Us của Bill Withers cho nên Maria xúc động nhiều. Đại còn bảo rằng, nếu hai người thành vợ chồng, chàng muốn có thật nhiều con; vì các con sẽ xinh đẹp giống Maria và có nhiều con Maria sẽ không thể bỏ Đại để theo thằng khác.

Hector than thầm. Đại chinh phục một cách kiên nhẫn và tinh vi như vậy thì làm thế nào người chị quê mùa, hiền thực và kém học thức của chàng có thể “thoát” được!

Khi Maria sinh đứa con đầu lòng, Đại đặt tên là Hồng-Loan. Maria và Hector thực tập hoài mà cũng không nói được, đành đặt lại là Cynthia. Hector bông bế, vui đùa, chả chót và hát ru Cynthia bằng những lời ca mộc mạc đồng quê (Nortena) mà Hector đã bắt chước Ramon Ayala - một thiên tài dân ca và cũng là một “tay” Accordéon không đối thủ của Mễ-Tây-Cơ -

từ khi Hector còn bé. Hector tự hứa rằng, đến năm Cynthia mười lăm tuổi, Hector sẽ may cho Cynthia chiếc áo đầm màu hồng tuyệt đẹp và chàng sẽ tổ chức một lễ Quincenera thật linh đình và thế nào cũng mời Mẹ sang tham dự.

Nghĩ đến Mẹ Hector lại thấy buồn và nhớ Mẹ, nhớ nhà, nhớ anh chị em và những đứa cháu nghèo khổ. Hector cũng nhớ cả ngọn núi Cerro de la Silla hùng vĩ. Hector nhớ, ngày còn sống với Mẹ, thỉnh thoảng nhìn ngọn núi có hình dáng tựa như yên ngựa, Hector than thầm, ôi, Cerro de la Silla hùng vĩ! Ôi, Monterrey yêu kiều, hoa lệ, tràn ngập ánh sáng, nhưng sao Mẹ và anh chị em của chàng cứ mãi hoài sống đời lầm lũi, tối tăm!

Từ ngày sang Mỹ, cuộc đời của Hector dường như bớt tối tăm; nhưng cuộc đời của Maria như thế nào Hector không rõ lắm. Hector chỉ nhận thấy Maria sinh năm một cho nên thân người của nàng không còn những đường nét quyến rũ như trước. Maria và Đại thường đôi co. Nhiều khi hai người giận quá, Maria chửi bằng tiếng Tây-Ban-Nha và Đại chửi bằng tiếng Việt. Và Đại thường vắng nhà. Càng ngày Hector càng thấy những dấu hiệu buồn khổ trên gương mặt phúc hậu của Maria càng đậm nét. Hector tự hỏi, phải chăng Maria đang bước dần vào những vết chân buồn thảm của người Mẹ mà chàng đã bỏ lại bên kia biên giới?

Lúc Cynthia hơn hai tuổi mà vẫn chưa biết nói, cả Maria, Đại và Hector đều lo. Ông Donald và bà Irma buộc Maria phải đem Cynthia đi bác sĩ.

Trong khi khám bệnh, bác sĩ hỏi Maria, ở nhà dùng sinh ngữ nào để nói chuyện với Cynthia? Maria đáp, nàng và Hector nói tiếng Spanish, Đại nói tiếng Việt, nghe nhạc và nghe radido Việt-Nam. Khi cả ba người ăn cơm chung thì cả ba đều nói tiếng Anh. Bác sĩ bảo nên chọn chỉ một ngôn ngữ để nói khi có sự hiện diện của Cynthia và bác sĩ khuyên nên chọn Anh ngữ.

Đại gật đầu, tán đồng. Nhưng khi về đến nhà Đại không cho Cynthia học nói bất cứ sinh ngữ nào cả; chàng chỉ dùng tiếng Việt để dạy Cynthia cũng như dạy em của Cynthia.

Hector không thể phản đối, vì Cynthia không phải là con của chàng. Maria không thể thuyết phục Đại, vì Maria là một người đàn bà hiền và Đại lại là một người đàn ông thiếu lương thiện. Sự thiếu lương thiện của Đại được Maria giữ kín, không dám cho Hector biết.

Riêng Hector, Hector không ghét Đại nhưng Hector cũng không thích Đại, vì Hector linh cảm như có điều gì không ổn giữa Đại và Maria. Hector chỉ cảm thấy vui vui khi Đại dạy chàng những “danh từ của đàn ông” bằng tiếng Việt. Thời gian này, nhờ đã theo học các lớp Anh-văn miễn phí tại nhà thờ, Hector nhận xét số vốn Anh ngữ của Đại cũng chẳng hơn gì chàng. Rồi Hector nhíu mày, suy nghĩ, Anh-văn của Đại như vậy mà làm thế nào Đại theo học đại học và tốt nghiệp kỹ sư? Thắc mắc này Hector giấu kín, không nỡ hỏi Đại mà cũng không dám thổ lộ với Maria. Và lại, thấy đàn cháu đưa nào cũng mũm mĩm, kháu khỉnh, dễ thương, lại có thể nghe và hiểu ba thứ tiếng, Hector nghĩ rằng, dù Đại là kỹ sư hay là một công nhân thì cũng chẳng có gì quan trọng. Điều quan trọng là Đại có xứng đáng là một người cha của đàn cháu của Hector hay không.

Như bằng lòng với ý nghĩ của chính mình, Hector mỉm cười một mình, bước ra chỗ mấy người đang dò lan từ nhà số 6 sang nhà số 8, gọi Ed ra mở cổng, vì đúng giờ mở cửa trại lan.

Từ ngày trại lan mở công bán *sale*, Hector không thể nhớ được bao nhiêu người Việt-Nam đặt chân đến trại lan này. Thành phần mua nhiều lan của trại này là những nhân vật ồn ào, đi xe đắt tiền. Thịnh thoảng Hector cũng thấy vài người Việt lớn tuổi, trông điềm đạm, chừng chạc, đáng vẻ trí thức. Nhiều khi những người khách lịch sự này đến hỏi Hector về phương pháp trồng lan. Hector vui vẻ trả lời theo sự hiểu biết và kinh nghiệm

của chàng khi nuôi những loại lan mà chàng bán, chứ chàng không đủ thời gian và kiên nhẫn để giải đáp cho tất cả các loại lan khác.

Sau khi chỉ dẫn, Hector kết luận, những điều mà chàng thưa với khách hàng là do sách vở cũng có, do kinh nghiệm cũng nhiều, nhưng tất cả không phải là tiêu chuẩn. Hector quan niệm rằng, mỗi trại lan cũng như một gia đình. Không một gia đình nào, dù anh chị em ruột, có thể sinh hoạt, nuôi dạy và thương yêu con cái giống như một gia đình khác.

Mọi người vỗ tay và cảm ơn Hector. Nhân lúc mọi người vui vẻ, Hector hỏi dò:

- Ngày Một tháng Năm này quý ông bà có tham dự cuộc biểu tình phô trương “lực lượng” những người di dân không?

Ông đeo kính cận, dáng trí thức, cười, lắc đầu, đáp :
“Không.” Hector ngạc nhiên:

- Tại sao? Ông không phải là di dân sao? Ông sinh tại Mỹ à? Người ấy lại cười và lắc đầu. Hector tiếp:

- Vậy tại sao ông không đi? Tôi xin mời quý ông bà tham dự với chúng tôi.

Một người khác, cũng dáng vẻ chững chạc, đáp:

- Chúng tôi không đi vì chúng tôi là những di dân hợp pháp.

Hector hơi buồn trong lòng:

- Hợp pháp hay không hợp pháp thì cũng là di dân. Chúng ta hãy bênh vực quyền lợi cho di dân. Ô, mà trong số quý vị có vị nào xem phim A Day Without A Mexican chưa? Đó là một phim mà di dân, hợp pháp hay bất hợp pháp, cũng nên xem để thấy sức mạnh của “lực lượng” di dân. Và rồi quý ông bà sẽ thấy, trong cuộc biểu tình vĩ đại này sẽ có vạn vạn di dân hợp pháp.

Ông mang kính cận vỗ vai Hector, bảo:

- Tôi lấy một tỷ dụ như thế này thì bạn hiểu lý do tại sao chúng tôi không tham dự biểu tình, nhé.

Hector cười, “Ok”. Biết Hector không có trình độ văn hóa cao, người ấy lấy một thí dụ dễ hiểu nhất để giải thích:

- Giả dụ như chúng tôi chạy trốn Cộng-Sản, gặp bạn, bạn đem gia đình chúng tôi về nhà cho tá túc. Sau đó bạn giúp chúng tôi tìm việc làm, cho con của chúng tôi đi học. Rồi đến một lúc nào đó, giữa bạn và chúng tôi có những bất đồng, không lẽ chúng tôi giăng bản ngoài đường để phản đối bạn?

Nghe người này nói phải, Hector tiu nghỉu:

- Cảm ơn ông đã cho tôi ý niệm đó. Còn người em rể của tôi, một người Việt-Nam, khi nghe tôi rủ tham dự ngày biểu tình, nó đáp: “*Tụi bay là tụi ‘xi’, qua Mỹ kiếm cơm; còn tao vượt biển tìm tự do. Tao đi tỵ nạn chính trị. Tao có lý tưởng, có chính nghĩa chứ không vì miếng cơm manh áo như tụi bay.*”

Cả nhóm người cùng “ồ” lên, tỏ vẻ không hài lòng về câu nói của Đại mà Hector vừa lập lại. Hector cũng buồn trong lòng nên lấy chiếc nón lưỡi trai đội lên, bước ra xem “tình hình” các nhà lan khác.

Hector đi vòng vòng, nhớ lại, cách nay chỉ vài tháng, từ cửa nhà lan số 1 nhìn vào, Hector thấy Phalaenopsis nở rộ nhiều màu và hương thơm thoang thoảng trong không gian yên lặng. Hector thương nhất là mấy giò Hybrid Doritaenopsis Fire Craker màu tím tím, hình cánh sao, đường kính khoảng 2-3 inches, năm hoặc sáu cạnh, lip hơi đậm hơn một tý, có nhiều vân trắng trắng, giữa đài hoa có nhụy trắng; hoa của loại lan này mọc san sát nhau thành một chuỗi dài và rất lâu tàn. Nơi góc phải của nhà lan số 2, giò Dendrobium Teretifolium hiếm quý, lá dài và thon như trái đậu đũa. Loại lan này nở từng chùm, hoa trắng, nhiều cạnh; mỗi cạnh nhỏ và dài khoảng 2-3 inches, mùi thơm thoang thoảng, ngọt ngào. Và “thằng” Cattleya mà ông Donald pha giống giữa C. Sir Jeremiah Coleman Bleu và B. Digbyana, đơm từng chùm hoa màu hồng, năm hoặc sáu cạnh, lip màu vàng ửng ửng hồng. Chung quanh lip có nhiều đường

tua tủa ngắn như hình răng cưa, rất nhỏ, giữa đài hoa màu vàng. “Thằng” này thơm dịu dịu, phản phát mùi Nuit D’orient.

Bây giờ, không biết mấy “thằng” đó sống chết như thế nào, có được chăm sóc như lúc chúng nó còn ở đây hay không! Hector buồn buồn gom những giò lan già, chết vào một chỗ và những giò lan ẻo uột vào một chỗ.

Nhìn sự tàn tạ của những nhà lan, Hector buồn quá và tự dung chàng không muốn làm việc tại đây nữa, dù chàng đã được ông Donald cho biết kế hoạch trồng trọt mới.

Chiều đã xuống nhưng hơi ẩm trong nhà lan vẫn còn nồng. Hector lấy nón lười trai xuống, phe phẩy trước mặt. Ông Donald bước vào. Hector trao trọn cho ông số tiền bán lan ngày hôm đó. Chẳng cần đếm, ông Donald nhét đại số tiền vào túi quần *Jeans*, vì ông hoàn toàn tin tưởng Hector. Ông Donald lấy từ túi quần bên kia một số tiền rất ít ỏi – so với số tiền Hector bán lan trong ngày – trao cho Hector. Hector cười, nhận tiền lương, cảm ơn ông. Ông Donald vỗ vai Hector:

- Chú mày về nghỉ sớm đi, để tôi trông chừng mấy đũa kia bán lan cũng được.

Sau khi Hector cho xe nổ máy, ông Donald vẫy tay, nói lớn:

- Gặp chú mày sáng mai.

- Có thể. Có thể không.

Ông Donald nhú mày, vì Hector ít khi bông đùa:

- Tại sao lại có thể? Chú mày muốn nói gì đó?

- Tôi chưa quyết định được ngay bây giờ. Nhưng tôi cho ông hay rằng nhìn sự tiêu điều xơ xác của trại lan tôi chịu không được.

Biết Hector là một người giàu tình cảm, ông Donald bước đến gần, vỗ vai chàng:

- Tôi biết chú mày làm việc rất cực nhọc, nhiều khi tinh thần căng thẳng. Thôi, chú mày về nghỉ khỏe, mai mấy giò vào cũng được.

Trên đường lái xe về nhà, Hector nghĩ, mai chàng sẽ đi tìm việc khác. Nhưng Hector lại nghĩ, trại lan này rất gần nhà và không xa trường học của các cháu. Ông Donald lại tin tưởng chàng, dễ giải mọi điều cho nên vào những hôm Đại không có mặt ở nhà, Maria nhờ Hector đưa các cháu đi học và chiều đón về, Hector không bị phiền phức gì cả. Chỗ làm mới không biết người sếp có dễ giải và thì giờ có thuận tiện cho chàng đưa đón các cháu hay không. Vừa nghĩ đến đây Hector chợt nhớ đến kỳ gửi tiền về biếu Mẹ, nên quẹo xe vào vào Walmart, đến quầy Money Gramme.

Vừa lái xe về nhà Hector vừa huýt sáo một phân đoạn của bản dân ca, vì chàng đang vui khi nghĩ đến nụ cười của Mẹ lúc Mẹ nhận được tiền.

Niềm vui của Hector vụt tắt khi chàng mở khóa, bước vào nhà. Maria ôm chầm lấy chàng, khóc lớn:

- Hector. Chị chết mất, em ơi!

Hector nhìn quanh, hoảng hốt, nghĩ rằng Đại lại say rượu, đánh đập Maria và mấy đứa cháu:

- Mấy đứa nhỏ đâu rồi? Đứa nào bị cái gì? Ai hại tụi nó? Chị cho em biết ngay, em sẽ “động” cho người đó một trận nên thân.

Nói xong Hector mới nhận biết được rằng chàng đã thật sự thương yêu đàn cháu như con ruột của chàng.

Maria thấy Hector nổi nóng, vội ngưng khóc:

- Không phải mấy đứa con của chị mà là thằng chồng của chị.

- Ủa, Đại bị cái gì?

- Chuyện dài lắm, em ơi! Đại đã đem người yêu từ Việt-Nam sang đây.

- Giỡn hoài. Chị là vợ chính thức, có hôn thú, làm thế nào Đại có thể bảo lãnh cho bồ của Đại sang được?

Maria òa khóc khiến mấy đứa bé từ trong phòng ủa ra, vây quanh.

- Chị ngu quá nên tin lời thằng Đại. Nó biểu làm sao chị nghe làm vậy. Về sau hiểu ra thì muộn rồi, em ơi.

- Không muộn màng gì hết. Chị cứ đem hôn thú và dẫn đàn con của chị xuống văn phòng di trú khiếu nại.

- Chị đâu có hôn thú với Đại.

Hector giật mình : “*Hả?*” Maria lập lại. Hector giận quá, hét lớn:

- Em nhớ hồi đó chị có làm hôn thú với Đại mà.

- Có. Chị đã làm hôn thú với Đại. Nhưng mà, em ơi, hôn thú chỉ là tờ giấy thôi. Chị cần tình yêu. Chị chỉ muốn chiếm tình yêu của Đại chứ chị không cần tờ giấy đó.

- Rồi. Chị đã làm hôn thú với Đại, tại sao bây giờ chị bảo chị không có hôn thú?

- Sau khi Cynthia ra đời, Đại buộc chị ly dị giả để chị và Cynthia xin trợ cấp và nhà của chính phủ. Chị đi làm lãnh tiền mặt.

Hector giật mình. Thảo nào mỗi tháng Hector chung tiền để trả tiền thuê nhà, Maria từ chối. Hector giận, trợn mắt:

- Đại nói nó là kỹ sư, một người có học thức mà hành xử như vậy sao?

- Nó là thợ làm móng tay chứ không phải là kỹ sư. Chị biết ngay từ đầu, nhưng chị yêu nó nên không giám nói với em, ngại em sẽ không tán thành cuộc hôn nhân của chị và nó.

Hector gãi đầu, gãi tai, nhăn mặt một cách khổ sở. Ngày tiễn chị em chàng lên đường, Mẹ cứ vừa thút thít vừa vuốt tóc Maria: “ *Con đẹp quá, ở lại đây con chỉ gặp mấy thằng rượu chè, cờ bạc, dĩ điểm thôi; sang bên đó con cố tìm một người chồng, nghèo cũng được, nhưng biết thương yêu, chăm sóc con.*” Vậy mà bây giờ... Hector bức rức, chưa biết phải hành động như thế nào thì Manuel, thằng con thứ năm của Maria và Đại, tay ôm *Teddy Bear* màu nâu, chạy đến, sà vào lòng Hector. Hector ôm hôn Manuel, nhìn Maria:

- Nguồn tin chị biết chính xác được bao nhiêu phần trăm?

- Chị đã theo dõi, biết chỗ hai đứa nó ở. Chiều nay, lúc Đại về, chị cật vấn Đại và Đại xác nhận.

- Đây không phải là Trung-Đông.

Maria cứ tức tưởi khóc. Hector tiếp:

- Em nghĩ thủ tục đem người hôn phối từ nước ngoài vào Mỹ đòi hỏi thời gian, vậy mà tại sao đến bây giờ chị mới biết?

- Chị ân hận là đã giấu em. Tha thứ cho chị, nha, Hector.

Hector ngồi cạnh, an ủi chị:

- Em không trách gì chị đâu. Chị hãy nói hết cho em nghe. Em sẽ giúp chị. Chị phải nói ra, đừng để trong lòng rồi đau khổ như Mẹ.

- Sau khi chị ly dị giả với Đại, Đại thuyết phục chị để Đại đem Vân, người vợ cũ và hai đứa con từ Việt-Nam sang.

- Nó có vợ bên Việt-Nam rồi à? Vậy tại sao chị không bỏ nó ngay lúc đó?

- Chị yêu Đại quá mà, em. Và lại, phụ nữ Mỹ cũng gần giống như phụ nữ Á-Đông, chỉ biết chung thủy và chịu đựng. Hơn nữa, Đại bảo con nào cũng là con; nhưng mấy đứa con của chị thì sung sướng, đầy đủ, còn hai đứa con của Đại bên Việt-Nam thì thiếu thốn, nghèo khổ, xin chị cho phép Đại đem qua đây làm phước. Đại hứa chỉ thương yêu một mình chị thôi. Người vợ cũ sang thì cũng ở riêng, tự lo lấy. Nhưng khi Vân và hai con sang đến đây, Đại cứ đi đi về về. Chị khổ tâm lắm vì tình yêu bị chia xẻ.

Sau một thời gian dài, chị tưởng chị không thể chịu đựng được nữa thì Vân ly dị Đại. Chị hơi mừng, hy vọng Đại sẽ trở về hẳn với chị. Không ngờ Đại vẫn thường xuyên vắng nhà. Gần đây Vân mới cho chị biết rằng, sau khi đem Vân và hai con sang Mỹ được một thời gian theo luật định, Đại năn nỉ Vân ly dị để Vân xin trợ cấp của chính phủ Mỹ và Đại sẽ làm hôn thú giả với một bà nhà giàu bên Việt-Nam - mà Đại quen được trong những lúc ra *Internet Café*, lên “mạn”, *chat* - để nhận tiền. Mười ngàn đô-la cho một người đàn bà độc thân; nếu người đàn

bà đó có con thì cứ thêm mỗi đứa năm ngàn đô-la. Bà này có hai đứa con. Đại hứa, sau khi ba mẹ con bà này sang Mỹ, Đại nhận hai mươi ngàn đô-la thì Đại sẽ chia cho Vân mười ngàn. Nhưng sau khi ba mẹ con bà ấy sang đây, Đại không chia tiền cho Vân mà Đại lại sống chung với bà ấy, cho nên Vân uất, mới cho chị hay.

- Bây giờ sự việc đã như vậy, ý chị muốn như thế nào?
- Chị muốn tìm bà nhà giàu này, “làm” cho bà ấy một trận.
- Chị đừng ghen quá hóa dại như bà Lisa Nowak.

Câu chuyện của phi hành gia Lisa Nowak được loan truyền trên radio và đài truyền hình Mễ cho nên Hector và Maria biết. Nghe em nhắc lại, Maria tức cười, ngưng khóc.

- Em nghĩ chị nên hành động như thế nào?
- Chị nên tự hỏi lòng chị xem chị còn yêu được một người đàn ông gian xảo như Đại hay không? Và chị có muốn sống một cuộc đời buồn thảm giống Mẹ hay không?

Maria trầm ngâm suy nghĩ. Vì con đông, Maria không thể đi làm. Nàng chỉ nhận lau nhà, lãnh tiền mặt, vào những ngày cuối tuần, nhờ Hector ở nhà trông cháu. Thình thoảng, chỉ khi nào Đại muốn ở lại nhà để được Maria săn sóc và vui thú ái ân, Đại mới ngọt dịu với nàng và đưa nàng một hai trăm đô-la. Maria chịu đựng được sự thiếu thốn, nghèo khổ; nhưng Maria không thể chịu được khi Đại cứ lường gạt nàng và dùng những lời lộ mắng, không lễ độ để nói với chị em nàng. Và Maria cũng không thể chịu được khi Đại cứ khoe ầu chàng là một người có văn hóa cao, làm nhiều tiền, giao tiếp toàn giới trí thức và những người có chức phận. Maria nhìn Hector:

- Tình yêu trong chị đã biến thành thù hận. Chị muốn băm xé thằng Đại ra muốn mảnh chị mới vừa lòng.
- Tại sao chỉ vì một người đàn ông quý quyết mà chị phạm tội? Không đáng. Đời của chị còn dài. Vấp ngã một lần không phải là tận cùng.

- Đòi chị kể như bỏ rồi. Chị chỉ mong nuôi dạy được năm đứa nhỏ nên người.

- Em sẽ giúp chị nuôi các cháu.

Maria mỉm lòng, tựa đầu vào vai Hector, vừa khóc vừa nói:

- Chị cảm ơn em. Chị chỉ mong từ nay thằng Đại đừng vác mặt đến đây nữa.

- Thật tình chị không muốn thấy mặt Đại nữa hay sao?

- Lúc chiều Đại nói với chị: “Ồ, tao vậy đó, bên xừ tao đàn ông năm thê bảy thiếp. Mà không chịu thì thôi. Mà dám bỏ tao hay không? Mà bỏ tao, thằng nào dám ‘công’ năm cục nợ đó cho mà?” Chị cảm thấy bị nó xúc phạm nặng nề. Chị đuổi nó đi và chị bảo không bao giờ chị muốn thấy lại nó nữa. Nhưng Đại sẽ trở lại, chị biết, vì năm cục nợ này.

Hector nói nhỏ với Maria:

- Có các cháu ở đây, chị không nên gọi các cháu là mấy cục nợ.

- Tiếng cục nợ là do Đại nói chứ đâu phải do chị.

Hector im lặng, thở dài não nuột. Những lời của Đại cũng độc ác không kém gì những lời của người Cha đăm mê tửu sắc, bỏ Mẹ và anh chị em của chàng đói khổ suốt bao nhiêu năm dài!

Lúc chiều, thấy cảnh tàn tạ của trại lan, bây giờ biết rõ sự đau khổ của người chị thân yêu và sự thiếu may mắn của đàn cháu, Hector cảm thấy chàng không còn một lý do nào để sống trong thành phố này nữa. Chàng chỉ muốn đi xa thật xa, đến một nơi nào đó để tìm một cuộc sống an lành, đạm bạc nhưng chân thật và tràn niềm vui. Ý tưởng này cũng giống như ý tưởng của thằng bé Hector năm nào khi nó đi bộ trong sa mạc từ làng Laredo đến sông Rio Bravo.

Giọng Hector buồn buồn:

- Theo những gì chị nói với em, em nghĩ Đại không xứng đáng là cha của mấy đứa này; bởi vì Đại từ chối trách nhiệm bằng cách để đàn con của Đại cho chính phủ nuôi, còn Đại thì

đi xe BMW mui trần, nay về Việt-Nam du lịch, mai đi Lake Charle, một đi Las Vegas. Đó là ý nghĩ của em; còn chị, chị phải suy nghĩ và nhận định xem Đại có xứng đáng là cha của các cháu hay không.

- Đại chỉ biết sống cho Đại và bất cứ điều gì có lợi và thỏa mãn bản tính thiếu tự tin của Đại thì Đại làm. Bởi vậy bây giờ chị mới sáng mắt ra và chị không muốn thấy mặt Đại nữa.

- Nếu chị quyết định như vậy thì chị em mình và mấy đứa nhỏ đi, đi xa, để Đại không thể tìm ra.

- Đi đâu?

- Đi lên nhà mà hồi mới sang họ cho mình ở tạm sau khi mình rời nhà xe của tụi tổ chức vượt biên đó.

- Rồi sao?

- Tạm vài ngày rồi mình thuê chung cư ở và tìm việc làm.

- Ý kiến hay. Nhưng...

- Chị đừng lo. Em mới lãnh lương. Em cũng để dành được ít tiền. Mình thừa sức bắt đầu một cuộc sống mới.

- Hector, bao giờ mình đi?

- Đi ngay tối nay; có như vậy Đại mới không thể tìm ra.

Như tìm được lối thoát, Maria vui hẳn lên, thúc các con thu dọn quần áo sách vở và đồ chơi. Maria và Hector chọn những gì đáng mang theo, đem ra xe Van của Hector.

Sau khi các cháu vào xe, thắt nịt an toàn, Hector dùng điện thoại di động gọi ông Donald.

Trong khi lui xe ra khỏi sân nhà - dù là nhà do chính phủ cấp - tình cảm của Hector cũng buồn buồn, giống như lúc chiều, khi rời trại lan.

Chiếc xe chạy dọc theo con đường quê im vắng. Những mái nhà lụp xụp, những chiếc xe cũ kỹ và những vườn trồng hoa màu thấp thoáng trong ánh đèn khiến Hector nhớ nhà, nhớ quê đến muốn khóc! Tự dưng Hector muốn lái xe thẳng đến biên giới để trở lại quê xưa. Tình cảm của Hector lúc này cũng không khác gì những lúc Hector vô tình nghe một đoạn dân ca

Hoa-Kỳ, “... *Country road, take me home, to the place I belong...*” Hector thở dài.

Như muốn gây niềm vui cho chính mình và cũng để an ủi người chị thiếu may mắn, Hector bảo:

- Chị nghĩ đi, chuyến vượt biên giới lần trước, chị em mình không có gì cả. Tiếng Anh chỉ biết *yes* hoặc *no* thôi, vậy mà chị em mình vẫn sống. Còn chuyến vượt biên giới (thành phố) lần này, mình có xe, mình có tí tiền, điều quan trọng hơn cả là chị em mình có năm nhóc tỳ. Mình lời quá! Phải không các cháu?

Như vụn vụn lần trước, mỗi khi nghe Hector hỏi “phải không”, mấy đứa bé không hiểu Hector hỏi điều gì, nhưng lại biết Hector cần “đồng minh”, nên cùng nhau reo lên “*Yeah, Tio.*”

Maria và Hector nhìn nhau, cười./.

trăng lạnh

Chiều nào cũng vậy, sau khi dùng cơm tại phòng *Romeo and Juliet*, Kiều-Lam thích đợi ánh hoàng hôn về để lên phòng *Windjammer Café* nơi tầng 9 của du thuyền *Legend of the Seas* để nghe anh chàng người Gia-Nã-Đại độc tấu Tây-Ban-Cầm; dù du thuyền có đến ba khu vực khác nữa để các nghệ sĩ luân phiên trình diễn mỗi đêm.

Tối nay trong phòng *Windjammer Café* này chỉ còn lác đác vài người và Kiều-Lam, vì đa số du khách đã đi bờ, (danh từ của Hải-Quân, có nghĩa là rời tàu, rời đơn vị để đi phố) từ sau khi du thuyền cập bến. Vậy mà anh chàng *Canadian* vẫn không để ý, chỉ say sưa đàn, thỉnh thoảng lại tự tạo những biến âm rất lạ, dễ cuốn hút người hiểu nhạc.

Vì ít người, thừa bàn nên Kiều-Lam chọn chiếc bàn nơi góc, gần chỗ người nhạc công tài hoa đang ngồi, để nhìn mái tóc dài màu cát vàng của anh lóng lánh dưới ánh đèn *spotlights*. Anh vẫn ngồi trên bục gỗ cao. Đầu anh nghiêng nghiêng, mắt nhìn vào phím đàn nơi bàn tay trái và mái tóc anh lay động nhẹ theo từng chuỗi âm thanh. Thỉnh thoảng đôi kính mắt của anh lóe lên vì ánh đèn phản chiếu lúc anh ngẩng lên để hát nhẹ mái tóc ra phía sau. Đôi khi vai anh cũng lắc nhẹ theo những cung đàn vui. Khi dạo những đoạn khúc buồn, đầu anh hơi cúi xuống để ánh đèn nhạt nhòa từ trên trần cao tạo nên những nét khắc khổ, rã rời trên khuôn mặt hơi dài của anh. Nếu màu tóc của anh đậm hơn một tý, Kiều-Lam nghĩ nàng sẽ nhầm anh với John Lennon, một thiên tài về âm nhạc của The Beatles.

Nhân lúc anh bồi bàn đến mời dùng thức uống, Kiều-Lam nhờ anh yêu cầu anh chàng *Canadian* đọc tấu bản *La Cumbasita*⁽¹⁾. Kiều-Lam lắng nghe, tưởng như tiếng đàn quyện với hồn nàng. Và trong thoáng chốc, nàng cảm thấy hồn nàng vượt cao, cao hơn hẳn mọi phủ phàng và tệ bạc mà đời đã vùi dập nàng bấy lâu nay. Kiều-Lam vui và lòng thanh thản như ngày bé thơ, thường lắng nghe người anh họ, Phạm-Đình-Phê, đệm đàn tập cho nàng hát. Bây giờ nàng không hát được nên nàng chỉ gật gật nhẹ theo điệu *Tango* rộn rã.

Khi bản nhạc sắp dứt, Kiều-Lam nhìn anh chàng *Canadian*. Lúc anh ngẩng lên, vô tình hướng về phía nàng, nàng khẽ cúi đầu, mỉm cười và đưa bàn tay hơi cao hơn bình hoa *Pansy* trên bàn một tý, rồi vẫy nhẹ để tỏ dấu cảm ơn. Anh cũng mỉm cười, nhấp nháy mắt tỏ dấu nhận hiểu. Sau đó anh chuyển sang điệu *Moderato* với bản *Second Piano Concerto*⁽²⁾. Từ bản nhạc này anh tiếp luôn bản khác một cách liên tục và tài tình cho đến nỗi phải đến vài phân đoạn Kiều-Lam mới nhận ra được đó là đoàn khúc *Melody In F*⁽³⁾. Anh cứ tiếp tục đàn những bản quen cho nên Kiều-Lam vừa ngân nga theo rất nhỏ, chỉ đủ một mình nàng nghe, vừa lơ đãng nhìn ngọn núi Mt. Juneau sừng sững ngang tầm mắt.

Trong thoáng chốc, dáng vẻ hùng vĩ của Mt. Juneau và những ngọn núi xa xa chìm vào màn đêm; chỉ còn những vùng tuyết ẩn hiện lơ mờ trên đỉnh núi cao, từ xa trông như những áng mây không di động. Dưới xa, sát chân núi Mt. Juneau là nhà hàng và cửa hàng bán quà kỷ niệm. Du khách nhàn tản bước dọc theo những cửa hàng bán quà kỷ niệm. Kiều-Lam nghĩ, nếu không có ánh đèn từ các cửa hàng và cửa những trụ đèn đường soi rõ con đường nhựa duy nhất và bãi đậu xe nhỏ nhắn chia cách khu phố và du thuyền thì nàng khó có thể phân biệt được bên nào là biển và bên nào là núi Mt. Juneau.

Từ sau khi rời tảng băng Hubbard Glacier cho đến bây giờ, Kiều-Lam không thể nhớ được du thuyền đã len lỏi qua bao

nhiều chân núi. Nhưng không hiểu tại sao nơi chân núi này, với khu phố hẹp mang tên Juneau, nàng lại cảm thấy bồi hồi như nàng vừa đánh mất hoặc là vừa tìm lại được cái gì rất thân thương, rất gần gũi.

Trong khi Kiều-Lam chưa phân tích được tâm trạng của mình thì nàng chợt nhận ra tiếng Tây-Ban-Cầm của anh chàng *Canadian* lại chuyển sang một điệu *Tango*. Nghe quen lắm, nhưng nàng không nhớ được tựa đề của bản nhạc. Mãi đến lúc anh ngừng lên, mái tóc vàng lay động hơi dòn dập và nét mặt anh phảng phất niềm vui như nét mặt của một người vừa trở về sau một chuyến viễn du, Kiều-Lam mới nhớ ra, đó là bản *La Paloma* ⁽⁴⁾.

Bản nhạc này, khu phố hẹp và mặt nước lóng lánh ánh đèn dưới xa như gợi lại trong hồn Kiều-Lam một vùng biển xưa; nơi đó nàng đã để lại những ngày thơ ấu êm đềm, những mối tình một chiều, một mối tình câm, mà sau này vô tình nàng mới hiểu được, và chỉ mang theo được một cuộc tình nhiều đắng cay!

Những ngày thơ ấu nơi vùng biển xưa đó, cuối tuần, nhóm bạn cùng lứa thường rủ Kiều-Lam đạp xe đạp xuống một khu phố hẹp sát chân núi, bên kia con dốc nhỏ, cuối con đường sát bờ biển để ngắm những chú cá âm thầm bơi lội trong tú kính của Hải Học Viện. Nhiều khi các bạn và nàng đạp xe xuống khu phố đó không phải để ngắm cá trong Hải Học Viện mà chỉ để đi “cà-ro” dưới mấy cây bàng cần cỗi dọc theo con đường nhựa duy nhất chia cách dãy phố buồn hiu và những ghềnh đá chơ vơ của một vùng biển nghèo.

Một chiều nọ, trong lúc cùng nhóm bạn lựa mua cái kẹp bằng đồi mồi nơi cửa hàng bán quà kỷ niệm, Kiều-Lam nghe một giọng nam rất êm ái: “*Cô ơi, cô! Xin lỗi, cô làm ơn cho tôi hỏi thăm...*” Cả nhóm vội ngừng lên, vì không biết ông ấy hỏi đũa nào. Kiều-Lam nhận ra đây là một thanh niên cao, đeo kính cận, dáng vẻ rất chững chạc. Anh nhìn Kiều-Lam, tiếp: “*Có phải cô là người có tấm ảnh chung trong tú kính nơi hiệu ảnh*

Mai-Ngôn không?” Kiều-Lam thoáng bối rối, chưa biết nên nhận hay nên chối; nếu nhận thì hơi mắc cỡ mà chối thì khó quá, vì không quen nói dối. Các bạn đều biết tính nàng nhút nhát, bây giờ thấy rõ nàng đang lúng túng nên vài đứa đáp hộ: “*Đạ, nó đó. Nó đó. Nó là... thù phạm đó.*” Nói xong mấy đứa tựa vai nhau, cười một cách thích thú. Thanh niên cũng cười. Kiều-Lam chưa kịp làm mặt giận với các bạn thì bà chủ cửa hàng bán quà kỷ niệm từ ngoài bước vào. Thấy thanh niên đang cười vui với mấy cô học sinh, bà vồn vác: “*Trời, Vũ! Sao con không mời các cô ấy vào trong nhà mà chuyện trò? Ở ngoài khách khứa ồn ào lắm, con.*” Các cô nhìn nhau, không biết thối thoát bằng cách nào. Thanh niên cũng nhìn các cô rồi cười chứ chưa biết phải đáp lời Mẹ như thế nào. Xoay sang Các cô, bà tiếp, giọng rất hãnh diện: “*Con thứ hai của tôi đấy. Anh ấy học ở Saigon, thỉnh thoảng về thăm Mẹ vài hôm rồi lại trở vào Saigon học. Anh ấy hiền, ít nói mà lại chăm học lắm nên chẳng quen biết nhiều. Quen được với các cô là quý lắm đó.*” Bà quay sang Vũ, tiếp: “*Con mời các cô ấy vào trong xơi nước, đi con.*”

Vũ mời nhóm bạn của Kiều-Lam và nàng vào phòng khách, ngay sau bức rèm cửa được làm bằng giấy của những tấm vé số kiến thiết vo tròn và xâu thành chuỗi. Kiều-Lam không hiểu vô tình hay cố ý, Vũ ngồi cạnh nàng.

Sau khi mọi người tự giới thiệu, Kiều-Lam mới biết Vũ đang theo học Y-Khoa, năm thứ tư. Các bạn “láu cá” của nàng hỏi Vũ về sự khác biệt giữa đại học Saigon, Huế và Dalat; về những phân khoa nào thích hợp cho con gái; về một Saigon mà các cô luôn luôn ước mơ sẽ có ngày được đặt chân tới. Vũ giải đáp rất tường tận và từ tốn. Thấy Kiều-Lam không nói gì, Vũ hỏi: “*Còn Kiều-Lam? Sao không nói gì hết vậy?*” Vũ hỏi hơi bất ngờ khiến nàng mất bình tĩnh. Để che dấu sự mất bình tĩnh và sự nhút nhát của mình, Kiều-Lam chỉ *guitar* trong bọc vải, treo trên tường và hỏi một câu rất lạc đề: “*Ai chơi guitar vậy, anh?*” Vũ cười rất hiền hòa: “*Tôi, nhưng còn non lắm.*” Chỉ

vậy, rồi Kiều-Lam lại ngồi im để các bạn trở tài ngoại giao. Một lúc sau Vũ lại nói với Kiều-Lam: *“Từ khi gặp Kiều-Lam tôi mới biết tôi không phải là người ít nói như bà cụ của tôi thường bảo.”* Trong khi Kiều-Lam chỉ cười e thẹn thì nhóm bạn nhao nhao lên phá: *“Nó để dành hơi để hát đó.”* Vũ cười, nhìn Kiều-Lam. Nàng nhìn xuống đôi guốc Dakao màu trắng, tay vân về quai nón màu hồng nhạt.

Khi tiễn các cô ra chỗ dựng xe đạp, Vũ nói nhỏ với Kiều-Lam trong khi nàng đang loay hoay mở khóa xe: *“Ước gì tôi được nghe Kiều-Lam hát, dù chỉ một câu thôi.”* Kiều-Lam chỉ biết cười và lý nhí cảm ơn.

Trên đường về, nhóm bạn gái chia tay nhau trước Grand Hotel. Kiều-Lam đạp xe chậm chậm dọc con đường sát bờ biển để nhìn những cụm thông im lìm, để thấy lá bàng bay bay, để nghe tiếng sóng thì thào hoà với tiếng *guitar* độc tấu phát ra từ những máy khuếch đại âm thanh do đài phát thanh gắn trên mỗi cây bàng. Máy khuếch đại âm thanh này thường bị rè nên đã làm giảm đi rất nhiều giá trị nghệ thuật. Nhưng không hề gì. Đối với Kiều-Lam, lúc đó, giá trị nghệ thuật không cần thiết; nàng chỉ muốn, cùng một lúc, được nhìn lá bàng bay, được nghe tiếng sóng rì rào để tiếng Tây-Ban-Cầm-không-đổi-thủ của Phạm-Đình-Phê trong những nhạc khúc ngoại quốc, dẫn dắt hồn nàng đến những bến bờ xa xăm mà khối óc đầy mơ mộng của nàng cứ nghĩ trong đời có lẽ không bao giờ nàng có thể đến được. Không ngờ, sau khi đến được những bến bờ mà ngày xưa nàng từng mơ ước thì Kiều-Lam mới ý thức được rằng chỉ có một nơi không thể nào nàng tìm lại được, đó là bến xưa!

Vì muốn tìm lại bến xưa, Kiều-Lam đã trở về chốn cũ, nhưng không còn gì; có còn chăng là một eo biển vắng với những gốc cây bàng sần sùi cố bám rễ vào con đường nhựa lở lói trước một dãy phố lụp xụp, tiêu điều. Juneau ơi! Kiều-Lam tự nhủ, nếu Juneau có được vài cây bàng, nếu ngọn núi mà Juneau tựa lưng vào hơi nhỏ hơn một tý và nét kiến trúc của

Juneau bớt diêm dúa đi thì nàng sẽ quyến luyến Juneau biết đường nào, vì Juneau mang được nhiều nét thân thương của một bến xưa mà hồn nàng luôn luôn trân quý!

Dòng ý tưởng của nàng vừa đến đây, Kiều-Lam chợt nghe một âm điệu rất thiết tha, rất dạt dào và rồi tiếng hát hơi khàn và đục của anh chàng *Canadian*: “*Feelings, nothing more than feelings, trying to forget my feelings of love...*”⁽⁵⁾ Đây là bản nhạc nàng đã yêu cầu anh chàng *Canadian* đọc tấu ngay đêm đầu tiên khi du thuyền vừa rời hải cảng Seward. Đêm đó anh chỉ đàn. Đêm nay anh vừa đàn vừa hát. Lời ca quyến với tiếng đàn khiến hồn nàng chơi vơi trong dòng kỷ niệm ngập ngụa ưu phiền.

Tự dưng Kiều-Lam thẳng thốt nhận ra trạng thái tình cảm này dường như cũng đã đến với nàng, nhưng không nhớ vào thời điểm nào. Phải một lúc khá lâu Kiều-Lam mới nhớ được, đó là một buổi chiều chủ nhật, khi nàng đang treo máy sưởi trong nhà ươm lan. Lúc treo xong cái máy sưởi cuối cùng, trong khi nàng đang nhìn khoảng cách từ máy sưởi đến giò *Dendrobium* gần nhất để lượng định ảnh hưởng của hơi nóng từ máy sưởi đến giò lan thì chợt nghe tiếng hát trong suốt, ngọt ngào văng vẳng trong không gian im vắng: “...*Đêm nghe tiếng thờ dài. Đêm nghe những ngậm ngùi...*” Kiều-Lam đứng lặng, nhìn ra khoảng sân rộng với cõi lòng rung rúc như cõi lòng của người vợ trẻ, ngày xưa, thường lên sân thượng, nhìn về phương trời xa mong chờ bóng dáng một người...Tiếng hát của cô gái vẫn êm ái mượt mà nhưng hồn Kiều-Lam lại giao động từng hồi. Sau này vô tình nàng mới biết người hát bản nhạc đó là ca sĩ Diễm-Liên, nhưng Kiều-Lam không nhớ tựa đề của bản nhạc.

Kiều-Lam không nhớ chiều hôm đó nàng có đủ can đảm nghe Diễm-Liên hát hết bản ấy hay là nàng phải đóng cửa vườn lan để khỏi bị tiếng hát khơi lại nỗi đau xưa; nhưng bây giờ, trong trạng thái tình cảm này, nàng muốn nghe lại tiếng hát ấy

để tìm lại chút dư vị đắng cay mà nàng không hiểu nghị lực nào đã giúp nàng chịu đựng được suốt thời gian dài!

Trở về phòng, trong khi tìm *cassette*, *earphone* và những cuộn băng có Diễm-Liên hát, Kiều-Lam thầm nghĩ đến các con, dâu và rể của nàng - những người đã, không những tặng nàng vé du lịch mỗi năm mà còn sắp sẵn vào va-li những gì nàng cần và những gì nàng thích.

Vừa rời thang máy Kiều-Lam vừa nghĩ, trời lành lạnh, đi lang thang trên vùng đất mang nhiều nét thân thương của một vùng đất xưa và lắng nghe giọng ca tha thiết của Diễm-Liên sẽ là niềm thú vị vô biên. Bằng lòng với niềm vui nhỏ nhoi đó, nàng gắn *earphone* vào tai, mở nút “on” nơi *cassette* rồi cho *cassette* và hai tay vào túi áo lạnh.

Chưa kịp đặt chân lên tấm thảm đỏ dẫn ra cầu thang, Kiều-Lam nghe ai nói gì đó rồi một cánh tay lực lưỡng, màu nâu sậm, chặn nàng lại. Kiều-Lam vội lấy *earphone* ra, nhìn người đã chặn nàng: “*Xin lỗi, ông nói gì?*” Anh chàng Mỹ đen cười vui, chỉ vào cái máy kiểm soát, pha trò: “*Có lẽ bà đang thưởng thức một đoạn nhạc tuyệt vời cho nên bà quên cho thẻ an ninh của bà vào máy trước khi bà rời du thuyền.*” Không bận tâm về tính đảng trí của mình, Kiều-Lam lý nhí lời xin lỗi rồi làm theo lời nhân viên kiểm soát an ninh.

Xoay người ra cầu thang, bước ngược chiều với những du khách trở về, Kiều-Lam nghe loáng thoáng lời chúc của anh chàng kiểm soát an ninh: “*Hãy có một buổi tối tuyệt đẹp*” mà không biết anh chúc nàng và những người rời du thuyền hay anh chúc những người vừa đi bờ về.

Trong khi du khách đi dần về hướng phố thì Kiều-Lam đi dọc theo cầu tàu, nơi du thuyền đang cập, để được thanh thoi một mình, lắng hồn vào tiếng hát, lời ca.

Kiều-Lam đến bên chiếc cầu gỗ dẫn xuống bến tàu; nơi đó vài chiếc du thuyền nhỏ và mấy chiếc *canoes* đang nhấp nhô như đợt thủy triều dâng. Kiều-Lam nhìn lại hướng chiếc *Legend*

of the Seas và thấy cả vùng ánh sáng rực rỡ trên du thuyền phản chiếu trên mặt nước xanh thẫm. Tự dung nàng cảm thấy nặng nơi lồng ngực và như có điều gì rung rức trong hồn nàng! Phải một lúc sau Kiều-Lam mới nhận biết được rằng chính vùng ánh sáng trên du thuyền phản chiếu lung linh trên mặt nước đã gọi nơi hồn nàng nổi cô đơn vô tận của những đêm lang thang một mình trên bến Bạch-Đằng.

Những đêm đó, ánh đèn từ câu-lạc-bộ-nổi của Hải-Quân, từ những chiến hạm đang cập trước Bộ Tư Lệnh Hải-Quân và từ nhà hàng Mỹ-Cảnh, cũng phản chiếu lung linh trong dòng nước lặng lờ. Trong khi từng cặp từng cặp sánh bước bên nhau trên bến Bạch-Đằng thì Kiều-Lam lang thang một mình để gặm nhấm nỗi đau riêng!

Bây giờ, nỗi đau đã rơi vào trạng thái bão hòa, nhưng tiếng hát thiết tha và giọng ngân êm ái của Diễm-Liên vẫn gọi lại trong lòng Kiều-Lam nhiều nỗi xót xa: “...*Đêm từng đêm thức trắng nhớ thương cuộc tình chìm trong hoang vắng. Ôi! Tình yêu bay xa vẫn chưa phai nhòa ...*”⁽⁶⁾ Kiều-Lam không còn gì để nuối tiếc về một cuộc tình đầy giông bão ấy nữa; nhưng không hiểu tại sao khi nghe đoạn nhạc này nàng vẫn không nén được tiếng thở dài!

Kiều-Lam ngồi lên phiến đá nhỏ cạnh chiếc cầu gỗ. Trong trạng thái vô thức, nàng đưa tay mon man khóm *fireweeds* màu hồng nhạt mọc quanh phiến đá. Kiều-Lam hơi ngạc nhiên tại sao nàng có thể nhận ra màu hồng nhạt của *fireweeds* khi mà nàng đã đi xa du thuyền, xa khu phố và mấy ngọn đèn đường. Nhìn quanh, nàng cũng ngạc nhiên khi thấy được, xa xa, vùng nước xanh mà lúc sáng chiếc tàu nhỏ đưa du khách đi tìm xem cá voi, hải cẩu và gấu. Khi nhìn lên bầu trời trong vắt Kiều-Lam mới nhận ra là trăng đã lên.

Nhìn ánh trăng tự dung Kiều-Lam nhớ đến ánh trăng của đêm họp mặt tại nhà Vũ. Tối hôm đó, ánh trăng soi rõ khoảng sân rộng có cây ngọc lan và mấy cây mai tứ quý trong chầu

kiến. Vũ hái mấy đóa ngọc lan và trao tận tay nhóm bạn của Kiều-Lam. Khi Vũ đến cạnh, Kiều-Lam cũng xòe bàn tay sẵn sàng đón nhận đóa ngọc lan, nhưng Vũ không để đóa hoa vào lòng bàn tay của nàng mà Vũ lại gắn lên cái kẹp trên mái tóc nàng. Nhóm bạn hay phá phách của Kiều-Lam “ồ” lên cùng một lúc. Vũ chỉ tùm tùm cười. Kiều-Lam mắc cỡ quá, chỉ biết ngồi im, cúi mặt, cười.

Đến phần văn nghệ, nhóm bạn của Vũ đàn và hát rất sôi nổi khiến nhóm bạn của Kiều-Lam buộc nàng phải “đổi phỏ” để khỏi bị...quê! Sau khi Kiều-Lam miễn cưỡng nhận lời, mọi người bảo Vũ thiên vị khi tặng hoa, bây giờ phạt Vũ, buộc Vũ phải đàn cho Kiều-Lam hát. Vũ ôm đàn, nhìn nàng, cười cười, chờ đợi. Kiều-Lam nói nhỏ: “*Dạ, anh dạo cho Do Majeur, slow.*” Kiều-Lam cất tiếng hát bản Trăng-Lạnh của Điệp-Linh: “*Trăng lã lướt, biết bao thu mùa ru lá rụng. Chiếc lá vàng rơi trong tối mênh mang. Cùng thời gian lắng trong tiếng thu tàn. Nhớ lại chẳng đêm nào chiếc lá rơi. Người ơi! Nhẹ bước. Lạnh lùng thân chiếc lá vàng khô rơi không tiếng vang...*” Khi nghe Vũ đệm cho nàng hát Kiều-Lam mới biết Vũ là người rất thành thật khi xác nhận chàng không có ngón đàn Tây-Ban-Cầm điêu luyện. Và sau đó Kiều-Lam cũng hiểu Vũ rất thành thật khi chàng đột ngột và vụng về tỏ tình với nàng. Kiều-Lam chỉ cúi đầu, câm lặng.

Mấy mươi năm qua Kiều-Lam vẫn không hiểu nguyên nhân nào nàng câm lặng. Mười năm qua Kiều-Lam cũng vẫn không thể hiểu được tại sao nàng không yêu Vũ! Và cũng mấy mươi năm qua, không biết bao nhiêu lần Kiều-Lam đã niệm và đã nghe niệm “*Gate Gate Paragate, Parasamgate. Bodhi Svaha...*” (Hãy qua, hãy qua bên bờ bên kia...) nhưng nàng cũng không hiểu tại sao nàng vẫn mãi hoài ngụp lặn trong vũng sầu! Dù chìm ngụp trong vũng sầu, Kiều-Lam cũng không hiểu tại sao chưa bao giờ nàng hối tiếc là nàng đã câm lặng và đã không

yêu Vũ mà nàng chỉ hối tiếc là nàng đã gửi thiệp thành hôn của nàng đến cho Vũ!

Bây giờ, cả vùng không gian miền Bắc bán cầu này nhuốm lạnh trong ánh trắng mờ thì trong hồn Kiều-Lam niềm hối tiếc về hành động ngây ngô, thiếu suy nghĩ của nàng ngày xưa cũng ngập tràn! Kiều-Lam thờ dài ngẩng nhìn những phiến băng trên đỉnh Mt. Juneau lấp lánh ánh trắng.

Ánh trắng soi rõ những phiến đá dị hình chia cách những khe núi thâm u. Ánh trắng soi rõ những vạt sương mong manh ẩn hiện trong rừng thông bạc ngàn. Ánh trắng soi rõ những tòa *buildings* nơi vùng thị tứ của Juneau, ở phía xa. Ánh trắng soi rõ mặt nước xanh thẳm của Gastineau Channel. Ánh trắng soi rõ từng lượn sóng nhấp nhô quanh mấy chiếc *Canoes* và du thuyền nhỏ. Ánh trắng soi rõ bóng Kiều-Lam trải nghiêng trên khóm cỏ *fireweeds* đẫm sương. Ánh trắng cũng soi rõ niềm cô đơn trong hồn Kiều-Lam.

Kiều-Lam thoáng rùng mình, không hiểu vì lạnh hay là vì sợ hãi niềm cô đơn. Khi nàng đứng lên, muốn trở lại du thuyền để bớt lẻ loi thì giọng ca suốt mượt của Diễm-Liên đang nức nở ở đoạn: “...*Lặng lẽ đi tìm dấu em đêm dài, nhịp nào gõ hồn tôi, cơn mưa dạt dào, vỗ về. Nhiều khi, tôi tìm trong ký ức muôn phiến bóng hình ai đã tan vào cõi huyền không...*”⁽⁷⁾ Kiều-Lam lại thờ dài, nhìn bóng nàng soái dài trên nền xi-măng lạnh lẽo như nhìn vào quá khứ xa xăm để tìm xem tim nàng đã lỗi nhịp ở phân đoạn nào! Kiều-Lam bước đi, chiếc bóng cam lặng của nàng cũng bước theo; từ đó Kiều-Lam hiểu rằng dù tìm nàng phải chịu thương tổn đến ngàn nào đi nữa thì nàng cũng không thể tách rời cuộc đời còn lại của nàng ra khỏi một dĩ vãng nặng trĩu ưu phiền!

Kiều-Lam nhìn lên triền núi Mt. Juneau. Trong vùng không gian tĩnh mịch, nàng tưởng như tiếng hát mượt mà, óng chuốt của Diễm-Liên vang xa và trở nên long lanh như những giọt sương bịn rịn trên cành thông dịu dàng.

- *.- Mượn tựa nhạc phẩm Trăng-Lạnh của Điệp-Linh.
- 1.- Của G.H. Matos Rodriguez.
- 2.- Của S. Rachmaninoff
- 3.- Của A. Rubinstein.
- 4.- Của Sebastian Yradier.
- 5.- Feelings của Morris Albert
- 6.- Kỷ Niệm Buồn, cassette không ghi tên tác giả.
- 7.- Vãn Tóc Rối của Mai-Anh-Việt

Chút Tình Để Lại

Mỹ-Phượng không nhớ bắt đầu từ tuổi nào và tại sao khi tâm trí nàng hơi thành thoi một tý thì một dòng nhạc lại âm thầm reo lên trong hồn nàng. Dòng nhạc không âm thanh này buồn hay vui tùy theo hoàn cảnh và trạng thái tình cảm của nàng. Cũng có khi trạng thái tình cảm của nàng thay đổi tùy theo tiết tấu của dòng nhạc. Vì nàng không nhớ lời ca, cho nên, đôi khi ngẫu hứng, Mỹ-Phượng thường “ư hử” theo âm điệu của dòng nhạc ẩn kín trong nàng chứ ít khi nàng hát thành lời.

Vậy mà, một sáng nọ, từ khung cửa nhỏ của chiếc phản lực 747, trong khi Mỹ-Phượng lơ đãng nhìn ra xa để hồn nàng lần dò tìm lại vết tích của một cuộc tình đầy nước mắt, thì nàng lại hát thành lời - mà không cần biết mình hát đúng lời ca hay không - theo dòng nhạc tâm vắng vắng trong lòng nàng: “... *Tình ngỡ đã quên đi, nhưng tình bỗng lại về. Người ngỡ đã đi xa, nhưng người vẫn quanh đây. Ôi! Trái tim phiền muộn đã vui lại một giờ, như bờ xa nước cạn đã chìm vào cơn mưa. Khi cơn đau chưa dài thì tình như chút nắng. Khi cơn đau lên đầy thì tình đã mênh mông. Một người về đỉnh cao, một người về vực sâu, để cuộc tình chìm mau như cánh chim cuối đèo...*”⁽¹⁾ Vừa thắm thì hát đến đây Mỹ-Phượng chợt cảm thấy tâm hồn nàng chùng thấp đến độ lồng ngực của nàng nhói đau. Và nàng như muốn khóc - như ngày xưa, mỗi khi bị hành xử quá tệ bạc, phủ phàng, nàng thường ngân nga đoạn này; vì lời ca diễn đạt được phần nào hoàn cảnh và nỗi niềm của nàng, rồi nàng lặng lẽ lau nhanh những giọt nước mắt mặn đắng ưu phiền. Mỗi khi nhớ lại khoảng thời gian buồn tủi nhất của đời mình, Mỹ-Phượng tự hỏi tại sao ngày đó nàng lại dại khờ, chỉ sống, và có thể chết, vì người mình yêu mà nàng lại không chịu sống, và có thể chết, vì người yêu mình!

Mỹ-Phượng vừa tiếp tục ngân nga, tới lui cũng một đoạn đó, vừa suy nghĩ về câu tự hỏi của nàng, và vẫn không tìm được câu trả lời. Bất ngờ tiếng nhân viên phi hành thông báo trên máy khuyếch đại âm thanh cắt đứt dòng tư tưởng của nàng. Vì không muốn phải nhớ lại một thời đầy khổ lụy của mình, Mỹ-Phượng vội nhấn nút cho lưng ghế trở về vị trí thẳng đứng rồi nghiêng người nhìn ra khung cửa sổ.

Biển mênh mông. Thỉnh thoảng biển chuyển mình và muôn ngàn gợn sóng nhẹ lóng lánh dưới ánh mặt trời. Trong không gian lồng lộng giữa bầu trời trong vắt và mặt biển xanh thẳm, Mỹ-Phượng chỉ thấy một màu vàng nhạt, trong suốt, của ánh nắng mai. Và xa, xa lắm là những hải đảo màu xanh lá cây.

Giữa màu xanh lá cây của mỗi hải đảo và màu xanh thẫm của biển khơi là những viên trắng mong manh. Khi phi cơ đến gần, Mỹ-Phượng thấy những viên trắng ấy di động một cách chậm chạp, dịu dàng. Lúc phi cơ ở vào cao độ vừa phải, Mỹ-Phượng nhận ra những viên trắng đó là những lượn sóng bạc đầu đang tung tăng bên những bờ cát mịn màng. Lòng nàng cũng rộn ràng vui như những lượn sóng đang lao xao phía dưới xa.

Nhìn cảnh vật dưới xa, tự dưng một đoạn nhạc mà thân phụ của nàng đã tập cho nàng hát, từ khi Ông vừa bắt đầu dạy nàng học ký-âm-pháp, chợt reo lên trong lòng nàng. Mỹ-Phượng thậm thì hát theo dòng nhạc êm mà cũng không cần biết đúng lời ca hay không: *“Loin des fracas, sous ton gai firmament, Je viens de vivre si tendres moments. À l’ivresse de ton ciel bleu, Je viens de vivre un suprême adieu ...”* ⁽²⁾

* *

*

Từ khoảng lang cang hẹp nơi căn phòng 925 của khách sạn Pacific Beach nhìn ra bãi biển Waikiki, Mỹ-Phượng bỗng bồi hồi nhớ lại một thời tuổi nhỏ và bờ biển xưa.

Bờ biển xưa của nàng không có những thiếu nữ gọi tình bằng hai mảnh vải che hờ cùng với những thanh niên vạm vỡ đua nhau surf trên triền sóng. Bờ biển xưa của nàng không tràn ngập màu sắc rực rỡ của áo tắm, của khăn choàng và của da thịt người. Bờ biển xưa của nàng không có ngọn núi lửa Diamond Head, đang ngủ yên nơi cuối ghèn. Bờ biển xưa của nàng không có những con đường chằng chịt, len lõi giữa những khách sạn đồ sộ và cao vút. Bờ biển xưa của nàng không nằm cạnh một quân cảng đã đi vào thế giới sử bằng trận tấn công bất ngờ, đầy kinh hoàng và khốc liệt của Đô-đốc Isoroku Yamamoto. Bờ biển xưa của nàng mang nhiều tỷ vết đau thương của chiến tranh; nhưng bờ biển xưa của nàng không triền miên ập ủ dòng nước đã pha loãng bằng những giọt dầu rỉ ra từ chiến hạm USS Arizona.

Người đời đặt tên những giọt dầu đó là nước mắt đen. (Black tears)

Mỹ-Phượng không hiểu những giọt nước mắt đen đó có khiến ai ngậm ngùi hay không, nhưng nhìn hình dáng chiếc USS Arizona bất động trong dòng nước, nàng xúc động đến lặng người! Nếu từ đệ nhị thế chiến cho đến nay, thời gian và sóng nước đã tạo nên rỉ sét trên thân chiến hạm Arizona thì bây giờ sự xúc động và niềm thương cảm cũng đang gậm nhấm tâm hồn nàng đến rã rời! Quanh nàng, trong ngôi nhà tưởng niệm màu trắng, được bắt ngang thân chiến hạm Arizona, Mỹ-Phượng thấy sự xúc động cũng hiện trên nét mặt của những du khách cùng đi với nàng trên chiếc tàu nhỏ từ bờ ra đây. Không hiểu có phải ngôn ngữ của loài người sẽ làm vẩn đục những chốn trang nghiêm như nơi này hay không mà Mỹ-Phượng không nghe ai nói với ai một lời. Mọi người quanh nàng cố bước những bước hết sức dè dặt mỗi khi phải thay đổi vị trí để được nhìn đủ mọi góc cạnh của chiến hạm Arizona! Mỹ-Phượng có cảm tưởng như quanh nàng mọi vật đều lắng đọng và thời gian như ngưng lại. Mỹ-Phượng tự hỏi, có phải âm thanh sẽ làm kinh động sự linh thiêng u uất trong lòng chiến hạm, mà chính phủ Hoa-Kỳ muốn giữ nguyên hình hài và trạng thái y như trước khi chiến hạm bị tấn công, hay không?

Trong khi thăm viếng chiến hạm Arizona không thể nào Mỹ-Phượng không nghĩ đến chiếc soái-đỉnh 01, thuộc Giang-Đoàn 26 Xung-Phong, bị chìm cạnh đồn thứ 9, trong dòng kinh Trèm-Trẹm. Chiến hạm Arizona bị đối phương đánh lén từ trên không trung; chiến-đỉnh 01 bị đánh lén từ dưới lòng sông! Giữa chiến hạm Arizona và soái-đỉnh 01, kể từ sự chế tạo, sự hủy diệt, cho đến hình thể, thời điểm, địa điểm, cũng như phương cách và môi trường được xử dụng đều hoàn toàn khác nhau; nhưng, sự đau thương và niềm tiếc nhớ của mỗi nhân viên trên hai chiếc tàu đó để lại cho người thân, Mỹ-Phượng nghĩ, chắc

chấn không khác gì nhau. Mỹ-Phượng lại thở dài, đến bên khung cửa nhìn ra xa.

Mỹ-Phượng thấy, xa xa, tiềm thủy đình phé thái Bowfin Submarine cặp nơi chiếc cầu gỗ để du khách vào xem. Tiềm thủy đình Bowfin được hạ thủy đúng một năm sau khi Pearl Harbor bị tấn công, ngày 07 tháng 12 năm 1942. Chiến công oanh liệt của tiềm thủy đình Bowfin là đánh đắm 44 chiến hạm của Nhật; vì vậy, tiềm thủy đình Bowfin được tặng danh hiệu là Pearl Harbor Avenger.

Không xa chiếc cầu gỗ dẫn xuống tiềm thủy đình Pearl Harbor Avenger là Waterfront Memorial; nơi đó có những trụ xi-măng nhỏ, đặt theo hình tròn. Trên mỗi trụ xi-măng được gắn một bản đồng, khắc hình, tên, tiểu sử và những hoạt động của 52 tiềm thủy đình của Hoa-Kỳ bị đánh chìm trong trận thế chiến thứ II.

Những tài liệu và chứng tích lịch sử quanh đây khiến Mỹ-Phượng nghĩ ngợi rất nhiều nhưng không gây được ấn tượng mạnh mẽ trong lòng nàng như khi nàng nhìn lại chiến hạm Arizona.

Chiếc USS Arizona chỉ chìm khỏi mặt nước ở một độ sâu vừa phải nên mắt thường vẫn có thể thấy rõ từng ngõ ngách của một sân tàu nguyên vẹn. Mỹ-Phượng còn thấy rõ từng phiến rong rêu nhỏ xíu bám vào máy sợi cáp dọc theo thành tàu đang đong đưa nhẹ theo sự chuyển vận của dòng nước. Muốn thấy bên trong chiến hạm, Mỹ-Phượng đến khoảng giữa của ngôi nhà tưởng niệm, nhìn xuống. Nhìn khoảng không gian đen ngòm ngập nước, bỗng dưng nàng rùng mình, quay nhìn về phía sau ngôi nhà tưởng niệm, nơi có ghi đầy đủ danh vị của 1,177 sĩ quan, hạ sĩ quan và đoàn viên đã chết theo tàu! Trong sự im lặng gần như tuyệt đối này Mỹ-Phượng nghe được tiếng thở dài của chính nàng và tiếng lách tách của biển vỗ về quanh ngôi nhà tưởng niệm.

Trên chiếc tàu nhỏ đưa du khách rời ngôi nhà tưởng niệm, Mỹ-Phượng nhìn lại xác của chiến hạm Arizona với cõi lòng rung rức như khuya 29 tháng Tư năm 1975, từ Dương-Vân-Hạm H.Q.502, nàng nhìn bến Bạch-Đằng từ từ lùi lại phía xa.

Niềm xúc động cứ vẩn vương trong nàng cho đến khi chiếc tàu nhỏ cập bến. Sau khi du khách rời chiếc tàu nhỏ được một khoảng ngắn, Mỹ-Phượng thấy nhóm du khách khác vừa từ rạp xi-nê - rạp này chỉ chiếu cho du khách xem mỗi một phim tài liệu, quay cảnh thật của trận Pearl Harbor mà thôi - sắp hàng, chuẩn bị đi ra chiếc tàu nhỏ để được đưa sang viếng thăm chiếc USS Arizona. Mỹ-Phượng nghe trên máy phóng thanh lời của cựu Tổng-Thống Bush, *“Tôi không trách hận gì người Nhật về trận Trân-Châu-Cảng cả.”*

Nghe nhắc đến trận Trân-Châu-Cảng Mỹ-Phượng lại nghĩ đến chiếc Arizona. Và từ sau khi rời Pearl Harbor, hình ảnh chiến hạm Arizona cứ lẩn quẩn mãi trong trí nàng suốt đoạn đường nàng và các con đi tìm ngõ rẽ để lên National Memorial Cemetery of the Pacific, trên ngọn đồi Punchbowl.

Khi đến đoạn đường dốc để lên ngọn đồi Punchbowl, Mỹ-Phượng thấy, gần đỉnh đồi, một bức tường thật cao và rộng; trên đó tượng Nữ-Vương Hòa-Bình (Lady of Peace) được khắc nổi. Với đôi mắt trĩu nặng tình thương và khuôn mặt phúc hậu như gương mặt của Đức Phật Quán-Thế-Âm, Nữ Vương dịu dàng dang đôi tay như muốn đón nhận tất cả khổ đau của loài người. Xe càng lên cao Mỹ-Phượng càng thấy rõ, từ bức tượng, thoát ra sự dịu dàng, nhân ái và khoan hòa.

Từ bãi đậu xe, nhìn bức tượng, Mỹ-Phượng cảm thấy hồn nhẹ tênh, không còn vương chút vui, buồn, yêu, ghét, hờn, giận gì nữa cả. Nàng đi chậm chậm trên con đường chính, hai bên đường là hai hàng cây sao được cắt xén giống như dạng của những chiếc dù. Con đường này dẫn đến những bậc cấp thoải thoải theo chiều cao của ngọn đồi để đến gần bức tượng. Dù hiểu rằng chỉ cần đi chệch về hướng bắc của bức tượng, Mỹ-

Phượng có thể thấy bao quát vùng thị tứ, nàng cũng không đi tiếp.

Mỹ-Phượng không muốn đi tiếp không phải vì lười hoặc mệt mà chỉ vì, không biết bắt đầu từ bao giờ, nàng không còn tha thiết và không muốn nhập vào dòng đời phức tạp, đầy lừa đảo này nữa. Không muốn nhập vào dòng đời mà nàng lại không có căn duyên để thoát tục. Những dẫn co, trần trở trong hồn nàng rất mãnh liệt, đôi khi biến nàng thành đứa con bất hiếu; vì nàng đã giám âm thầm hờn trách thân phụ của nàng. Nhưng không âm thầm hờn trách sao được khi mà Cụ thân sinh của nàng - một giáo sư Pháp văn - sớm cho nàng hấp thụ nền văn hóa Tây-Phương và gieo vào đầu nàng tinh thần tự lập, lại đồng thời đóng khung nàng vào mớ luân lý một chiều của ông Không, ông Mạnh, ông Trang, ông Lão nào bên Tàu! Lớn lên, Mỹ-Phượng không biết nàng được nuôi trong bầu⁽³⁾ hay là nuôi trong ống⁴. Dù nuôi trong bầu hay trong ống thì tư tưởng của nàng, cũng như tư tưởng của bao thế hệ phụ nữ Việt-Nam, đã bị tạt nguyên theo hình dáng cái bầu, cái ống do mớ đạo đức nghịch lý nhập cảng từ mấy ông Tàu đó tạo nên rồi! Đã tạt nguyên thì làm thế nào người phụ nữ có thể vùng vẫy để tự cứu mình và cứu các con ra khỏi chốn tận cùng của khổ đau?

Trong khi tìm nàng mang đầy tỳ vết đau thương vì một cuộc tình đầy thống khổ, Mỹ-Phượng nhận được vài mối tình đến muộn. Mỹ-Phượng không phải là nữ tu nên lòng nàng không thể nào không rung động trước những mối tình muộn màng nhưng đầm ấm đó. Nhưng sự tạt nguyên vì hình thể của cái bầu, cái ống khiến Mỹ-Phượng cho rằng sự rung động trong tim nàng là tội lỗi! Vì sợ phạm tội, Mỹ-Phượng trở nên lạnh lùng để che dấu những đợt biến và những dẫn co dữ dội trong nàng.

Thái độ của Mỹ-Phượng khiến một trong những mối tình đến muộn cảm thấy bị tổn thương nên hỏi thẳng nàng: “*Cho đến bây giờ mà em cũng vẫn còn hy vọng rằng người ta sẽ quay lại để thương yêu em như trước sao?*” Nàng trả lời không dẫn

đo: “*Quay lại để làm gì nữa, anh? Em nghĩ, trong mọi ngõ ngách của cuộc đời, người đàn ông có thể ra đi rồi trở lại. Nhưng trong trái tim của người phụ nữ, khi người đàn ông bước ra thì lối về sẽ bị khép kín.*” Người ấy lại hỏi, “*Như vậy có nghĩa rằng em sẽ không tha thứ cho người ta, có phải không?*” Mỹ-Phượng thoáng lúng túng, muốn che giấu những điều không hay của gia đình. Nhưng cuối cùng nàng vẫn thấy nói thật dễ hơn nói dối nên nàng đáp, nửa đùa nửa thật: “*Em đi tu không được nên em không có trái tim Bồ-Tát. Và lại, đây không phải là lần thứ tư, thứ năm gì đâu anh ạ.*” Người ấy đi thẳng vào chủ đích: “*Nếu vậy thì em còn lý do nào nữa để chân chừ mà không về với anh? Anh hứa sẽ lo lắng và bảo bọc các con của em.*” Vừa khi Mỹ-Phượng cảm thấy hơi xiêu lòng trước sự thương mến và sự kiên nhẫn đợi chờ của người ấy thì mấy bức tượng vô hình của ông Khổng, ông Mạnh, ông Trang, ông Lão từ đâu ùa ra, chạy quanh như tìm kiếm, lục lọi, cố tìm cho ra cái-ý-tưởng-chưa-được-thốt-thành-lời của nàng, để mách lại thân phụ của nàng; mà nàng thì sợ ông Cụ hơn bất cứ sợ một nhân vật uy quyền nào trên hành tinh này! Lý do Mỹ-Phượng sợ ông Cụ đến như vậy không những vì nàng đã tòng phụ đến hơn hai mươi năm mà còn vì ông Cụ là thầy của nàng.

Vì sống trong hoàn cảnh không lối thoát như vậy cho nên trái tim và lý trí của Mỹ-Phượng cứ bị điên đảo quay cuồng trong sự tù quẫn như một linh hồn sa đọa cứ mãi hoài ngụp lặn trong kiếp luân hồi. Hậu quả là nhiều lần nàng muốn chối bỏ cuộc sống đầy oái ăm của nàng! Nhưng khi nhìn các con còn thơ dại, Mỹ-Phượng không đành. Rồi một lần, bao nhiêu đau thương, tủ nhục, sâu hận trong lòng nàng bỗng sôi sục vì sự khiêu khích đầy ác tâm. Ôm các con vào lòng, với ý tưởng điên rồ, Mỹ-Phượng hỏi: “*Cuộc đời của măng đã triển miên chìm trong sâu nảo và đọa đày, măng chịu không nổi nữa. Măng muốn chết. Các con có chịu chết với măng không?*” Mấy đứa con lớn im lặng, khóc. Đứa út ôm cổ nàng: “*Con chết với măng,*

mà con sợ họ bỏ con vô hòm, con ngộp thở!” Câu nói ngây thơ của đứa con út khiến Mỹ-Phượng khóc òa. Từ đó, nàng hiểu, dù cuộc đời và người đời có phũ phàng, tệ bạc và cố tình vùi dập nàng đến đâu đi nữa thì, vì các con, nàng vẫn phải sống và phải vươn lên.

Ý nghĩ này giúp Mỹ-Phượng vượt qua không biết bao nhiêu oan khiêng của người và nghiệt ngã của đời; ý nghĩ này khiến nàng thần phục phụ nữ Tây Phương, vì họ can đảm, dám chấp nhận mọi thử thách và mọi hoàn cảnh để không phải sống trong khổ lụy và tủi hờn; Mỹ-Phượng cũng cúi đầu khâm phục sức chịu đựng bền bỉ cũng như lòng hy sinh vô bờ của bao nhiêu thế hệ phụ nữ có cùng ngôn ngữ với nàng; nhưng ý nghĩ này không thể đưa nàng hòa nhập trở lại vào dòng đời; và ý nghĩ này cũng không thể giúp nàng nhìn đời một cách lạc quan.

Ý niệm về cuộc đời và người đời của Mỹ-Phượng là như vậy thì nàng còn muốn lên gần pho tượng Nữ-Vương Hòa-Bình để nhìn xuống dòng đời xuôi ngược dưới phố thị mà chi. Mỹ-Phượng dừng lại, tìm bóng mát, ngồi xuống, nhìn ngắm bức tượng trong khi các con của nàng đi tìm thăm mộ của phi-hành-gia-không-gian, Lt. Col. Ellison Onezuka, tử nạn cùng với phi-hành-đoàn ngày 28-01-1986, trên phi thuyền Challenger, chuyến STS-51L; và thăm mộ của Ernest Taylor, đặc-phái-viên-chiến-trường thời đệ nhị thế chiến.

Khi các con đi xa Mỹ-Phượng mới nhận biết rằng quanh nàng yên lặng quá! Trong sự yên lặng an bình và thoát tục này nàng nhìn quanh sườn đời được phủ kín bằng những dãy mộ bia im lìm sát mặt cỏ. Mỹ-Phượng cảm thấy đời sống thật mong manh. Mỹ-Phượng cảm nhận được rằng sự sống đáng quý biết dường nào - dù sống trong hạnh phúc, giàu sang hoặc nghèo nàn, khổ hận, tật nguyền. Nghĩ đến những bất hạnh của con người, nàng chợt nhớ đến cuộc đời đáng thương của nhà văn Claire Tomalin. Mỗi khi nghĩ đến nhà văn này, Mỹ-Phượng

thầm phục lòng can đảm, chí phấn đấu và sự hy sinh của Bà sau một cuộc tình nhảm lẫn.

Từ sự ngưỡng phục của nàng đối với hoàn cảnh của nhà văn mang hai dòng máu Pháp Anh, Claire Tomalin, từ những dãy mộ bia và từ sự im lặng thanh thoát quanh đây, Mỹ-Phượng mới hiểu được rằng, nhìn từ một khía cạnh nào đó, quả thật nàng may mắn hơn nhiều người. Trời Phật đã ban cho nàng những đứa con, dâu và rể thông minh, đỉnh ngộ và hiếu thảo. Nghĩ ngợi thêm tý nữa, Mỹ-Phượng nhận ra rằng cuộc đời đã ban cho nàng nhiều ân sủng mà vì triền miên sống trong buồn tủi, uất hờn, nàng vô tình không nhận biết. Một trong những ân sủng hiếm hoi đó là Trời Phật đã cho nàng sức khỏe và chút nghị lực tiềm tàng trong trái tim sầu héo cho nên nàng đã vượt qua những uất ức, muộn phiền để nuôi dạy các con thành thân và thành nhân.

Mỹ-Phượng vừa nghĩ đến đây, các con của nàng trở lại. Gia đình tiếp tục cuộc hành trình quanh đảo Oahu bằng đường bộ. Mẹ con cùng ngắm những triền núi thẳng đứng, đầy góc cạnh; đến những hóc núi cao để nghe gió hú từng chuỗi dài; để ngắm nhìn những chóp núi ẩn mình trong mưa phùn và mây mù phủ kín quanh năm. Gia đình cũng đến những eo biển xa, ít người tới, để thấy nhiều phiến đá xuất thạch bị nước xoi mòn, trở thành những hình thể quái dị. Xe chạy ngang đèo đồi khóm Dole. Mùa này khóm chưa có trái nên Mỹ-Phượng chỉ thấy dọc hai bên đường một màu xám xám của những bụi khóm đầy gai. Dưới ánh nắng, lớp nhựa đường ánh lên, từ xa trông giống như dòng sông nhỏ đang lượn quanh trong vườn khóm.

Khung cảnh quanh đây như gọi lại trong hồn của Mỹ-Phượng hình ảnh những dòng sông âm thầm len lỏi trong những vườn khóm rộng thênh thang ở Kiên-Hung. Ven những vườn khóm xinh tươi và những dòng sông hiền hòa đó, nếu không có âm vang kinh hoàng của thủy lôi rồi tiếng súng, máu và xác của thanh niên Việt-Nam hai miền khuấy động lòng sông thì, những

đêm trăng, cảnh sắc ở đó nên thơ, lãng mạn và quyến rũ vô cùng.

Trong khi Mỹ-Phượng nhớ về những dòng sông xưa thì các con của nàng bàn luận nho nhỏ về những nơi sẽ đi thăm vào những ngày sắp đến. Các con đã quen với những giây phút im lặng rất riêng tư của Mỹ-Phượng nên không kéo nàng vào câu chuyện. Nhưng nàng nghe “anh chàng” rề của nàng, vì liên hệ nghề nghiệp, muốn đi xem Astronomical domes, trên ngọn núi cao nhất ở Hawaii, núi Mauna Kea; và con gái của nàng muốn đến Ka Lae, the southernmost point in the United States. Thảo luận một lúc, “anh chàng” rề bảo: *“Đi đâu cũng được nhưng phải ưu tiên đưa mặng đi mua lan và những nơi mặng thích trước.”* Nghe như vậy, Mỹ-Phượng cảm thấy vui, nhìn các con, mỉm cười, tỏ ý cảm ơn rồi lại nhìn ra xa để ghi nhận những cảm xúc của nàng đối với ngoại cảnh.

Khi đến một eo biển vắng sau những khóm thông già, Mỹ-Phượng nhớ đến bãi biển Đại-Lãnh và những lần cắm trại. Trong trạng thái vô thức, Mỹ-Phượng ư hử theo những bản nhạc vui mà ngày xưa, khi đêm về, quanh ánh lửa bập bùng, nàng cùng các bạn thường đồng ca theo tiếng Tây-Ban-Cầm rộn rã và tiếng trống giả do một nam sinh dùng đôi tay đập nhẹ vào phía sau thùng đàn, tạo nên.

Tiếng trống, tiếng đàn và tiếng ca ngày xưa nghe có vẻ ngây ngô, mộc mạc; nhưng sao lúc nào lòng Mỹ-Phượng cũng tràn ngập tiếc nhớ. Nhưng khi nghe tiếng trống dồn dập, tiếng đàn chuyên nghiệp và nhìn những đôi tay điệu dàng cùng những bước chân ngập ngừng một cách điêu luyện của các nghệ sĩ nơi Polynesian Culture Center thì tại sao lòng nàng lại không gợn lên chút lưu luyến nào? Suy nghĩ một lúc Mỹ-Phượng mới hiểu rằng, nàng đi tìm dòng nhạc, tiếng ca và những điệu vũ hoang dã của người Hạ-Uy-Di thuần túy, mà trước mắt nàng lại là một sân khấu, từ kỹ thuật trang trí cho đến màu sắc, ánh sáng và âm thanh đều chịu ảnh hưởng nặng nề của Hollywood thì làm thế

nào nàng thích cho được! Tuy vậy Mỹ-Phượng vẫn nhận ra cách dàn dựng của mỗi tiết mục cũng như sự trình diễn liên tục của diễn viên đều mang tính cách phim ảnh nên rất tân kỳ, rất rục rờ và sống động.

Nghĩ đến đây Mỹ-Phượng chợt nhớ đến thân phụ. Và Mỹ-Phượng xin sám hối vì đã hơn một lần nàng âm thầm hờn trách ông Cụ. Nếu không có sự dạy bảo của thân phụ, làm thế nào Mỹ-Phượng có thể hiểu được sự uyển chuyển tuyệt vời của một tấu khúc; làm thế nào nàng biết thưởng thức một đoạn văn hay hoặc một câu thơ uớt tình; và làm thế nào nàng có đủ trình độ để phân định được giá trị của Chân-Thiện-Mỹ. Mỹ-Phượng hiểu, thân phụ của nàng giáo dục nàng theo hình thể cái bầu hoặc cái ống là chỉ với mục đích uốn nắn nàng thành một người Mẹ đức hạnh và một người vợ đảm đang, để xứng đáng với một người chồng tốt. Không thể nào thân phụ của nàng tiên đoán được rằng đời nàng lại rơi vào bế tắc vì một cuộc tình không may!

* *
*

Xe chạy dọc theo Hawaii Belt road (còn gọi là Hwy 11) thuộc thành phố Hilo, đảo Hawaii (còn gọi là Big Island). Mỹ-Phượng thấy những khóm bông giấy đủ màu, được chặt thấp để mọc xòe ra chứ không cho leo lên giàn để tạo bóng mát như bên mình. Qua khỏi vùng thị tứ, nàng thấy dọc hàng rào mỗi nhà, thiết mộc lan (corn plants), lá xanh mướt, vươn cao khỏi những cụm anthuriums lá xanh, hoa màu đỏ rực và nhụy vàng. Những loại cây này và những loại cây miền nhiệt đới cùng những ngõ ngách để rẽ vào các vườn lan trên con đường nửa quê nửa tỉnh này khiến Mỹ-Phượng nhớ đến con đường Krom thuộc thành phố Hempstead, Florida; chỉ khác một điều, đường Krom và những ngõ ngách rẽ vào các trại lan ở đó đều trải dài trên mặt phẳng; còn đường 11 và những ngõ rẽ vào các trại lan ở đây thì lượn qua nhiều con dốc nhỏ xinh xinh.

Dù tối hôm qua đã mua rất nhiều lan tại Orchid show, sáng nay, thấy những dãy lan xanh mướt được sắp theo loại và tuổi tại mỗi trại lan, Mỹ-Phượng cũng lảng xãng và trong lòng rộn ràng niềm vui thích; chẳng khác gì những lần nàng rộn ràng, lảng xãng trong những buổi lễ ra trường của các con.

Sau khi những giò lan hiếm quý được gói kỹ, cho vào thùng và đóng mộc, rồi đặt vào xe, nơi không bị ánh mặt trời chiếu vào, xe tiếp tục lăn bánh đến những trại lan mà Mỹ-Phượng thường đặt mua theo hình và giá biểu do chủ trại lan gửi đến tận nhà.

Giữa lúc Mỹ-Phượng đang hình dung lại khuôn viên nhà lan (green house) của nàng ở nhà và nghĩ xem chỗ nào thích hợp để đặt những giò lan mới này, nàng chợt thấy xa xa, trên sườn núi, nhiều cụm khói vươn lên. Những cụm khói này hình thể khác nhau nhưng cùng một màu lam nhạt; vì vậy, khi những cụm khói cao vươn khỏi màu xanh của cây rừng, màu khói tưởng như tan loãng, hòa nhập vào mây. Những cụm khói thấp gợi nơi hồn nàng hình ảnh buồn thảm của những buổi chiều sau trận chiến, ở U-Minh.

Những buổi chiều đó, khi nghe tiếng súng giao tranh phía xa thừa dằn, Mỹ-Phượng thường lên vào phòng lái, đứng trên mây thùng đạn, chồm ra, nhìn về phía còn lác đác tiếng súng để thấy khói vươn lên từng cụm nhỏ. Đó là những cụm khói của tang thương, chia lìa chứ không phải là những cụm khói đậm ăm, sum vầy tỏa ra từ mái tranh của gia đình sau một ngày đồng áng. Nhìn những cụm khói lam dịu dàng tỏa rộng trong ánh nắng hiu hắt của một ngày sắp tàn, Mỹ-Phượng liên tưởng đến những làn khói mong manh cuộn tròn rồi tỏa rộng, vươn cao từ lư hương nơi bàn thờ. Và Mỹ-Phượng tưởng như nàng nghe được tiếng nạt ghen ngào của những thiếu phụ bất hạnh và nàng cũng thấy được ánh mắt ngơ ngác của những đứa bé có liên hệ với những thân người nằm bất động trên băng-ca, đang được khiêng ra nơi đoàn tàu ủi bãi. Những lúc đó, hình ảnh Mỹ-

Phượng sợ nhất không phải là xác chết, vũ khí hoặc cơ giới mà là hình ảnh một chiếc Jeep đậu ngay trước nhà, rồi một hoặc vài sĩ quan trong quân phục thẳng tắp, bước vào nhà với nét mặt nghiêm trọng! Khi nào hình ảnh này lướt qua, Mỹ-Phượng cũng cúi đầu, niệm danh hiệu Phật Bà Quán-Thế-Âm.

Vừa nhớ đến đây Mỹ-Phượng chợt cảm thấy dường như quanh nàng không khí hơi hâm hấp nóng và mang một mùi lạ khiến nàng hơi khó thở. Mỹ-Phượng nhìn các cửa xe và thấy cửa vẫn đóng kín và máy lạnh đang hoạt động. Mỹ-Phượng ngẩng lên nhìn ra phía trước đúng lúc chiếc xe rẽ vào Hawaii Volcanoes National Park.

Mỹ-Phượng cùng các con đứng bên bờ vực của miệng núi lửa câm nín Halemaumau. Nhìn một diện tích rộng lớn bị nhận sâu xuống mặt đất và trên diện tích sần sùi đen đui ấy chỉ còn những cụm khói dật dờ chứ hoàn toàn không có sự sống, Mỹ-Phượng cảm nhận được sự vô thường của vạn vật và sự nhỏ nhoi của con người. Lúc ấy nàng mới nhận ra mùi lạ làm nàng khó thở chính là chất sulfur dioxide từ lòng đất thoát ra.

Xe chạy trên con đường hẹp quanh khu vực núi lửa. Gia đình Mỹ-Phượng ghé thăm miệng núi lửa đã ngưng hoạt động, Kilauea Iki. Vì đã nguội hẳn nên miệng núi lửa này là nơi yên ả nhiều người thích mạo hiểm để họ leo xuống, thám xét một vùng phun xuất thạch loan lổ trong một chu vi không tròn như hình thể miệng núi Halemaumau.

Qua khỏi Kilauea Iki, nhìn hai bên đường, Mỹ-Phượng hoàn toàn không thấy được sự sống giữa những khối phun xuất thạch dị hình. Là một người ít thích xem phim loại giả tưởng, vậy mà khung cảnh quanh đây khiến nàng nghĩ đến những phim đó và tưởng như nàng đang lạc vào một hành tinh lạ!

Độ cao của con đường giảm dần cùng với ánh sáng mặt trời. Trời tối hẳn. Quanh khu vực này không có đèn đường. Trong đêm đen, ánh đèn đôi của những chiếc xe cùng chiều hoặc nghịch chiều với xe của gia đình Mỹ-Phượng tạo nên một

đường sáng ngoằn ngoèo, từ xa trông như những chòm sao di động. Mỹ-Phượng và các con tìm đến Kilauea volcano, vùng núi lửa còn đang âm ỉ hoạt động.

Sau khi tìm được chỗ đậu xe, Mỹ-Phượng mới thấy quanh nàng người và xe tấp nập. Cửa xe vừa mở Mỹ-Phượng đã ho khan và cảm thấy khó thở, đồng thời mắt sưng lên và nước mắt ràn rụa. Biết Mỹ-Phượng bị bệnh di ứng hành hạ, các con bắt nàng ngồi lại trong xe, cho xe nổ máy để mở máy lạnh. Sau khi nàng trở lại trạng thái bình thường, các con mở nút “on” nơi điện thoại cầm tay của nàng, để cạnh nàng và dặn dò nàng mọi điều cần thiết rồi các con nhập vào dòng người.

Dòng người đi vội vã trong đêm đen, tiếng nói chuyện thì thầm, hơi nóng hầm hập quanh đây, một vùng rực đỏ phía xa và thỉnh thoảng ánh đèn bấm lóe lên khiến Mỹ-Phượng nghĩ đến đoàn người tản cư ngày xưa.

Ngày đó, mỗi lần Tây “nả moọc-chê”, (danh từ ngày đó thường dùng) nhiều người gồng gánh tản cư, vì nghĩ rằng thế nào Tây cũng đổ bộ. Trong những đêm tản cư như vậy, Mỹ-Phượng thường thấy xa xa một khu vực rực lửa, vì bị trúng “moọc-chê”. Đoàn người đi mà không biết đi đâu. Cứ ban đêm đi, ban ngày sợ máy bay nên trốn dưới mấy gốc cổ thụ; vài ngày thấy yên yên thì về. Nhiều khi đang đi, nghe tiếng máy bay, đoàn người ngồi thụp xuống, tắt hết mấy ngọn đèn lồng. Những lúc đó bà Ngoại của Mỹ-Phượng thường lặp lại một câu mà nàng không nhớ thân phụ của nàng đã giải thích cho Ngoại bao nhiêu lần rồi: *“Tại rằng trời tối thui thui như ri mà thằng Tây hẳn thấy đường hẳn lái tàu bay, tài rứa hè?”* Còn Mỹ-Phượng, tản cư hoài cực khổ quá, nàng chịu cực không quen nên cứ câu nhậu với ông Cụ: *“Sao Ba giỏi tiếng Tây mà Ba không chịu ở lại, gặp mấy ông Tây, xin mấy ông việc làm mà Ba tản cư chi cho cực vậy, Ba?”* Thân phụ của Mỹ-Phượng cười, xoa đầu nàng: *“Cha mà – ông Cụ thường dùng hai tiếng này để tỏ lòng thương của Ông đối với các con - Tao mà mà biểu làm việc*

cho Tây hả? Đòi nào, con!” Lúc đó Mỹ-Phượng chỉ đủ khôn để hiểu rằng ông Cụ không thích Tây, chứ nàng không ý thức được những gì ẩn dụ trong câu nói đầy tự hào của Ông.

Thời điểm đó, nếu phải tản cư, Mỹ-Phượng thích tản cư vào những đêm trăng; vì dưới ánh trăng, cảnh sắc ở thôn quê nên thơ và đẹp vô cùng. Tản cư vào những đêm mưa là một khổ nạn. Tản cư vào những đêm tối trời như đêm nay, Mỹ-Phượng nhận ra được những nét bi hùng của ánh lửa từ xa, của chút ánh sáng leo lét từ mấy chiếc đèn lồng và của tiếng nói chuyện nhỏ nhỏ, mang âm hưởng sợ sệt, lo âu, của đoàn người.

Đoàn người tản cư ngày đó trông bi hùng vì mang nặng tính cách lịch sử. Đoàn người tối nay đi tìm xem những biến động kỳ bí của thiên nhiên nên giọng nói của họ thoát ra âm hưởng rộn rã, như họ vừa nói vừa cười.

Mỹ-Phượng nhìn quanh. Trời tối đen. Mỹ-Phượng không thể phân biệt được đâu là núi, đâu là vòng chân trời và đâu là vùng phún xuất thạch khô. Trong không gian đen kịt đó, Mỹ-Phượng chỉ thấy một vệt đỏ như máu, rất lớn, di động rất chậm theo chiều ngang. Vệt đỏ như máu đó, đối với nàng, vì nhìn từ xa, không có vẻ gì hung tợn như tên gọi - hỏa-diêm-son - mà lại trông giống như một “vết thương” còn tươi. “Vết thương của đất”.

Đất phải chịu sự cọ xát đón đau ghê gớm lắm nên đất mới nở bung dữ dội để thành “vết thương” vĩ đại đến như vậy. Cuộc đời của Mỹ-Phượng chịu biết bao nhiêu cọ xát đón đau giữa trái tim khao khát yêu đương và mớ đạo đức nghịch lý của mấy ông Tàu; vậy mà vết thương của nàng cứ âm ỉ, thỉnh thoảng mới thoát ra bằng những giọt nước mắt hoặc bằng tiếng thở dài! Sự so sánh khôi hài này khiến Mỹ-Phượng nhận thức rất rõ rằng cái tôi của nàng quả thật chẳng là gì cả so với vũ trụ bao la! Cái tôi của nàng đã nhỏ bé thế kia thì nỗi đau thương trong lòng nàng cũng đâu có lớn lao gì! Vậy thì buồn khổ làm chi; nhất là

buồn khổ vì một người đàn ông đã lừa dối mình từ đầu cuộc tình cho đến cuối cuộc tình!

Ý nghĩ này giúp Mỹ-Phượng dập tắt được ngay nỗi u sầu, buồn tủi đã xâm xé tâm hồn nàng từ suốt mấy mươi năm qua. Nhờ vậy, nàng nhìn lại “vết thương của đất” với tâm trạng của một người biết cảm nhận tất cả vẻ đẹp huyền bí của thiên nhiên. Càng xa điểm khởi hành bao nhiêu, “vết máu tươi” nơi “vết thương của đất” càng xuống thấp bấy nhiêu. Nơi chỗ thấp nhất - các con của nàng kê lại - du khách có thể đứng gần để nhìn tận mắt lượng phún xuất thạch đồ thấm chảy cạnh chân mình. Khi dòng phún xuất thạch nóng này chảy ra biển, gặp nước, sẽ biến thành cát đen.

Nhắc đến cát đen Mỹ-Phượng chợt nhớ đến giải cát đen lóng lánh trong ánh nắng chiều, ở Punaluu Beach Park. Hôm ghé thăm bãi biển đó, nàng ngạc nhiên đến sửng sờ. Nàng ngồi bệt trên cát, lùa cát trong lòng bàn tay.

Hôm đó nhìn những hạt cát đen tuyền chạy qua kẽ tay, tối nay nhìn “vết thương của đất” đỏ thẫm màu máu, Mỹ-Phượng cảm nhận được sự vĩ đại và kỳ bí của Đất Trời. Lúc này, trong lòng nàng, sự xúc động về chiến hạm Arizona cũng như những ưu tư, khắc khoải về cuộc đời và những tủi buồn về một cuộc tình tàn phai đều đã lắng xuống; chỉ còn lại niềm vui thích trước những cảnh sắc hùng vĩ và thơ mộng của một quần đảo mà, từ ngày thân phụ của nàng mới tập cho nàng hát bản nhạc ngoại quốc đầu tiên, nàng đã từng mơ ước được đến một lần.

Xe chạy chậm chậm trên con đường vắng, gần biển, để trở về khách sạn Hawaii Noniloa.

Từ lang cang trước phòng 511 của khách sạn Hawaii Naniloa nhìn ra vịnh Hilo, Mỹ-Phượng thấy từng khóm thông già đang lả lơi với gió, trên một bờ biển lốm chốm đá đen. Vài chiếc du thuyền đang yên nghỉ nơi cuối ghềnh, về phía phải của khách sạn. Nơi ngọn đồi thấp, bên trái của nàng, vạn vạn ngôi nhà đã chìm vào màn đêm; chỉ còn lại một vùng ánh sáng rực

rỡ, từ xa, trông như lượng lân tinh không lồ vừa rơi xuống từ đỉnh trời, chảy xuôi theo triền đồi rồi dừng lại nơi bờ biển.

Đêm chưa khuya nhưng chung quanh hoàn toàn vắng lặng. Tâm hồn Mỹ-Phượng được vỗ về bằng lời thì thầm của sóng và tiếng vi vu của ngàn thông. Lúc đó, đoạn nhạc mà thân phụ của nàng đã tập cho nàng hát từ ngày nàng còn bé thơ lại reo lên âm thầm trong nàng. Mỹ-Phượng ca hứng hát nhỏ nhỏ, mà nàng không chắc nàng nhớ đúng lời ca; và Mỹ-Phượng cũng không hiểu tại sao nàng lại bắt đầu ngay đoạn giữa: “...*Goodbye Hawaii. Je pars aujourd’Ahui pour toujours, mais mon âme ravie. Te doit tes plus beau jours. Oh terre bénie! C’est dans ton merveilleux séjour, où tout est poésie. Que J’ai connu l’amour.*”⁽⁵⁾

Hơn nửa thế kỷ trước, một nghệ sĩ tài hoa, Tino Rossi, đã đến đây, biết được tình yêu và để lại cho đời những dòng nhạc bất tuyệt. Giờ đây, là một người bình thường, Mỹ-Phượng đến đây, tìm được niềm vui và ý nghĩa của sự sống; xin để lại nơi này chút tình yêu còn sót lại của một trái tim đã khép kín từ lâu!

1.- Tình Nhớ của Trịnh-Công-Son.

2.- Đoạn đầu của nhạc phẩm Goodbye Hawaii của Tino Rossi.

3 và 4.- Ngạn ngữ Việt-Nam “Ồ bầu thì tròn, ở ống thì dài.”

5.- Đoạn giữa và cuối của nhạc phẩm Goodbye Hawaii của Tino Rossi.

chiều trên sông Nile

ĐỂ NHỚ TUẤN

Ánh nắng chiều đã tắt nhưng tôi vẫn như cảm nhận được cái nóng hừng hực qua cung cách vén ống tay áo để lau mồ hôi trán của người tưới cỏ. Tôi lơ đãng nhìn theo vòi nước khi người tưới cỏ vừa tưới vừa bước dọc theo con đường thoai thoải cạnh hồ bơi. Khi đến bên một gốc cây, người ấy dừng lại, tay nâng ống nhựa để vòi nước chảy quanh gốc cây. Từ gốc cây, ánh mắt tôi hướng dần theo thân cây và tôi nhận ra đó là cây phượng – có nơi gọi là cây điệp. Ba mươi năm kể ngày xa quê hương, đây là lần đầu tiên tôi thấy loại cây mà trước đây tôi cứ ngỡ chỉ có quê tôi mới có.

Nhìn cây phượng sum sê, lá xanh biếc và cuối mỗi cành là một chùm hoa đỏ rực, tôi không liên tưởng đến những ngày tháng đáng yêu của tuổi học trò mà tôi lại bùi ngùi nhớ đến em tôi - Tuấn.

Tôi không nhớ Tuấn học từ ai và từ bao giờ mà Tuấn lại có ngón đàn Tây-Ban-Cầm rất nhuyễn - không thua gì tiếng Tây-Ban-Cầm của John Mayer - và nét vẽ rất lạ.

Đạo còn đi học, tôi ghét cay ghét đắng môn địa lý, nhưng khi nào thầy cô bảo vẽ bản đồ là tôi được điểm cao, vì tôi nhờ Tuấn vẽ hộ. Bao giờ cũng vậy, vẽ xong, Tuấn vẽ một đoá hoa phượng nho nhỏ bên góc phải rồi mới trao bản đồ cho tôi. Mới đầu tôi không hiểu, vội cự nự: “*Con khi! Vẽ bản đồ mà thêm hoa phượng chi vậy?*” Tuấn cười hiền hòa: “*Vậy để chị khỏi mất công viết tên của chị.*” Vỡ lẽ ra, tôi dí nhẹ ngón tay trở vào trán Tuấn...

Giữa lúc tâm trạng của tôi đang bênh bồng trong dòng hồi tưởng thì Sammy, hướng dẫn viên của công ty du lịch Globus, đến cạnh tôi, nói nhỏ:

- Bà Nguyễn, làm ơn trở lại với nhóm du khách để tôi thông báo những điều cần thiết và trao chìa khóa phòng.

Trước khi nhận chìa khóa phòng và điền mấy mẫu giấy thỏa thuận về những chuyến đi chơi riêng (excursions), tôi hỏi:

- Sammy! Cho tôi một đặc ân, được không?

Dù chưa biết tôi sẽ yêu cầu điều gì, Sammy cũng vui vẻ gật đầu. Tôi vừa nói tiếp vừa đưa ngón tay về hướng cây phượng:

- Sammy cho tôi căn phòng chỗ có cây hoa đỏ đó, được không?

- Vậy mà tôi đang lo, cứ ngại bà sẽ bảo tôi đưa bà đi xem kho tàng của vua Tutankhamon ngay bây giờ.

Cả nhóm du khách cùng cười ồ lên.

Đi ngang cây phượng, thấy trái phượng lủng lẳng trên cành, tự dưng tôi chậm bước, lòng buồn rười rượi mà không hiểu nguyên do. Sau khi vào phòng, nhìn qua cửa kính, thấy thân cây phượng vẫn gợn lên màu xam xám nhờ ánh đèn sáng rực từ khuôn viên hồ bơi, tôi mới nhận biết được nỗi buồn chợt đến trong lòng tôi là do cây phượng này gợi lại trong tôi hình ảnh cây phượng già trước ngôi nhà xưa của Ba Má tôi.

Dưới gốc phượng già đó, tôi không nhớ vào dịp nào, Ba Má và mấy chị em tôi chụp chung một tấm hình, phóng lớn, treo ngay phòng khách. Trong ảnh, mấy chị em tôi đứng sắp hàng từ lớn xuống nhỏ; Ba Má tôi đứng sau hai đứa em gái nhỏ nhất - Mai-Trâm và Trúc-Uyên. Mấy mươi năm qua tôi gần như quên bằng tấm ảnh đó; nhưng cách nay không lâu, Tuấn gửi sang tặng tôi. Thấy tấm ảnh tôi không giám nhìn lâu, vì nhiều người trong tấm ảnh ấy không còn nữa! Phía sau tấm ảnh Tuấn viết: *“Trả lại chị những ngày vui xưa”*.

Những ngày vui xưa của chị em tôi là những buổi trưa trốn ngủ trưa, lén leo lên cây phượng, hái trái, giả Les Trois

Musquetaires, chơi trò đánh kiếm. Trái nào bị gãy, chị em tôi tét vỏ ra, lấy hột ăn một cách ngon lành. Nhiều khi mê chơi, chị em tôi quên canh giờ, Ba tôi thức dậy đi làm, vậy là chị em tôi bị rầy. Chị em tôi chỉ sợ lúc đó thôi, vài hôm sau cũng lén lập lại trò chơi cũ. Trò chơi ấy cứ tiếp diễn mãi cho đến năm tôi lên trung học đệ nhị cấp mới chấm dứt.

Từ khi trở thành “cô nữ sinh đệ tam B4” tôi cứ hãnh diện ngậm, vì cho rằng tôi đã là người lớn, không còn con nít nữa. Nhưng kể từ khi vào đời, và ngay cả giờ phút trong căn phòng sang trọng của khách sạn Oberoi Mena House Garden cổ kính này, tôi cũng chỉ tha thiết ước mong được trở thành con nít một lần nữa thôi!

Lòng tôi ôm niềm ước mơ không tưởng để đợi giấc ngủ đến; nhưng tiếng hòa nhạc nơi hồ bơi khiến tôi không ngủ được. Một lúc sau, hòa lẫn với âm thanh của trống và các nhạc cụ quen thuộc khác, tôi nhận ra âm thanh của đàn rababas. Giọng hát nao nao buồn, bằng thứ ngôn ngữ rất lạ, không thể nào tôi hiểu được. Sau vài bài ca rất đặc thù của xứ Ngàn Lê Một Đêm, bắt ngờ tiếng trống lớn hơn và dồn dập hơn, rồi ban nhạc chuyển sang Rock trong những tràng pháo tay reo hò. Dù không thích nhạc Rock tôi cũng cảm thấy vui vui vì không phải nghe thêm âm thanh áo não của rababas - loại nhạc cụ có hình dáng và âm thanh tương tự như đàn cò của mình.

Tôi thật sự ngạc nhiên, không ngờ họ Rock cũng đến nơi đến chốn, không thua gì ca sĩ Việt-Nam hát nhạc Mỹ. Tôi tò mò, ngồi dậy, vén màn cửa sổ vừa nhìn vừa nghe. Giữa mỗi tiết mục họ giới thiệu bằng thổ ngữ của họ nên tôi không hiểu. Tôi chỉ nhận biết khi nghe những bản nhạc quen hoặc khi họ hát bằng Anh ngữ hay Pháp ngữ. Bỗng dưng sự nhộn nhịp bên hồ bơi hơi lắng xuống khi một thanh niên ôm Guitar đến gần micro. Anh ấy dạo phân đoạn đầu. Tôi nhận ra tiết điệu của bản Please Don't Go. Rồi anh cất tiếng hát: *“I love you. Yeah, Babe. I love you so. I want you to know that I'm going to miss your*

love...”. Tiếng đàn và giọng hát của anh không điêu luyện; nhưng tôi thích nghe, vì bản này tôi từng hát, từng đàn và từng nghe. Chính lúc này tôi mới hiểu tại sao ngày xưa, khi tôi lớn lên với Giấc Mơ Hồi Hương, Eternally, Gọi Giấc Mơ Xưa và giọng ca của Pat Boone, Elvis Presley, Paul Anka, Dalida, The Beatles, v. v. thì Ba tôi vẫn cứ Tino Rossi, Đêm Thu, Santa Lucia, Xếp Bút Nghiên, Goodbye Hawaii, v. v. Tôi chỉ “gặp” được Ba tôi ở những bản bán cổ điển của F. Liszt, N. Serradell, J. Strauss, Chopin, Franz Schubert, v. v. Còn Mozart, Beethoven, Bach, v. v. đều là “của Ba”, vì tôi không đủ trình độ để thưởng thức. Tôi nghiệm ra, đối với Ba tôi cũng như đối với tôi, âm thanh của dòng nhạc có mãnh lực đưa hồn mình trở về những ngày tháng xa xưa để mình sống với những gì đã qua và đã mất.

Vì hồn tôi mãi lang thang tìm về những gì đã qua và đã mất cho nên bản Please Don't Go dứt hồi nào tôi không hay. Anh chàng ca sĩ tài tử bên hồ bơi đang hát một bài khác, lời ca và tiết điệu nghe cũng quen lắm. *“Yesterday, all my troubles seemed so far away...”* Tôi vui mừng reo lên nho nhỏ *“Ô, Yesterday”*. Tôi ngồi lên thành cửa sổ, lắng nghe.

Theo tiếng đàn và giọng hát của anh ấy, tôi tưởng như tôi thấy lại Tuấn trong sân trường đại học Khoa-Học vào thời gian Saigon sôi sục, đầu thập niên 70. Trong khi những sinh viên có khả năng văn nghệ khác thường đàn và hát nhạc Trịnh-Công-Son cho hợp thời trang hoặc là họ muốn bộc lộ tư tưởng của họ thì Tuấn chỉ Come Back To Sorrento, Yesterday, Only You, v. v. Tôi thường góp ý với Tuấn: *“Trong không khí như vậy Tuấn chỉ nên hát những bản vui như Qué Será Será, Tous Les Garçons Et Les Filles, Technique, Marina, v. v. Còn những bản tình cảm êm dịu hát nơi những chỗ đó phí đi”*. Tuấn chỉ cười. Sau đó không hiểu tại sân trường đại học Tuấn có thay đổi hay không, nhưng mỗi khi ngồi trên sân thượng nhà tôi, đàn và hát một mình, Tuấn cũng chỉ hát A Certain Smile, Unchained

Melody, Vaya Condios, v. v. Nhiều đêm ngủ không được, tôi trần trọc lắng nghe tiếng hát chơi vui lạc lõng của Tuấn mà tưởng như Tuấn hát cho tôi và hát cho cuộc tình lạc lối của tôi. Đôi khi tiếng đàn và giọng ca của Tuấn ru tôi vào giấc ngủ lơ lơi. Lắm khi tiếng đàn và giọng ca của Tuấn làm tôi buồn quá nên tôi cũng lên sân thượng hát nghêu ngao với Tuấn. Nhưng cũng không biết bao nhiêu lần tiếng đàn và tiếng ca của chị em tôi phải nghẹn ngào đứt đoạn do giọng như nhựa lú lười vì rượu vang lên cùng với dáng đi khệnh khạng từ dưới lầu đi lên: *“Biểu... đẹp woài...mà sao tối ngày cứ... đờn địch...ca hát. Đờn ca...có té ra... đờng xu...cứt nào không?...Im... đi... để... tôi ngủ...”* Những lúc đó tôi xót xa nhận ra rằng nhà tôi không có chỗ cho âm nhạc và văn học nghệ thuật mà lại là nơi dung chứa hầu hết những đòi hỏi của cuộc sống. Tôi không thể làm gì để thay đổi, vì tôi trót được giáo dục theo nền “đạo lý thánh hiền(!)”, để “xuất giá tòng phu” và “phu xướng phụ tùy”!

Để xua đuổi những ý tưởng không vui vừa chợt đến, tôi mở cửa, ra lang cang ngồi vào chiếc ghế mây. Tiếng nhạc và quan khách bên hồ bơi đã “biến đi” tự lúc nào. Cái nóng hừng hực của buổi chiều không còn nữa. Trời dịu dịu, mát mẻ. Nhìn quanh, tôi thấy vùng không gian xanh tươi của sân vườn đầm mình trong ánh trăng non. Và, tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy ba kim tự tháp Cheops, Khafre và Khufu hiện rõ trong tầm nhìn của tôi. Tôi phải chớp mắt nhiều lần để tự xác định là tôi không mơ. Tôi cứ nhìn mãi nhìn hoài một trong những kỳ quang của thế giới mà tôi không biết tôi nghĩ gì. Lâu lắm tôi mới nhớ đến phim Cleopatra do Liz Taylor và Richard Burton thủ vai chính. Trong phim này kim tự tháp trông tráng lệ và nguy nga cho đến nỗi tôi say mê, tôi mơ ước. Giờ đây, được thấy tận mắt, sự say mê, niềm mơ ước trong tôi còn lớn hơn bội phần; vì, dưới ánh trăng non, những khối đá khổng lồ được chồng chất lên nhau rất mỹ thuật để chôn giấu xác thân và tài sản của người xưa trông hùng vĩ và kỳ bí lạ lùng.

Sáng sớm hôm sau, trước khi đưa chúng tôi đến kim tự tháp Cheops, Sammy đưa chúng tôi viếng Sphinx và rap hát giữa trời. Sphinx tôi thấy ảnh hoài nên chẳng lạ gì. Nhưng những gì bên trong kim tự tháp - do ấn tượng từ phim ảnh để lại - mới hấp dẫn, mới lôi cuốn, mới làm cho tôi nôn nao.

Sau một đoạn đường ngắn khá vất vả để đi sâu vào lòng kim tự tháp Cheops, tôi chỉ thấy đá và đá. Đá chồng lên nhau. Đá tựa vào nhau. Đá gắn bó nhau từ mấy ngàn năm qua. Cuối cùng là một khoảng không gian hơi rộng, tôi thấy một hố nhỏ trông hổng - cũng được đục trong đá - giống như hình thẻ quan tài! Sự nôn nao, rộn ràng trong tôi không còn nữa. Nhưng tôi lại hy vọng hai kim tự tháp Khafre và Khufu sẽ thỏa mãn sự mơ ước của tôi nên tôi hỏi Sammy:

- Hai kim tự tháp kia có gì khác hơn tháp Cheops này không, Sammy?

Như thấy được sự thất vọng trên nét mặt của tôi, Sammy cười, lắc đầu:

- Không. Một hãng phim ở Hollywood đang chế tạo một người máy rất nhỏ, để đưa người máy đó vào bên trong kim tự tháp quay phim. Những gì các bạn thấy lúc này chưa hẳn là bên trong.

Ngoài ba kim tự tháp lớn, tôi còn thấy vài kim tự tháp nhỏ. Sammy giải thích đó là tháp của các hoàng tử và công chúa. Mọi người đều lộ vẻ thất vọng, không ai muốn “chui” vào bất cứ kim tự tháp nào nữa cả.

Niềm thất vọng này càng sâu đậm hơn khi chiếc buýt đưa chúng tôi ra khỏi thành phố Cairo. Nếu ở Cairo tôi thấy được sự hòa nhập uyển chuyển giữa nền văn minh cổ và nền văn minh Âu Mỹ hiện đại thì dọc hai bên đường này, ngoài những cao ốc sạch sẽ và tươm tất của cơ quan chính phủ hay cơ sở thương mại, tôi chỉ thấy sự nghèo nàn và dơ bẩn của không biết bao nhiêu đồ án được xây cất dở dang. Tôi tò mò hỏi Sammy. Sammy cầm micro giải thích cho cả nhóm cùng nghe:

- Luật của nước tôi, nếu ngôi nhà chưa hoàn tất thì chủ ngôi nhà đó chưa phải đóng thuế cho chính phủ; vì vậy, hầu hết nhà cửa ở đây, có khi đã qua mấy thế hệ sinh sống trong đó và họ có tiền xây thêm một, hai, ba tầng lầu nữa nhưng họ vẫn cứ để vật dụng phế thải tro ra đó, chứng tỏ là nhà xây chưa xong để khỏi bị đóng thuế.

Một du khách khác hỏi Sammy về tình trạng du lịch ở Ai-cập ngay sau biến cố 9-11 tại Hoa-Kỳ. Sammy buồn bã lắc đầu:

- Tê liệt! Tê liệt hoàn toàn!

Ngưng một chốc, Sammy tiếp:

- Hai ngôi đền mà chúng ta sắp viếng thăm trong khoảng 30 phút tới đây chịu ảnh hưởng nặng nhất. Mọi cổng và lối đi dẫn vào đền đều khóa chặt. Tường và sân đầy rong rêu. Ngôi đền mà hơn năm mươi du khách bị sát hại cách nay mấy năm cũng cùng chung số phận. Không khí ẩm đăm, chết chóc bao quanh những ngôi đền cho đến khi chính phủ vận dụng mọi nỗ lực trong việc kiểm soát an ninh để chinh phục sự tin tưởng của du khách.

Câu cuối của Sammy khiến tôi nhận ra vai trò của một thanh niên mang súng lục, ăn mặc lịch sự, ngồi ngay cửa của chiếc buýt.

Trên đường đến những nơi dày dặc thăm tôi thấy cây chà là (date-palms) oằn trái. Trái gần chín, màu vàng. Trái chín màu đỏ thẫm. Nhiều nơi họ đào sâu dưới lòng đá để trồng chà là. Xe chạy ngang những “hầm” như vậy tôi chỉ thấy ngọn của cây chà là chứ không thấy được trái.

Xe chạy ngang một khu vực mà lối kiến trúc trông rất kỳ dị. Tầng khối xi-măng hình bán nguyệt, tương tự nhau, chụm lên những ngôi nhà rất thấp. Những ngôi nhà này tuy khác nhau về diện tích, nhưng dường như cùng xây theo một mô thức và rất sát nhau. Tôi lại hỏi Sammy. Sammy lại giải thích qua máy khuếch đại âm thanh:

- Đây là thành phố của người chết (The city of the deaths). Đó là mộ của những người giàu. Gia đình họ thuê người từ dưới quê lên giữ mộ, giá rẻ hơn thuê người thành phố. Một cách kín đáo, người giữ mộ lên đem từng người trong gia đình từ dưới quê lên sống trong nhà mồ. Lâu dần họ tìm cách hợp thức hóa bằng hóa đơn điện, nước, rồi họ được sống tại đó.

Tôi thở dài. Hoàn cảnh của những gia đình này thật đáng thương; nhưng ít ra cuối cùng gia đình họ cũng được sống tại nơi họ chọn lựa. Còn gia đình tôi, sau khi Ba và các em trai của tôi vào tù và tài sản “được” nhà nước quản lý, Má tôi và các em gái của tôi phải “tình nguyện” đi kinh tế mới. Đời sống tại kinh tế mới cơ cực quá, chịu không nổi, Má tôi phải lên đưa các em gái tôi chui rúc nhiều nơi, kể cả nghĩa trang, để mong tìm đường trở về thành phố; nhưng lần nào cũng bị công an khu vực bắt, lừa về lại kinh tế mới! Mai-Trâm và Trúc-Uyên không chịu được sự tủ nhục, sự đói khát và sự cơ cực, đành xin thuốc giết chuột của người láng giềng, cùng kết liễu cuộc sống!

Khi nào chợt nhớ đến sự sa sút thảm hại của gia đình, tôi cũng không còn cảm thấy thích thú gì trong cuộc đời này nữa. Vì vậy, suốt thời gian viếng thăm các ngôi đền và bảo tàng viện, tôi ngồi lại trong xe.

Người tài xế mở radio, đài nào tôi không biết, nhưng xướng ngôn bằng Anh ngữ và rồi một giọng nữ, tôi không nhận ra giọng của ca sĩ mà tôi lại nhận ra đó là bản Unbreak My Heart. Tôi hỏi ông tài xế:

- Ở đây nhiều người nghe nhạc Mỹ không?

Ông ấy cười:

- Nhiều. Nhiều lắm. Đa số là người trẻ. Không những họ nghe mà họ còn đàn và hát nhạc Mỹ nữa kìa.

- Thảo nào tối hôm qua tôi nghe ban nhạc chơi nhạc Mỹ tại *pool party*, nơi hồ bơi.

Ông cãi chính:

- Đó không phải là *pool party* mà là đám cưới. Đám cưới nhà giàu.

Tôi cảm thấy tiếc là tối hôm qua đã không biết để ra nhìn xem cô dâu ăn mặc như thế nào. Quanh đây, tôi thấy đàn ông mặc áo thụng (Burka) màu xám hoặc màu nâu, nếu họ không choàng khăn lên đầu thì, nhìn từ xa, trông họ như những vị tu sĩ Phật-Giáo; phụ nữ, trẻ cũng như già, đều mặc áo thụng, trùm khăn che đầu và che mặt (Hijab), đa số dùng màu đen, trông họ giống như các vị nữ tu trong nhà Dòng. Vài cô nữ sinh mặc Jeans, áo chèn như bên Mỹ, nhưng lại trùm đầu, chỉ chừa mặt thôi. Da mặt của phụ nữ hơi đậm chứ không đen như da mặt đàn ông.

Trong tất cả những nơi tôi đã đi qua kể từ sau khi rời phi trường quốc tế Cairo, tôi chưa hề thấy một hành khất nào cả. Nhưng sau khi rời khách sạn Elephantine Island Resort tại Aswan để du ngoạn bằng *felucca* đến đảo Kitchener Island, tôi thấy vài em bé trai, mỗi cậu một chiếc thuyền nhỏ, (thuyền được ghép lại bằng ba tấm kim loại, sơn phết rất lòe loẹt) vừa chèo theo *felucca* của du khách, vừa hát bài Clementine để xin tiền. Loại thuyền nhỏ này tôi cũng thấy dân cư dọc theo bờ sông Nile sử dụng để đi câu, đi gỡ lưới hoặc làm phương tiện di chuyển dọc bờ sông.

Sông Nile! Dòng sông mà Tuấn đã nắn nét vẽ lên bản đồ cho tôi ngày xưa, giờ đây không gây được cho tôi chút ấn tượng sâu đậm nào cả! Dọc hai bên bờ sông, tôi thấy những mái nhà lụp xụp ẩn mình dưới bóng cây chà là và cây dừa nước. Phía sau những vùng dân cư không đông đúc đó là một vùng đá thấp và cát, hoàn toàn không có cây cỏ. Vùng đá thấp và cát này kéo rộng ra một đoạn khá xa thì “đụng” phải hai bờ đá cao. Trên hai bờ đá cao đó tôi chỉ thấy triệu triệu đường nứt nẻ chứ tôi không thấy được dấu vết của sự sống.

Sự nghèo khó quanh đây khiến tôi nghĩ đến người dân quê trên đất nước tôi. Trong ý nghĩ của tôi, người dân quê nơi xứ tôi

nghèo nhưng còn thấy được mầm sống và sự tươi mát của cây rừng, của đồng ruộng. Còn nơi đây, ngoài những khóm cây thưa thớt dọc bờ sông Nile tôi chỉ thấy đá và đá. Đá tầng tầng lớp lớp kéo dài đến vô tận. Nếu nơi đây một năm mưa hai lần thì người dân sẽ hoảng hốt, không hiểu nguyên nhân nào gây ra “hiện tượng” lạ lùng đó!

Trong giải sa mạc rực nắng và thiếu mưa, chúng tôi leo hết bậc cấp này đến phiến đá nọ để tìm xem đền đài và những ngôi mộ cổ. Đến bất cứ đâu tôi cũng thấy những hình tượng được tạc bằng đá và những nét vẽ rất lạ được khắc vào đá. Tôi không thể vào sâu trong mộ vì diện tích bên trong rất hẹp, ít dưỡng khí trong khi bên ngoài trời nóng như thiêu như đốt.

Đến Edfu, trong khi “đi bờ” (danh từ của Hải-quân, có nghĩa là rời tàu hoặc rời đơn vị để đi phố), tôi thấy người dân địa phương dùng loại xe được đóng bằng gỗ, không mui, do ngựa hoặc lừa kéo. Xe lừa được phụ nữ dùng để chở rau cải, hàng hóa. Thấy cảnh phụ nữ mặc áo rộng, trùm khăn, che kín từ đầu đến chân, ngồi hai chân một bên, vắt vẻo trên xe, tay cầm cương, thúc con lừa đi, tôi không biết tôi nghĩ gì!

Tôi cũng thấy tận mắt những con lạc đà da khô như vỏ cây nhưng mắt thì hắt hiu buồn. Đối với tôi, trong nhiều sinh vật mà tôi từng thấy, chưa có sinh vật nào mang ánh mắt buồn bã và đáng vẻ khắc khổ, chịu đựng như lạc đà.

Không hiểu tại sao dáng vẻ khắc khổ và chịu đựng của mấy chú lạc đà lại khiến tôi nhớ đến Tuấn. Trong lần tôi trở về quê sau hơn hai mươi năm xa cách, tôi không nhận ra Tuấn. Tuổi đời của Tuấn chỉ hơn 40, nhưng thân người khô đét và khuôn mặt cằn cõi trông Tuấn như ông già 70! Bao nhiêu bất hạnh và tủi nhục được Tuấn giấu kín trong đôi mắt hắt hiu. Tôi đau lòng, không biết mở đầu câu thăm hỏi như thế nào. Khi Tuấn bung tàn thuốc ra cửa xe tôi mới thấy ngón tay trỏ của Tuấn bị mất hết một đốt. Tôi hỏi. Với ánh mắt thật buồn, Tuấn im lặng, nhìn ra xa...

Không bao giờ tôi ngờ được rằng tôi đã hỏi Tuấn một câu hết như câu mà Má tôi đã hỏi Tuấn vào đầu năm 1976, khi Tuấn thì thậm chí Má tôi biết rằng Tuấn sẽ vượt biên bằng đường bộ. Má tôi thoáng giật mình, nhưng vội trấn tĩnh ngay: “Ồ, con đi được thì đi đi.” Giọng Tuấn ngại ngùng: “Hai đứa em vừa mới mất, bây giờ con lại đi, bỏ Má với mấy đứa em nhỏ lại con cũng không đành.” Má tôi xoa tay: “Không. Má với mấy em không sao đâu. Con cứ đi đi. Con ở lại rồi họ cũng bắt con đi lính sang chiến trường Cao-Miên chứ con có ở gần Má được đâu, con.” Má tôi lần trong thắt lưng lấy tất cả vốn liếng của mấy mẹ con - khoảng hơn 50 đồng - dúi vào tay Tuấn. Tuấn nắm tay Má tôi, để trọn số tiền đó vào lại trong tay Má tôi. Sự va chạm này khiến Má tôi nhận ra sự biến dạng nơi ngón tay trở của Tuấn. Má tôi kinh ngạc, hỏi. Giọng Tuấn buồn buồn: “Những người vượt biên đường bộ, nhờ bị bắt họ thường bị ghép vào tội theo phục quốc, có ý đồ chống lại nhà nước. Vì vậy, con chặt bỏ móng tay trở để, nhờ bị bắt, họ biết con không có khả năng sử dụng súng, họ sẽ không ghép con vào tội chống phá cách mạng, thì tội của con sẽ nhẹ và con sẽ không ở tù lâu.”

Ước tính của Tuấn là như vậy. Nhưng khi bị bắt tại Nật-Luông, họ đưa thẳng Tuấn vào giam tại nhà tù ở núi Sam bốn năm, không cần ghép vào tội danh nào cả.

Suốt bốn năm tù, không biết bao nhiêu lần Tuấn hối tiếc vì nhớ lại buổi chiều cuối cùng tôi gặp Tuấn tại nhà Thọ, người bạn thân của Tuấn, cùng học tại trường trung học Nguyễn-Trãi cho đến đại học Khoa-Học. Tôi bảo Tuấn về nhà tôi, nhờ có gì thì đi trốn pháo kích với gia đình tôi. Tuấn có vẻ suy nghĩ, chưa vội trả lời thì Thọ nói: “Chị Hai à, đi làm chi. Tụi Mỹ nó đã bỏ miền Nam này rồi thì mình có đáng gì để nó phải bận tâm mà chị đi theo tụi nó?” Tôi nổi giận: “Tại sao Thọ biết tôi theo tụi Mỹ?” Thọ chỉ tay ra đường: “Chị nhìn ra đường xem, bao nhiêu người đều đổ xô xuống bến Bạch-Đằng. Nếu chị đi thì chị cũng sẽ như vậy thôi, có lựa chọn nào khác cho chị không?”

Tôi đành im. Tuấn chậm rãi giải thích: “Em không ưa thằng Mỹ, em cũng chẳng thích thằng Tàu, thằng Nga. Em chỉ muốn đất nước mình là của mình, không bóng dáng thằng ngoại quốc nào hết.” Tôi nén giận: “Hãy thực tế đi, Tuấn. Đất nước này không dựa vào thằng này thì cũng phải dựa vào thằng khác. Chị, thà theo cái thằng mà mình biết nó vẫn mình, nó giỏi hơn mình để tìm tương lai, hơn là theo cái thằng láng giềng hiếu chiến, cứ chờ cơ hội là đô hộ nước mình, rồi đem mớ luân lý tào lao áp đặt lên đầu đàn bà con gái.” Thọ xen vào: “Thôi, chị Hai. Tuấn cũng lớn rồi. Để từ từ em với Tuấn bàn lại.” Tôi nhìn Tuấn, dịu giọng: “Muốn bàn luận gì thì về nhà chị mà bàn, đi, Tuấn.” Tuấn hơi xiêu lòng thì Thọ lại lên tiếng: “Chị về trước đi. Em chờ nó theo chị ngay.” Tôi nhìn Tuấn, chờ đợi. Tuấn lặp lại ý của Thọ. Tôi tin lời Tuấn. Nhưng khuya đó, lúc gia đình tôi rời nhà, vẫn không thấy Tuấn về, tôi khóc, vì biết Tuấn bị tuyên truyền.

Ngày đó tôi khóc vì thương thằng em nhẹ dạ, bị lừa. Ở trong tù, mỗi khi ban quảng giáo bắt Tuấn đàn, tập cho cả trại cùng hát, Tuấn khóc thảm, vì sự bất khiển dụng của ngón tay trở nơi bàn tay phải khiến Tuấn vụng về khi búng giây đàn; và cũng vì Tuấn nhớ lại cảm giác rờn rợn khi thằng bạn dùng cái rựa, bảo Tuấn kê ngón tay trở lên thanh gỗ, nhắm mắt lại để nó chặt. Một tiếng “phùm” khô khan, đốt ngón tay lặn trên đất, máu tươi tuôn rờn rờn...

Tôi vừa nhớ đến đây chợt tiếng Sammy vang lên, cắt đứt dòng ý tưởng của tôi:

- Ai cần mua nước chai thì mua bây giờ; bởi vì mình về đến tàu là tàu nhỏ neo đi Luxor ngay. Tôi xin nhắc lại, quý vị không nên đánh răng, súc miệng bằng nước máy trên tàu.

Đến Luxor, cũng dưới ánh nắng và sức nóng như trong lò hầm than, Sammy thu xếp cho du khách đi thăm thành phố bằng xe ngựa. Cứ ba du khách ngồi chung một xe.

Tiếng “loc cóc” do móng ngựa chạm vào mặt đường như khơi giậy trong lòng tôi dòng âm thanh xưa, trên những chuyến xe ngựa từ Nhatrang đi Thành, đi Cầu-Đá hoặc Tháp-Bà, Hòn-Chông. Ôi, những chuyến xe ngựa của tuổi thơ!

Trong khi mọi người vui cười rời xe ngựa, đi vào xem chợ Trời thì tôi vẫn ngồi yên, không muốn rời xe; vì tôi hoang tưởng, nghĩ rằng, mơ ước rằng chuyến xe ngựa này là chuyến xe ngựa tuổi thơ của tôi!

Khi mọi người trở lại, tôi tưởng hai người cùng xe với tôi sẽ bước lên chiếc “xe ngựa tuổi thơ” của tôi, nhưng không, Sammy bảo tất cả du khách chuyển sang xe buýt.

Chiếc buýt chạy khá xa nhưng tôi vẫn quay lui để nhìn lại một lần cuối chiếc “xe ngựa tuổi thơ” của tôi.

Khi cùng nhóm du khách đi thăm đền đài và mộ của những ông hoàng bà chúa thuộc về một nền văn minh đã tàn lụn, lòng tôi cũng còn vang vọng tiếng vó ngựa gõ nhẹ và đều trên những con đường xưa.

Trong ý nghĩ của tôi, những con đường xưa và những chuyến “xe ngựa tuổi thơ” của tôi có sự sống - ít ra là trong hồn tôi. Còn quanh khu vực giành cho du khách thăm viếng, tôi chỉ thấy, ngoài nhóm công an mặc sắc phục, còn tất cả là đá. Núi đá, phiến đá, ghehnh đá, tượng đá, hốc đá, viên đá và đá vụn chứ tôi không thấy được bất cứ một sinh vật hay thực vật nào khác.

Khi ngồi trốn nắng nơi hốc đá ở Queen Hatshepsut’s monumental rock temple, tôi chợt nghĩ, các em tôi chết trẻ, tôi không biết mồ mà như thế nào, vậy mà suốt mấy ngày qua tôi lại lặn lội đi tìm xem mộ của những người đã chết từ bao nhiêu ngàn năm trước! Ý nghĩ này làm lòng tôi buồn đến héo hon.

Trở lại tàu, tôi lên thẳng sân thượng, tìm nơi khuất lấp, ngồi một mình. Nhìn những áng mây đỏ rực cuối trời xa, tôi lại nhớ Tuấn. Tôi nhớ đến lần Tuấn báo cho tôi biết, khi nhận vẽ bảng hiệu cho công ty xuất cảng cá tôm sang Hoa-Kỳ, bất ngờ Tuấn gặp lại Thọ, là giám đốc công ty này. Thọ cần một người có khả

năng để giao dịch, mua và kiểm soát thực phẩm cho cá tôm ăn. Vậy là Tuấn không phải lang thang vẽ bảng hiệu để kiếm sống nữa. Tôi mừng cho Tuấn và cũng mừng cho tình bạn giữa Tuấn và Thọ.

Cách nay mấy tuần, Tuấn điện thoại, khuyên tôi không nên mua cá tôm nhập cảng từ Việt-Nam; vì họ lấy gà vịt bị bệnh dịch đem về chế biến ra thực phẩm cho cá tôm ăn. Tôi ngạc nhiên, báo chí Việt-Nam đăng tải là chính quyền Việt-Nam đã ra lệnh thiêu hủy tất cả gia cầm nghi ngờ có mầm bệnh rồi mà. Tuấn cười, họ đốt lấy lệ, để báo chí chụp hình cho bà con tin thôi, rồi họ lấp hồ tại đó. Đến tối, cũng chính nhóm người ấy trở lại, đào lên, đem về, lựa con nào kha khá bán cho nhà hàng; con nào tẻ, bán cho mấy công ty xuất cảng tôm càng, cá tra để được chế biến thành thức ăn nuôi tôm cá. Tôi lo sợ: *“Tuấn cẩn thận. Điện thoại không phải chỉ có một mình cậu với tôi nghe đâu.”* Tuấn tự tin: *“Bây giờ dễ thờ rồi, không phải như hồi trước đâu. Và lại mình đâu có nói đến chính trị. Thêm nữa, công an trưởng khu vực này là bồ nhà mà, chị. Đố chị biết ai đó?”* Tôi không đoán được. Tuấn đáp: *“Công an trưởng khu vực là thằng Lực, con của bà Ba Giàu ngày xưa giúp việc cho Má đó. Chị nhớ bà Ba Giàu không?”* Rất nhanh, tôi hình dung ra nhân dáng phúc hậu của bà Ba Giàu, nhà ở Rọc-Rau-Muống. Ông Ba Giàu làm nghề đập xích lô. Hằng tháng, đến ngày Má tôi phát lương cho bà Ba Giàu, ông Ba Giàu chở thằng Lực trên xích-lô, đến nhà tôi nhận tiền. Tôi đó thế nào ông Ba Giàu cũng “nhậu” mấy “xì” để, rồi “xin”, thằng Lực phải chạy bộ qua nhà Ba Má tôi, gọi bà Ba Giàu về cạo gió cho Ba nó. Tôi hỏi thăm ông bà Ba Giàu. Tuấn bảo ông Ba Giàu chết sau ngày “giải phóng” vài tháng; bà Ba Giàu chết trước Má tôi vài năm. Tôi thăm phục Lực là người có tình, vì vẫn còn nghĩ đến các em tôi như người thân. Tôi không hiểu làm thế nào Lực “ngon lành” như vậy, nhưng tôi hơi yên lòng, vì các em tôi ở kinh tế mới có “chút thể lực(!)” cũng đỡ.

Tôi chỉ yên lòng được vài hôm thì Lộc, vợ của Tuấn, gọi sang, báo cho biết Tuấn bị công an khu vực gọi đến trụ sở “làm việc” rồi bị tổng giam. Tôi hoảng hốt: “*Tại sao? Tội gì?*” Lộc khóc rờn: “*Làm sao em biết được, chị Hai.*” Tôi chợt nghĩ đến Lục: “*Lộc tìm Lục xem Lục có giúp gì được không?*” Lộc nức nở: “*Dạ rồi. Anh Lục nói do trên chỉ thị thì ảnh thi hành chứ ảnh không biết tội danh. Nhưng anh Lục hứa là ảnh sẽ cố giúp nếu em có điều kiện...*” Tôi ngại nên cắt lời, không để Lộc nói hết câu: “*Đừng nói nữa. Chị hiểu rồi.*” Tôi gửi ngay về cho Lộc một số tiền kha khá.

* *
*

Nhìn vào màn ảnh điện thoại di động, nhận ra số của Lục, Thọ bấm nút, hỏi: “*Sao, Lục?*” Lục than: “*Chuyện thằng Tuấn bây giờ anh tính như thế nào? Giữ nó mấy ngày rồi mà không có hồ sơ, không có chứng cứ tội phạm gì cả, tôi phải hành xử làm sao đây?*” Thọ đáp: “*Tại sao lại không chứng cứ? Nó điện thoại, bảo người nước ngoài đừng mua hàng xuất cảng của Việt-Nam, như vậy là phá hoại nền kinh tế của nhà nước chứ tại sao lại không có chứng cứ?*” Lục, sau khi nhận tiền của Lộc, muốn thả Tuấn để “ôm” trọn số tiền, nhưng không giám, đành tìm cách thuyết phục Thọ; vì Thọ là người đã báo cáo và đề nghị công an phải có biện pháp mạnh để trừng trị Tuấn, sau khi Thọ nghe nguồn tin “mật” về cuộc điện đàm giữa Tuấn và người nước ngoài. Bây giờ nghe giọng điệu của Thọ, Lục ngại sự việc có thể gặp khó khăn nếu Thọ không thay đổi thái độ. Lục nghĩ chàng nên nói cho Thọ biết về một phần - Lục giấu phần còn lại để hưởng một mình - số tiền chị của Tuấn gửi về lo cho Tuấn. Thọ tham tiền, sẽ không gây trở ngại khi Lục thả Tuấn. Nhưng Lục không giám nói qua điện thoại, đành nói xa xôi: “*Anh Thọ à, anh nhớ chị của thằng Tuấn không? Vợ thằng Tuấn nói anh biết bà mà.*” Thọ không ngạc nhiên: “*Có. Có biết. Nghe thằng Tuấn nói bà ở Mỹ, phải không?*” Lục cười: “*Đúng*

rồi. Bà gửi lời thăm anh. Anh rảnh, xet ngang tôi chơi. Anh em mình đi uống cà-phê, nói chuyện?” Thọ ngầm hiểu.

Tuấn hiền lành, lại điển trai hơn Thọ, và có tý văn nghệ nên được nhiều người quý mến. Thọ không mặc cảm về những điều đó; nhưng Thọ lại khó chịu và cảm thấy bất an khi sếp lớn của Thọ nhiều lần ngỏ lời khen ngợi Tuấn. Thọ ngại Thọ sẽ mất chức về tay Tuấn. Thọ tìm nhiều cơ hội đề nghị sếp lớn cho Tuấn nghỉ việc, nhưng sếp lớn bảo ông ta cần những người như Tuấn. Đến khi một người bạn của Thọ và Tuấn, trong khi chờ giùm Tuấn về nhà, người này nghe cuộc điện đàm giữa Tuấn và người nước ngoài, về mách lại Thọ thì Thọ có lý do và cơ hội “loại” Tuấn ra khỏi công ty. Thọ kín đáo báo cáo qua công an. Tuấn vào tù mà Tuấn không hề nghi ngờ Thọ.

Gặp Lực, Thọ thỏa thuận nhận số tiền do Lực trao rồi hai người tiếp tục ăn uống no say. Lúc bắt tay từ giã Lực, giọng Thọ nhừa nhựa vì rượu: *“Cứ thả lỏng Tuấn đi, tao có cách khác ngoạn mục hơn nhiều.”*

Sau khi Tuấn được thả, Thọ đến tận nhà thăm và rủ Tuấn đi ăn mừng. Tuấn vui vẻ nhận lời, không nghi ngờ gì cả.

Những chi tiết này về sau tôi mới được biết. Còn khi tôi đang kiểm soát lại lần cuối những thứ lật vật để sáng hôm sau ra phi trường, khởi hành chuyến du lịch này thì tôi nhận được điện thoại từ Việt-Nam.

Vừa áp ống nghe vào tai, tôi hoảng hốt khi nghe tiếng khóc bù lu bù loa của nhiều người. Tôi không biết ai ở đầu giây bên kia nên cứ *“Allo. Allo”*. Mãi một lúc sau Lộc mới tức tưởi gào lên: *“Chị Hai...oi!...”* Tôi linh cảm được điều bất an nên hét lên trong điện thoại: *“Cái gì thì ráng bình tĩnh mà nói.”* Lộc cũng chỉ lặp lại: *“Chị...Hai oi!”* rồi thôi. Tôi hoàn toàn mất bình tĩnh: *“Cái gì? Nói đi.”* Giọng Lộc đứt đoạn: *“Đạ...Anh Tuấn được thả về...trưa hôm qua...Chiều... hôm qua... anh Thọ...hu hu...anh Thọ đến... rủ anh Tuấn đi...hu hu... ăn mừng... Tối...anh Thọ chở... anh Tuấn về...Sau khi anh...anh Thọ về... được một chút...”*

thì...hu hu...anh Tuấn dẫy dựa,...ói mửa, hu hu...đi cầu tại chỗ rồi... ảnh hu hu...không nói được! Thân người của ảnh...bắt đầu tím dần...Hu hu...” Tôi run lấy bầy: “Em thấy Tuấn có bị say rượu không?” Lộc lại khóc lớn hơn: “Đa...không. Anh Tuấn...có bao giờ...hu hu... uống... rượu đâu... mà say, hu hu.. chị ơi...! Trời...oi...” Tôi vẫn chưa tin những gì tôi nghe: “Rồi sao?” Lộc kể lể: “Mẹ con em hu hu...đem anh Tuấn... lên bệnh xá. Hu hu.. Ông y tá...bắt mạch, hu hu... bảo anh Tuấn bị trúng độc, hu hu...lạm...quá rồi... không rửa ruột được...Mẹ con em...đem ảnh về...hu hu...chưa tới nhà thì...ảnh c...h...é é é...t!...” Tôi lạnh toát người, đứng trơ, không khóc được – và cũng không thể đình hoãn chuyến đi này để ở nhà khóc em!

Hôm đó tôi không khóc được. Nhưng giây phút trên sân thượng của chiếc du thuyền nhỏ neo bên bờ sông Nile, tôi âm thầm lấy khăn giấy thấm nhanh những giọt nước mắt muộn màng!

Những áng mây rực rỡ lúc nãy không còn nữa, nhưng niềm thương nhớ Tuấn cứ còn đọng mãi trong lòng tôi. Nhìn về hướng mặt trời lặn, tôi không biết chính xác mặt trời có lặn về phía quê tôi hay không; nhưng tôi biết, trên giải đất đầy oan khiêng và khổ nạn đó, Tuấn không phải là người đầu tiên và Tuấn cũng chẳng phải là người cuối cùng đã chết vì tính dễ tin, lòng thành thật và sự thẳng thắn của mình!

Nhìn ra xa, trong ánh hoàng hôn, dòng nước trong mát của sông Nile vẫn lặng lẽ xuôi ra biển; nhưng hồn tôi lại vượt không gian tìm về chốn xưa; nơi đó, cũng như trong lòng tôi, tiếng hát của Tuấn lúc nào cũng chơi vui, lạc lõng, buồn buồn.

Tôi thương nhớ Tuấn như thương nhớ gốc phượng già trước ngôi nhà xưa của Ba Má tôi; như thương nhớ một phần đời thơ ấu của tôi; như thương nhớ tiếng đàn của tôi; như thương nhớ những buổi tối hai chị em cùng hát nghêu ngao trên sân thượng nhà tôi. “*Yesterday, all my troubles seemed so far away. Now it looks as though they're here to stay....*”.⁽¹⁾

Troubles are here to stay mà Tuấn thì đã *far away*, đã vút cao, cao hơn tất cả những nghịch lý, những hèn mọn, những đau thương, những uất hờn và thù hận trong cuộc sống này! “...*Oh, yesterday came suddenly...*”.⁽²⁾

1 và 2 .-Yesterday, The Beatle.

Điệp Mỹ Linh